

Patrick Süskind

Mùi Hương

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net/>

Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

MUC LUC

[Phần 1 - Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)

[Chương 21](#)

[Chương 22](#)

[Phần 2 - Chương 23](#)

[Chương 24](#)

[Chương 25](#)

[Chương 26](#)

[Chương 27](#)

[Chương 28](#)

[Chương 29](#)

[Chương 30](#)

[Chương 31](#)

[Chương 32](#)

[Chương 33](#)

[Chương 34](#)

[Phần 3 - Chương 35](#)

[Chương 36](#)

[Chương 37](#)

[Chương 38](#)

[Chương 39](#)

[Chương 40](#)

[Chương 41](#)

[Chương 42](#)

[Chương 43](#)

[Chương 44](#)

[Chương 45](#)

[Chương 46](#)

[Chương 47](#)

[Chương 48](#)

[Chương 49](#)

[Chương 50](#)

[Phần 4 - Chương 51](#)

[Giới thiệu tác giả](#)

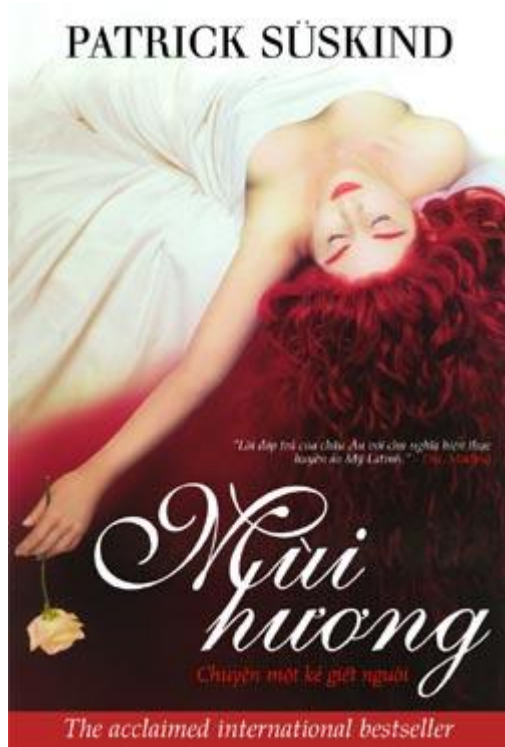
Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Phần 1 - Chương 1

Nguyên tác: Das Parfum



Vào thế kỷ 18, ở nước Pháp có một gã thuộc loại thiên tài nhưng cũng đáng ghê tởm nhất của thời đại không hiếm những nhân vật thiên tài và đầy kinh tởm. Cuộc đời gã được thuật lại ở đây. Gã tên là Jean-Baptiste Grenouille, nếu mà tên tuổi của gã nay bị rơi vào lãng quên, chứ không như những tên tuổi thiên tài kinh tởm khác kiểu De Sade, Saint Just, Fouché, Bonaparte v...v..., thì nhất định không phải vì Grenouille kém những kẻ đòi bại nổi tiếng ở trên ở tính kiêu ngạo, coi rẻ con người, vô đạo đức, nói gọn là bất kể Thượng Đế, mà chỉ bởi thiên tài và khát vọng duy nhất của gã giới hạn trong một lãnh vực không để lại dấu vết nào trong lịch sử cả: đó là vương quốc phù du của hương thơm.

Vào cái thời mà chúng ta đang nói tới ấy thì các thành phố bị bao phủ bởi một thứ mùi hôi mà con người vẫn minh ngày nay không thể hình dung nổi. Đường xá hôi mùi phân, sân sau hôi mùi nước tiểu, cầu thang hôi mùi gỗ mủn và phân chuột, bếp hôi mùi bắp cải thối và mỡ cừu, những căn phòng đọng khí hôi mùi bụi lưu cữu, buồng ngủ hôi mùi khăn giường nhờn nhớt, mùi nệm nhồi lông ẩm ướt và mùi ngọt hăng của bô nước tiểu. Ống khói hôi mùi lưu huỳnh, lò thuộc da hôi mùi dung dịch kiềm, lò mổ hôi mùi máu đông. Người hôi mùi mồ hôi và áo quần lâu không giặt, miệng hôi mùi răng sâu, từ bao tử toả ra mùi hành và khi cơ thể không còn trẻ trung nữa thì hôi mùi pho mát oi, mùi sữa chua và mùi ung nhọt. Sông hôi, quảng trường hôi, nhà thờ hôi, gầm cầu hôi mà cung điện cũng hôi. Người nông dân cũng hôi như vị linh mục, gã học việc cũng hôi như vợ người thợ cả, toàn giới

quý tộc hôi, phải, ngay cả đức vua cũng hôi như một con thú dữ, còn hoàng hậu hôi như một con dê già, mùa hè cũng như mùa đông. Bởi vì vào thế kỷ 18 những hoạt động phân huỷ của vi khuẩn không gặp cản trở nào, cho nên không có hoạt động nào của con người, dù là xây dựng hay huỷ hoại, không biểu lộ nào của mầm sống hay sự tàn lụi lại không đi kèm với mùi hôi.

Tất nhiên Paris hôi nhất vì Paris là thành phố lớn nhất nước Pháp. Tại Paris lại có một nơi đặc biệt hôi khủng khiếp, nằm giữa Rue aux Fers và Rue de la Ferronnerie, đó là Cimetère des Innocents^[1] Suốt tám trăm năm người ta mang đến đây những người chết từ nhà thương Hôtel Dieu^[2] và từ các họ đạo chung quanh; suốt tám trăm năm, ngày ngày xác của hàng tá người được chở đến bằng xe kéo, đổ xuống những muống dài, suốt tám trăm năm xương chông lên thành lớp trong những nhà mồ ấy. Chỉ sau này, ngay trước Cách mạng Pháp, sau khi một vài cái muống ấy sụp và mùi hôi của cái nghĩa trang chật ních ấy buộc cư dân quanh vùng không chỉ phản đối suông mà còn thật sự nổi loạn thì nghĩa trang ấy mới bị đóng cửa và giải toả. Cả triệu xương và sọ được đào lên, đem về hầm mộ ở Montmartre. Trên bãi đất đó người ta xây lên một cái chợ bán thực phẩm. Chính nơi đây, cái nơi hôi thối nhất toàn vương quốc, Jean Baptiste Grenouille đã ra đời ngày 17 tháng Tám năm 1738. Đó là một ngày nóng bức nhất trong năm. Hơi nóng trùm lên nghĩa trang như chì, đồn cái mùi của dưa tây thối lẫn mùi hôi như của sừng súc vật bị đốt sang các khu lân cận. Khi trở dạ, mẹ của Grenouille đang đánh vẩy cá tại sạp trên Rue aux Fers chỗ cá mà chị ta đã moi ruột. Những con cá chị ta khoe rằng vừa mới bắt được từ sông Seine hôi sáng đã hôi hơn cả mùi xác chết. Mẹ của Grenouille chẳng nghĩ được mùi cá lẫn mùi xác chết vì mũi chị ta đã mất cảm giác với mùi hôi, hơn nữa bụng đang đau đến tê liệt cả mọi cảm giác. Chị ta chỉ muốn hết đau, muốn xong cho lẹ cái việc sinh nở gớm ghiếc. Đây là lần thứ năm chị ta sinh nở. Mấy lần trước cũng đều ở cái sạp cá này. Toàn là chết hoặc ngất ngoài cả vì cái khối thịt nhớp nháp máu ấy không khác đồng ruột cá nằm kia bao nhiêu và cũng chẳng sống thêm được mấy vì chiều đến tất cả sẽ bị hót đi, kéo sang nghĩa trang hoặc tống xuống sông. Hôm nay cũng sẽ thế thôi. Mẹ của Grenouille còn trẻ, mới chừng hai lăm, xinh xắn, còn khá nhiều răng trong miệng và tóc trên đầu, ngoài bệnh thống phong và giang mai, cũng như lao nhẹ chị ta không mắc bệnh nặng nào khác; chị ta còn hy vọng sống lâu thêm năm hoặc mười năm, và biết đâu chẳng lập gia đình thành bà vợ đàng hoàng của một thợ thủ công góa vợ hoặc đại loại như thế rồi có con theo đúng nghĩa... Mẹ của Grenouille ước chi mọi sự xong cho lẹ. Đến lúc phải rặn, chị ta ngồi xồm dưới bàn làm cá, để ở đấy như bốn lần trước và cắt rốn cái sinh vật mới đẻ bằng con dao làm cá. Rồi thì vì cái nóng và vì mùi hôi, thật ra chị ta chẳng nghĩ thấy gì cả mà chỉ cảm thấy cái gì đấy khó chịu, làm hôn mê như ở trên một cánh đồng hoa huệ tây hay ở trong một căn phòng hẹp có quá nhiều hoa thủy tiên, chị ta ngất đi, ngã vật sang một bên, tuột từ gâm bàn xuống đường, nằm lẩn ra đó, tay còn nắm con dao.

Thiên hạ nhón nháo, la hét, bu lại, người ngó lom lom, người đi gọi cảnh sát. Người đàn bà với con

dao trên tay vẫn nằm trên đường nhưng đã tỉnh dần.

“Chuyện gì xảy đến với chị ta vậy?”

“Chẳng có gì cả”.

“Chị ta làm gì với con dao?”

“Chẳng thấy làm gì hết”.

“Máu trên váy chị ta ở đâu ra vậy?”

“Máu cá đậy mà”.

Chị ta đứng dậy, quăng con dao rồi bỏ đi rửa ráy.

Thình lình, đứa trẻ sơ sinh dưới gầm bàn ré lên. Người ta tìm quanh và thấy đứa nhỏ đầy ruồi bu nằm lẫn trong đám lông nhầy ruột và đầu cá, bèn lôi nó ra. Đứa bé được giao cho một người vú còn bà mẹ thì bị bắt giữ. Bởi vì chị ta thú nhận và khai là cũng sẽ để nó chết như bốn lần trước, chị ta bị kết án về tội nhiều lần giết trẻ sơ sinh và ít tuần sau bị chặt đầu tại Place de Grève.

Cho tới lúc này đứa trẻ đã đổi vú nuôi ba lần. Không bà nào chịu giữ quá vài ngày. Nó háu ăn quá, bú bằng hai trẻ thường, lấy hết phần sữa của trẻ khác làm bà vú mất phương tiện mưu sinh vì nếu chỉ nuôi có một đứa thì không đủ sống. Viên sĩ quan cảnh sát, một ông La Fosse nào đấy, nản quá nên định đem cho nó đến nơi tạm cư giữ trẻ mồ côi và vô thừa nhận ở tận Rue Saint-Antoine, từ đây ngày ngày chúng sẽ được chở đến trại mồ côi của nhà nước ở Rouen. Chúng được phu khuân vác thò trong giỏ, để tiết kiệm, trong mỗi giỏ nhét tới bốn đứa, vì thế mà số bị chết trên đường đi hết sức cao, vì lý do đó, phu khuân vác buộc chỉ được chở những đứa bé đã được rửa tội và những đứa có phiếu chuyên chở hợp lệ, giấy này phải được đóng dấu nhận ở Rouen. Vì thằng nhỏ Grenouille chưa được rửa tội và cũng chưa có tên để ghi trong phiếu chuyên chở như quy định, hơn nữa vì cảnh sát không quen bỏ một đứa bé trước cổng nơi tạm cư một cách lén lút, dù đó là cách duy nhất gỡ được bao nhiêu thứ giấy tờ... do một loạt những trở ngại về thủ tục hẳn sẽ xảy ra khi tổng nó đi, ngoài ra vì cấp bách, viên sĩ quan cảnh sát Le Fosse rút lại quyết định ban đầu và ra chỉ thị giao thằng nhỏ cho bất kỳ một tổ chức nào đó của nhà thờ, lấy giấy biên nhận, để người ta rửa tội cho nó và quyết định số phận của nó. Người ta trao nó cho tu viện Saint-Merri ở Rue Saint-Martin, Nó được rửa tội và đặt tên Jean-Baptiste. Và vì hôm ấy cha bề trên vui vẻ và trong quỹ còn khá tiền nên đứa nhỏ không bị gửi đi Rouen mà được tu viện đài thọ nuôi. Vì thế nó được giao cho chị vú Jeanne Bussie ở Rue Saint-Denis, tạm thời với ba quan tiền công mỗi tuần.

Chú thích :

[1] Nghĩa trang dành cho người nghèo

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 2

Ít tuần sau chị vú Jeanne Bussie, tay xách giỏ, đứng trước cổng tu viện và nói với cha Terrier ra mở cổng – cha đầu hói, chừng năm mươi tuổi và thoang thoang mùi dấm – “Đây!” rồi đặt giỏ xuống ngưỡng cửa.

“Cái gì vậy?” cha Terrier hỏi và cúi xuống giỏ nghĩ vì nghĩ trong ấy có gì ăn được.

“Thằng lợn giống của cái mụ giết con ở Rue aux Fers!”

Ông cha khều ngón tay trong giỏ và lộ ra mặt đũa bé đang ngủ.

“Trông mạnh hê. Hồng hào và bụ bẫm ghê”.

“Vì nó bú hết sữa của tôi đấy. Bú kiệt đến tận xương. Đẹp. Bây giờ các người tự nuôi nó với sữa dê, bột, nước củ cải. Cái gì nó cũng ngón cả. Đồ lợn giống!”

Cha Terrier là một người vô tư. Ông phụ trách quỹ từ thiện của tu viện, phát chẩn cho người nghèo túng. Và ông chờ đợi người ta cảm ơn chứ đừng quấy rầy tiếp. Ông không ưa những chi tiết vì chi tiết luôn luôn có nghĩa là rắc rối mà rắc rối có nghĩa là xáo trộn sự vô tư của ông và ông không chịu được. Ông bực mình vì đã ra mở cổng. Ông muốn cái con mụ này xách giỏ lên ,đi về nhà với ba cái chuyện bú mớm của mụ và để cho ông được yên. Ông từ từ đứng dậy, hít thật sâu mùi thơm của sữa và mùi len ngầy ngậy toả ra từ chị vú. Thật là một mùi dễ chịu.

“Tôi không hiểu chị muốn gì. Tôi thật sự không hiểu chị nói gì. Tôi chỉ có thể hình dung rằng sẽ không hại gì cho thằng bé nếu nó còn được chị ôm ấp ít lâu nữa”.

“Nó thì không”, chị vú gắt “nhưng mà tôi! Tôi đã sụt mất năm ký dù rằng đã ăn gấp ba. Để được gì cơ chứ? Được ba quan một tuần!”

“À, ra thế” cha Terrier nhẹ người đi một chút “Tôi hiểu rồi, lại vì tiền”.

“Không” chị vú đáp.

“Lại còn không nữa. Lúc nào cũng chỉ vì tiền mà thôi. Người ta gõ cổng nơi này chỉ vì tiền. Tôi mong có được một lần ra mở cổng gặp một người đến vì chuyện khác. Chẳng hạn một người mang đến một chút quan tâm dưới dạng trái cây hay vài trái hồ đào. Mùa thu thật có thể mang đến lắm chứ. Hoa chẳng hạn. Hoặc một người đến chỉ để vui vẻ nói “Lạy Chúa phù hộ, cha Terrier, chúc cha khoẻ!” Nhưng chắc chẳng bao giờ tôi được gặp thế. Không phải một gã ăn xin thì cũng một tay lái buôn, nếu không phải lái buôn thì là một tay thợ thủ công, nếu hấn không xin bố thí thì thế nào cũng

xì ra giấy đòi tiền. Tôi thật không dám ra đường nữa. Tôi mà ra thì đi chưa được ba bước đã bị bọn người cần tiền bu quanh”.

“Tôi không đòi tiền” chị vú nói.

“Nhưng tôi nói cho chị biết, chị không phải là người vú duy nhất trong họ đạo. Có cả trăm bà vú hạng nhất sẵn sàng vì ba quan một tuần giành nhau cho thằng bé dễ thương này bú hoặc đồ bột, nước cốt hay thứ thực phẩm nào đó...”

“Thì cha cứ giao nó cho một người trong bọn họ”.

“...Mặt khác, đẩy một đứa bé cho một người khác là không nên. Ai mà biết nó có hợp với sữa người khác như với sữa chị hay không. Chị phải hiểu rằng nó đã quen hơi với chị và nhịp tim của chị”.

Rồi một lần nữa ông hít thật sâu cái hơi ấm tuôn ra từ người chị vú và tiếp, sau khi nhận thấy những điều vừa nói không có tác dụng gì.

“Mang đứa bé về đi! Tôi sẽ thừa với cha bề trên. Tôi sẽ đề nghị với Bề trên rồi đây sẽ trả chị bốn quan một tuần”.

“Không!” chị vú khăng khăng.

“Thôi được: năm!”

“Không”.

“Thế chị muốn bao nhiêu?” cha Terrier quát “Năm quan là khối tiền cho cái việc vất là nuôi một đứa nhỏ!”

“Tôi chẳng cần gì đến tiền” chị vú nói “Tôi chỉ muốn cái quân lợn giống này xéo khỏi nhà tôi”.

“Nhưng vì sao mới được chứ, cái nhà chị này?” Cha Terrier nói và chọc ngón tay vào cái giỏ “Nó thật là một đứa nhỏ hết sức dễ thương. Hồng hào, không khóc, ngủ ngon và đã được rửa tội.”

“Nó bị quỷ ám.”

Cha Terrier vội vàng rút tay ra khỏi giỏ.

“Vô lý! Tuyệt đối không thể có chuyện một đứa còn đang bú bị quỷ ám. Trẻ sơ sinh chưa phải là người, mới chỉ là dạng tiền con người và chưa có linh hồn trọn vẹn. Do đó quỷ đâu có thèm. Nó đã nói được chưa? Nó co giật chẳng? Nó di chuyển đồ đạc trong phòng chẳng? Hay là nó hôi kinh khiếp?”

“Nó chẳng có mùi gì cả” chị vú đáp.

“Thấy chưa, đó là dấu hiệu rõ ràng. Nếu bị quỷ ám thì nó phải bốc mùi hôi”.

Và để trấn an chị vú cũng như để tỏ lòng can đảm, cha Terrier nhấc cái giỏ lên sát mũi.

“Tôi chẳng nghĩ thấy gì khác thường cả” ông nói sau khi đánh hơi một lúc “Đúng là chẳng có gì khác thường. Ấy, hình như có mùi từ tã.” Ông nói và chìa cái giỏ về phía chị vú để chờ xác nhận.

“Ý tôi không phải như thế.” Chị vú gắt, đẩy cái giỏ ra. “Tôi đâu có muốn nói về cái thứ trong tã. Tất nhiên là phân nó có mùi chứ. Chính nó, chính cái thằng lợn giống cơ, mới không có mùi.”

“Vì nó khoẻ mạnh,” cha Terrier to tiếng “chính vì nó khoẻ nên mới không có mùi. Chi lũ trẻ đau yếu mới có mùi. Điều này ai cũng biết. Ai cũng biết một đứa bị đậu mùa có mùi phân ngựa, đứa bị tinh hồng nhiệt có mùi táo thối, đứa bị lao có mùi hành. Đứa nhỏ này khoẻ mạnh, chỉ có thể. Chả lẽ nó phải hôi à? Thế lũ con của chị có hôi không?”

“Không.” Chị vú đáp “Lũ con tôi có mùi như những đứa con khác của người bình thường.”

Cha Terrier cẩn thận đặt cái giỏ xuống đất vì ông thấy con giận dữ của cái mục ngoan cố này đang trào lên. Biết đâu ông lại chẳng phải dùng hai tay để làm điệu bộ khi tiếp tục cuộc tranh luận và đứa bé sẽ bị vạ lây. Nhưng tạm thời ông vất tay ra sau lưng, hướng cái bụng lép kẹp về phía chị vú rồi hỏi gặng “Chị dám bảo rằng biết một đứa bé con của người, tôi nhắc lại, cũng đồng thời là con của Chúa một khi nó đã được rửa tội, có mùi như thế nào à?”

“Đúng thế” chị vú đáp.

“Chị còn khẳng khẳng rằng nếu đứa nhỏ không có mùi giống như chị nghĩ – chị, vú nuôi Jeanne Bussie ở Rue Saint-Denis! – thì nó là con nuôi của quý?”

Ông kéo tay trái ra khỏi lưng rồi giơ ngón tay trở khum khum như một dấu hỏi trước mặt chị vú, răn đe. Chị vú suy nghĩ. Thật là xui vì cuộc nói chuyện bỗng dừng biến thành buổi cật vấn về thần học, mà chị hẳn chỉ có thua thôi.

“Tôi đâu muốn nói vậy” chị tránh né. “Vụ này có dính đến quý hay không thì tự cha xét lấy, cha Terrier ạ, chứ tôi đâu có nhiệm vụ ấy. Tôi chỉ biết có một điều thôi, tôi rợn người trước thằng bé này vì nó không có mùi như những trẻ con khác.”

“À há” cha Terrier hài lòng và lại vất tay ra sau lưng. “Cái vụ quý kia coi như đã xong. Thế là tốt. Nhưng mà chị vui lòng cho tôi biết, một đứa bé sơ sinh có mùi gì khi nó phải có cái mùi giống như chị nghĩ? Thế nào?”

“Nó thơm” chị vú đáp.

“Thế nào là thơm?” Cha Terrier to tiếng “Thiếu gì thứ thơm. Bó hoa oải hương thơm. Thịt để nấu súp thơm. Vườn ả rập thơm. Còn đứa bé sơ sinh có mùi ra sao? Đó là điều tôi muốn biết?”

Chị vú ngần ngừ. Chị biết trẻ sơ sinh có mùi gì chứ. Chị biết quá đi chứ...chị đã từng nuôi cả tá đứa, sẵn sóc, đứa vồng, hôn hít...ban đêm chị còn có thể tìm ra chúng bằng mùi nữa kia, vì rằng ngay lúc này đây mùi trẻ sơ sinh thật rõ trong mũi chị. Nhưng mà chị chưa bao giờ diễn tả bằng lời.

“Sao?” cha Terrier quát và sốt ruột nhắm móng tay.

“Ồ...” chị vú bắt đầu “Thật không dễ nói vì...vì không phải chỗ nào mùi chúng cũng giống nhau, dù rằng chỗ nào cũng thơm cả, cha hiểu không. Chân chẳng hạn có mùi của viên đá nhẵn ảm...không, giống mùi sữa đông hơn...hoặc như bơ, bơ tươi, đúng rồi, như mùi bơ tươi. Minh chúng như mùi...bánh kếp nhúng sữa. Và ở đầu, trên nữa, phía sau cơ, chỗ có cái xoáy ấy, đây này, cha thấy chưa, đấy, chỗ mà cha chẳng còn tóc ấy...” Và chị gõ lên đầu cha Terrier đang á khẩu mất một lúc

bởi cái tràng chi tiết vớ vẩn nọ và ngoan ngoãn cúi đầu, nơi bị sói "...đấy, ngay chỗ này, chúng thơm nhất. Chúng thơm mùi kẹo caramen, cái thứ kẹo có mùi ngọt, tuyệt lắm cha ạ, cha không hình dung được đâu! Khi được ngửi chỗ đó rồi thì sẽ yêu chúng, dù là con ruột hay con người dung. Và trẻ nhỏ chỉ có thể có mùi như thế chứ không thể khác được. Và khi mà chúng không có mùi như thế, khi mà trên đầu chẳng có mùi gì, còn thua cả không khí lạnh như thằng đó, thằng lộn giống đó thì...Cha muốn giải thích như thế nào thì tùy cha chứ tôi..." và chị ta khoanh tay trước ngực với vẻ kiên quyết, ném một cái nhìn kinh tởm vào cái giỏ ở dưới chân như thể trong ấy toàn cóc nhái "tôi, Jeanne Bussie, sẽ không đem thứ đó về nhà nữa đâu."

Cha Terrier từ từ ngẩng đầu lên và lấy ngón tay vuốt vào chỗ đầu sói đôi ba lần như thể cho tóc được ngay ngắn rồi làm như vô tình đặt ngón tay lên mũi, ngửi một cách đắm chiêu.

"Như kẹo caramen à..." Ông hỏi và cố lấy giọng nghiêm nghị "Caramen! Chị có biết cái gì về caramen? Chị đã từng ăn chưa?"

"Thật ra thì chưa" chị vú đáp "Nhưng có lần tôi tới một khách sạn ở Rue Saint-Honoré và được xem làm từ đường nấu chảy và kem như thế nào. Nó thơm đến nỗi tôi vẫn không quên".

"Hừm, thôi đủ rồi" cha Terrier nói và kéo ngón tay ra khỏi mũi. "Giờ thì chị im đi cho. Tiếp tục trao đổi với chị ở mức độ này thì mệt quá sức. Tôi nhận thấy chị từ chối việc tiếp tục nuôi đứa trẻ sơ sinh Jean-Baptiste Grenouille vì bất cứ lý do nào đó và trao lại nó cho người bảo hộ tạm thời là tu viện Saint-Merri. Tôi hết sức tiếc nhưng không thể thay đổi được. Thôi được, chị về đi!"

Nói xong ông xách cái giỏ, hít thêm hơi cái làn sữa ấm thoang thoảng rồi đóng cổng, vào phòng làm việc của ông.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 3

Chương 3

Cha Terrier là một người có học thức. Ông không chỉ nghiên cứu thần học mà còn thông hiểu các triết gia. Ngoài ra còn biết thực vật học lẫn thuật giả kim [1]. Ông không coi thường khả năng phán đoán của mình. Tuy không đi quá xa như một số kẻ nghi ngờ phép lạ, lời tiên tri cũng như chân lý của Kinh thánh, dù nghiêm khắc mà nói thì những thứ kể trên không thể giải thích đơn thuần bằng lý trí, thậm chí còn thường mâu thuẫn nữa. Ông không thích đụng tới những vấn đề này, chúng chẳng

thú vị gì mà chỉ tô đẩy ông tới chỗ hoang mang và vô cùng bất an, khó chịu, trong khi sử dụng lý trí thì tâm hồn phải yên ổn và thanh thản. Cái mà ông kiên quyết chống là thói mê tín của quảng đại quần chúng, phù thủy, bói bài, đeo bùa, thôi miên, trò quỷ thuật đêm trăng và ai mà còn biết được còn những trò gì nữa, thật hết sức nản lòng khi thấy những tập tục ngoại đạo này vẫn chưa bị tận diệt sau hơn một ngàn năm kiến lập vững chắc Giáo hội Thiên chúa! Phần lớn những vụ gọi là quỷ ám hay liên minh với quỷ xét cho kỹ cũng chỉ là trò hề mê tín. Nói cho đúng, đi xa đến độ chối bỏ sự hiện hữu của quỷ xa tăng, nghi ngờ quyền lực của nó thì cha Terrier không dám, quyết định những vấn đề đụng chạm tới nền tảng của thần học như thế thuộc thẩm quyền những cơ quan nào khác hơn là một tu sĩ quèn. Mặt khác thì rành rành là khi một người nhẹ dạ như cái chị vú nọ cứ một mực rằng đã phát hiện ra quỷ hiện hình thì chẳng bao giờ có quỷ nhúng tay vào đó cả. Chính việc chị ta tin đã phát hiện ra nó là chứng cứ đanh thép rằng chẳng có tí gì của quỷ được phát hiện cả vì nó không ngu đến độ để cho chị vú Jeanne Bussie lột được mặt nạ. Mà lại bằng mũi nữa cơ chứ! Bằng cái khứu giác tầm thường, kém cỏi nhất trong các giác quan! Như thể địa ngục thì có mùi lưu huỳnh còn thiên đường thì có mùi trầm và mùi mật nhỉ lap! Ôi, cái sự mê tín khôn khéo! Cứ như trong thời tiền sử đen tối còn tà giáo, khi con người còn sống như thú vật, mắt chưa đủ tinh, không phân biệt được màu sắc nhưng có thể ngửi được mùi máu và qua ngửi mà phân biệt được bạn với thù, tin rằng bị những tên khổng lồ ăn thịt người, những ma chó sói và nữ thần báo oán đánh hơi phát hiện nên cúng tế đủ loại thần gớm ghiếc của họ với đồ cúng tế nướng cháy hôi rình! Thật là khủng khiếp! Đứa ngu nhìn bằng mũi hơn bằng mắt và có lẽ ánh sáng của lý trí Chúa ban cần soi rọi thêm cả nghìn năm nữa mới mong quét sạch tàn dư cuối cùng của thứ tín ngưỡng sơ khai này.

“Chao, đứa nhỏ tội nghiệp! Cái sinh vật vô tội! Nằm thiu thiu ngủ trong giỏ mà chẳng biết gì hết về những nghi ngờ gớm ghiếc gán cho nó. Mà không có mùi như con của người, cái ả vô liêm sỉ kia dám xung xung thế đấy. Nào, biết phải nói gì bây giờ? Tú ti, tú ti!”

Và ông nhẹ nhàng rung cái giỏ trên đầu gối, vuốt nhẹ đầu đứa bé và thỉnh thoảng lại nói “Tú ti, tú ti” mà ông cho rằng có tác dụng vuốt ve trẻ nhỏ. “Mày phải có mùi caramen! Vớ vẩn. Tú ti, tú ti”.

Chấp sau ông rút ngón tay ra, đặt lên mũi rồi hít mạnh, chẳng ngửi thấy gì ngoài mùi cải chua mới ăn bữa trưa.

Ông do dự một lúc, nhìn quanh để được chắc chắn là không ai đang ngó, nhấc cái giỏ lên, gi cái mũi to tướng vào. Ông dí sát đến nỗi lớp tóc hoe mỏng của đứa bé cọ vào mũi, ông hít mạnh khắp đầu nó, hy vọng ngửi được một mùi. Ông không rõ đầu lũ sơ sinh phải có mùi gì. Chắc chắn không phải caramen, nhất định thế, vì caramen là đường nấu chảy được. Có thể nó có mùi sữa, sữa của người vú. Nhưng mà nó không có mùi sữa. Có thể nó có mùi tóc, mùi da, và một chút mùi mồ hôi của trẻ nhỏ. Và cha Terrier lại hít và nghĩ rằng sẽ ngửi thấy mùi da, tóc và một chút mồ hôi. Nhưng ông chẳng ngửi thấy cái gì cả. Thật sự không. Ông nghĩ trẻ sơ sinh không có mùi, hẳn là phải thế. Khi được giữ

sạch sẽ, trẻ sơ sinh không có mùi, giống như không biết nói, biết chạy hay viết. Phải đợi đến khi lớn. Xét cho kỹ thì con người ta chỉ toả mùi khi dậy thì. Thế chứ không thể khác được. Chẳng phải Horaz [2] đã từng viết “traai tơ nồng ấm mùi dê, gái tơ thơm ngát khác gì thủy tiên...” đó sao? Mà bọn La Mã rành mấy thứ này lắm nhé. Mùi thơm của con người bao giờ cũng là mùi thơm xác thịt, nghĩa là một mùi thơm tội lỗi. Thế thì làm thế nào mà trẻ sơ sinh ngay cả trong mơ cũng không biết đến tội lỗi xác thịt lại có mùi được? Làm thế nào nó có mùi được? Tú ti tú ti? Tất nhiên nhiên là không rồi! Ông lại đặt cái giỏ lên đầu gối và lắc nhẹ nhẹ. Đứa bé vẫn ngủ say. Năm tay phải thò ra khỏi chăn, bé bồng và đồ hồng, thỉnh thoảng khẽ cọ vào má. Cha Terrier mỉm cười và chợt cảm thấy rất thoải mái. Ông tự cho phép tưởng tượng là bố đứa nhỏ trong giây lát. Ông không là tu sĩ nữa mà là một công dân bình thường, có thể là một thợ thủ công ngay thẳng, lấy một người đàn bà thơm mùi sữa ấm, có với cô ta một đứa con trai và giờ đây đang đưa nó, đứa con ruột thịt của ông, trên đầu gối, tú ti, tú ti... Nghĩ thế ông thấy dễ chịu. Trong suy nghĩ ấy có cái gì đấy nghiêm chỉnh. Người cha đang đưa con trai mình trên đầu gối, tú ti tú ti, là một hình ảnh xưa như trái đất nhưng lại luôn luôn mới khi thế giới này còn, thật đấy! Cha Terrier thấy ấm đôi chút trong tim và mềm lòng đi.

Đứa bé thức dậy. Nó thức trước tiên bằng cái mũi. Cái mũi nhỏ xíu động đậy, héch lên rồi hít. Nó hít không khí rồi thở ra từng đợt ngắn như thể hắt hơi chưa hết. Nó nhăn mũi rồi lại mở mắt. Màu mắt nó khó xác định, nửa xám màu vỏ con hào, nửa trắng đục màu kem, còn bị phủ một lớp màng mỏng rõ là chưa thích ứng để nhìn. Cha Terrier có cảm giác là đôi mắt ấy không nhận ra có ông ở đấy. Cái mũi thì ngược lại. Trong khi đôi mắt đục của đứa bé liếc tạt đầu đầu thì cái mũi lại có vẻ tập trung vào một mục tiêu nhất định và cha Terrier có cảm giác lạ lùng rằng chính ông, Terrier, là cái mục tiêu ấy. Hai cánh của hai lỗ mũi nhỏ xíu ngay giữa mặt đứa bé phập phồng như bông hoa đang nở. Giống nắp của thứ hoa nhỏ ăn thịt trồng trong vườn của Đức Vua thì đúng hơn. Mũi nó như thể có một sức hút kỳ quái giống loài hoa nọ. Như thể đứa bé đã nhìn thấy ông, Terrier, bằng lỗ mũi của nó, như thể nó nhìn ông chăm chăm, soi mói, thấu suốt hơn là người ta có thể nhìn bằng mắt, như thể nó nuốt chửng vào mũi nó cái gì đấy tiết ra từ người ông, Terrier, mà ông thì không thể giữ và che giấu cái ấy được... Cái đứa bé không mùi ấy đang ngửi ông hôi mùi mồ hôi và giấm, mùi cải muối chua và mùi quần áo không giặt. Ông có cảm giác như trần truồng và xấu xa, như bị một kẻ đang nắp kín soi mói nhìn. Như thể nó ngửi xuyên qua cả da ông, vào tận nội tạng. Những tình cảm dịu dàng nhất, những ý nghĩ bản thiêu nhất phơi trần trước cái mũi nhỏ đầy thèm khát này. Chưa thật sự là mũi nữa, mới chỉ là dấu vết của mũi, một bộ phận có lỗ nhỏ xíu không ngừng nhăn lại, phồng lên xẹp xuống. Cha Terrier rùng mình, tởm lợm. Ông quay mũi đi như thể gặp vật gì có mùi kinh tởm, không muốn đụng chạm tới. Hết rồi cái ý nghĩ thân thương rằng đấy là máu thịt của ông. Tan biến cái tình cảm thơ mộng cha con và người mẹ ngát thơm. Tấm màn tư tưởng mềm mại mà ông tưởng tượng trùm quanh đứa bé và ông, bị giặt phăng đi, một sinh vật lạ hoắc, lạnh ngắt đang ở trên đầu gối ông, một

con vật thù địch mà nếu như ông không phải là một người cẩn trọng, biết sợ Chúa, có suy nghĩ hẳn ông đã ghé tầm quẳng nó đi như một con nhện.

Cha Terrier đứng bật dậy, đặt cái giỏ lên bàn. Ông muốn tống khứ cái của nợ này càng nhanh càng tốt, ngay, ngay lập tức.

Đứa bé chột khóc. Nó nhắm nghiền mắt lại, há hốc miệng, rít lên khùng khiếp khiến cha Terrier lạnh cả xương sống. Ông dang tay ra đung đưa cái giỏ, miệng kêu “tú ti tú ti” cho nó im nhưng nó còn gào to hơn, mặt nó tím lại như thể sắp vỡ ra vì gào.

Phải tống khứ ngay! Cha Terrier nghĩ thầm. Tống khứ tức khắc cái đồ...ông muốn nói “đồ quý” nhưng cố nén lại được...tống khứ ngay cái quái vật này, cái thằng lòi không thể chịu đựng được này! Nhưng tống đi đâu? Ông biết cả tá bà vú và nhà mồ côi trong vùng nhưng mà họ gần quá, khác nào ngay bên cạnh sườn, cái vật này phải tống đi xa, rõ xa để không còn phải nghe nó, rõ xa để không thể cứ mỗi giờ người ta lại đem nó đến đặt ngay trước cửa, nếu được thì ở một họ đạo khác, bên kia sông càng tốt, tốt nhất là Extra Muros [3] ở Faubourg Saint-Antoine, phải đấy! Thằng nhóc hay gào này sẽ đến đấy, tuốt phía đông, bên kia cửa ngục Bastille, nơi tối tối người ta đóng cổng thành.

Ông khoác vội áo dòng, vớ cái giỏ đang gào chạy đi, chạy qua góc ngách bàn cờ tới Rue du Faubourg Saint-Antoine, ngược sông Seine về phía đông, ra khỏi thành phố, xa xa nữa tới Rue de Charonne, khoảng cuối đường này, gần tu viện Madeleine de Trenelle, ông biết địa chỉ một Madame Gaillard nào đó nhận nuôi mọi loại trẻ ở mọi lứa tuổi miễn là có người trả tiền, ông giao cái đứa bé vẫn còn khóc ở đó, trả trước hẳn một năm rồi chạy biến về lại thành phố, về tới tu viện, ông vắt quần áo như thể bị dính dơ, tắm gội từ đầu đến chân rồi len lén vào phòng riêng lên giường, làm dấu thánh giá nhiều lần, đọc kinh thật lâu rồi cuối cùng thiếp đi nhẹ nhõm.

Chú thích:

[1] Nhà giả kim: nhà hóa học thời Trung cổ.

[2] Horaz: nhà thơ La Mã trước công nguyên.

[3] Ở ngoại thành (tiếng La tinh).

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 4

Madame Gaillard tuy chưa tới tuổi ba mươi mà như thể đã lia đời. Bên ngoài bà có cái diện mạo của tuổi thật nhưng đồng thời già gấp hai, gấp ba, gấp trăm lần, giống như xác ướp của một cô gái, còn bên trong thì bà đã chết từ lâu. Lúc nhỏ bà bị ông bố nện que sắt cời lò sưởi vào trán, ngay phía trên sống mũi, từ đó bà mất khả năng ngửi cũng như mọi cảm giác về tình người nồng nàn hay lạnh lẽo và mọi xúc cảm. Do cái đánh đó mà sự dịu dàng cũng trở thành xa lạ giống như sự ghê tởm, niềm vui hay tuyệt vọng. Bà chẳng cảm thấy gì cả sau này, khi ăn nằm với một người đàn ông hay khi đẻ con. Đứa chết bà chẳng buồn mà đứa sống bà cũng chẳng hề vui. Bà không nhúc nhích khi bị chồng đánh mà cũng chẳng nhẹ nhõm khi ông ta chết vì bệnh tả ở Hotel Dieu. Bà chỉ biết có hai thứ cảm giác, đó là hơi ử dột mỗi khi tháng tháng sắp đến kì bệnh đau nửa đầu làm tình làm tội và hơi thoải mái khi nó biến mất. Kỳ dư người phụ nữ chết mòn này không cảm thấy gì hết.

Mặt khác thì... hoặc giả có thể chính vì sự hoàn toàn không xúc động mà Madame Gaillard có một ý thức lạnh lùng về trật tự và công bằng. Bà không ưu ái riêng mà cũng không để thiệt đứa bé nào được gửi cho bà. Bà cho chúng ăn ngày ba bữa chứ không thêm một chút xiu nào. Bà thay tã cho chúng ba lần trong ngày và chỉ đến năm đầy hai tuổi thôi. Sau đó đứa nào còn bậy ra quần thì sẽ bị ăn bạt tai mà không hề được cảnh cáo trước và bị cắt một bữa ăn. Bà chỉ cho chúng đúng một nửa số lệ phí, giữ đúng nửa còn lại. Trong thời buổi rẻ rúng bà kgtìm cách giữ phần hơn, gặp lúc khó khăn cũng chẳng đòi thêm một xu nào dù lúc ấy là cả một vấn đề sinh tử. Nếu không thì việc bà làm chẳng đáng gì nữa cả. Bà cần tiền. Bà đã tính toán rất kỹ. Khi về già bà muốn mua hưu bổng, ngoài ra vẫn còn thừa tiền để bà đợi chết ở nhà chứ không chết khốn khổ ở Hotel Dieu như chồng bà. Bà chẳng đếm xia gì đến cái chết của chồng. Nhưng mà phải chết chung với hàng trăm người lạ làm bà rùng mình. Bà muốn được chết kín đáo vì thế bà cần trọn cái phần trong lệ phí. Đúng là có mùa đông chết tới ba hay bốn trong hai tá đứa ở trọ. Nhưng mà như thế là ít hơn hẳn so với phần lớn các bà vú khác, vượt xa những trại mồ côi lớn của nhà nước hay giáo hội mà tỉ lệ tử vong lên đến chín phần mười. Không sợ thiếu trẻ thay thế. Mỗi năm Paris cho ra đời hơn chục nghìn trẻ vô thừa nhận, hoang và mồ côi. Thành ra hơi đâu mà bận tâm trước những mất mát như thế.

Đôi với thằng nhỏ Grenouille thì cơ sở của Madame Gaillard là một phúc lớn. Có lẽ nó không thể sống ở một nơi khác. Nhưng ở đây, nơi người đàn bà ít phần hồn này, nó mau lớn. Cơ thể nó dẻo dai. Ai sống sót khi sinh ra trong bãi rác như nó thì không dễ bị tổng khôi cái thế giới này. Nó có thể ăn chỉ có cháo loãng ngày này qua ngày khác, nó chịu nổi thứ sữa loãng nhất cũng như rau thối và thịt ôi. Thời thơ ấu của nó qua được cái bệnh sởi, bệnh lị, bệnh tả, ngã xuống giếng sâu sáu mét và ngực

bị phỏng nước sôi mà không chết. Tuy phải mang sẹo, da bị lở và đóng vảy, thêm một cái chân bị tật nhẹ khiến phải đi cà nhắc nhưng nó sống. Nó dai dẳng như một con vi khuẩn đã quá quen thuốc và không đòi hỏi gì nhiều như một con bọ chết lặng lẽ ẩn trên cây, sống chỉ với một chút xíu máu hút được từ nhiều năm trước. Nó chỉ cần một chút tối thiểu thức ăn và quần áo. Còn chẳng cần gì cho phần hồn cả. Sự che chở, môi quan tâm, sự dịu dàng, tình yêu, những tình cảm mà người ta gọi bằng đủ thứ tên và cho rằng một đứa bé nhất thiết phải có, thì với thằng nhỏ Grenouille là hoàn toàn không cần thiết. Hay đúng hơn có vẻ như tự nó không cần những thứ ấy để mà có thể sống sót được ngay từ đầu. Tiếng khóc khi nó chào đời, tiếng khóc vang ra từ dưới gầm bàn để được chú ý đến và đã đưa mẹ nó đến nơi hành quyết, không phải là tiếng khóc bản năng đòi được được sự thương xót hay tình yêu. Đó là tiếng khóc đã được cân nhắc, có thể nói là đã được cân nhắc chín chắn, qua đó đứa trẻ sơ sinh đã quyết định chống lại tình yêu, vì cuộc sống. Trong hoàn cảnh lúc ấy chọn cái sau là phải bỏ cái trước chứ nếu đòi hỏi cả hai thì chắc chắn nó sẽ chết khôn khổ ngay. Tất nhiên lúc ấy nó vẫn có thể chọn cái khả năng thứ hai, tức là không khóc và đi thẳng từ cửa sinh sang cửa tử mà không cần phải đi vòng qua cuộc sống, như thế nó sẽ bớt cho thế giới và cho bản thân không ít phiền lụy. Để từ già cõi đời khiêm nhường như thế cần phải có đôi chút tối thiểu lòng tốt bẩm sinh nhưng Grenouille lại không có. Ngay từ đầu nó đã là một đứa khá ô. Nó quyết định chọn cuộc sống chỉ vì ngang ngạnh và độc ác.

Tất nhiên là nó không quyết định giống như người lớn, ít nhiều dùng đến lý trí và kinh nghiệm để chọn lựa giữa các khả năng. Nó quyết định giống như cây cỏ, như một hạt đậu rơi vải tự quyết định nảy mầm hay không.

Hay giống như con bọ chết nọ trên cây mà cuộc đời không mời chào gì hơn là giấc ngủ đông triền miên. Cái con bọ chết nhỏ bé ghê tởm ấy cuộn cái thân màu xám chì thành hình cầu để thu diện tích tiếp xúc với bên ngoài đến mức nhỏ nhất, nó làm cho da nhẵn và khô cứng để không toả gì ra cả, dù chỉ một chút mồ hôi. Nó hết sức thu nhỏ mình kín đáo để không ai thấy và xéo chết nó. Con bọ chết cô đơn thu mình nằm cuộn trên cây, mù, câm và điếc, chỉ lo đánh hơi, đánh hơi suốt năm, hàng dặm xa, mùi máu của những con vật mà nó không bao giờ tự sức bò tới nổi. Con bọ chết có thể để tự rơi mình xuống chứ. Nó có thể để rơi trên đất rừng, bò bằng sáu cái cẳng nhỏ xíu vài milimét tới chỗ này chỗ nọ rồi rúc xuống dưới lá nằm chờ chết chứ, và lạy Chúa, chẳng có gì đáng tiếc cả. Nhưng con bọ chết ngang ngạnh, ngoan cố và ghê tởm cứ co mình lại trên cây, sống và chờ đợi. Chờ cho đến khi mà hết sức ngẫu nhiên, máu, dưới dạng một con vật, tới ngay dưới gốc cây. Chỉ khi ấy nó mới không còn thận trọng, buông mình xuống, bầu, xoi và cắn vào thịt con vật lạ...

Thằng bé Grenouille là một con bọ chết như thế. Nó sống khép kín và chờ thời. Nó chẳng cho thế giới cái gì khác ngoài phân, không cười mỉm, không khóc, không ánh mắt và không cả mùi của chính nó. Gặp phải người phụ nữ khác thì cái đứa nhỏ quái dị này đã bị tổng cổ đi rồi. Madame Gaillard

không thể. Bà không nghĩ ra được rằng nó không có mùi và cũng không hề chờ đợi một sự xúc động trong tâm hồn nó vì chính tâm hồn bà đã bị khoá chặt.

Lũ trẻ kia ngược lại, cảm thấy ngay Grenouille muốn gì. Ngay ngày đầu kẻ mới tới đã là mối đe dọa đối với chúng. Chúng né tránh cái thùng gỗ nó nằm, và nằm sát nhau hơn như thể căn phòng bị lạnh hơn vậy. Thịnh thoảng những đũa nhỏ nhất khóc trong đêm, chúng thấy như có gió lùa qua phòng. Những đũa khác chiêm bao đã bị cái gì đẩy lấy đi hơi thở. Có một lần mấy đũa lớn hòa nhau định làm nó chết nghẹt. Chúng phủ giẻ, chăn và rom lên mặt nó rồi lấy gạch đè lên. Sáng hôm sau khi Madame Gaillard lôi nó ra khỏi thì nó nhàu nát, bầm dập, thâm tím nhưng không chết. Chúng thử thêm mấy lần nữa nhưng vô ích. Cách chắc chắn hơn là bóp cổ nó bằng tay, hoặc bịt mũi, bịt mồm nó thì chúng không dám. Chúng không muốn đụng chạm vào nó. Chúng ghê tởm nó như thể ghê tởm một con nhện to mà người ta không muốn tự tay bóp chết.

Khi nó lớn hơn thì chúng bỏ ý định giết nó. Hẳn chúng đã thấy rằng không thể diệt nó được. Thay vào đấy chúng né tránh, chạy xa nó, bằng mọi cách tránh chạm vào người nó. Chúng không ghét nó. Chúng cũng không ghen hay tranh ăn với nó. Trong nhà của Madame Gaillard không có cơ hội nhỏ nào cho những cảm nghĩ như thế. Chúng bị xáo trộn vì sự có mặt của nó, thế thôi. Chúng không nghĩ thấy mùi nó. Nên chúng sợ nó.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 5

Khách quan mà nói thì nó đâu có gì đáng sợ. Khi lớn thì nó chẳng to cao đặc biệt, không khoẻ, xấu đấy, nhưng đâu xấu ghê gớm đến nỗi người ta phải sợ nó. Nó không hung hăng, không nham hiểm, không lén lút, không khiêu khích. Nó còn thích sống tách biệt nữa kia. Còn trí thông minh của nó cũng chẳng có gì ghê gớm. Mãi năm lên ba nó mới biết đứng, nói chữ đầu tiên lúc lên bốn, đó là chữ “cá”, buột ra như thể một tiếng vọng trong một lúc kích thích bất chợt khi từ xa một người bán cá đi tới Rue de Charonne lớn tiếng rao hàng. Những tiếng kế tiếp nó thốt ra là “cây quỳ thiên trúc”, “chuồng dê”, “cái lá xoăn”, và “Jacqueslorreux”, cái chữ sau cùng là tên một người phụ việc vườn trực cho nữ tu viện Filles de la Croix ở gần đó, thịnh thoảng vẫn làm cho Madame Gaillard những việc nặng và nổi tiếng vì trong đời chưa hề tẩm lần nào. Nó ít khi dùng đến động từ, tính từ và từ chêm. Ngoài “có” và “không” – mà mãi sau này nó mới nói – nó chỉ dùng danh từ, đúng hơn là tên

riêng của mỗi vật, cây cỏ, thú vật, người cụ thể và cũng chỉ khi nào mùi của những vật, cây cỏ, thú vật và người này đột nhiên chế ngự nó.

Một ngày tháng ba, ngồi phơi nắng trên một chồng gỗ sồi mới xẻ, gỗ bị nắng nứt kêu răng rắc, đó là lần đầu tiên nó thốt ra từ “gỗ”. Nó đã trông thấy gỗ cả trăm lần trước đó, cái từ đó cũng đã nghe cả trăm lần. Nó cũng hiểu vì mùa đông nó thường bị sai ra ngoài lấy gỗ. Nhưng cái gọi là gỗ chưa bao giờ làm cho nó quan tâm để phải nhọc công nói ra tên ấy. Điều này chỉ xảy ra vào cái ngày tháng ba ấy khi nó ngồi trên đống gỗ nọ. Đống gỗ được xếp chồng lên nhau như thể cái ghế dài dưới một cái mái ở mặt nam kho dụng cụ của Madame Gaillard. Những thớt gỗ trên cùng mùi ngọt hắc, từ phía dưới bốc lên mùi rêu và từ vách gỗ thông của nhà kho bay ra trong nắng ấm mùi thơm của nhựa. Grenouille ngồi im trên đống gỗ, duỗi thẳng chân, lưng tựa vách nhà kho và nhắm mắt lại. Nó không trông thấy, không nghe và không cảm thấy gì cả. Nó chỉ ngửi mùi thơm của gỗ bốc lên quanh nó và bị giữ lại dưới cái mái như trong một cái nón. Nó uống mùi thơm ấy, nó chết đuối trong đó, tằm vào người đến tận lỗ chân lông cuối cùng, hoá thành gỗ, rồi như thể một hình nhân bằng gỗ, nó nằm chết trên đống gỗ chẳng khác một Pinocchio, cho đến một lúc lâu sau, hình như là mãi nửa tiếng sau, nó oẹ ra cái từ “gỗ”. Nó oẹ ra cái từ ấy như thể là nó được nhồi gỗ đến tận tai, như thể bụng nó, họng nó, mũi nó toàn là gỗ. Cái từ ấy làm cho nó tỉnh lại, cứu nó kịp trước khi nó bị sự có mặt áp đảo của gỗ, của mùi gỗ, làm cho chết nghẹt. Mãi mấy ngày sau nó vẫn còn choáng váng do đã nếm cái mùi quá mạnh ấy và khi quá nhớ thì không ngớt lẩm bảm van nài “gỗ, gỗ”.

Nó học nói như thế đấy. Những từ chỉ đối tượng không mùi, nghĩa là những khái niệm trừu tượng, đặc biệt là những thứ về đạo đức và luân lý là quá khó đối với nó. Nó không nhớ nổi, lẫn lộn hết trơn, ngay cả khi đã lớn nó cũng không thích dùng, và thường là dùng sai, tí như công lý, lương tâm, thượng đế, hân hoan, trách nhiệm, khiêm tốn, biết ơn, vân vân...những khái niệm này dùng để chỉ cái gì thì đối với nó mãi mãi là bí ẩn.

Mặt khác ngôn ngữ thông dụng nhanh chóng trở thành không đủ để chỉ tất cả những vật mà nó đã gom góp bằng khứu giác. Chẳng mấy chốc nó không chỉ ngửi gỗ nói chung, mà loại gỗ như gỗ thích, gỗ sồi, gỗ thông, gỗ cây du, gỗ cây lê, già, non, mục, mủn, có rêu thậm chí từng khúc gỗ một, dầm, mảnh gỗ và ngửi rành rẽ những vật thể khác nhau mà người khác không phân biệt nổi bằng mắt. Với những vật khác cũng vậy. Cái thứ nước màu trắng mà sáng sáng madame Gaillard cho lũ trẻ uống luôn được gọi là sữa thì theo cảm giác của Grenouille thì mỗi sáng có mùi và vị khác nhau tùy theo độ ấm, của con bò nào, và con bò này đã ăn gì, còn được bao nhiêu chất béo, v..v..Còn khói, một tổng hợp của hàng trăm mùi khác nhau, biến đổi thiên hình vạn trạng từng phút, thậm chí từng giây thành một thể thống nhất mới như khói của ngọn lửa, lại chỉ có cái tên “khói” này thôi...Rồi đất, phong cảnh, không khí mà trong từng bước đi, từng hơi thở đều được rót đầy mùi khác nhau và như thể được mang một đặc tính khác rồi sao vẫn chỉ được gọi bằng ba cái từ thô thiển ấy thôi]. Tất cả

những khập khiễng lồ bịch ấy giữa sự phong phú của cái thế giới nhận biết được qua mùi và sự nghèo nàn của ngôn ngữ khiến thằng nhỏ Grenouille hoàn toàn nghi ngờ về ý nghĩa của ngôn ngữ, nên nó có thói quen chỉ dùng đến ngôn ngữ khi sự giao tiếp với người khác nhất thiết đòi hỏi.

Năm lên sáu nó đã hoàn toàn nắm rõ môi trường chung quanh qua khứu giác. Trong nhà Madame Gaillard không vật gì, phía bắc Rue de Charonne không chỗ nào, không người nào, không hòn đá, bụi cây, ngọn cây hay hàng rào đóng cọc nào, không xó xỉnh nào dù nhỏ đến đâu mà nó không rõ mùi, không nhận ra được và không giữ chặt cái mùi riêng của từng thứ trong trí nhớ. Nó đã tích lũy cả vạn, trăm nghìn mùi riêng biệt, sẵn sàng khi cần đến, thật rõ ràng, đủ loại, để không những có thể nhớ lại khi người chúng mà còn thật sự người thấy chúng mỗi khi nhớ lại, hơn thế nữa, chỉ cần qua tưởng tượng thôi nó đã biết phối hợp chúng để tạo ra những mùi không hề có trong thế giới thực tế. Như thế nó làm chủ một vốn từ khổng lồ tự học về mùi khiến nó có đủ khả năng tạo ra cơ man mùi đủ loại ở một lứa tuổi mà những đứa trẻ khác còn lấp bắp đặt những câu đầu tiên đầy lỗi để mô tả thế giới với những từ được người ta ra sức nhồi nhét. Năng khiếu của nó có thể so sánh sát nhất với năng khiếu một thần đồng âm nhạc, nghe giai điệu và hoà âm mà tìm ra từng âm, như từng mẫu tự, và rồi tự sáng tác giai điệu và hoà âm mới hoàn chỉnh. Tất nhiên khác ở chỗ mẫu tự của mùi thì nhiều và tinh tế hơn là của âm. Thêm một điểm khác nữa là những hoạt động sáng tạo của thần đồng Grenouille chỉ diễn ra bên trong nó, ngoài nó ra không ai cảm nhận được.

Càng ngày nó càng sống khép kín hơn. Nó thích nhất đi lang thang một mình phía bắc Faubourg Saint-Antoine, qua những vườn cau, những đồng nho, bãi cỏ. Có khi tối đến nó không về, biệt tăm mấy ngày liền. Nó chịu bị đòn bằng gậy mà chẳng hề tỏ ra đau đớn. Cấm không cho ra ngoài, bắt nhịn đói, phạt làm việc nặng cũng không thay đổi được cung cách của nó. Một năm rưỡi đi học thất thường ở trường đạo Notre Dame de Bon Secours cũng không có tác dụng trông thấy nào. Nó học đánh vần chút ít, học viết tên nó, thế thôi. Thầy giáo cho nó là đàn độn.

Madame Gaillard, ngược lại, thấy là nó có một số khả năng và đặc tính rất khác thường nếu không nói là siêu tự nhiên, chẳng nó hoàn toàn không sợ đêm và bóng tối như trẻ con bình thường. Bất cứ lúc nào người ta cũng có thể sai nó xuống hầm lấy cái gì đó mà những đứa kia ngay cả có đèn cũng không dám làm, hay ra nhà kho lấy gỗ trong đêm tối như mực. Chẳng lần nào nó mang theo đèn mà vẫn tìm ra và tức khắc đem về cái được đòi hỏi mà không một động tác sai, không vấp ngã hay xô đổ một thứ gì. Đáng ngạc nhiên hơn nữa là hình như nó có thể nhìn xuyên qua giấy, vải, gỗ và qua cả tường gạch hay cửa khóa nữa. Madame Gaillard tin rằng đã phát hiện ra như thế. Nó biết có bao nhiêu đứa trẻ và những đứa nào trong phòng ngủ dù không bước chân vào đấy. Nó biết trong bông súp lơ có một con sâu trước khi tách bông ra. Có một lần bà không tìm thấy tiền bởi cất quá kỹ (bà đổi chỗ cất luôn), nó không hề tìm lấy một giây mà chỉ ngay vào một chỗ sau xà ngang lò sưởi, y như rằng! Thậm chí nó có thể nhìn thấy cả tương lai, chẳng hạn nó báo có khách khi khách còn chưa

đến hay báo trước không sai một trận bão dù trên bầu trời không một vẩn mây. Nó không nhìn những cái ấy bằng mắt mà đánh hơi bằng cái mũi ngày một thính và ngửi ngày một chính xác hơn, con sâu trong bông súp lơ, tiền sau cái xà ngang, người sau tường và còn ở xa tới mấy quãng đường, thế thì có nằm mơ Madame Gaillard cũng không thể đoán được, kể cả nếu cái đánh bằng que cời lò sưởi ọ không gây tổn hại cho khứu giác của bà. Đản với chả độn, bà tin chắc rằng thằng nhỏ phải có một bộ mặt thứ hai. Vì bà biết rằng kẻ hai mặt đem theo điều gở và cái chết nên nó làm bà ón. Ổn hơn nữa, đến không thể chịu nổi là sự lo lắng phải ở chung nhà với một kẻ có biệt tài nhìn qua cả tường lẫn xà ngang thấy được tiền đã giấu kỹ. Một khi đã phát hiện cái khả năng đáng sợ của Grenouille bà liền tìm cách tống khứ nó. Khi ấy nó được tám tuổi. May sao cũng khoảng thời gian ấy tu viện Saint-Merri ngưng trả tiền hàng năm cho nó mà không nêu lý do. Bà không đòi. Giữ đúng phong cách, bà đợi thêm một tuần lễ nữa và khi tiền vẫn không tới, bà mới dặt nó vào phố.

Bà quen một người thợ thuộc da tên là Grimal ở gần sông, trên Rue de la Mortellerie, cần người phụ việc còn trẻ, không phải người học nghề thật sự hay thợ phụ mà là cu li rẻ tiền. Trong nghề này có những công việc nguy hiểm như cạo thịt từ da súc vật thối rữa, trộn các dung dịch độc hại để thuộc và nhuộm da, đun nước vò dầ... mà một người thợ cả có ý thức trách nhiệm cố tránh không phung phí những thợ phụ có tay nghề, chỉ dùng bọn hạ lưu vô nghề nghiệp, bọn du thủ du thực và ngay cả trẻ vô thừa nhận để không ai truy cứu trong những trường hợp khả nghi. Tất nhiên là Madame Gaillard biết rằng Grenouille không có khả năng sống sót trong cái xưởng thuộc da của Grimal, theo xét đoán thông thường. Nhưng bà không phải thứ phụ nữ bận tâm về chuyện ấy. Bà đã làm xong bổn phận. việc coi sóc đã chấm dứt. Cái gì sẽ đến với đứa nhỏ không dính dáng tới bà. Nó sống được thì tốt, nó chết cũng không sao. Cái chính là phải đúng luật. Thế là bà đòi Monsieur Grimal xác nhận bằng giấy mực việc bà trao thằng nhỏ, còn bà ký nhận mười lăm quan tiền hoa hồng rồi trở về nhà ở Rue de Charonne. Bà chẳng cảm thấy lương tâm cắn rứt tí nào. Ngược lại, bà tin rằng không những chỉ làm đúng luật mà còn chính đáng nữa vì giữ lại một đứa nhỏ không ai trả tiền nhất thiết sẽ lạm vào tiền dành cho những đứa khác, thậm chí của chính bà, rồi biết đâu phương hại đến tương lai của trẻ khác và cả của bà; được chết một mình, kín đáo, không chung đụng, đó là giấc mơ duy nhất của cả đời bà.

Vì chúng ta chia tay với Madame Gaillard ở đoạn này của câu chuyện và sau đó không gặp bà nữa, chúng ta hãy dành ít dòng viết về đoạn cuối của cuộc đời bà. Thật chẳng may cho bà, mặc dù đã chết từ bên trong từ thời con gái, Madame lại sống lâu, rất lâu. Năm 1782, khi đã ngót bảy mươi tuổi, bà không hành nghề nữa, mua hưu bổng như đã tính rồi ngồi ở nhà chờ chết. Nhưng cái chết không đến, mà thay vào đó là một thứ khác mà không ai trên thế giới lại có thể lường được và cũng chưa từng xảy ra trong nước, đó là Cách mạng, có nghĩa là thay đổi nhanh chóng toàn bộ những quan hệ xã hội, đạo đức và những giá trị siêu việt. Lúc đầu thì cuộc Cách mạng này không ảnh hưởng gì đến số phận

của riêng Madame Gaillard gì cả. Nhưng khi bà ngót tám mươi, đột nhiên người quản lý hưu bổng của bà phải di cư sang nước ngoài, tài sản của ông ta bị tịch biên và bị bán đấu giá cho một người sản xuất quần. Trong một thời gian dài, xem ra sự thay đổi này cũng không gây ra một ảnh hưởng gì tai hại cho Madame Gaillard vì người sản xuất quần vẫn tiếp tục trả đúng hạn hưu bổng. Nhưng đến một ngày kia bà không còn được nhận tiền bằng kim loại nữa mà dưới dạng in trên giấy, đó là khởi đầu của sự suy sụp.

Sau hai năm thì hưu bổng không đủ để trả tiền củi. Madame buộc phải bán nhà với giá rẻ mạt vì bổng nhiên không phải chỉ có mình bà mà hàng nghìn người khác cũng phải bán nhà. Bà lại chỉ nhận được tiền đổi lưu những mảnh giấy vớ vẩn nợ chỉ để hai năm sau hầu như chẳng còn chút giá trị nào, và năm 1797, bà mất sạch cái tài sản ký cốp được trong ngót một trăm năm làm lưng cực nhọc, phải ở trọ trong một căn phòng nhỏ xíu có sẵn đồ đạc ở Rue des Coquilles, khi đó bà đã gần chín mươi. Mãi lúc này, muộn mất mười, hai mươi năm, cái chết mới đến do ung thư họng lâu năm, trước hết cướp đi của bà sự ngon miệng rồi đến tiếng nói, do đó bà không thốt lên được một lời nào phản đối khi bị chở đến Hotel Dieu. Ở đây, bà bị đưa vào chính cái căn phòng mà chồng bà đã nhắm mắt, cùng với hàng trăm người bệnh sắp chết khác, bị nhét vào trong một cái giường với năm bà già lạ hoắc khác, nằm như cá hộp suốt ba tuần để rồi chết trước mắt bao người. Bà đã được bỏ vào bao khâu lại, bị quăng lên xe kéo lúc bốn giờ sáng cùng với năm mươi xác nữa rồi được chở trong tiếng chuông rung yếu ớt đến nghĩa trang mới hình thành ở Clamart, cách cổng thành một dặm, ở đây bà được đặt vào một ngôi mộ tập thể phủ một lớp vôi sống dày, đó là nơi an nghỉ cuối cùng của bà. Đó là năm 1799. Rất may là khi đi về nhà vào cái ngày nợ của năm 1747, rời bỏ thằng bé Grenouille và câu chuyện của chúng ta, Madam không may may linh cảm về số phận sẽ đến với bà. Nếu có biết đâu bà sẽ chẳng mất niềm tin vào sự công bằng và cùng với nó là cái ý nghĩa duy nhất mà bà hiểu về cuộc đời.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 6

Chương 6

Thoạt nhìn Monsieur Grimal – không phải lần đầu tiên đánh hơi cái lớp mùi bao quanh Grimal – nó biết ngay ông này sẵn sàng đánh nó chết liền dù chỉ phạm một điều quấy nhỏ. Mạng sống của nó chỉ

giá trị bằng cái công việc nó hoàn thành, do sự hữu dụng mà Grimal đánh giá. Vì vậy mà Grenouille theo rắm rấp, không thử phản kháng dù chỉ một lần. Ngày qua ngày, nó nút chặt mọi năng lực tiềm tàng của sự thách thức và ương ngạnh vào trong người, chỉ dùng rất ít theo kiểu con bọ chét để sống qua cái giai đoạn giá băng sắp đến: dai, không đòi hỏi gì, kín đáo và giữ thật kỹ cái ngọn lửa chiếu tia sáng hy vọng chỉ dám để le lói. Lúc này nó là một mẫu mực về sự dễ bảo, thanh đạm và cần cù, tuyệt đối vâng lời, cho gì ăn nấy. Tối tối nó ngoan ngoãn chịu để bị nhốt trong cái kho cạnh xưởng, nơi cất những dụng cụ và treo da thô xát muối. Ở đây nó phải ngủ trên nền đất nện. Ngày ngày nó làm việc đến tối mịt, mùa đông tám tiếng, mùa hè mười bốn, mười lăm, mười sáu tiếng, nạo thịt những tấm da hôi kinh tởm, nhúng nước, cao lông, rắc vôi, nhúng dung dịch kiềm, vò, đập, xát nước vỏ dẻ, bửa gỗ, lột vỏ gỗ phong và gỗ thủy tùng, leo xuống hố đun vỏ dẻ đầy hơi cay xé, theo lệnh bọn thợ phụ xếp da lên trên vỏ cây thành lớp, rải mụn cây đã đập nát lên trên, rồi phủ nhánh cây thủy tùng và đất lên cái giàn hoả thiêu kinh tởm này. Mấy năm sau nó sẽ phải đào và lôi những xác da ướp, bấy giờ thành da thuộc ấy lên.

Nếu không chôn da xuống và đào da lên thì phải đi lấy nước. Xách nước từ sông, mỗi lần hai thùng, mỗi ngày cả trăm thùng, hàng tháng dài như thế là vì cái nghề này cần không biết bao nhiêu là nước để rửa, để làm mềm, để nấu dung dịch, để nhuộm. Hàng tháng trường người nó không chỗ nào khô vì phải xách nước, đêm đêm nước nhỏ rùng rùng từ quần áo nó, da nó lạnh ngắt, mềm đi và trương lên như thể miếng da dùng lau nước.

Sau một năm sống giống súc vật hơn là người, nó bị bệnh than, một chứng bệnh đáng sợ trong nghề thuộc da và thường chỉ có chết. Grimal cầm bằng như mất nó, tìm người thay, tuy không phải không tiếc vì ông ta chưa từng có một tay thợ cho gì nhận nấy và làm giỏi như Grenouille. Nhưng trái với mọi chờ đợi, Grenouille khỏi bệnh. Nó chỉ phải mang sẹo của những chàm nhọt to đen ở sau tai, ở cổ và trên má khiến nó bị biến dạng và trở nên xấu xí hơn dù vốn dĩ nó đã xấu rồi. Ngoài ra nó còn miễn dịch với bệnh than để từ nay có thể nạo các tấm da bản thủ nhất với hai bàn tay trầy trụa và chảy máu mà không sợ bị nhiễm trùng lại, quả là lợi vô giá. Do đó nó khác hẳn không chỉ với đám học nghề và thợ phụ mà cả với đám có khả năng thay thế nó nữa. Và bởi vì bây giờ nó không dễ thay như trước kia nên giá trị của việc nó làm, nghĩa là giá trị mạng sống của nó, cũng tăng theo. Bỗng dưng nó không còn phải ngủ chỉ trên nền đất nữa mà đã được phép dựng trong kho một cái bục gỗ, được rom để trải lên trên và được một cái chăn riêng. Khi ngủ nó không còn bị nhốt nữa, bữa ăn cũng đầy đủ hơn. Grimal không còn nuôi nó như bất kỳ con vật nào mà là một gia súc có ích.

Khi nó mười hai tuổi, Grimal cho nó nghỉ nửa ngày chủ nhật và vào tuổi mười ba nó còn được phép đi chơi một tiếng, làm những gì nó thích vào buổi tối sau khi xong việc. Nó đã thắng bởi vì nó sống và bây giờ nó có được một chút tự do đủ để nó tiếp tục sống. Giai đoạn ngủ đông đã qua. Con bọ

chết Grenouille cựa quậy. Nó đánh hơi không khí ban mai. Nó khao khát săn mồi. Cái vùng chứa mùi lớn nhất thế giới mở ra trước nó: thành phố Paris.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 7

Chương 7

Như thể vườn địa đàng vậy. Chỉ hai riêng vùng phụ cận Saint-Jacques-de-la-Boucherie và Saint-Eustache cũng đã là vườn địa đàng rồi. Trong những ngõ hai bên Rue Saint-Denis và Rue Saint-Martin, người ở chen chúc, nhà sát nhà, năm, sáu tầng khiến không thấy bầu trời và lớp không khí sát nền đất như bị ứ lại trong những đường ống ẩm thấp và đặc sệt mùi. Cái mùi của người trộn lẫn với súc vật, hơi của thức ăn và bệnh tật, của nước và đá cuội, của tro và da thuộc, của xà bông và bánh mì mới nướng, của trứng luộc trong giấm, của mì sợi và đồng thau đánh bóng, của lá xô thơm, của bia và nước mát, của mỡ và rơm rạ khô lẫn ứ. Hàng nghìn và hàng nghìn thứ mùi hoà thành một thứ cháo đặc vô hình tràn ngập các ngõ hẻm, hoá hoàn mới bay đi nếu ở trên tuốt các nóc nhà còn ở dưới đất thì không bao giờ. Người dân ở đó chẳng còn ngửi thấy trong cái thứ cháo này cái gì đặc biệt bởi vì nó từ họ mà ra và không ngót thấm vào họ, nó chính là cái không khí họ thở và nhờ đó họ sống, nó giống như bộ quần áo ẩm đã mặc lâu khiến cho người ta không còn ngửi thấy gì và không còn cảm thấy trên da thịt. Còn Grenouille ngửi thấy tất cả như mới lần đầu. Nó không chỉ ngửi cái toàn thể của hỗn hợp mùi kia mà chẻ nhỏ ra, phân tích thành những phần, những mảnh nhỏ khác biệt nhất. Cái mũi nhạy của nó gỡ cái mớ bòng bong gồm mùi thơm và mùi hôi nọ thành từng sợi riêng lẻ của những mùi cơ bản không thể nào tách thêm được nữa. Nó sung sướng khôn tả khi tách những sợi ấy ra, se chúng lại.

Nó thường đứng lại, tựa vào tường, hay nép mình trong một góc tối, mắt nhắm lại, miệng hé ra, cánh mũi phập phồng, bất động như một con cá rình mồi trong dòng nước lớn, đen sậm, chậm chậm trôi. Để rồi khi một làn gió mỏng manh đưa tới nó đầu một sợi hương thơm mềm mại, thì nó chụp ngay lấy, không nhả ra nữa và nó không ngửi thấy gì khác hơn cái mùi này, níu chặt, hút vào trong lòng và giữ lại mãi mãi. Cái mùi ấy có thể là nó biết rồi hay là một biến thể, nhưng cũng có khi hoàn toàn mới, chỉ giống tí xíu hay không giống gì hết với những mùi nó đã ngửi từ trước đến giờ, chưa nói tới đã thấy, chẳng hạn mùi lụa được ủi, mùi trà ướp bách lý hương, mùi tấm kim tuyến thêu chỉ bạc, mùi

nút của một chai vang hiếm, mùi một cái lược đòi mồi. Nó chạy theo những mùi chưa biết này, nó săn đuổi chúng, và thu góp vào trong người với sự say mê và kiên nhẫn của một người câu cá. Khi đã ngửi no nê cái cháo đặc ở các ngõ hẻm, nó đi tới những nơi thoáng khí, mùi ở đấy mỏng manh hơn, lẫn vào trong gió, toả ra, gần như là nước hoa. Ở chợ Les Halles chẳng hạn, tuy đã tối rồi nhưng ngày chưa thật hết mà vẫn tiếp tục tồn tại trong mùi, vô hình nhưng rất rõ, như thể ở đó những nhà buôn còn hối hả trong đám đông, như thể ở đó vẫn còn những sọt đầy rau và trứng, những thùng đầy rượu và giấm, những bao bố đầy đồ gia vị, khoai tây và bột, những kết gỗ với đinh và ốc, những sạp thịt, những bàn đầy vải và xoong chảo, đế giày và trăm thứ linh tinh khác bày bán ở đó vào ban ngày... toàn bộ sự tập nập vẫn còn đó cho đến từng chi tiết nhỏ nhất trong cái không khí mà nó để lại. Grenouille nhìn toàn bộ cái chợ qua khứ giác, nếu như có thể nói như thế được. Và nó ngửi còn rõ hơn không ít người nhìn vì nó cảm nhận cái chợ sau buổi chợ, do đó ở một cấp cao hơn, đó là bản chất, là hồn của cái gì đó đã qua, tức là không bị làm xáo trộn bởi những đặc điểm thông thường của hiện tại như tiếng huyên náo, ánh sáng chói chang, sự va chạm góm ghiếc của con người bằng xương bằng thịt... ở cái chợ này.

Hoặc nó đi tới chỗ mẹ nó bị chặt đầu; Place de Grève trông không khác một cái lưới khổng lồ thè ra liếm dòng sông. Ở đây tàu được kéo lên bờ hay buộc vào cọc, chúng có mùi than, mùi ngũ cốc, mùi cỏ khô và mùi dây thừng ướt.

Từ phía tây thổi lại qua cái hành lang duy nhất tạo bởi con sông cắt ngang thành phố này một luồng gió mênh mông mang đến mùi của đồng quê, của những đồng cỏ ở vùng Neuilly, của những cánh rừng nằm giữa Saint-Germain và Versailles, của những thành phố rất xa xôi như Rouen hay Caen và đôi khi cả của biển. Biển có mùi như một cánh buồm căng phồng hứng nước, muối và mặt trời lạnh. Mùi của biển thì mộc mạc nhưng đồng thời lại lớn lao và độc ác khiến cho Grenouille do dự, không tách nó ra thành mùi cá, mùi muối, mùi nước, mùi rong, mùi tươi mát, v.v.... Nó thích để chung cái mùi của biển, giữ như một toàn thể trong trí nhớ và thường thức nó trọn vẹn. Nó thích đến nỗi ao ước một lần có được thật nhiều mùi biển tinh khiết, không pha trộn để có thể uống đến say mềm. Sau này, khi nghe kể biển mênh mông biết bao và người ta có thể đi tàu nhiều ngày trên ấy mà không thấy đất liền thì nó không thích gì hơn là hình dung được ngồi trong cái chòi cao tít trên cột buồm tuốt phía trước một cái tàu như thế, bay đi trong cái mùi vô tận của biển, đúng ra không phải là mùi mà là hơi thở, hơi thở ra, tột cùng của mọi mùi và vui sướng được tan biến trong hơi thở đó. Nhưng điều này không bao giờ đến vì Grenouille đang đứng ở bờ sông nơi Place de Grève và nhiều lần hít thở một mảnh nhỏ của gió biển bay qua mũi nó, không bao giờ thấy biển, cái biển thật sự, cái đại dương mênh mông ở phía tây và không bao giờ được tan vào cái mùi ấy.

Chẳng mấy chốc nó ngửi cái khu nằm giữa Saint Eustache và Hotel de Ville rõ đến nỗi ngay trong đêm tối đen nó cũng không lạc. Rồi nó mở rộng vùng đi săn, trước hết về phía tây Faubourg Saint-

Honoré, rồi ngược Rue Saint-Antoine tới Bastille và cuối cùng qua bên kia sông, tới khu Sorbonne và Faubourg Saint-Germain, khu nhà giàu. Mùi da trong xe ngựa và mùi phấn trong tóc giả của đám thiếu niên quý tộc bay qua song sắt cổng thành, và từ trong vườn thoảng qua những bức tường thành cao mùi thơm kim tước chi, của hoa hồng và của cây thủy lạp vừa mới xén. Nơi đây, lần đầu tiên Grenouille ngửi mùi nước hoa theo đúng nghĩa của từ này, nước hoa giản dị mùi oải hương hay hoa hồng mà người ta vẫn trộn vào hồ phun nước ở trong vườn vào những dịp lễ, hay những mùi phức tạp, đắt tiền hơn như xạ hương pha với tinh dầu hoa cam, hoa huệ, hoa trường thọ, hoa nhài hay hoa quế, chiều chiều vẫn bồng bềnh sau những cỗ xe như một giải lụa nặng trĩu. Nó ghi nhận những mùi thơm này như mọi mùi bình thường khác, tò mò nhưng không hâm mộ đặc biệt. Dĩ nhiên nó ghi nhận rằng nước hoa có tác dụng làm say mê và lôi cuốn, nó cũng nhận ra cái hay của từng tinh chất một nhưng là một tổng thể thì nó thấy thô thiển và chán ngắt, trộn ầu hơn là sáng tạo và nó biết rằng nó có thể làm ra những mùi thơm khác hẳn nếu có được những nguyên vật liệu đó.

Một số lớn những nguyên vật liệu này nó đã biết ở các quầy hoa và gia vị ở chợ, những thứ khác đều mới và nó lọc ra từ cái hỗn hợp mùi để giữ lại trong trí nhớ mà không biết tên: long diên hương, xạ hương, hoắc hương, gỗ đàn hương, hương cam chanh, hương bài, độc hoạt điều, an túc hương, hoa hublông, hương hải ly....

Nó không kén chọn. Nó không phân biệt những thứ mùi mà người ta cho rằng hay hoặc dở. Nó chỉ thèm khát. Mục đích chuyển sẵn tìm của nó chỉ để có được mọi thứ trên thế gian này, với một điều kiện duy nhất: mùi đó phải mới. Mùi mồ hôi ngựa cũng quý như hương xanh mềm mại phảng phất từ nụ hoa hồng chớm nở, mùi cay xè của con rệp không dở hơn mùi thịt bê quán mỡ rán toả ra từ bếp nhà giàu. Nó uống tất, nó ngốn tất vào trong người. Và trong cái nhà bếp tưởng tượng để tổng hợp mùi vị của nó, nó thường xuyên tạo ra những hỗn hợp mùi mới, cũng chưa có một nguyên tắc thẩm mỹ nào. Toàn những thứ kỳ quái nó tạo ra rồi phá đi như một đứa trẻ chơi xây nhà, sáng tạo và phá hoại, không theo một nguyên tắc nào cả.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 8

Vào ngày 1 tháng Chín 1783, thành phố Paris đốt pháo bông ở Pont Royal kỷ niệm ngày đăng quang của Đức Vua. Tuy không ngoạn mục bằng lần mừng hôn lễ của Ngài Ngự hay cái lần đốt pháo bông

đẹp như truyện cổ tích mừng sinh hạ thái tử nhưng dẫu sao cũng gây ấn tượng mạnh. Người ta gắn lên cột buồm tàu bè những bánh xe vẽ hình mặt trời màu vàng. Từ trên cầu, những cái gọi là con bò lửa phun lửa như sao sa xuống dòng sông. Trong khi khắp nơi pháo đại nổ inh tai và pháo chuột đi đẹt trên đường đá thì pháo bông vọt lên trời, vạch những bông huệ trắng trên nền trời đen thẫm. Cả mấy ngàn người, vừa trên cầu vừa trên hai bờ sông, thích thú theo dõi cảnh ngoạn mục với những tiếng “Ồ” “Chà” “hoan hô” thậm chí cả “vạn tuế” nữa, dù Đức Vua ở ngôi đã ba mươi tám năm và đã từ lâu không còn được ưa thích như xưa. Pháo bông làm nổi cả những điều như thế đấy.

Grenouille đứng lặng im bên bờ phải, trong bóng tối của Pavillon de Flore, ngang với Pont Royal. Nó chẳng thèm vỗ tay, cũng chẳng thèm nhìn pháo bông vọt lên trời. Nó đến đây vì nghĩ rằng có thể đánh hơi được cái gì mới nhưng rồi thấy ngay là chuyện bắn pháo bông không đem lại mùi gì mới cả. Những thứ phung phí loé ra, phun lên, nổ và rít kia để lại một hỗn hợp mùi hết sức đơn điệu của lưu huỳnh, dầu và hoả tiêu.

Nó đã định bỏ cái buổi trình diễn tẻ nhạt này để đi dọc theo Gallerie de Louvre về nhà, chợt gió mang đến nó một cái gì đó, nhỏ xíu, rất khó nhận ra, một mẫu, một phân tử mùi thơm, không phải, ít hơn nữa, một dự cảm về mùi thơm chứ chưa phải là một mùi thơm thật sự, nhưng đồng thời lại là một dự cảm chắc chắn về cái mà nó chưa từng ngửi bao giờ. Nó tựa vào tường, nhắm mắt lại, hình hình mũi. Cái mùi mỏng mảnh và thanh khác thường khiến nó không giữ chặt nổi, cái mùi ấy không ngừng vượt khỏi mọi cảm nhận của nó, bị khói pháo đại phủ mất, bị ngăn chặn bởi mùi của cái khối người, bị băm ra và bị nghiền nát bởi cả nghìn thứ mùi khác của thành phố. Nhưng rồi đột nhiên lại hiện ra, một mẫu nhỏ thôi, một giây thôi như một báo hiệu tuyệt vời... rồi lại biến ngay. Grenouille quần quai. Lần đầu tiên không phải chỉ cái tính tham lam của nó bị tổn thương mà thật sự tim nó đau đớn. Nó linh cảm kỳ lạ rằng mùi thơm này là chìa khoá để định đoạt mọi mùi thơm khác, sẽ không hiểu gì về mùi nếu không hiểu chính cái mùi này và nó, Grenouille, sẽ phí cuộc đời nếu không được cái mùi ấy. Nó phải có được mùi này, không phải chỉ để mà có mà còn vì sự thanh thản của trái tim. Nó nôn nao phát sốt lên được. Nó còn chưa tìm ra được cái mùi thơm ấy đến từ hướng nào. Có khi mất đến mấy phút mới lại có một mẫu bay đến và mỗi lần như thế thì nó kinh hoàng, sợ rằng sẽ mất luôn. Cuối cùng thì nó tự trấn an trong niềm tin tuyệt vọng rằng mùi thơm đến từ bên kia sông, đâu đó từ hướng đông nam.

Nó rời khỏi tường của Pavillon de Flore, chui vào đám đông, chen lách đường qua cầu. Cứ sau vài bước nó lại nhón chân để đánh hơi trên đầu đám đông, lúc đầu nó chẳng ngửi thấy gì cả vì quá nôn nao, rồi thấy chút ít, lần mò ra cái mùi thơm, mạnh hơn trước, vậy là đúng hướng rồi, nó lại ngụp vào đám đông, tiếp tục lẩn qua đám hiếu kỳ và những người chằm pháo cứ liên miên đi đuốc vào ngòi pháo bông, lại mất tông tích mùi thơm trong làn khói cay xè, nó hốt hoảng, tiếp tục đẩy, huých và lẩn tới, sau không biết bao nhiêu là phút nó mới tới được bờ bên kia. Hotel de Mailly, Quai Malaquest,

cửa ngõ của Rue de Seine...

Nó dừng lại đây, lấy sức và đánh hơi. Nó gặp rồi. Nó giữ chặt lấy. Như một giải lụa, cái mùi ấy kéo xuống Rue de Seine, rõ rệt không nhầm được, tuy nhiên vẫn còn rất mỏng mảnh và thanh. Grenouille thấy tim nó rộn làm sao và biết không phải gắng sức chạy nên tim đập nhanh mà vì vừa hồi hộp vừa bối rối trước sự hiện hữu của mùi này. Nó thử moi trong trí nhớ cái tựa tựa như thế nhưng phải vất bỏ mọi so sánh. Mùi này tươi mát nhưng không phải tươi mát của chanh, lá cam hay của lựu, không phải tươi mát của mật nhĩ lạp hay vỏ quế, bạc hà hay vỏ cây phong, long não hay lá thông, cũng không phải của mưa tháng Năm, hay gió bắc hay mưa nguồn...đồng thời lại ấm, nhưng không phải cam chanh, cây bách hay xạ hương, không như hoa nhài và thủy tiên, không như gỗ hồng, cũng không giống như cây khoa diên vĩ...Mùi này là hỗn hợp của hai thứ đó, của cái chóng phai và cái tồn tại, không phải hỗn hợp mà là một sự thống nhất, khiêm nhường và yếu đuối nhưng là một sự chắc chắn và bền bỉ như một dải lụa mỏng óng ánh...cũng không giống lụa mà giống sữa hoà thêm với bánh bích quy, ngọt như mật ong. Sữa và lụa! Cố gắng đến đâu cũng không thể hợp hai thứ này với nhau được. Thật không hiểu được cái mùi này, không diễn tả được, không cách gì xếp loại nó được, không thể nào có cái mùi ấy được. Vậy mà rành rành đó như một hiển nhiên tuyệt diệu.

Grenouille lần theo với trái tim thấp thỏm vì nó ngờ rằng không phải nó đi theo mùi thơm ấy mà mùi thơm bắt được nó và kéo nó tới gần, không cưỡng lại được.

Nó ngược lên Rue de Seine. Đường không bóng người, nhà cửa vắng hoe, im lìm. Thiên hạ xem bắn pháo bông phía dưới sông. Ở đây không mùi người hối hả làm bực mình, không mùi thuốc pháo cay sè. Đường toả mùi thông thường của nước, phân, chuột và rau bỏ đi. Bên trên cái mùi ấy lơ lửng cái giải mùi dẫn Grenouille mỏng mảnh như rõ rệt. Sau vài bước, bầu trời đêm mờ mờ bị những nhà cao tầng nuốt chửng và Grenouille tiếp tục đi trong bóng tối. Nó không cần nhìn. Đã có mùi dẫn nó đi. Chắc chắn.

Sau năm mươi mét nó rẽ phải sang Rue des Marais, hẹp chỉ vừa một dải tay và có vẻ tối hơn. Cái mùi không đậm hơn mấy thì lạ thật. Chỉ tinh khiết hơn. Và càng tinh khiết hơn thì sức hút càng mãnh liệt hơn. Grenouille bước đi không tự chủ. Đến một nơi, cái mùi giật nó sang bên phải, có vẻ như đâm thẳng vào tường của một ngôi nhà nào đó. Một lối đi thấp hơn, dẫn vào sân trong. Grenouille qua hết lối đi này, như một kẻ mộng du, đi hết sân, rồi lại rẽ một lần nữa sang cái sân thứ nhì, nhỏ hơn, ở đây có ánh sáng, đó là một vuông đất chỉ độ vài bước chân. Một mái hiên gỗ nghiêng bên tường. Phía dưới là một cái bàn có ghế nện. Một cô gái đang ngồi đây rửa mớ vàng. Cô nhặt những trái mớ từ cái giỏ bên trái, cắt cuống, tách hạt rồi thả vào chậu. Cô bé cỡ mười ba, mười bốn tuổi. Grenouille đứng yên. Nó biết ngay cái nguồn của mùi thơm mà nó đã ngửi thấy suốt hơn nửa dặm đường, tận bờ sông bên kia, không phải cái sân bần thủ này, không phải những trái mớ vàng. Cái nguồn là cô gái.

Trong một lúc hoang mang, nó đã thật sự nghĩ rằng nó chưa từng gặp trong đời cái gì đẹp như cô bé.

Thật ra nó chỉ thấy bóng cô từ phía sau, ngược với ngọn nến nên dĩ nhiên là nó nghĩ rằng chưa từng ngửi thấy cái gì đẹp đến thế. Bởi vì nó đã từng biết mùi người, hàng ngàn ấy chứ, mùi đàn ông, đàn bà, trẻ con nên nó không chịu tin rằng một cái mùi tuyệt vời như thế lại có thể toả ra từ người. Và chẳng mùi người gớm chết và chả có gì đáng nói. Mùi trẻ con nhạt nhẽo, đàn ông khai khú như mồ hôi chua và phó mát, đàn bà có mùi mỡ ôi và cá ươn. Hoàn toàn chẳng hấp dẫn gì, ghê tởm nữa. Và vì thế mà lần đầu tiên trong đời Grenouille không tin vào mũi mình, phải cần thêm mắt để trợ giúp tin vào cái nó đã ngửi. Tất nhiên sự xáo trộn giác quan không kéo dài lâu. Thật sự nó chỉ cần có một nháy mắt để được chắc chắn qua thị giác để rồi ngay sau đó miệt mài với những cảm nhận của khứu giác. Bây giờ thì nó ngửi ra cô gái là người, ngửi mồ hôi trong nách cô, chất nhờn của tóc, mùi của cả chỗ kín, ngửi với sự hả hê lớn nhất. Mồ hôi cô tươi mát như gió biển, dầu nhờn của tóc ngọt như dầu hồ đào, chỗ kín như một bó hoa súng, da như thể hoa mơ. Những thành phần này kết hợp với nhau cho một thứ nước hoa thơm ngát, cân đối, thần diệu đến nỗi tất cả những thứ nước hoa Grenouille đã ngửi đến nay, tất cả những gì của cái toà nhà mùi mà nó đã tạo ra như đùa bên trong nó thoát chốc tàn lụi, chẳng còn chút ý nghĩa nào. Cả trăm nghìn mùi cũng không bằng một cái mùi này. Mùi này là nguyên lý để sắp xếp những mùi khác theo khuôn mẫu của nó. Nó là cái đẹp thuần túy.

Grenouille chắc chắn rằng không có được mùi này thì đời nó không có nghĩa gì nữa. Nó phải biết đến tận chi tiết nhỏ nhất, biết đến chân tơ kẽ tóc mỏng mảnh cuối cùng, chỉ nhớ bao quát thôi thì không đủ. Nó muốn in, như thể với dấu ấn, cái nước hoa toàn mỹ này, vào cái mở hồ lớn trong tâm hồn đen tối của nó, rồi nghiên cứu tường tận để từ đó chỉ còn có nghĩ, sống và ngửi theo những cấu trúc nội tại của cái công thức kỳ diệu này.

Nó chậm rãi tới gần cô bé, gần hơn nữa, đến sau lưng cô bé một bước thì dừng lại dưới mái hiên. Cô không nghe thấy nó.

Cô bé tóc đỏ, mặc quần áo hở tay màu xám. Tay cô trắng muốt và hai bàn tay cô vàng nước trái mơ. Grenouille cúi xuống, uống cái mùi lúc này không trộn lẫn toả lên từ gáy, từ tóc, từ cổ áo của cô, để cái mùi ấy trôi vào trong người như một làn gió nhẹ. Chưa bao giờ nó thoải mái như thế. Còn cô bé thấy lạnh.

Cô cứng đờ người vì sợ khi nhìn thấy nó, còn nó có thừa thì giờ để đặt hai tay quanh cô. Cô không kêu, không nhúc nhích, không một động tác chống cự. Nó không nhìn khuôn mặt thanh tú đầy tàn nhang, cái miệng đỏ tươi, đôi mắt to xanh lóng lánh vì nó nhắm nghiền mắt khi bóp cổ cô bé. Nó chỉ lo lắng có một điều: để mắt, dù chỉ chút xíu, mùi thơm của cô.

Khi cô bé đã chết, nó đặt cô trên nền đất giữa những hột trái mơ vàng, xé tung quần áo cô và cái dòng mùi thơm trở thành cơn lũ, tràn ngập nó. Nó úp mặt vào da cô, phồng to hai lỗ mũi, hít từ bụng đến ngực, lên cổ, tới mặt cô rồi lại từ tóc xuống bụng xuống chỗ kín, tới đùi rồi đôi chân trắng. Nó

ngửi từ đầu tới ngón chân, nó thu nốt mùi thơm còn sót ở cằm, ở rốn và ở những nếp gấp của khuỷu tay.

Sau khi đã rút hết hơi hương của cô bé, nó còn ngồi xồm cạnh cô một lúc để trấn tĩnh lại vì nó đầy ứ mùi cô. Nó không muốn để rơi chút nào. Nó phải đóng kín những vách ngăn trong người nó đã. Rồi nó đứng dậy, thối tất nển.

Giờ này những người trở về nhà đầu tiên đang lục tục ngược Rue de Seine, ca hát và “vạn tuế” om sòm. Trong bóng đêm Grenouille ngửi ra con hẻm rồi sang Rue des Petits Augustins dẫn xuống sông, song song với Rue de Seine. Chỉ lát sau người ta phát hiện xác chết. Tiếng kêu la nổi lên. Đuốc được đốt lên. Lính canh đến. Grenouille đã sang bờ bên kia từ lâu rồi.

Tối hôm ấy, nhà kho đôi với nó như thể cung điện và cái bệ gỗ chẳng khác giường có treo màn trướng. Nó chưa từng biết trong đời thế nào là hạnh phúc. Nhiều lắm thì nó cũng chỉ biết vài trạng thái rất hiếm hoi của sự vừa ý không thật rõ nét. Bây giờ nó run lên vì sung sướng và không ngủ được vì chứa chan hạnh phúc. Như thể nó được sinh ra lần thứ hai, không, không phải lần thứ hai, lần đầu mới đúng vì cho tới ngày nay nó chỉ hiện hữu như một con vật trong sự hiểu biết vốn hết sức mù mờ của nó. Cùng với ngày hôm nay, rút cục có vẻ nó biết nó thật sự là ai: không gì khác hơn là một thiên tài, cũng như đời nó có ý nghĩa, mục đích và sứ mạng cao cả hơn, cách mạng mùi thơm của thế giới, trên thế giới này chỉ riêng nó mới có đủ phương tiện: đó là cái mũi độc đáo, cái bộ nhớ phi thường của nó, và quan trọng hơn cả, cái mùi thơm mãi mãi không thể quên của cô gái ở Rue des Marais với cái công thức diệu kỳ chứa đựng tất cả những gì cần thiết để làm ra mùi thơm – nước hoa – tuyệt vời, đó là sự mỏng mảnh, sức mạnh, sự dẻo dai, đa dạng và vẻ đẹp kinh hoàng không cưỡng nổi. Nó đã tìm thấy kim chỉ nam cho cuộc sống tương lai. Giống như một thiên tài góm ghiếc, như cái bọn người mà một sự cố nào đó ngoài đời có thể vạch một lối đi thẳng tắp trong cái đồng hồ hỗn độn xoắn xuýt của linh hồn họ. Grenouille không bao giờ đi chệch cái phương hướng mà nó tin rằng đã phát hiện ra cho số phận của nó. Bây giờ thì nó hiểu rõ tại sao nó bám cuộc đời bền bỉ và kiên quyết như thế, nó phải trở thành kẻ sáng tạo ra mùi. Không phải như bất kỳ ai. Phải là người chế nước hoa vĩ đại nhất từ cổ chí kim.

Ngay tối hôm ấy nó kiểm tra lại, mới đầu thức, sau trong mơ, cái bãi bọn bề mênh mông của ký ức. Nó xem lại triệu triệu những khối mùi và xếp chúng theo một trật tự có hệ thống: tốt đi với tốt, dở đi với dở, thanh theo thanh, thô theo thô, hôi với hôi, thơm với thơm. Trong tuần tới cái thứ tự này sẽ càng được chia nhỏ hơn, bảng liệt kê mùi sẽ càng phong phú và chi li hơn, thứ bậc ngày một rõ rệt hơn. Và nó sắp có thể bắt đầu dựng những công trình mùi đầu tiên được trù tính kỹ càng: nhà, tường, cầu thang, tháp, hầm, phòng ốc, phòng bí mật... một thứ pháo đài của những thành phần mùi tuyệt vời nhất ngày ngày được mở rộng thêm, làm đẹp thêm và xây dựng hoàn hảo thêm trong người nó.

Một vụ giết người mở đầu cho sự huy hoàng này đôi với nó là hoàn toàn không đáng bận tâm, ngay cả nếu nó có ý thức. Nó không còn có thể nhớ gì về hình ảnh như mặt, mũi, thân thể của cô gái ở Rue des Marais nữa cả. Nó đã giữ kỹ cái quý nhất của cô làm của riêng: cái nguyên lý mùi thơm của cô.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 9

Thửa ấy ở Paris có khoảng một tá nhà làm nước hoa giỏi. Sáu người ở bờ phải sông, sáu người ở bờ trái, người còn lại ở ngay chính giữa, trên Pont au Change nối bờ phải với khu Ile de la Cité. Hai bên cầu san sát những nhà bốn tầng khiến ai có đi ngang sẽ chẳng thấy sông ở chỗ nào mà ngỡ rằng mình đang đi trên đường bình thường, nền móng vững chắc, ngoài ra còn hết sức thanh lịch. Quả thật, Pont au Change được coi là một trong những khu buôn bán đẹp nhất thành phố. Những cửa hàng có tiếng nhất nằm ở đây, những nhà kim hoàn, nhà làm đồ gỗ mỹ nghệ, làm tóc giả và túi xách tay giỏi nhất, may cắt quần áo lót và tất phụ nữ, làm khung ảnh, buôn giấy cuỡ ngựa, thêu ngũ vai, đúc cúc áo bằng vàng và chủ ngân hàng. Cửa hàng đồng thời là nhà ở của nhà làm nước hoa và găng tay Giuseppe Baldini cũng ở đây. Phía trên tủ kính trưng bày hàng căng một tấm trướng lộng lẫy màu xanh lá cây, bên cạnh treo huy hiệu của Baldini cũng bằng vàng: một lọ con với một bó hoa vươn ra khỏi lọ, thảm đỏ trải trước cửa cũng mang huy hiệu của Baldini thêu bằng chỉ vàng. Khi mở cửa chùm chuông Ba tư vang lên và hai con cò bằng bạc nhả từ mỏ chúng nước hoa đồng thảo vào một cái đĩa mạ vàng làm theo hình cái lọ trong huy hiệu của Baldini.

Baldini tự đứng sau cái quầy bằng gỗ hoàng dương màu sáng, già và cứng đờ như một cái cột, đội tóc giả có rầy bột bạc, áo khoác xanh da trời viền vàng. Một đám mây của nước hoa đại mà sáng nào ông cũng vẫy lên người bao phủ ông thấy rõ như thể đẩy ông vào một nơi xa xôi mờ ảo. Do đứng bất động, ông chẳng khác một món đồ của cửa hàng. Hoạ hoàn khi tiếng chùm chuông vang lên và hai con cò nhả nước thì sự sống trong người ông mới trở dậy, ông sẽ gặp người lại, nhỏ thó nhưng nhanh nhẹn, khom mình chào nhiều lần, phóng ra từ sau quầy nhanh đến nỗi đám mây nước hoa đại không thể theo kịp. Ông sẽ mời khách ngồi để giới thiệu những nước hoa và mỹ phẩm chọn lọc. Baldini có cả ngàn thứ. Từ Essences absolutes, dầu hoa, tanh-tuya, nước cốt, xạ, dầu thuốc, nhựa và đủ loại dược phẩm: khô có, lỏng có mà như sáp cũng có. Rồi đủ thứ po mát, bột nhồi, bột, xà bông, kem, túi bột thơm, keo tóc, sáp chải tóc, sáp giữ râu, thuốc tẩy mụn cóc, đá ki cho đến dầu

tắm, nước thơm, thuốc hồi sinh, giấm toa lét và vô số nước hoa thứ thật. Nhưng Baldini không chỉ thoả mãn với những sản phẩm này của cách sản xuất đẹp cổ điển. Ông có tham vọng thu thập trong cửa hàng mình tất cả những gì thơm hay liên quan đến thơm. Cho nên ông còn có cả kẹo thơm, nến thơm, dây thơm và đủ thứ gia vị từ hạt giống hồi đến vỏ quế, xi rô, rượu trái cây, nước trái cây, rượu vang từ đảo Síp, Malaga và Korinth, mật ong và cà phê, trà, mút, trái vả, kẹo sôcôla, nụ bạch hoa, dưa leo và hành ngâm giấm cũng như cá thu muối. Rồi xi thơm, giấy viết thư tắm nước hoa, mực để viết thư tình thơm mùi hoa hồng, cặp làm bằng da tốt, kẹp bút bằng gỗ đàn hương trắng, tráp và rương bằng gỗ tuyết tùng, bình và đĩa cho hoa ép khô, bình trầm bằng đồng thau, lọ con và hũ nhỏ với nắp mài từ đá hổ phách, găng tay và mùi xoa tắm nước hoa, hộp kim khâu với hoa đậu khấu, giấy gián tường tắm xạ hương giữ mùi lâu cả trăm năm.

Tất nhiên không có đủ chỗ cho tất cả những thứ này trong cái cửa hàng tráng lệ trông ra đường (hay ra cầu) và vì không có hầm cho nên không chỉ dành nhà kho mà còn tất cả tầng một, tầng hai và gần hết những phòng trông ra sông của tầng trệt làm kho. Hậu quả là trong nhà Baldini hỗn loạn mùi không sao tả được. Mỗi món hàng đều có chất lượng cao vì Baldini chỉ mua những thứ hạng nhất nhưng hỗn hợp mùi của chúng thì như thể một dàn nhạc cả nghìn người mà mỗi nhạc công chơi fortissimo (cực mạnh) một âm điệu khác nhau. Những người giúp việc và ngay cả Baldini đã mất hết cảm giác trước cái hỗn loạn ấy hết như các nhạc trưởng có tuổi đều bị lãng tai vậy. Cho đến vợ ông, ở trên tầng ba và vẫn kiên quyết chống lại việc nói kho lên đó, cũng chẳng còn thấy những mùi nọ làm phiền. Khách hàng mới tới đây lần đầu thì khác hẳn. Họ bị cái mùi hỗn tạp ấy hất vào mặt chẳng khác bị đâm rồi tùy thể chất mà lâng lâng hay choáng váng và chắc chắn họ hoang mang đến nỗi thường không nhớ đến đây để làm gì. Thằng nhỏ quên cái việc chủ giao, ông khách vạm vỡ chợt thấy mình yếu xiu. Nhiều bà mệnh phụ bỗng chợt lên cơn nửa động kinh, nửa sợ buồng kín, ngất đi và chỉ tỉnh lại sau khi được cho ngửi thứ thuốc hồi sinh hăng nhất gồm dầu đinh hương, amoniac và long não.

Thành ra không gì ngạc nhiên khi cái cụm chuông Ba Tư treo nơi cửa ra vào tiệm ông Baldini ngày càng ít reo hơn và hai con cò bằng bạc cũng ngày càng ít nhả nước ra hơn

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 10

“Ông Chénier ơi”, Baldini gọi từ sau quầy, nơi ông đã đứng thẳng như cột nhà và nhìn sững vào cửa ra vào hàng mấy tiếng đồng hồ “ông đội tóc giả vào đi!”. Ông Chénier, thợ phụ của ông Baldini, tuy trẻ hơn chủ một chút song cũng già rồi, từ đồng thùng dầu ô liu và những tảng dăm bông Bayonne treo lủng lẳng chui ra cái nơi sang trọng hơn của cửa tiệm. Ông ta lôi tóc giả từ áo khoác và chụp lên đầu. “Ông đi ư, ông Baldini?”

“Không”, ông Baldini đáp “Tôi về phòng làm việc mấy tiếng và tuyệt đối không muốn bị quấy rầy”. “Vâng, tôi hiểu. Ông thử một loại nước hoa mới”.

Baldini: đúng thế. Để tắm vào tắm da quý cho bá tước Verhamont. Ông ta đòi một thứ hoàn toàn mới. Ông ta đòi một thứ như... như... tôi nghĩ là ông ta đòi Amor và Psyche (Tình yêu và tâm linh), nghe đâu của cái tay ả tử ở Rue Saint-André-des-Arts, cái tay..cái tay...

Chénier: Pélissier.

Baldini: Phải rồi. Pélissier. Đúng hẳn. Cái tay làm ả tử. Amor và Psyche của Pélissier. Ông có biết cái thứ ấy không?

Chénier: Dạ có. Có chứ. Chỗ nào cũng ngửi thấy nó cả. Ở mỗi góc đường. Nhưng nếu ông muốn hỏi thì... chẳng có gì đặc biệt! Chắc chắn không thể nào bì được với loại mà ông sẽ sáng chế, thưa ông Baldini.

Baldini: Tất nhiên rồi.

Chénier: Cái Amor và Psyche này hết sức bình thường.

Baldini: Tầm thường?

Chénier: Tầm thường như mọi thứ của Pélissier. Tôi tin rằng trong đó có chanh lá cam.

Baldini: Thật ư? Còn những gì nữa?

Chénier: Có thể là tinh dầu hoa cam. Có khả năng là tinh dầu cây hương thảo. Nhưng tôi không dám nói chắc.

Baldini: Tôi chẳng quan tâm gì đến cái ấy.

Chénier: Dạ, tất nhiên rồi.

Baldini: Gã ả tử Pélissier trộn những gì trong nước hoa của gã thì mặc gã. Tôi chẳng cần phải ngửi qua một lần mới sáng tạo được.

Chénier: Dạ đúng thế.

Baldini: Ông biết đấy, tôi chẳng cần nhờ vào cảm hứng của ai. Ông biết đấy, tôi tự làm ra nước hoa của tôi.

Chénier: Thưa ông, tôi rõ.

Baldini: Tự tôi làm ra những thứ ấy.

Chénier: Dạ, tôi biết.

Baldini: Và tôi định sẽ chế cho bá tước Verhamont một thứ gây chấn động.

Chénier: Tôi hoàn toàn tin điều ông nói, thưa ông Baldini.

Baldini: Ông trông coi cửa tiệm nhé. Tôi cần được yên tĩnh. Ông Chénier, đừng để ai quấy rầy tôi nhé...

Thế rồi ông lê chân đi, lúc này không cứng đờ như pho tượng nữa mà còng xuống vì tuổi tác, như thể bị đánh, chậm chạp leo thang lên phòng làm việc ở tầng một.

Chénier lại đứng sau quầy, y hệt như chủ ông ta trước đó và nhìn sững cửa ra vào. Ông ta biết cái gì sắp đến trong những giờ phút sắp tới: trong tiệm chẳng có gì xảy ra còn trong phòng làm việc của Baldini trên kia sẽ là cái tai hoạ quen thuộc. Baldini sẽ cởi cái áo khoác xanh đậm nước hoa đại ra, ngồi vào bàn viết chờ cảm hứng. Cảm hứng sẽ không đến. Ông ta sẽ chạy vội đến cái tủ chứa hàng trăm lọ con rồi trộn hủ hoạ. Cái hỗn hợp này sẽ hỏng. Ông ta sẽ chửi rủa, mở toang cửa sổ và quăng nó xuống sông. Ông sẽ lại thử kiểu khác và cũng sẽ thất bại, sẽ la hét giận dữ và sẽ lên con nác trong cái phòng sục những mùi ấy. Khoảng bảy giờ tối ông sẽ đi xuống, khốn khổ, run rẩy, khóc và rên ri “Ông Chénier ơi, mũi tôi thế là hỏng rồi, tôi không thể tạo ra nước hoa được nữa, tôi không thể giao tấm da cho bá tước được, hỏng hết rồi, tim gan tôi héo hắt hết rồi, tôi muốn chết, ông Chénier ơi, làm ơn giúp tôi chết phứt đi cho rồi!” Rồi ông Chénier sẽ đề nghị sai người đến nhà gã Pélissier mua một lọ Amor và Psyche và ông Baldini sẽ đồng ý với điều kiện không một ai được biết về nỗi nhục nhã này, ông Chénier sẽ thề và tối đến họ sẽ bí mật tấm tấm da cho bá tước Verhamont với nước hoa của người khác. Nhất định sẽ như thế chứ không thể nào khác và Chénier ước chi vở hài kịch ấy qua cho rồi. Baldini không còn là nhà làm nước hoa giỏi nữa. Phải, xưa kia khi còn ở tuổi thanh niên ba bốn chục năm về trước, ông ta đã sáng tạo ra Bông hồng miền Nam và Bó hoa thanh nhã. Hai loại nước hoa của Baldini thực sự nổi tiếng. Ông giàu là nhờ thế. Nhưng bây giờ ông ta già rồi, suy nhược rồi, không nhận ra một cửa thời đại mới cũng như sở thích mới của con người và khi ông ta một lần nữa lại gắng gượng pha chế một loại nước hoa mới thì nó hoàn toàn lỗi thời, không bán được để rồi một năm sau sẽ đem hoà loãng thành mười lần, bán như phụ gia cho nước suối phun. Tội nghiệp ông ta, ông Chénier trầm nghĩ và kiểm lại trong gương mái tóc giả đủ ngay ngắn chưa, tội nghiệp ông già Baldini, thật tiếc cái cửa hàng đẹp đẽ vì ông ta sẽ đưa nó xuống dốc thôi, còn mình thật không may vì khi cửa hàng bị ông ta đưa xuống dốc rồi thì mình quá già, còn mua lại nó làm gì nữa.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 11

Đúng là ông Baldini có cõi áo khoác tắm nước hoa đại ra thật nhưng chỉ do thói quen. Đã từ lâu mùi nước hoa đại không cản trở gì ông trong việc ngủ vì đã cả chục năm nay áo ông tắm mùi này nên ông chẳng còn cảm thấy nó nữa. Ông đã khóa cửa phòng làm việc và đã đòi được yên tĩnh nhưng không ngồi vào bàn viết để nghĩ ngợi và chờ cảm hứng vì ông biết rõ hơn Chénier rằng ông sẽ chẳng có cảm hứng nào cả, vì thật sự ông chưa từng có cảm hứng bao giờ. Đúng là ông đã già và suy nhược, đúng thế, và không còn là một nhà làm nước hoa có tài nữa nhưng ông biết rằng trong đời ông chưa bao giờ là một nhà làm nước hoa giỏi cả. Bông hồng phương Nam và Bó hoa thanh nhã của Baldini ông mua lại của một người bán gia vị xứ Genua trong một lần người ấy đi qua đây. Những nước hoa khác của ông là những hỗn hợp biết đã từ lâu. Chưa bao giờ ông sáng tạo một cái gì cả. Ông không phải là nhà sáng tạo. Ông là người hoàn thành cẩn trọng những mùi đã được ưa thích, như một đầu bếp lão luyện có được cách nấu ngon, mở một tiệm ăn lớn nhưng không bao giờ sáng tạo được một món riêng. Toàn bộ trò bịp nào phòng thí nghiệm, nào thí nghiệm, nào cảm hứng, nào ra vẻ bí mật mà ông làm chẳng qua vì chúng là một phần của cái hình ảnh chuẩn trong nghề của một Maitre Parfumer et Grantier. Một nhà làm nước hoa cũng gần như một nhà giả kim, tạo nên phép lạ, người ta muốn thế mà, được thôi! Chỉ riêng ông biết rằng nghệ thuật của ông cũng chỉ là một nghề thủ công như mọi nghề khác thôi, và đây là niềm tự hào của ông. Ông không hề muốn là nhà sáng chế. Với ông thì sáng chế hết sức đáng nghi, vì nó luôn luôn có ý nghĩa là phá bỏ lề luật. Ông chẳng hơi đâu mà sáng chế một loại nước hoa mới cho bá tước Verhamont. Tất nhiên chiều nay ông cũng sẽ không để cho Chénier thuyết phục mua Amor và Psyche của gã Pélissier. Ông có rồi. Nó nằm kia trong một lọ thủy tinh nhỏ có nắp được mài trên bàn viết gần cửa sổ. Ông đã mua nó mấy hôm trước, dĩ nhiên không phải đích thân ông. Làm sao mà ông có thể tự đến gã Pélissier mua nước hoa được. Phải qua một trung gian, người này lại qua một trung gian khác... Phải thận trọng chứ. Baldini đâu có định tắm tắm da bằng nước hoa đó, chút xíu thế kia thì bỏ bèn gì. Ông có ý khác xấu xa hơn: bắt chước!

Thật ra đâu ai cấm! Chỉ vô cùng không ổn thôi. Lén lút nhái nước hoa của đối thủ rồi bán dưới tên mình là hết sức không ổn. Nhưng sẽ lại càng không ổn hơn nếu để bị bắt gặp, chính vì thế mà Chénier không được biết tí gì cả vì ông ta không được kín miệng.

Ồi, thật khôn khổ khi một người ngay thẳng buộc phải làm cái việc lươn lẹo! Thảm biết bao nhiêu khi bôi nhọ cái quý giá nhất của mình là danh dự bằng cái cách đê tiện như thế! Nhưng ông phải làm gì? Dù sao bá tước Verhamont là một khách hàng mà ông không thể để mất được. Hầu như ông chẳng còn khách hàng nào cả. Ông vẫn phải chạy tìm khách hàng đấy chứ. Chẳng khác nào khi ông

bắt đầu sự nghiệp hồi đầu những năm hai mươi bằng cách đi khắp đường phố với một thùng hàng trước bụng. Có Chúa biết là ông, Giuseppe Baldini, chủ cửa hàng nước hoa lớn nhất Paris, ở một địa điểm buôn bán tốt nhất, chỉ sống sót qua việc ông đến nhà khách hàng với một cái rương nhỏ trong tay. Ông chẳng thích thú tí nào với cái việc ấy vì ông sắp bảy mươi rồi và ghét phải đợi trong tiền sảnh lạnh ngắt để giới thiệu cho các hầu tước già nước hoa Nghìn hoa và giấm Bốn tên cướp hay thuyết phục họ mua thuốc xoa trị bệnh nhưc nửa đầu. Ngoài ra trong những tiền sảnh này là cả một sự cạnh tranh kinh tế. Như cái tay mới phát Brouet ở Rue Dauphine vỗ ngực tự xưng là có nhiều loại pomát nhất Châu Âu, hay tay Calteau ở Rue Mauconseil xoay sở được thành người cung cấp nước hoa cho gia đình nữ bá tước Artois, hay gã Antoine Pélissier ở Rue Saint-André-des-Arts hoàn toàn không thể lường trước được ấy, mùa nào gã cũng tung ra một loại nước hoa mới mà thiên hạ thích như điên.

Một thứ nước hoa như thế của Pélissier có thể làm đảo lộn thị trường. Có năm nước Hungari là một và Baldini đã phải trữ sẵn hoa oải hương, hoa cam chanh và hoa cây hương thảo để đáp ứng nhu cầu thì gã Pélissier tung ra Air de Musc (không khí xạ hương), một thứ nước hoa hết sức nồng mùi hương hươu xạ. Bỗng nhiên ai cũng phải có mùi như thú vật và Baldini buộc phải chế biến hoa hương thảo thành nước xoa đầu, còn hoa oải hương thì nhồi vào túi thơm. Rồi khi ông đã đặt mua đủ lượng hương hươu xạ, cây hương và hương hải ly cho năm sau, thì Pélissier sáng chế một loại nước hoa tên là Hoa rừng và gã thành công ngay tức thì. Đến khi Baldini, sau nhiều đêm thử tới thử lui hay tốn bộn tiền cho hồi lộ, cuối cùng tìm ra Hoa rừng gồm những chất gì thì Pélissier lại chiếm thượng phong với Đêm Thổ Nhĩ Kỳ hay Hương thơm Lissabon, hoặc Bouquet de la Cours, hoặc có quỹ mới biết được những gì nữa. Dù sao đi nữa thì với sự sáng tạo không kiềm chế được gã là một mối đe dọa cho toàn ngành. Ước gì những lề luật khắt khe xưa kia của phường hội lại được áp dụng. Ước gì có những biện pháp khắt khe đối với những kẻ phá rào để chống lại sự lạm phát nước hoa. Rút lại giấy phép của gã, phạt nặng nếu tiếp tục hành nghề... và gã phải học một khoá trước đã! Cái tay Pélissier này không phải là nhà làm nước hoa và gắng tay được đào tạo. Cha gã chỉ là một người làm giấm và gã cũng chỉ là một tay làm giấm, thế thôi. Và vì làm giấm cho nên được phép đụng chạm đến rượu cồn cho nên gã mới có thể xâm nhập vào lãnh vực dành riêng cho giới nước hoa và làm loạn cả lên như một thứ chồn hôi.

Mỗi mùa một thứ nước hoa mới để làm gì kia chứ? Có cần thiết không? Trước kia người ta hài lòng với nước hoa đồng thảo và những bó hoa giản dị, cả chục năm mới đổi chút ít. Suốt hàng nghìn năm con người ta vẫn hài lòng với trầm hương và mật nhỉ lạp, một vài loại nhựa thơm, dầu thơm rau thơm phơi khô. Ngay cả khi con người ta học được cách dùng bình cổ cong và nồi chưng cất để nhờ hơi nước mà tách mùi thơm dưới dạng dầu biến thành hơi khỏi cỏ, hoa và gỗ, hoặc ép nó ra từ hạt, nhân, hoặc vỏ trái cây với những dụng cụ để ép bằng gỗ sồi, hay chiết nó ra từ cánh hoa bằng mỡ đã được

lọc cẩn thận thì số lượng nước hoa vẫn còn khiêm nhường. Thử ấy thì một gã như Pélissier đứng hòng giờ trò vì lúc bấy giờ chỉ để làm ra một thứ pomát đơn giản thôi đã cần phải có những khả năng mà cái gã làm giấm giả kia không dám mơ tới. Anh không chỉ biết có chung cất mà còn phải là người làm thuốc mỡ, nhà bào chế, nhà giả kim, đồng thời là một nghệ nhân, nhà buôn, nhà nhân văn học và người làm vườn. Anh phải phân biệt được mỡ cừu với mỡ bê, cây đồng thảo Victoria với cây đồng thảo ở Parma. Anh còn phải biết tiếng La tinh. Anh phải biết khi nào thì gặt cây hương nhật quy, khi nào cây quỳ thiên trúc nở hoa và khi nào hoa nhài mát thơm khi mặt trời mọc. Tất nhiên gã Pélissier chẳng biết tí gì về những cái ấy. Có lẽ gã chưa bao giờ ra khỏi Paris và chưa từng thấy hoa nhài nở trong đời gã. Nói chi tới biết phải làm cất lực khủng khiếp để vắt được từ trăm nghìn bông hoa nhài một cục nhỏ Concrète (cô đặc) hay vài giọt Essence absolute. Có lẽ gã chỉ biết cái chót, có nghĩa là biết hoa nhài như một chất lỏng đậm đặc nâu sậm trong cái lọ nhỏ để trong tủ sắt, cạnh nhiều lọ nhỏ khác mà gã vẫn dùng để pha những nước hoa thành một của gã. Không, một tay như gã sẽ chẳng làm được trò trống gì trong cái thời nghệ nhân ra nghệ nhân ngày trước. Bởi vì gã thiếu đủ thứ: cá tính, học vấn, sự tri túc và ý thức về sự khép mình trong phường hội. Sự thành công của gã về nước hoa hoàn toàn dựa vào một sáng kiến phát huy cách đây hai trăm năm của Mauritius Frangipani – một người Ý thiên tài – rằng hương liệu hoà tan trong rượu tinh cất. Trộn bột thơm với rượu tức là Frangipani đã chuyển mùi thơm sang chất lỏng dễ bay hơi, tách mùi thơm khỏi vật thể, siêu trần hoá mùi thơm, biến thành mùi thơm thuần túy, nói gọn là ông ta đã tìm ra nước hoa. Thật là một kỳ công! Một thành tựu có tính thời đại! Đúng là chỉ có thể so sánh với những thành quả vĩ đại của loài người như sáng tạo ra chữ viết của người Assyria, hình học Euclide, tư tưởng Platon và sự biến thái của nho sang rượu vang của người Hy Lạp! Một kỳ công thật vô tiền khoáng hậu!

Tuy nhiên cũng như mọi kỳ tích trí tuệ khác không chỉ rọi sáng mà còn phủ bóng tối, đem lại cho nhân loại lợi ích lẫn phiền muộn và khốn khổ thì phát kiến tuyệt vời của Frangipani tiếc thay cũng có hậu quả tai hại: bởi vì nay khi anh học được cách giữ cái tinh túy của hoa, của cỏ, của gỗ cũng như của nhựa cây và của thú vật trong rượu tinh cất, và cách đóng vào chai thì nghệ thuật chế biến nước hoa cứ vượt dần khỏi tay một số người trong nghề có khả năng bao quát, để cho bọn khoác lác len lỏi vào, miễn là chúng có được cái mũi tạm gọi là nhạy, cái gã chồn hôi Pélissier này chẳng hạn. Chẳng bận tâm xem bằng cách nào có được cái chất tuyệt vời trong các lọ con, gã cứ một mực theo ý thích của khứu giác, trộn cái gã vừa nghĩ ra hoặc cái mà thiên hạ đang muốn.

Chắc chắn là gã chó đẻ Pélissier này tuy mới ba mươi lăm tuổi mà đã có một gia tài lớn hơn của ông, Baldini, tích lũy được trong suốt ba đời không ngừng làm việc vất vả. Và mỗi ngày gã một thêm giàu còn ông thì cứ nghèo đi. Ngày trước làm gì có thể như thế được! Chỉ mới vài chục năm nay mới có chuyện một nghệ nhân tăm tiếng đồng thời là một commercant (nhà buôn) có uy tín phải đấu tranh vật lộn để tồn tại! Chỉ từ khi mà thói đam mê sự mới lạ một cách quá trớn bùng ra khắp nơi và trong

mọi lãnh vực thì mới sinh ra cái trò tha hồ xông xáo, cái trò thí nghiệm điên cuồng, cái thói thèm khoe mẽ này trong buôn bán, giao thông và khoa học!

Hay là cái trò say mê vận tốc! Đường xá đào bới khắp nơi để làm gì, những cây cầu mới nữa, để làm gì? Lợi lộc gì nếu đi từ đây đến Lyon chỉ mất có một tuần. Ai thích mới được chứ? Cho ai? Hay là vượt Đại Tây Dương, phóng sang châu Mỹ trong một tháng, làm như thể nghìn năm qua người ta sống không nổi vì không có cái châu ấy. Con người văn minh đã đánh mất gì trong rừng già của người da đỏ hay nơi bọn da đen? Họ còn đi đến cả Lappland tuốt trên phía Bắc muôn đời băng giá, nơi bọn mọi rợ ăn thịt sống nhấm. Rồi họ còn muốn tìm một châu nữa nghe đâu ở nam Thái Bình Dương, nghĩa là ở tận đâu đâu. Cái trò điên khùng ấy để làm gì? vì rằng những bọn khác cũng làm như thế, bọn Tây Ban Nha, bọn Anh trời đánh, bọn Hà Lan vô liêm sỉ, rồi thì sẽ phải đánh nhau thôi, mà cái này thì không kham nổi. Một cái tàu chiến cũng phải đến 300000 livres, từ thuế anh đóng, chi cần trúng một quả đại bác là sẽ chìm ngay trong năm phút, chìm vĩnh viễn. Mới đây ngài bộ trưởng tài chính đòi thu thuế tới một phần mười thu nhập, có nghĩa là sẽ đưa anh đến phá sản, bấy nhiêu cũng đủ làm anh nản chí rồi, dù không trả đi chẳng nữa.

Nổi bất hạnh của con người xảy đến vì anh không chịu ở yên trong cái phòng của anh, Pascal nói thế. Mà Pascal là một vĩ nhân, một Frangipani của trí tuệ, xét cho cùng là một nghệ nhân thật sự, và một người như thế này ngày nay chẳng ai cần đến nữa. Bây giờ người ta đọc những sách gây bạo động của bọn Huguenot [1] hay bọn Anh. Hoặc là họ viết luận văn hay những cái gọi là tác phẩm khoa học vĩ đại đặt lại không thừa một vấn đề nào. Không còn gì là đúng nữa cả, mọi sự bỗng chốc khác đi. Mới đây họ lại bảo rằng có những vật vô cùng nhỏ, trước không hề thấy, bơi trong ly nước, rằng giang mai là một bệnh cũng bình thường chứ không phải là sự trừng phạt của Chúa nữa, cũng như không phải Chúa đã khai thiên lập địa trong bảy ngày mà suốt cả triệu năm và chắc gì đã là Chúa; rằng bọn mọi rợ cũng là người như chúng ta hay chúng ta không biết cách dạy dỗ con cái, và trái đất không còn tròn trịa cho tới nay mà dẹt ở trên và ở dưới như trái dưa, làm như khác biệt ghê gớm lắm! Trong mỗi một lãnh vực họ đều đặt vấn đề, đào sâu, nghiên cứu, soi mói và thử lung tung cả. Bây giờ chỉ nói cái ấy cái nọ là như thế này, như thế kia là không còn đủ nữa; mọi sự phải được chứng minh, tốt nhất là có người chứng vào số liệu cũng như vài thí nghiệm vớ vẩn nào đó. Những kẻ viết lách như Diderot, d'Alembert, Voltaire, Rousseau hay tên là gì cũng vậy thôi, trong đó có cả các ngài cố đạo và quý tộc nữa chứ, đã bắn khoản một cách xảo trá, đã thích thú hoàn toàn khi không chịu chấp nhận hay vừa lòng với mọi chuyện trên đời, nghĩa là đầu óc họ hỗn loạn không cùng. Thế mà họ đã đầu độc được toàn xã hội những điều như thế đấy!

Nhìn đâu cũng thấy cuồng nhiệt. Người ta đọc sách, kể cả phụ nữ. Cố đạo la cà trong quán cà phê. Vậy mà khi cảnh sát ra tay, tổng một trong những tên trùm vô lại nói trên vào ngục thì giới xuất bản gào toáng lên, đưa thư thỉnh nguyện và những ông những bà quyền quý nhất sẽ dùng ảnh hưởng của

họ để sau một vài tuần hẳn được thả ra hay cho ra nước ngoài để rồi hẳn chẳng ngại ngục mà không tiếp tục viết những luận văn như thế. Trong các phòng khách người ta chỉ toàn tán gẫu về quỹ đạo của sao chổi và các chuyến thám hiểm, về đòn bẫy và Newton, về xây kênh đào, về sự tuần hoàn của máu, và về đường kính của quả đất.

Ngay đến Đức Vua cũng vừa ngự lãm một sự vớ vẩn vừa thành mốt, một thứ sấm sét nhân tạo gọi là điện: trước toàn thể triều đình, một gã cọ xát vào một cá chai, lửa toé ra và nghe đâu đã gây cho Hoàng thượng một ấn tượng sâu sắc. Không thể nào hình dung ra được rằng cụ cố của Ngài, Đức vua Louis thật sự lỗi lạc mà Baldini có diễm phúc được sống nhiều năm dưới sự trị vì đầy ân đức, lại cho phép giới thiệu cái trò lố bịch đó trước mắt Ngài! Nhưng mà thời đại mới thì quan tâm mới và rồi mọi sự sẽ kết thúc bất hạnh mà thôi!

Và khi người ta có thể không ngần ngại hồ nghi một cách láo xược nhất quyền uy của Giáo hội, khi mà người ta nói về nền quân chủ, cái này cũng là do ý Chúa mà ra, và về cá nhân Hoàng thượng thiêng liêng như thể chỉ là hai thứ có thể thay đổi trong cái danh mục các thể chế có thể chọn lựa tùy thích, khi mà người ta đã sa đoạ đến nỗi coi cả Chúa, coi chính đấng Toàn năng là không cần thiết và long trọng tuyên bố rằng không có Người thì kỷ cương, đạo đức và hạnh phúc trên trái đất vẫn hình thành được, hoàn toàn do nhân cách bẩm sinh và lý trí của chính con người... thì lạy Chúa, lạy Chúa, người ta đừng ngạc nhiên khi trên dưới lộn tùng phèo, đạo đức suy đồi, và sẽ hứng chịu sự trừng phạt của chính Ngài mà họ đã chối bỏ. Rồi sẽ kết thúc khốn khổ thôi! Cái sao chổi khổng lồ năm 1681, mà họ chế nhạo rằng chẳng phải gì khác ngoài một đồng tinh vân, thật ra là một dấu hiệu cảnh tỉnh của Chúa vì nó đã báo trước một thế kỷ suy tàn, băng hoại, rằng loài người rồi sẽ tự chôn vùi trong vũng bùn tinh thần, chính trị và tôn giáo mà họ tự gây ra, và trong đồng bùn đó chỉ còn những loại hoa hôi rình loè loẹt như gã Pélissier kia phát triển, quả y như rằng.

Đứng bên cửa sổ ông Baldini già nua cau có nhìn dòng sông, tránh tia nắng tà. Những tàu hàng đột ngột nhô lên dưới chân ông, chậm chạp đi về phía Tây, hướng Pont Neuf và bến cảng phía trước khu trưng bày tranh Louvre. Không tàu nào chống sào đi ngược dòng tại đây, họ chọn nhánh sông bên kia hòn đảo. Ở nhánh sông này chỉ có trôi đi tàu có hàng cũng như tàu không có hàng, xuống chèo bằng mái và những thuyền đáy bằng của dân chài, nước nâu dơ bẩn cũng như xoáy nước màu vàng, tất cả trôi đi, chậm chạp, cùng khắp, không ngừng. Và khi Baldini nhìn chúc xuống dưới, sát với tường nhà thì thấy như thể dòng nước cuốn đi cái móng của cây cầu làm ông chóng mặt.

Mua cái nhà trên cầu này là một sai lầm, chọn cái nhà ở phía tây là một sai lầm gấp đôi. Giờ thì ông có trước mắt cái dòng sông không ngừng chảy đi và ông chợt nghĩ rằng chính ông, ngôi nhà của ông và sự giàu có ông kiếm được trong hàng chục năm cũng trôi đi như dòng sông mà ông thì quá già và quá yếu để cản cái sức chảy mãnh liệt kia. Thỉnh thoảng khi có việc bên bờ trái, quanh cái khu Sorbonne hay Saint-Sulpice, ông không đi ngang hòn đảo và Pont Saint-Michel mà chọn con đường

vòng qua Pont Neuf vì trên cầu này không xây nhà, rồi ông tựa thành cầu phía đông nhìn về phía thượng lưu để được thấy ít nhất một lần mọi thứ trôi về phía ông, để được đắm mình giấy lát trong sự tưởng tượng rằng chiều hướng của đời ông đã thay đổi và làm ăn phát đạt, gia đình thịnh vượng, phụ nữ chạy theo ông và sản nghiệp của ông, thay vì hao mòn dần, cứ lớn thêm mãi.

Nhưng rồi khi ngược lên chỉ một chút thôi, ông thấy cách đó vài trăm mét ngôi nhà của ông ọp ẹp và cao nghều trên Pont au Change, thấy phòng làm việc của ông trên tầng một, thấy cả ông đứng đó nhìn xuống dòng sông, quan sát làn nước trôi đi như lúc này đây. Và thế là giấc mơ đẹp tan biến, chỉ còn Baldini đứng trên Pont Neuf, quay đi, nản lòng hơn trước, nản lòng như lúc này đây khi ông rời khỏi cửa sổ, ngồi vào bàn viết.

Chú thích:

[1] Tên gọi những người theo đạo Tin lành ở Pháp vào thế kỷ 16

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 12

Trước mặt ông là lọ nước hoa của Pélissier. Cái chất lỏng nâu vàng lấp lánh dưới ánh mặt trời, trong không gợn một tí vẩn đục nào. Trông vô tội vạ như nước trà nhạt vậy mà ngoài bốn phần năm còn còn một phần năm cái hỗn hợp đầy bí mật có thể làm cả một thành phố náo động. Mặt khác cái hỗn hợp này có lẽ hình thành bởi ba hoặc ba mươi chất khác nhau, được pha trộn với một tỉ lệ nhất định trong không biết bao nhiêu khả năng. Đó là cái hồn của nước hoa, nếu như người ta có thể nói tới hồn ở nước hoa của cái tay lái buôn lạnh lùng Pélissier được; phải tìm cho ra thành phần của nó. Baldini hỉ mũi thật kỹ rồi buông màn cửa sổ xuống vì ánh nắng mặt trời trực tiếp không tốt cho mọi hương liệu và làm giảm độ tinh khiết của mùi. Ông lấy từ trong ngăn kéo bàn viết một cái khăn sạch, màu trắng rồi giở ra. Đoạn nhẹ nhàng vặn nắp để mở cái lọ con. Trong lúc đó ông ngả hẳn đầu ra phía sau và bịt mũi lại, vì, lạy Chúa, ông không muốn có một ấn tượng vội vàng thẳng từ cái lọ. Phải ngửi nước hoa từ trạng thái hơi thăng hoa chứ không bao giờ đậm đặc. Ông vẩy vài giọt vào cái khăn, ve vẩy trong không khí để xua còn đi rồi đặt vào mũi. Ông hít ba lần mạnh và ngán cái mùi ấy vào trong người như hít bột, rồi thở phò ra ngay, quạt mấy cái, hít thở như thế lần nữa và cuối cùng hít một hơi thật dài và thở ra chậm chậm nhiều đợt như thả thả cho nó trượt trên một cầu thang thoải. Ông ném cái khăn lên bàn rồi ngả người vào lưng ghế.

Cái nước hoa thơm một cách đáng ghét. Tay Pélissier khôn kiếp này chẳng may có bản lĩnh thật. Một bậc thầy, xin Chúa tha tội, cho dù gã vô học gặp nghìn lần đi nữa! Baldini ước chi cái Amor và Psyche này là của ông. Không một chút gì tầm thường. Hoàn toàn quen thuộc, trọn vẹn và hài hoà. Tươi mát mà không mê hoặc. Là hoa nhưng lại không nhồn. Nó có chiều sâu, một chiều sâu nâu sậm, tuyệt diệu, dài lâu, thừa thãi nhưng không quá độ hay cường điệu.

Baldini đứng lên gần như kính cẩn, đặt khăn lên mũi lần nữa. “Tuyệt vời, tuyệt vời...”, ông lẩm bẩm và hít lấy hít để, “nó có cái gì vui tươi, dễ thương như thể một điệu nhạc, nó làm cho vui vẻ... Vợ vẫn, vui với vẻ!” Rồi ông tức giận ném khăn lên bàn, quay đi, tới cái góc xa nhất phòng, như thể xấu hổ về sự say mê của mình.

Để bị lôi cuốn vào những lời tán dương như vậy thì thật khôi hài! “Như một điệu nhạc. Vui tươi. Tuyệt vời. Vui vẻ” – Vợ vẫn! Rõ trẻ con! Lại vẫn ấn tượng nhất thời. Lại phạm sai lầm cũ. Hẳn là do tính khí. Chắc vì có mang dòng máu Italy trong người. Đừng phán đoán trong lúc đang ngủ. Đó là nguyên tắc thứ nhất. Baldini ạ, đồ con lừa già! Ngủ cho ra ngủ rồi phán đoán sau khi ngủ xong! Amor và Psyche không dở. Một sản phẩm thành công hoàn toàn. Một thứ khéo che đậy. Nếu không nói là đồ bịp. Không thể chờ đợi gì hơn ngoài sự bịp bợm ở một gã như Pélissier. Dĩ nhiên một gã như Pélissier đâu có sản xuất ra nước hoa rẻ tiền. Tên vô lại này bịp hết sức tinh vi bằng cách làm rối loạn khứu giác với một sự hài hoà tuyệt diệu; gã là một con sói đội lốt cừu trong nghệ thuật mùi thơm, nói tóm lại, một tên khà ó có tài. Và như thế còn tệ hơn cả một kẻ làm ăn cầu thả nhưng thành thật.

Nhưng còn mi, mi sẽ không để bị lừa bịp. Mi chỉ bị cái ấn tượng đầu tiên về cái đồ giả đó làm cho ngạc nhiên mất một lúc thôi. Ai biết được một giờ nữa nó có mùi gì, khi mà những chất bay hơi biến hết cả, tro ra cái khung? Hay là tối nay, khi chỉ còn những thành phần nặng, sẫm màu chứ bây giờ như thể trong lúc tranh tối tranh sáng, mùi chúng bị che bởi cái mùi dễ chịu của tấm màn dệt bằng hoa? Cứ chờ đi, Baldini ạ!

Nguyên tắc thứ hai dạy rằng nước hoa sống trong thời gian, nó có thời trẻ, thời trưởng thành và lúc già. Chỉ khi nào nó toả mùi dễ chịu như nhau trong cả ba giai đoạn sống của nó thì mới được gọi là đạt. Đã bao lần cái hỗn hợp ta trộn tươi mát tuyệt vời qua lần thử thứ nhất, sau ít lâu có mùi trái cây thối và sau chót chỉ có mùi kinh tởm của xạ cây hương nguyên chất mà ta đã cho quá nhiều. Phải rất thận trọng với xạ cây hương! Quá một giọt sẽ dẫn đến tai họa ngay. Thường hay sai lầm là vì thế. Có thể, phải, rất có thể Pélissier đã dùng quá nhiều xạ cây hương? Đến tối nay biết đâu cái Amor và Psyche đầy tham vọng của gã chỉ còn là một chút nước đá mè? Rồi ta sẽ thấy.

Ta sẽ ngủ nó. Như một lưỡi búa sắc chặt tảng gỗ thành từng mảnh nhỏ, mũi ta cũng phân nước hoa của gã thành từng phần riêng. Rồi sẽ thấy rằng cái có vẻ như mùi thơm thần diệu này chỉ được tạo ra bằng cách hết sức quen biết thông thường. Ta, Baldini, nhà làm nước hoa sẽ vạch thủ đoạn xảo trá

của gã làm giấm Pélissier. Ta sẽ lột mặt nạ để lộ ra cái chân tướng xấu xa của gã, để chứng tỏ cho người mới vào nghề biết trường phái truyền thống có khả năng gì. Cái nước hoa đang là một của gã sẽ được trộn y hệt. Nó sẽ sinh ra từ tay ta, nhái hoàn hảo đến nỗi tên vô liêm sỉ kia không thể phân biệt nổi với thứ của gã. Không! Như thế chưa đủ! Ta sẽ làm tốt hơn! Ta sẽ chứng minh cho gã thấy chỗ dở, rồi loại đi, bằng cách đó bảo cho gã biết người là một tay câu thả, Pélissier ạ! Người là đồ hôi thối, một tên mới phất trong nghề làm nước hoa chứ chẳng là gì khác!

Bắt tay vào việc đi, Baldini! Giữ mũi cho nhạy và đừng để tình cảm chi phối khi đang ngửi! Hãy phân cái mùi ra theo nguyên tắc của nghệ thuật! Đến tối nay mi phải có được công thức.

Thế là ông ta đâm bỏ lại bàn viết, lấy giấy mực và một khăn sạch ra, đặt ngay ngắn rồi bắt đầu cái công việc phân tích. Việc ấy như sau: ông sẽ kéo nhanh cái khăn thấm nước hoa ngang mũi, tránh không để bị cái hỗn hợp phức tạp nọ làm lạc hướng, tìm cách nắm bắt trong cái đám mây mùi thơm thoảng qua một thành tố nào đó, rồi duỗi thẳng tay giữ khăn thật xa, ghi lại thật nhanh tên cái thành tố vừa tìm thấy, rồi lại kéo nhanh khăn ngang mũi, chộp một thành tố nữa và cứ như thế...

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 13

Ông làm việc suốt hai giờ liền. Các động tác cứ hồi hải hơn, chữ nguệch ngoạc trên giấy cứ câu thả hơn, lượng nước hoa vẩy trên khăn để đặt lên mũi cứ nhiều hơn.

Giờ thì ông không còn ngửi thấy gì nữa cả, những chất bay hơi ông hít vào đã làm mũi ông tê đi từ lâu rồi, đến nỗi không có thể nhận ra được những gì ông tin là đã được phân tích chính xác lúc đầu. Ông biết rằng ngửi tiếp là vô ích. Ông sẽ không bao giờ tìm ra cái nước hoa mới này được cấu thành như thế nào, hôm nay chắc chắn không rồi, ngày mai cũng sẽ thế thôi cho dù cái mũi ông, nhờ ơn Chúa, bình thường lại. Ông chưa từng học cách phân tích bằng cách ngửi thế này. Phân một mùi thơm, một toàn thể, dù nó được trộn khéo hay không, ra thành từng mảng, đôi với ông là một việc chán ngắt. Ông không thích. Ông không muốn nữa.

Nhưng tay ông như cái máy, vẫn làm cái động tác mềm mại đã được tập cả nghìn lần: thấm nước hoa vào cái khăn, rũ, phe phẩy ngang mặt rồi, cũng như cái máy, cứ mỗi lần phe phẩy lại hít nhanh một chút không khí đậm mùi thơm, nhả ra đúng cách...nghĩa là từ từ. Ngửi cho đến lúc cái mũi giải thoát ông khỏi cực hình bằng cách sung tẩy từ bên trong do dị ứng và nghẹt lại như thể bị nút lại

bằng sáp. Giờ thì ông không nghĩ gì được nữa cả, thở cũng không nổi. Cái mũi bị đóng chặt như bị cảm nặng và trong khoé mắt ông rơm rớm lệ. Lạy Chúa cả trên trời! Giờ thì ông có thể chấm dứt mà không áy náy. Ông đã làm tròn bổn phận mình, làm hết sức, theo đúng mọi nguyên tắc trong nghề và lại vẫn thất bại như mọi lần. *Ultra posse nemo obligatur* [1]. Sáng sớm mai ông sẽ cho người tới gã Pélissier mua một lọ nước hoa Amor và Psyche để tắm da quý cho bá tước Verhamont như đã được đặt làm. Rồi ông sẽ xách cái rương nhỏ đựng xà bông lỗi thời, túi xà, pomát, và túi bột thơm tìm tới các bà hầu tước già. Rồi đến một ngày mà các bà hầu tước già cuối cùng nhắm mắt thì ông cũng mất người khách hàng cuối cùng. Lúc ấy ông cũng lợm khộm và sẽ phải bán nhà, cho Pélissier hay một tay lái buôn mới phát nào đấy, có thể được vài ngàn livre. Rồi sẽ thu xếp một hai cái rương, cùng với bà vợ già của ông về lại Italia, nếu lúc ấy bà còn sống. Và nếu ông sống sót về được đến Italia sau chuyến đi, ông sẽ mua một căn nhà nhỏ ở vùng quê Messina cho rẻ. Rồi ông, Giuseppe Baldini – một thời là nhà làm nước hoa vĩ đại nhất Paris – sẽ qua đời ở đó, khi nào Chúa muốn, trong nghèo đói cùng cực. Thế cũng hay.

Ông nút lọ nước hoa lại, buông bút và lau trán lần cuối với cái khăn tắm nước hoa. Ông chỉ còn cảm thấy còn bốc hơi, thế thôi. Ngoài kia mặt trời đang lặn.

Baldini đứng dậy, kéo rèm cửa sổ và ông ngập tới gối trong nắng chiều, rực lên như thể một ngọn đuốc còn âm ỉ. Ông nhìn cái đường viền đỏ thẫm của mặt trời phía sau Louvre và cái ánh lửa nhạt trên những mái nhà lợp đá phiến. Phía dưới ông dòng sông ánh lên như vàng, tàu bè đã biến mất cả. Hình như có gió vì mặt nước gợn lên như vẩy cá, chỗ này chỗ nọ lấp lánh, mỗi lúc một nhiều hơn, như có một bàn tay khổng lồ rải hàng triệu đồng Louis vàng xuống nước và trong một khoảnh khắc dòng sông như thể đổi chiều, trôi về phía Baldini, cuộn cuộn vàng ròng.

Đôi mắt Baldini ướt và buồn. Ông đứng lặng một hồi lâu, ngắm bức tranh tuyệt diệu. Chợt ông giật mạnh cửa sổ, mở tung hai cánh và ném cái lọ nước hoa của Pélissier lên cao theo hình cánh cung ra ngoài. Ông thấy nó rơi tòm xuống nước và trong một thoáng xé toang cái tấm thảm óng ánh.

Khí mát lùa vào phòng. Baldini hớp lấy hơi và nhận ra mũi không còn bị tấy nữa. Đoạn ông khép cửa sổ. Đêm xuống gần như cùng lúc ấy và thật bất chợt. Cái bức tranh óng ánh vàng của thành phố và dòng sông đông cứng lại thành cái bóng xám tro. Căn phòng thoát trở nên tối. Baldini lại đứng như lúc nãy, nhìn sững qua cửa sổ. “Sáng mai ta sẽ không sai ai đến Pélissier cả”, ông nói, hai bàn tay bám lưng ghế. “Ta sẽ không làm thế. Ta cũng sẽ không tìm đến các bà hầu tước già. Mà sáng mai ta sẽ đến công chứng viên để bán nhà và cửa tiệm. Ta sẽ làm như thế. E basta! [2]”

Ông có vẻ mặt thách thức như của một thằng bé và chợt thấy rất hả hê. Ông lại là Baldini xưa kia, một Baldini trẻ, gan góc và cương quyết như thườ nào, thách thức số phận, cho dù sự thách thức lần này chỉ là bỏ cuộc. Đã sao nào! Không làm gì khác được. Thời buổi túng cùng không cho phép chọn lựa. Chúa cho thời khăm khá lẫn thời khó khăn và Người không muốn ta kêu ca, than khóc lúc khó

khan mà hiên ngang vượt qua. Và Người đã báo trước rồi. Cái ảo ảnh vàng, đỏ như máu của thành phố là một cảnh cáo đầy: hành động đi, Baldini, trước khi quá muộn! Nhà của mi còn vững, kho của mi còn đầy, mi còn có thể đạt được giá hời cho cái cửa tiệm xuống dốc. Mi còn tự định đoạt được. Cứu cánh của đời mi không phải là dưỡng già, sống khiêm tốn ở Messina nhưng như thế vẫn danh dự hơn và hợp ý Chúa hơn là tàn lụi huy hoàng ở Paris. Cái lũ như Brouet, Calteau và Pélissier cứ việc reo hò chiến thắng. Giuseppe Baldini này nhường trận địa. Nhưng do ông tự nguyện chứ không vì khiếp nhục!

Ông khá tự hào với chính mình. Nhẹ nhõm biết mấy. Lần đầu tiên từ nhiều năm nay cái chứng cứng gân vẫn làm cho căng gáy và hai vai ngày một càng thêm chột biến khỏi lưng ông, ông đứng thẳng người mà không phải gắng sức, hết đau, thoải mái và vui sướng. Ông hít nhẹ. Ông cảm nhận rất rõ mùi của Amor và Psyche đầy trong phòng, nhưng không để nó quấy rầy nữa. Baldini đã thay đổi đời ông và cảm thấy tuyệt vời. Ông sẽ lên gặp vợ ngay bây giờ, cho bà biết những quyết định của ông rồi sẽ hành hương sang Notre Dame để thắp một ngọn nến cảm ơn Chúa đã chỉ đường và đã ban cho ông cái cá tính cương quyết không ngờ.

Với một sự sôi nổi gần như của một thanh niên, ông chụp bộ tóc giả lên cái đầu hói, khoác cái áo choàng xanh, cầm ngọn nến trên bàn, rời phòng làm việc. Ông vừa mới châm nến vào cái đèn đốt bằng mỡ ở cầu thang để soi lối lên lầu thì nghe tiếng chuông dưới tầng trệt. không phải tiếng ngân nga của chùm chuông Ba Tư treo ở cửa tiệm mà là tiếng lách cách ở cổng ra vào của người làm, một thứ tiếng khó chịu vẫn làm ông bực mình. Ông vẫn muốn gỡ nó đi, thay bằng một cái chuông khác cho dễ chịu song thấy tốn kém nên lại thôi; bây giờ thì mặc kệ, ông sẽ bán cái chuông phá rầy này cùng với cái nhà. Mặc cho người ở sau bực mình! Ông chột nghĩ và cười khúc khích.

Cái chuông lại kêu lách cách. Ông lắng nghe phía dưới. Chắc là ông Chénier đã đi rồi. Cả cô người làm cũng chẳng thấy rục rịch. Thế là Baldini tự xuống mở cổng.

Ông kéo then, đẩy cánh cửa nặng trĩu; chẳng thấy gì cả. Bóng tối nuốt chửng ánh nến. Mãi ông mới nhìn ra một hình dạng nhỏ thó, một đứa con nít hay một thằng nhỏ thấp bé, ôm gì đó ở trong tay.

“Mày muốn gì?”

“Maitre Grimal sai tôi đem tới bộ da lừa”, cái hình dạng nọ đáp, bước lại gần và chìa cho Baldini cái cánh tay co lại, trên có vết mấy tấm da chồng lên nhau. Trong ánh nến Baldini nhận ra khuôn mặt một thằng nhỏ với đôi mắt sợ hãi, lão liên. Nó đứng lom khom như thể nép mình sau cánh tay, giống như một đứa đang chờ bị đánh. Nó chính là Grenouille.

Chú thích:

[1] Không ai bị bắt buộc làm quá khả năng (tiếng La tinh),

[2] Đủ rồi (tiếng La tinh),

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giqê. lu

Chương 14

Da lừa để tắm nước hoa! Baldini sực nhớ. Mấy bữa trước ông đã đặt Grimal cung cấp loại da giặt được mềm nhất, mịn nhất để lót bàn viết cho bá tước Verhamont, mỗi miếng mười lăm quan. Nhưng bây giờ thì thật ra ông không cần đến nữa, ông có thể tiết kiệm được món tiền này. Mặt khác, nếu ông bảo thằng nhỏ quay về...? Biết đâu...có thể gây ấn tượng không tốt; người ta sẽ bàn tán rồi thì đồn đại rằng Baldini không được đặt hàng nữa rồi, Baldini không thể thanh toán nổi nữa...và như thế thì không tốt, không, không; như thế biết đâu chẳng làm giảm giá bán cửa tiệm. Tốt hơn là cứ nhận cái chỗ da lừa vô ích này. Chưa phải lúc để thiên hạ biết rằng Giuseppe Baldini này đã thay đổi đời hắn.

“Vào trong này!”

Ông để nó vào và cả hai đi sang cửa tiệm, Baldini cầm nền đi trước, Grenouille theo sau với đồng da. Đây là lần đầu Grenouille bước vào một tiệm nước hoa, ở đây mùi không phải là thứ phụ thuộc mà ngang nhiên đứng ngay giữa trung tâm của sự chú ý. Dĩ nhiên nó biết mọi cửa tiệm nước hoa và thuốc trong thành phố, nó đã từng đứng hàng đêm trước các cửa kính, gí mũi vào khe cửa. Nó biết hết mọi thứ nước hoa bán ở đây và thường tự nghĩ ra trong đầu nó những nước hoa tuyệt vời nhất. Nó không chờ đợi gì mới cả. Nhưng hết như một đứa bé giàu năng khiếu âm nhạc, nôn nóng được thấy thật gần một dàn nhạc, hay được một lần leo lên chỗ ban đồng ca trong nhà thờ, tới chỗ giàn phím của đại phong cầm, Grenouille nôn nóng muốn được xem một tiệm nước hoa từ bên trong, nên khi nghe nói có da phải mang lại cho Baldini thì nó tìm đủ cách để được giao việc ấy.

Và giờ đây nó đứng trong tiệm của Baldini, một nơi chứa nhiều hương liệu nhà nghề nhất của Paris trong một khoảng không gian hẹp nhất. Nó không thấy được nhiều trong cái ánh nền thoáng qua, chỉ thoáng thấy bóng của cái quày có để cái cân, hai con cò trên cái chậu, một ghế bành cho khách, những tấm kê sẫm trên tường, cái ánh lóe lên của dụng cụ bằng đồng thau, nhãn ghi màu trắng dán trên những lọ thủy tinh và hũ sành, và nó cũng không nghĩ thấy gì hơn những gì đã nghĩ thấy ngay từ ngoài đường. Nhưng nó cảm thấy ngay sự trang trọng trong các phòng, có thể nói được là một sự

trang trọng thiêng liêng, nếu cái từ “thiên liêng” đôi với Grenouille có được một ý nghĩa nào. Nó cảm thấy sự trang trọng lạnh lùng, tính thực tế của nghề thủ công và cái đầu óc kinh doanh khô khan bám chặt vào mỗi bàn ghế, mỗi dụng cụ, bám vào những bồn, những chai và những nồi nấu. Vì Baldini chẳng hơi đâu bận tâm soi đường cho nó, nên nó phải lẻo đẻo trong cái bóng của ông, đột nhiên nó tin rằng nó thuộc về đây chứ không đâu khác, rằng nó sẽ ở lại đây và từ đây nó sẽ làm rung chuyển thế giới.

Dĩ nhiên ý nghĩ rõ ràng không khiếm tốn và lộ bịch. Không có gì, và thật sự chẳng có tí gì cho phép một thằng nhỏ phụ việc thuộc da lang thang, nguồn gốc mờ ám, không bà con hay người bảo trợ, chẳng có chút địa vị đáng kể nào lại có lý do chính đáng để hy vọng được làm việc vững vàng trong cái tiệm bán nước hoa nổi tiếng nhất Paris, hưởng chi việc giải thể của tiệm đã được quyết định rồi, như chúng ta đã biết. Nhưng ở trong cái ý nghĩ không khiếm tốn của Grenouille thì đó không phải là hy vọng mà là chắc chắn. Nó biết sẽ chỉ rời khỏi cái tiệm này để về chỗ Grimal lấy quần áo, rồi không bao giờ rời nữa. Con bọ chết đã ngửi thấy máu. Nó đã nằm im hàng năm rồi thu kín mình và chờ đợi. Bây giờ nó buông mình rơi xuống, không may may hy vọng, cùng lắm là chết. Không còn cách nào khác. Chính vì thế mà nó hết sức chắc chắn.

Cả hai đã đi sang cửa tiệm. Baldini mở cái phòng sau nằm phía sông được dùng vừa làm nhà kho vừa làm xưởng và phòng thí nghiệm, nơi nấu xà bông, khuấy pomát và trộn nước hoa trong những lọ cong\ “Đây!” ông nói và chỉ một cái bàn to trước cửa sổ, “Đề xuống đây!”

Grenouille bước ra khỏi bóng của Baldini, đặt đồng da lên bàn rồi nhảy vội trở lại, đứng giữa Baldini và cái cửa. Baldini còn đứng thêm một lúc nữa. Ông đưa nển qua một bên để khỏi nhỏ xuống bàn rồi dùng sống ngón tay vuốt mặt láng miếng da. Rồi ông lật ngược tấm trên cùng và lướt nhẹ trên cái mặt như nhung, hơi nhám và mềm. Những miếng da này thật tốt. Đúng là để làm da quý. Khi khô nó không co lại, khi vuốt đúng cách sẽ lại mềm ngay, chỉ cần bóp miếng da giữa ngón trỏ và ngón cái là ông cảm thấy ngay, một lần tấm có thể giữ được năm hay mười năm, thật là một loại da rất tốt, có thể ông sẽ dùng để làm găng tay, ông ba đôi và vợ ông ba đôi cho chuyến đi Messina.

Ông rút tay lại. Cái bàn làm việc nhìn xúc động quá, mọi thứ nằm đó như sẵn sàng, chậu thủy tinh để tắm nước hoa, tấm kính để phơi, cối giã để trộn chất làm màu, chày, bay, cọ, lược xén và kéo. Như thế những vật ấy chỉ ngủ vì trời đã tối, sáng ra sẽ lại sống. Ông có nên mang theo cái bàn tới Messina không nhỉ? Và một phần dụng cụ, chỉ những thứ quan trọng nhất thôi? Ngồi làm việc ở cái bàn này rất tốt. Mặt bằng gỗ sồi, chân cũng vậy, lại thêm những thanh ngang thì không rung mà cũng chẳng long được, a xít cũng chẳng hề hấn gì, dầu và dao cắt cũng thế, nhưng chở nó đi Messina thì tốn kém quá, ngay cả đi bằng tàu thủy! Vì thế mà sẽ phải bán, sáng mai cái bàn sẽ phải bán cùng với tất cả mọi thứ bên trên, bên dưới, bên cạnh, bán tất! Bởi vì ông, Baldini này, có một trái tim đa cảm nhưng cũng cá tính mạnh, vì thế ông sẽ thực hiện quyết định của mình dù không muốn mấy đi nữa, ông sẽ

ừa nước mắt mà bán hết nhưng ông vẫn làm vì ông biết thế là đúng, như điềm đã báo hồi chiều.

Ông quay người định đi. Cái thằng loắt choắt méo mó đứng ở cửa mà tí nữa ông quên. “Được rồi, “ Baldini nói. “Nói lại với chủ mày là da tốt lắm. Vài ngày nữa ta sẽ qua trả tiền.”

“Vâng”, Grenouille nói và đứng tại chỗ, chặn đường Baldini khi ông dọm bước ra khỏi xưởng.

Baldini hơi khựng lại nhưng không thắc mắc gì và cũng không cho thái độ của thằng nhỏ là láo xược mà ngỡ là rụt rè.

“Gì nữa?” ông hỏi. “Mày còn được giao chuyện gì nữa không? Thế nào? Cứ nói đi!”

Grenouille đứng co người nhìn Baldini như thể sợ hãi nhưng thật ra là do căng thẳng rình rập như con thú rình mồi.

“Tôi muốn làm việc cho ông, Maitre Baldini ạ. Cho ông, trong cửa tiệm của ông.”

Nó không nói như xin xỏ mà như đòi hỏi, đúng ra không phải là nói mà là hất ra, rít lên như răn.

Baldini lại cho sự tự tin ghê gớm của Grenouille là sự lúng túng của thằng con nít. Ông cười thân thiện “Mày là đứa học thuộc da, con ạ”, ông nói, “ta đâu dùng đứa học thuộc da vào việc gì được. Ta đã có sẵn một thợ phụ rồi, không cần thu thêm kẻ học nghề.”

“Ông muốn tẩm những tấm da lừa, phải không Maitre Baldini? Ông muốn tẩm những tấm da tôi mang đến chứ gì?” Grenouille rít như thể nó không để ý đến câu trả lời của Baldini.

“Đúng thế” Baldini đáp.

“Với Amor và Psyche của Pélissier?” Grenouille hỏi, co người thêm nữa.

Một nỗi kinh hoàng nhẹ lan trong cơ thể Baldini. Không phải vì ông tự hỏi do đâu mà thằng nhỏ này biết rõ đến thế mà chỉ vì cái tên của thứ nước hoa kinh tởm mà bữa nay ông đã thất bại không tìm ra giải đáp.

“Tại sao mày lại có cái ý nghĩ phi lý rằng ta định dùng nước hoa của kẻ khác để...”

“Vì người ông có mùi ấy”, Grenouille rít. “Ông mang mùi ấy trên trán, trong túi áo khoác bên phải của ông có cái khăn tẩm nó. Cái Amor và Psyche này đâu có hay, dở nữa, có quá nhiều cam chanh, hương thảo và quá ít dầu hoa hồng.”

“À há” Baldini nói, hết sức ngạc nhiên vì cuộc nói chuyện chung chung chuyển sang chính xác “Gì nữa?”

“Hoa cam, chanh lá cam, đinh hương, hương hươu xạ, hoa nhài, rượu tinh cất và một thứ mà tôi không biết tên, đây rồi, ông thấy không, đấy! Trong cái chai đó!” Và nó chỉ trỏ trong bóng tối.

Baldini đưa nền về phía ấy, mắt theo ngón tay của nó, nhìn vào một chai trên kệ chứa một thứ nhựa thơm màu vàng xám.

“Tô hợp hương?” ông hỏi.

Grenouille gật đầu. “Phải. Có cả cái đó trong nước hoa. Tô hợp hương.” Rồi nó gập người lại như bị co rút, lẩm bẩm ít nhất cả chục lần “Tô hợp hương, tô hợp hương...”

Baldini cầm nến soi vào thằng nhãi ranh đang khò khè “tô hợp hương”, nghĩ thầm: hoặc là nó bị quỷ ám, hoặc là một tên bịp bợm hoặc là thiên tài. Vì trộn đúng những chất nọ có thể cho Amor và Psyche lắm, có thể lắm, thậm chí đúng nữa là đàng khác. Dầu hoa hồng này, đinh hương này, tô hợp hương này, chiều này ông cố tìm ba thứ này mà không ra; những thứ kia ông tin có tìm ra, hợp với chúng như thể những miếng của một cái bánh đẹp, tròn trịa. Vấn đề còn lại là phải trộn chúng theo tỷ lệ chính xác nào. Để tìm ra thì ông sẽ phải thử tới thử lui mấy ngày ròn, một công việc ón hết sức, gần như còn mệt hơn cả tìm ra các thành tố, vì phải đo cân, ghi lại và phải cẩn thận từng ly từng tí, một lơ đễnh nhỏ như run tay khi cầm ống hút, đếm giọt sai có thể làm hư hết. Và mỗi lần thử sai là tổn hao vô cùng. Mỗi hỗn hợp là một gia tài nhỏ... Ông muốn thử thằng nhỏ, muốn hỏi nó cái công thức chính xác của Amor và Psyche. Nếu nó biết chính xác tới từng gam, từng giọt thì rõ ràng nó là thằng bịp, bằng cách nào đó thuổng được công thức của Pélissier để mong xin được làm ở tiệm của ông. Còn nếu nó đoán được gần đúng thì nó là thiên tài về mùi và như thế thì nó kích thích máu tò mò nghề nghiệp của ông. Không phải là Baldini xét lại cái quyết định sẽ bán lại cửa tiệm! Cũng chẳng phải vì cái nước hoa của Pélissier. Kể cả khi thằng nhóc làm được cho ông hàng lít đi nữa thì ngay trong mơ Baldini cũng không nghĩ tới sẽ dùng nó tẩm miếng da cho bá tước Verhamont, nhưng mà... Nhưng mà đâu phải cả đời là nhà chế nước hoa, cả đời bận bịu với sự phối hợp hương liệu để rồi bỗng chốc đánh mất sự đam mê nghề nghiệp được! Giờ thì ông muốn tìm ra công thức của cái thứ nước hoa khôn kiếp kia, hơn nữa muốn xét tài của cái thằng nhỏ lạ lùng này, cái thằng đã đọc nước hoa trên trán của ông. Ông muốn biết có gì bí ẩn đằng sau. Ông tò mò hết sức.

“Mày có vẻ như có một cái mũi nhạy đấy, chú bé ạ” ông nói sau khi Grenouille ngưng khò khè, rồi quay vào xưởng, đặt cẩn thận cây nến xuống bàn “đúng là một cái mũi nhạy, nhưng mà...”

“Tôi có cái mũi nhạy nhất Paris, Maitre Baldini ạ” Grenouille khò khè chen vào. “Tôi biết mọi mùi trên thế giới, mọi mùi ở Paris, tất cả, duy có điều một số cái tôi không biết tên, nhưng tôi có thể học, những mùi có tên không nhiều, vài nghìn thôi, tôi sẽ học hết, tôi sẽ không bao giờ quên tên của nhựa thơm nọ tô hợp hương, nhựa ấy tên là tô hợp hương...”

“Im!” Baldini gắt “không được ngắt lời khi ta nói, mày thật hỗn láo và ngông cuồng. Không ai biết tên của nghìn mùi. Ngay như ta cũng không biết đến nghìn tên, chỉ vài trăm thôi, vì trong ngành của bọn ta không có nhiều hơn vài trăm mùi, những thứ còn lại không phải là mùi mà là xú khí!”

Trong cái lúc phọt ra một thôi một hồi lời nói chen thì Grenouille gần như đứng thẳng người lại, thậm chí khi sôi nổi nó còn vung cả hai tay để diễn tả cái “tất cả, mọi thứ” mà nó biết, bỗng bị Baldini đập cho, tức thì co rúm lại như con cóc đen, đứng rình bất động ở ngưỡng cửa.

“Dĩ nhiên,” Baldini nói tiếp “ta biết từ lâu rằng Amor và Psyche gồm có tô hợp hương, dầu hoa hồng, đinh hương, cam chanh và tinh dầu hương thảo vân vân. Để tìm ra những thứ ấy chỉ cần đến một cái mũi nhạy, khá nhạy như đã nói, rất có thể Chúa đã cho mày cũng như nhiều người khác một

cái mũi khá nhạy, đặc biệt ở vào tuổi này. Song nhà chế nước hoa...” nói tới đây Baldini giơ ngón tay trở lên, ưỡn ngực “...song nhà chế nước hoa cần nhiều thứ hơn một cái mũi nhạy. Ông ta cần một khứu giác còn tốt, trung thực, được rèn luyện qua hàng chục năm, khiến ông ta có thể giải đoán ra loại và lượng của những mùi phức tạp nhất cũng như sáng tạo nên những hỗn hợp mùi mới chưa hề biết. Một cái mũi như thế...” ông gõ ngón tay lên mũi mình “người ta không có được chú bé ạ! Một cái mũi như thế chỉ đạt được qua sự bền bỉ và cần mẫn. Hay là này có thể nói ngay cho ta biết công thức chính xác của Amor và Psyche? Hả? Này làm được chứ?”

Grenouille không đáp.

“Này có thể nói đại khái được chứ? “ Baldini hỏi rồi cúi tới trước để nhìn con cóc cho được rõ hơn. “Chỉ cần ước đoán thôi. Sao? Nói đi chứ, cái mũi nhạy nhất Paris?”

Nhưng Grenouille vẫn im lặng.

“Thấy chưa” Baldini đứng thẳng dậy, vừa hài lòng vừa thất vọng nói “mày không biết. Tất nhiên rồi. Làm sao mày biết được. Mày như một người ăn xúp biết được trong đó có thảo hoàng liên hay là ngò tây. Chắc, thế cũng là khá rồi. Nhưng đâu có nghĩa là mày biết nấu. Hãy ghi nhớ điều này trước khi mày ra về: trong mỗi một nghệ thuật cũng như mỗi nghề thủ công, năng khiếu gần như chẳng là gì cả, ngược lại, kinh nghiệm học hỏi được qua khiêm tốn và cần mẫn lại là tất cả.”

Khi ông cầm cây nến đang để trên bàn thì có tiếng Grenouille hất ra, khò khè từ cửa “Tôi không biết công thức là cái gì, Maitre, cái đó tôi không biết, ngoài ra tôi biết tất!”

“Công thức là cái quan trọng nhất của mỗi loại nước hoa”, Baldini trả lời nghiêm khắc vì ông muốn chấm dứt ngay buổi nói chuyện. “Nó là sự hướng dẫn tỉ mỉ các thành tố phải trộn với tỉ lệ nào để có thứ nước hoa như ý muốn, không thể lẫn lộn, đây là công thức. Nó là cái toa, nếu như mày hiểu rõ cái từ này hơn”.

“Công thức, công thức”, Grenouille, giờ thấy cao hơn một chút nơi cửa, vẫn khò khè “tôi không cần công thức. Tôi có cái toa trong mũi rồi. Cần tôi trộn nó cho ông không, Maitre, cần tôi trộn không, cần không?”

“Sao cơ?” Baldini hơi cao giọng và soi nến sát mặt thẳng lùn. “Trộn là thế nào?”

Lần đầu tiên Grenouille không co người lại, “Mọi thứ cần đến đều nằm sẵn kia, những cái mùi ấy, tất cả ở trong phòng này”, nó nói rồi lại chỉ trở trong bóng tối. “Dầu hoa hồng kia! Nhụy hoa cam kia! Đinh hương kia! Hương thảo kia!...”

“Dĩ nhiên chúng nằm đó!” Baldini gầm lên. “Mọi thứ nằm đó! Nhưng ta đã bảo mày rằng không biết công thức thì chẳng ăn thua gì hết, đồ đầu bò!”

“...Hoa nhài kia! Rượu cồn kia! Cam chanh kia! Tô hợp hương kia!” Grenouille khò khè tiếp tục và cứ sau mỗi tên nó lại chỉ trở vào một điểm trogn căn phòng tối đến độ giới lắm người ta cũng chỉ có thể đoán mò bóng cái kệ với chai lọ.

“Mày nhìn được cả trong bóng tối nữa cơ, hả?” Baldini cau có “Mày không chỉ có cái mũi nhạy nhất mà còn có cặp mắt tinh nhất Paris phải không? Nếu mày chỉ có cái tai khá thính thôi thì vênh lên mà nghe ta nói này, mày là một thằng bịp nhóc con. Chắc mày nghe loáng thoáng gì đó chỗ gã Pélissier, rình mò gì đó đúng không? Rồi tin là qua mắt ta được à?”

Giờ thì Grenouille không còn co mình ở cửa nữa, mà đứng – tạm gọi là thế - nguyên chiều cao, chân hơi dẹt, tay hơi khuỳnh ra khiến nó trông như con nhện đen đang bám chặt vào khung và bậu cửa. “Ông cho tôi mười phút”, nó nói khá trôi chảy, “tôi sẽ chế nước hoa Amor và Psyche cho ông. Ngay bây giờ và trong phòng này, Maitre, cho tôi năm phút!”

“Mày tin rằng ta cho mày trộn ầu trộn tả trong xưởng của ta ư? Với những tinh dầu trị giá cả một gia tài? Mày?”

“Phải” Grenouille đáp.

“Xi!” Baldini la lên và xì ra hết chỗ hơi ông có. Rồi ông hít một hơi dài, nhìn cái thằng Grenouille như con nhện ấy một lúc lâu, suy nghĩ. Dẫu sao thì cũng vậy, ông nghĩ, đằng nào thì sáng mai cũng chấm dứt cả. Ta biết chắc là nó không làm được điều nó quả quyết, không thể nào làm được. Nó hơn cả Frangipani vĩ đại chắc! Nhưng tại sao lại không để nó biểu diễn trước mắt ta cái điều biết chắc? Bằng không, biết đâu một ngày nào đó ở Messina, ta lại không tự trách rằng ta đã không nhận ra một thiên tài về ngửi, một người được thừa thãi ân sủng của Chúa, một thần đồng... Về già người ta đôi khi trở nên kỳ cục và cứ khăng khăng với những ý nghĩ điên khùng nhất. Chắc chắn là không thể nào được. Theo lý trí của ta thì không thể nào được... nhưng cũng có phép lạ, đó là điều chắc chắn. Chắc, sau này khi nằm chờ chết ở Messina, cái ý nghĩ ấy đến với ta: ngày trước ở Paris, vào buổi tối hôm đó mi có nhắm mắt trước một phép lạ hay không? Sẽ không thoải mái tí nào cả, Baldini ơi! Cứ để cho cái thằng điên này làm phí vài giọt dầu hoa hồng và xạ hương, giả tí mi vẫn còn quan tâm đến cái nước hoa của gã Pélissier chết tiệt kia thì chính mi cũng đã làm phí rồi. Cho dù đắt, hết sức đắt thì vài giọt nào có nghĩa gì khi sánh với sự biết chắc chắn và một tuổi già thanh thản?”

“Nghe đây”, ông nói với giọng làm ra vẻ nghiêm khắc “nghe đây, Ta...mày tên gì nào?”

“Grenouille”, Grenouille đáp. “Jean-Baptiste Grenouille.”

“Ồ”, Baldini nói “Chú ý này, Jean-Baptiste Grenouille! Ta đã cân nhắc. Mày cần có được cơ hội bây giờ, ngay tức thì, để chứng minh sự khẳng định của mày. Đây đồng thời cũng là cơ hội để cho mày học lấy đức khiêm tốn qua sự thất bại thảm hại, ở tuổi mày, đức tính ấy chưa phát triển nên có thể tha thứ được, khiêm tốn là một điều kiện tiên quyết không thể thiếu được cho sự tiến thân sau này của mày với tư cách một thành viên của phường hội và đẳng cấp của mày, một người chồng, một thần dân, một con người và một tín đồ gương mẫu. Ta sẵn sàng dạy cho mày bài học ấy với sự tốn kém của ta bởi hôm nay ta thấy hào phóng vì những nguyên do nhất định và biết đâu có thể một ngày nào đó nhớ lại được cái màn này ta cảm thấy vui lòng. Nhưng đừng nghĩ rằng mày có thể bịp ta được.

Mũi của Giuseppe Baldini này tuy già nhưng vẫn còn nhạy, còn đủ nhạy để xác định tức thì cả sự khác biệt nhỏ nhất giữa cái mỳ trộn và...” nói tới đây ông rút ra từ túi áo cái khăn thấm Amor và Psyche và phe phẩy trước mũi Grenouille “...cái sản phẩm này. Lại gần đây, cái mũi nhạy nhất Paris! Lại gần cái bàn này và chứng minh tài cán của mỳ! Nhưng cẩn thận, đừng làm đổ bể gì hết! Đừng đụng đến vôi! Ta phải làm cho sáng hơn đã. Chúng ta muốn thật sáng mắt với cái thí nghiệm nhỏ này, đúng không?”

Thế là ông lấy hai cây nến nữa trên cạnh bàn gỗ sồi to tướng, thấp lên. Ông để ba cây nến sát nhau trên rìa sau, đẩy chỗ da sang một bên, dọn trống phần giữa bàn. Rồi nhanh mà chắc chắn, ông lấy ra từ cái giá nhỏ những dụng cụ cần thiết cho công việc: một cái bình cổ cong thật to để trộn, một cái phễu thủy tinh, một ống hút, hai cái ly để đong, một to, một nhỏ, đặt ngay ngắn trước mặt trên một phiến gỗ sồi.

Trong lúc đó thì Grenouille đã rời khỏi khung cửa. Ngay trong lúc Baldini còn thao thao bất tuyệt với những lời hoa mỹ thì nó đã mất đi cái dáng điệu cứng đờ co rúm của một con vật rình mồi. Nó chỉ nghe thấy sự cho phép, chỉ nghe thấy cái từ “Ừ” với sự reo hò trong lòng của một đứa bé quá cứng đầu đã đạt được nhượng bộ mà không thềm đếm xia đến những hạn chế, những điều kiện và những lời giáo huấn kèm theo. Nó đứng đó thoải mái, lần đầu tiên giống người hơn vật, mặc cho Baldini nói tiếp, nó biết rằng nó đã thắng ông rồi.

Trong lúc Baldini còn cắm nến lên bàn thì Grenouille đã tọt sang góc tối, nơi để kệ với những tinh dầu, dầu và tinh chất đắt tiền, theo sự đánh hơi chắc chắn của mũi mà chộp những chai lọ cần thiết. Nó lôi xuống chín thứ cả thảy: tinh dầu hoa cam, dầu cam chanh, dầu đinh hương, dầu hoa hồng, tinh chất của hoa nhài, của cam chanh, của đồng thảo, cồn xạ hương, nhựa tô hợp hương đặt ngay ngắn lên bàn. Sau cùng nó vắn đến một hũ rượu tinh cất. Rồi nó lại sau lưng Baldini, run lên vì nôn nóng, chờ ông già tránh sang bên, nhường chỗ trong khi ông vẫn còn đang sắp xếp những bình để trộn với một vẻ tỉ mỉ một cách quá đáng, xích bình này một chút, xô lọ nọ tới chỗ kia, mọi thứ nằm đúng theo cái trật tự quen thuộc và được mấy cây nến rọi sáng nhất.

“Xong!” sau cùng Baldini nói và bước sang một bên. “Mọi thứ mỳ cần để thí nghiệm – cứ gọi thế cho oai – đã được sắp xếp ngay ngắn! Đừng làm bể! Đừng làm đổ! Và nhớ rằng những chất lỏng mà mỳ được đựng đến trong năm phút này rất đắt và rất hiếm, mỳ sẽ không còn có dịp nào nữa trong đời được cầm trong tay dưới cái dạng đậm đặc như thế đâu!”

“Maitre, tôi phải làm bao nhiêu cho ông?” Grenouille hỏi.

“Làm cái gì?” Baldini bị ngắt lời, hỏi lại.

“Bao nhiêu nước hoa?” Grenouille khò khè “ông muốn có bao nhiêu? Tôi làm đây ắp cái bình bự này nhé?” và nó chỉ vào cái bình để trộn, chắc phải đến ba lít.

“Không, không được!” Baldini rú lên kinh hoàng, tiếng rú tự phát đồng thời mang nỗi sợ thâm căn

cổ để trước sự phí phạm của cái của ông. Chùng như xấu hổ vì cái tiếng rú phối bày sự thật, ông hét toáng lên ngay sau đó “Còn mảy cũng không được ngắt lời ta!” rồi nói tiếp với một giọng bình thản gần như châm biếm “Cần gì tới ba lít cái thứ nước hoa mà cả mảy lẫn ta đều coi thường ấy? Thật ra chỉ cần một nửa cái ly để đong cũng đủ. Nhưng ít quá như vậy khiến khó trộn được chính xác cho nên ta cho phép mảy làm một phần ba cái bình để trộn ấy”.

“Được” Grenouille nói “Tôi sẽ đổ đầy một phần ba cái bình này với Amor và Psyche. Nhưng mà Maitre Baldini ạ, tôi sẽ làm theo cách của tôi. Tôi không rõ đó có phải là cách của phường hội hay không vì tôi không được biết cách đó, nhưng tôi sẽ làm theo cách của tôi”.

“Được thôi” Baldini nói nhưng biết rằng trong nghề này không có cách của tôi hay của anh mà chỉ có một thôi, một cách duy nhất đúng qua sự biết công thức và qua những tính toán thích hợp dựa trên lượng nước hoa muốn có mà tìm ra lượng những tinh dầu khác nhau đã được cô lại, rồi sẽ phải cân đo hết sức chính xác, rồi cuối cùng trộn với rượu cũng với một tỷ lệ chính xác, thường là giữa một phần mười hay một phần hai mươi, thành nước hoa. Ông biết rõ rằng không có cách nào khác. Chính vì thế mà lúc đầu ông còn lãnh đạm cười nhạo những gì ông được thấy, rồi hoang mang và cuối cùng chỉ còn biết vô cùng sửng sốt theo dõi như thể toàn là phép lạ xuất hiện. Cảnh này ghi sâu trong trí ông khiến cho đến khi nhắm mắt ông cũng không thể nào quên.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Chương 15

Thoạt tiên thẳng nhóc Grenouille mở nút hũ đựng rượu tinh cất. Nó bê cái hũ lên một cách khó khăn. Vì cái bình để trộn và cái hũ thủy tinh để cao quá nên nó phải nâng lên tới gần ngang đầu, nghiêng hũ để rót thẳng rượu sang bình trộn, không dùng đến ly đong. Baldini thấy rợn người vì cái tên quá sức vô tài bất tướng này, không những nó đã đảo lộn mọi quy tắc trong thuật chưng cất nước hoa vì đã sử dụng ngay dung môi dù chưa có tinh chất sẵn để hoà tan mà sức vóc như thế kia thì nó còn pha với chế gì cho nổi! Người nó run lẩy bẩy vì cố gắng quá mức, Baldini chỉ còn có nước chờ từng giây từng phút cái hũ nặng kia sẽ rơi xuống, làm bể tan tành mọi thứ trên bàn. Mấy cây nến, Chúa ơi, ông chợt nhớ ra mấy cây nến! Sẽ nổ mất! Nó đốt nhà tôi! Ông định nhảy tới để giằng cái hũ rượu ra khỏi tay thẳng khùng đó thì Grenouille đã đặt hũ rượu xuống nền nhà không chút suy suyển rồi nút nó lại. Trong cái bình trộn sóng sánh cái chất lỏng nhẹ và trong, không giọt nào bắn ra ngoài. Grenouille thờ

lấy sức một chút, gương mặt đầy vẻ hài lòng như thể đã làm xong cái phần việc nặng nhất rồi. Đúng như thế, những việc tiếp theo xảy ra với một tốc độ mà Baldini nhìn theo cũng không kịp chứ chưa nói tới có thể nhận ra được thứ tự hay một tiến trình lớp lang nào.

Nhìn thì thấy Grenouille như thể chụp tuý tiện vào cái dãy chai lọ đựng tinh dầu, giật nút thủy tinh lọ này, đưa lên mũi một giây, rẩy vào phễu; nhỏ ít giọt từ lọ kia, rót một tí xíu từ lọ thứ ba và tiếp tục như thế. Ông hút, ly thử, ly đong, muổng con, que khuấy, là những thứ mà nhà chế tạo nước hoa cần trong quá trình trộn phức tạp thì Grenouille không đụng đến lấy một lần. Nó làm như thể đó chỉ là một trò chơi, như thể nó đập và vọc nước, giống một đứa con nít bỏ cỏ, đất và nước vào nấu chung rồi nhất định bảo cái món gôm ghiếc này là canh. Phải, như một đứa con nít, Baldini nghĩ thầm, bỗng dưng trông nó như một đứa con nít thật dù hai bàn tay to xù, dù khuôn mặt chẳng chịt những sẹo và cái mũi to như mũi ông già. Ta cứ nghĩ là nó lớn hơn đấy, giờ thì nó lại có vẻ nhỏ hơn, như chỉ ba hay bốn tuổi thôi, như những người vượn nhỏ thó, khó gần gũi, khó hiểu và ngang ngạnh, tưởng như ngây ngô, chỉ biết có mình trên cõi đời, họ muốn thống trị thế giới một cách bạo ngược và hẳn sẽ làm thế thật nếu được tự do thực hiện cuồng vọng của họ, mà không bị những biện pháp giáo dục chặt chẽ nhất khẹp dần vào kỷ luật để cuối cùng trở thành con người trưởng thành biết tự chủ lấy mình. Một đứa con nít ngông cuồng như thế tiềm ẩn trong thằng nhỏ này đây, nó đứng cạnh bàn, mắt người sáng, quên mọi thứ chung quanh, chừng như không biết rằng trong xưởng có gì khác ngoài nó và những chai lọ mà nó vụng về nhưng nhanh nhẹn nâng lên phễu để trộn cái nước hoa điên rồ của nó và rồi sẽ quả quyết rằng đó là nước hoa tuyệt diệu Amor và Psyche, và tự nó cũng tin như thế thật chứ! Baldini thấy rờn rợn khi ông quan sát cái con người đang làm cái việc ấy một cách hết sức ngược đời nhưng hết sức tự tin trong ánh nến lung linh. Ngày trước thì những hạng người như nó không thể nào có được, nó là một mẫu người mới, chỉ có thể sinh ra trong cái thời buổi suy đồi và băng hoại này thôi, ông thầm nghĩ và lại chợt buồn, thấy khốn khổ và tức giận như lúc xế chiều ông đứng nhìn cái thành phố đỏ rực trong ánh hoàng hôn... Nhưng nó cần phải nhận được một bài học, cái thằng oắt con mà cao ngạo này! Sau màn biểu diễn lố bịch này ông sẽ cạo cho cái đồ rác rưởi kia một trận để cho nó lủi thủi cuốn gói, lên đi với cái tướng nhẫn nhục của một tên vô danh tiểu tốt lúc nó mới đến. Quân vô lại! Thời buổi này thật chẳng còn nên giao du với ai nữa vì nhan nhản toàn là phường vô lại nhố nhăng!

Baldini mãi lo tức giận ngấm ngấm và kinh tởm thời đại nên khi Grenouille chợt nút lại tất cả các bình lọ, nhắc phễu ra khỏi bình trộn, bịt bằng tay trái rồi lắc lia lịa thì ông không hiểu thế nghĩa là gì. Chỉ sau khi cái bình xoay tít nhiều lần trong không khí, cái chất quý báu bên trong từ thân vọt lên cổ bình rồi lại chảy xuống thân như nước chanh, thì Baldini mới bật ra tiếng kêu giận dữ và kinh hoàng “Ngừng lại!” ông kêu thất thanh “Đủ lắm rồi! Ngừng lại! Basta! Đặt ngay cái bình xuống bàn và không được đụng tới nữa, hiểu chưa? Cấm! Ta đúng là điên nên mới đi nghe những lời bá láp vớ

vân của mây. Cái cung cách mây sử dụng đồ vật, sự thô bạo của mây, sự ngu muội ấu trĩ của mây cho thấy mây là một thằng làm ăn ẩu tả mọi rợ, hơn thế nữa, một thằng nhãi bần thiêu hồn hào khôn kiếp. Ngay cả pha nước chanh mây cũng không làm nổi, bán nước cam thảo mây cũng không làm nổi chứ đừng nói tới chuyện trở thành nhà chế tạo nước hoa! Mây nên mừng, nên biết ơn và hài lòng khi chủ mây tiếp tục cho phép mây nghịch nước nhuộm da! Đừng có mà liêu lĩnh một lần nữa, nghe chưa, đừng có mà liêu lĩnh một lần nữa bén mảng tới ngưỡng cửa của một nhà chế nước hoa!”

Baldini nói như thế đấy. Và trong lúc ông đang còn nói thì căn phòng quanh ông đã đắm mùi Amor và Psyche. Nước hoa có sức thuyết phục hơn lời nói, ánh mắt, cảm tính và ý muốn. Sức thuyết phục của nước hoa thì không chống lại được, nó đi vào bên trong ta như hơi thở đi vào phổi, nó rót vào ta, nó tràn ngập ta, không có gì cưỡng lại được.

Grenouille đặt cái bình xuống, chùi bàn tay bịt cổ bình đắm nước hoa vào gấu áo. Bị Baldini si và một thôi một hồi, nó lùi lại một hai bước, lóng ngóng gập người lại làm không khí lan ra như sóng, mang theo mùi nước hoa mới hoàn thành. Không cần đợi lâu hơn nữa. Tuy Baldini vẫn còn giận dữ, kêu trời và chửi mắng nhưng cái vẻ ngoài tức tối giảm đi, theo từng hơi thở. Ông đã cảm thấy mình thua rồi nên chỉ còn biết làm cho những lời cuối thêm phần lâm ly, rỗng tuếch. Rồi khi mà ông lặng thinh, lặng thinh một lúc lâu thì ông không cần phải đợi Grenouille nói “xong” nữa. Ông đã biết rồi. Tuy vậy, tuy lúc này không khí nặng trĩu Amor và Psyche trùm lên ông từ mọi phía, ông vẫn bước lại cái bàn gỗ sồi cũ kỹ để kiểm chứng. Ông rút từ túi áo bên trái một cái khăn sạch và trắng như tuyết, giở ra, dùng ống hút vài giọt từ bình trộn chấm lên khăn. Ông duỗi tay, lắc khăn để bay bớt mùi còn rồi bằng động tác mềm mại lão luyện kéo khăn mũi, hít mạnh hơi nước hoa. Ông ngồi xuống ghé đầu trong lúc thở ra từng đợt ngắn. Mặt ông đang đỏ tía vì cơn thịnh nộ bỗng tái nhợt. “Không tin nổi”, ông khẽ lắm bầm, “Chúa ạ, không tin nổi!” rồi lại gí mũi vào khăn, ngửi, lắc đầu và lắm bầm “không tin được”, đúng là Amor và Psyche, không còn chút nghi ngờ nào nữa, đúng là Amor và Psyche, cái nước hoa tài tình mà đáng ghét, bắt chước y hệt, khiến ngay đến Pélissier hẳn cũng không thể phân biệt được với sản phẩm của gã.

Baldini vĩ đại mặt tái nhợt ngồi co ro trên ghế đầu với cái khăn đưa lên mũi trông thật khôi hài, cứ như một cô gái bị sổ mũi. Ông như bị á khẩu, không còn lắm bầm “không tin được” nữa mà chỉ còn buột ra những tiếng đơn điệu “hừm..hừm..hừm...hừm” trong lúc liên tục gục gặc đầu, mắt nhìn trân trối cái bình trộn. Một lúc sau Grenouille lại gần, như một cái bóng bước không một tiếng động đến cạnh bàn.

“Đó không phải là thúc nước hoa tốt”, nó nói, “nó được trộn rất tồi”.

“Hừm, hừm, hừm” Baldini nói và Grenouille tiếp “Maitre, nếu ông cho phép, tôi sẽ làm cho tốt hơn. Cho tôi một phút, tôi sẽ biến nó thành nước hoa thích hợp cho ông”.

“Hừm, hừm, hừm, hừm” Baldini gật đầu. Chẳng phải vì đồng ý mà vì ông đang ở trong một trạng

thái uể oải đến nỗi ông cũng sẽ “hừm hừm” và gật đầu với mọi người và mọi việc. Rồi ông tiếp tục gật và lảm bảm “hừm hừm”, cũng chẳng tỏ ra ngăn cản khi Grenouille bắt đầu trộn lần thứ nhì: rót thêm cồn tinh chất từ trong cái hũ vào chiếc bình trộn đựng nước hoa có sẵn, cũng vẫn lấy chai lọ thể như tùy tiện, rót đại vào phễu. Lần này khi gần cuối quy trình, Grenouille không lắc mạnh bình nữa mà xoay nhẹ như thể xoay một ly rượu cô nhắc, có thể vì tôn trọng sự nhạy cảm của Baldini, có thể đối với nó vì lần này nước hoa quý giá hơn – chỉ khi mà cái chất lỏng xoáy trong chai thì Baldini mới bừng tỉnh khỏi trạng thái hôn mê, đứng dậy, dĩ nhiên vẫn với cái khăn trước mũi, như thể ông vũ trang để chống lại một cuộc tấn công mới vào nội tạng của ông.

“Xong rồi, Maitre” Grenouille nói “Bây giờ là nước hoa tốt đấy”.

“Ừ, được rồi, được rồi” Baldini nói, phẩy cái tay không cầm khăn.

“Ông không muốn thử sao?” Grenouille tiếp tục khò khè. “Không ư, Maitre? Không thử sao?”

“Lát nữa, bây giờ ta chưa định thử...ta còn bận nghĩ đến chuyện khác. Mà về đi! Nhanh!”

Rồi ông cầm một cây nến đi ra cửa, sang chỗ bán hàng. Grenouille bước theo, đi qua cái hành lang hẹp dẫn ra cổng dành cho người làm. Ông già lê ra cửa, kéo then mở cổng. Ông né sang bên cho thằng nhỏ đi qua.

“Tôi được làm việc cho ông không? Được không?” Grenouille hỏi, đứng nơi bậc cửa, lại co người, lại nhìn rình rập.

“Ta không biết” Baldini đáp “ta sẽ suy nghĩ. Thôi đi đi!”

Grenouille bị bóng đêm nuốt chửng. Baldini còn đứng đó, nhìn trôn trối vào bóng đêm. Tay phải cầm nến, tay trái cầm khăn như một người bị chảy máu mũi nhưng thật ra ông sợ. Ông cài then vội vàng. Rồi nhét cái khăn đang che mặt vào túi, đi ngang chỗ bán hàng trở vào xưởng.

Mùi thơm thật tuyệt diệu khiến ông ứa nước mắt. Ông không cần thử, chỉ cần đứng ngay bàn, trước cái bình trộn mà ngửi. Cái nước hoa mới thơm làm sao. So sánh với Amor và Psyche như một bản giao hưởng so với tiếng cò cữ lẻ loi của một cây vĩ cầm. Hơn nữa chứ. Baldini nhắm mắt và sống lại những kỷ niệm tuyệt vời nhất. Ông thấy mình là một thanh niên trẻ trung đi trong các công viên ở Napoli khi hoàng hôn xuống, thấy mình nằm trong vòng tay của một thiếu phụ tóc đen, nhìn bóng một bó hoa hồng trên thành cửa sổ khi làn gió đêm thoảng qua, nghe tiếng lũ chim riu rít bay đi và tiếng nhạc vọng từ một quán nước trên bến cảng, ông nghe tiếng thì thầm sát bên tai, nghe thấy tiếng em yêu anh thấy tóc dựng lên vì sung sướng tuyệt đỉnh, bây giờ! Ngay lúc này đây! Ông mở cboàng mắt và rên lên sáng khoái. Nước hoa này không giống thứ đã biết. Đó không phải là thứ làm cho người ta thơm hơn, không phải bột thơm, không phải đồ trang điểm. Nó hoàn toàn mới, có thể tạo dựng cả một thế giới thần diệu, tráng lệ khiến người ta quên ngay những bực bội quanh mình và cảm thấy rất giàu có, rất thoải mái, rất tự do, rất cao thượng...

Những cái lông xù lên trên cánh tay của Baldini xẹp cả xuống và tâm hồn ông thanh thản tuyệt vời.

Ông cầm tấm da lừa nằm cạnh bàn, lấy dao xén. Rồi ông để những miếng da vào trong cái bồn thủy tinh, rót nước hoa mới lên trên. Ông nhấn một tấm kính vào bồn rồi chắt nước hoa thừa vào hai cái lọ con, dán nhãn đề Nuit Napolitaine (Đêm Napoli) rồi ông tắt đèn, đi lên lầu.

Ông không nói gì với vợ trong bữa ăn. Tất nhiên là không đã động gì đến cái quyết định long trọng mà ông toan tính hồi chiều. Vợ ông cũng không nói gì cả vì thấy ông vui vẻ là bà mãn nguyện lắm rồi. Ông cũng không đi sang Notre-Dame để cảm ơn Chúa đã ban cho ông cá tính mạnh. Chẳng những thế, đêm ấy là lần đầu tiên ông quên cả đọc kinh.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Chương 16

Sáng hôm sau ông đi ngay tới tìm Grimal. Trước hết ông trả tiền tấm da lừa và trả đúng giá, không cần nhằn cũng không mặc cả. Rồi ông mời Grimal đi uống một chai vang trắng ở quán Tour d'Argent để thương lượng mua lại gã học việc Grenouille. Tất nhiên ông không lộ ra tại sao lại cần nó và để làm gì. Ông bịa ra là được đặt một số lượng da tấm nước hoa mà ông cần phải có một thợ phụ không rành nghề giúp mới làm xuê. Một gã cho gì chịu nấy, làm giúp ông những việc đơn giản nhất, cắt da vân vân. Ông gọi thêm một chai vang nữa và đề nghị trả Grimal hai mươi livre bồi thường do những phiền toái gây ra khi thiếu Grenouille. Hai mươi livre là một số tiền kếch sù cho nên Grimal đồng ý ngay. Họ trở lại xưởng thuộc da và lạ lùng thay Grenouille đã đợi sẵn ở đó với gói hành lý đầu vào đây. Baldini trả hai mươi livre, dẫn nó theo, chắc chắn là đã làm một vụ buôn bán tuyệt nhất trong đời.

Grimal, cũng tự cho là đã làm một vụ buôn bán tuyệt nhất trong đời, quay lại quán Tour d'Argent, uống thêm hai chai vang nữa rồi gần trưa lại sang quán Lion d'Or bên bờ bên kia, chẳng thèm giữ gìn, uống say mềm đến nỗi khuya hôm ấy khi định quay sang Tour d'Argent lần nữa, hấn lộn Rue Geoffoi l'Anier với Rue des Nonaindières cho nên thay vì gặp ngay Pont Marie như dự tính thì trở trêu sao lại lạc đến Quai des Ormes, để rồi ngã sóng soài đập mặt xuống nước như một cái giường mềm. Hấn chết ngay tức thì. Còn dòng sông thì cần phải có đủ thời gian để kéo hấn từ chỗ bờ cạn, lách qua những tàu thuyền đậu ở đó ra giữa dòng nước chảy siết hơn, và mãi hứng sáng tay thợ thuộc da Grimal, hay đúng hơn là cái xác ướt sũng của hấn, mới theo dòng trôi nhanh về hướng tây.

Trong khi hấn lạng lẽ trôi dưới Pont au Change và không va vào chân cầu thì phía trên hấn hai mươi mét, Grenouille cũng vừa đi ngủ. Nó leo lên cái phản được đặt một góc ở trong xưởng của ông

Baldini trong khi chủ cũ của nó giang hết chân tay trôi theo dòng Seine lạnh lẽo. Nó thoải mái cuộn người lại như con bọ chết. Nó càng lúc càng chìm sâu vào hơn trong chính nó cùng với giấc ngủ, ca khúc khải hoàn tiến vào pháo đài bên trong nó, mơ một lễ mừng chiến thắng ngát hương, một buổi truy hoan nghi ngút khói trầm và hương mật nhi lạp để chào mừng chính nó.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Chương 17

Giuseppe Baldini trở nên nổi tiếng khắp cả nước, cả Châu Âu, sau khi mua được Grenouille. Tại cửa hàng trên Pont au Change, bộ chuông Ba Tư không ngớt rung và mấy con cò không ngừng nhả nước. Ngay tối đầu tiên Grenouille đã phải làm một hũ to Nuit Napolitaine mà chỉ trong vài ngày đã bán được hơn tám mươi lọ con. Tiếng tăm của nước hoa này lan nhanh như sóng. Mất Chénier đờ đẫn vì đêm tiền và lưng đau nhức vì phải gặp người chào bởi vì khách hàng toàn là những ông to bà lớn, thậm chí cực lớn hay ít nhất cũng là gia nhân của các vị ấy. Có lần cửa bị đẩy tung đến nỗi bật tới bật lui, kêu lách cách, một tên hầu của bá tước d'Argenson bước vào hét rằng ngài muốn có năm chai nước hoa loại mới; chỉ có lũ hầu mới có thể hét to đến thế, mãi mười lăm phút sau Chénier vẫn còn run vì kinh sợ bởi bá tước d'Argenson là đồng lý văn phòng ngự tiền kiêm thượng thư bộ binh của Đức Hoàng thượng và là người quyền thế nhất Paris.

Trong khi Chénier phải một mình chèo chống với làn sóng của khách hàng thì Baldini rút vào xưởng với gã học việc mới. Ông biện minh tình trạng này với Chénier bằng một lý thuyết kỳ quái mà ông gọi là “phân công và hợp lý hoá”. Ông giải thích rằng suốt nhiều năm qua ông đã nhẫn nại chứng kiến Pélissier và những tay coi thường phường hội cùng một giuộc như gã lôi kéo khách hàng, làm cho cửa hàng lụn bại. Bây giờ sự nhẫn nại ấy chấm dứt. Bây giờ ông chấp nhận sự thách thức và trả đòn bọn mới phát theo đúng cách của chúng: mỗi mùa, mỗi tháng, nếu cần thì mỗi tuần ông sẽ tung ra nước hoa mới và nước hoa ra nước hoa nhé! Ông sẽ dựa trên sức sáng tạo tràn trề di truyền. Muốn thế, ông cần tập trung tất cả vào sản xuất nước hoa, chỉ với sự trợ giúp của một thợ phụ không rành nghề, còn Chénier thì phải chuyên tâm mua bán. Với phương pháp hiện đại này ta sẽ mở một chương mới trong lịch sử ngành nước hoa, quét sạch bọn cạnh tranh và sẽ giàu không thể tưởng tượng được, phải, ông cố ý nhấn mạnh từ “ta” vì ông có ý muốn cho người phụ việc lâu năm này được chia sẻ một phần nhất định của sự giàu sang không lường nổi ấy.

Nếu là mấy bữa trước hẳn Chénier cho những lời này của chủ là triệu chứng bắt đầu bệnh cuồng của

tuổi già. “Ông ấy đến phải đi nằm Charité mất thôi”, hẳn ông ta sẽ nghĩ thế “chẳng còn bao lâu nữa ông ấy sẽ vĩnh viễn buông chày thôi”. Còn bây giờ thì ông ta chẳng nghĩ gì cả. Nhiều việc quá nên không còn nghĩ được nữa. Ông ta bận tối tăm mắt mũi đến nỗi đêm đêm kiệt sức không dọn nổi két tiền đầy khảm và kín đáo thuổng cái phần của mình. Dù có nằm mơ ông ta cũng không thể nghĩ ngờ rằng mọi chuyện không tiến triển tốt khi mà gần như mỗi ngày đều thấy Baldini mang từ xưởng ra một loại nước hoa mới.

Và nước hoa như thế mới là nước hoa chứ! Không chỉ nước hoa thượng hảo hạng mà còn kem, bột, xà bông, thuốc gội đầu, thuốc lau mặt, dầu... tất cả những gì vốn thơm bây giờ thơm hoàn toàn mới, khác hẳn và tuyệt diệu hơn trước kia. Và cứ như bị bỏ bùa mê, người ta nhào vào mua mọi thứ bất kể giá cả, đúng là mọi thứ, ngay cả cái ruy băng kiêu mới tắm nước hoa nảy sinh trong một lúc bốc đồng của Baldini. Mọi thứ Baldini sản xuất đều thành công. Và thành công vượt mức đến nỗi Chénier chấp nhận như một hiện tượng tự nhiên và không còn tìm hiểu căn nguyên nữa. Nếu có ai nói với ông ta rằng biết đâu cái gã học việc mới, cái thằng lùn vụng về vẫn ở trong xưởng như một con chó và thỉnh thoảng khi ông chủ bước ra, người ta thấy nó đứng phía sau lau bình, chùi cối giã, biết đâu cái thằng chẳng bằng con số không ấy có liên quan đến sự phồn thịnh gần như hoang đường của cửa hiệu thì chẳng khi nào Chénier lại chịu tin.

Tất nhiên là thằng lùn ấy liên quan đến mọi thứ. Những thứ mà Baldini mang ra tiệm để Chénier bán chỉ là một phần vụn vặt những gì Grenouille đã trộn sau cánh cửa đóng kín. Baldini nghĩ không kịp. Đôi khi ông như bị giày vò khi phải chọn trong những thứ tuyệt hảo Grenouille đã làm ra. Cái thằng phụ việc như có phép thần thông này có thể cung cấp cho mọi nhà chế nước hoa trên nước Pháp mà công thức không bao giờ trùng lặp, không bao giờ cho ra một thứ phẩm chất kém hay trung bình. Thật ra thì nó không thể cung cấp cách thức, tức là công thức cho họ được vì trước hết Grenouille sáng tác nước hoa của nó theo cái cách hỗn loạn và hoàn toàn không chuyên nghiệp như Baldini đã từng biết, nghĩa là nó trộn các thành tố tùy hứng và hết sức lộn xộn. Để nếu không kiểm soát được thì ít nhất cũng hiểu được công chuyện, một ngày nọ Baldini đòi Grenouille phải dùng cân, ly đồng và ống hút khi trộn, cho dù nó thấy không cần thiết, ngoài ra nó còn phải tập thói quen không coi rượu tinh cất như hương liệu mà là dung môi, chỉ cho vào lúc cuối cùng, và sau hết, lạy Chúa, nó phải làm chậm chậm, từ từ, chậm rãi đúng kiểu nghệ nhân.

Grenouille vâng lời. Lần đầu tiên Baldini có thể theo dõi từng động tác của gã phù thủy và ghi chép lại. Ông ngồi cạnh Grenouille với giấy bút ghi chú, miệng không ngớt kêu chậm lại, bao nhiêu gam chất này, mấy vạch trên ly đồng chất kia, Bao nhiêu giọt của chất thứ ba đã vào bình trộn. Bằng cái cách lạ lùng này, nghĩa là phân tích một quy trình sau khi đã kết thúc bằng chính những phương tiện cân đồng, đo đếm mà lẽ ra bắt buộc phải dùng đến trước khi thực hiện quy trình, cuối cùng Baldini cũng có được một tập quy tắc tổng hợp. Bằng cách nào Grenouille vẫn trộn được nước hoa của nó

mà chẳng cần đến những nguyên tắc kia thì đối với Baldini vẫn là một câu đố, một phép lạ mới đúng; ít ra ông cũng đã tóm được cái phép lạ ấy dưới dạng công thức và cái đầu óc thèm khát nguyên tắc của ông được thoả mãn đôi chút, đồng thời giữ được cái hình ảnh về thế giới nước hoa của ông khỏi sụp đổ hoàn toàn.

Dần dà ông moi được từ Grenouille cách thức của mọi thứ nước hoa nó đã tìm ra; ông còn cảm nó không được trộn nước hoa mới mà không có mặt của ông để ông quan sát căn kẽ và ghi lại xuống giấy từng bước của quy trình. Những ghi chú này chẳng mấy chốc đã thành vài chục công thức được ông ghi tỉ mỉ với nét chữ nắn nót trong hai quyển sổ nhỏ, một quyển cất trong cái tủ không cháy đựng tiền, quyển kia ông luôn mang trong người ngay cả khi đi ngủ. Ông thấy yên tâm, vì bây giờ, nếu muốn, ông có thể làm lại cái phép lạ mà Grenouille đã làm ông hết sức rung động khi chứng kiến lần đầu. Với bộ công thức này ông tin là có thể chấm dứt sự hỗn loạn khủng khiếp trong sáng tạo tuôn ra từ gan ruột của gã học việc. Ngay cái chuyện ông không còn chỉ biết thộn mặt ngạc nhiên mà đã tham gia những hoạt động sáng tạo bằng sự quan sát và ghi chép cũng làm yên tâm và củng cố lòng tin của Baldini. Ít lâu sau ông còn tin rằng đã góp phần không nhỏ trong việc tạo ra những loại nước hoa tuyệt vời ấy. Và một khi đã ghi nó vào trong sổ rồi, cất kỹ trong tủ sắt cũng như mang nó sát trước ngực thì ông chẳng hề nghi ngờ gì nữa rằng, đó là công trình của ông và chỉ của ông mà thôi.

Nhưng Grenouille cũng có cái lợi qua cung cách kỷ luật mà Baldini ép buộc. Thực ra nó không cần phải thế. Dẫu mấy tuần hay mấy tháng sau nó chẳng phải tra công thức mới chế lại được một loại nước hoa vì nó không bao giờ quên mùi cả. Nhưng qua sự cưỡng bách sử dụng ly đong, cân mà nó học được tiếng nhà nghề của ngành nước hoa và qua bản năng nó nhận ra rằng biết cái ngôn ngữ ấy có thể có lợi. Sau vài tuần Grenouille không những biết tên mọi thứ hương liệu trong xưởng của Baldini mà nó còn tự viết ra được công thức nước hoa của nó và ngược lại, làm ra nước hoa và những sản phẩm thơm từ những công thức mới lạ. Hơn thế nữa, một khi nó đã học được cách phô diễn cái ý nghĩ về nước hoa của nó bằng gam và giọt thì nó không cần tới cái bước thí nghiệm trung gian nữa. Khi Baldini giao nó làm loại nước hoa mới cho khăn mùi soa, cho túi bột thơm hay cho phấn trang điểm thì Grenouille không đụng tới chai hay bột nữa mà ngồi ngay vào bàn, viết ra liền công thức. Nó đã học được cách thêm sự hình thành công thức vào con đường đi từ sự hình dung mùi thơm đến nước hoa hoàn chỉnh. Theo nó thì đó là con đường vòng. Trong con mắt thế gian, nghĩa là con mắt Baldini, thì đó gọi là bước tiến bộ. Muốn gọi là gì thì gọi, phép lạ của Grenouille vẫn là phép lạ. Nhưng mà việc nó thực hiện phép lạ theo công thức làm cho đôi mắt kia bớt sợ và vì thế chỉ có lợi thôi. Grenouille càng thành thạo các công cụ và mảnh lối trong nghề, càng biết diễn đạt bình thường bằng ngôn ngữ của ngành nước hoa thì chủ của nó đỡ sợ và bớt nghi ngại. Chẳng bao lâu sau Baldini không còn coi nó như một Frangipani thứ hai, thậm chí một tay phù thủy đáng sợ

nữa, tuy vẫn còn đánh giá nó là một con người có biệt tài về mùi, Grenouille thấy vậy càng hay. Với nó thì cái tập tục trong nghề thủ công là một cái vỏ nguy trang tốt. Rõ ràng nó ru ngủ Baldini qua cái cung cách mẫu mực khi cân các chất phụ gia, khi lắc cái bình trộn, khi rảy nước hoa lên cái khăn thử màu trắng. Nó vẩy khăn mềm mại, kéo ngang mũi điệu nghệ gần bằng ông chủ. Với những cách quăng có tính toán, nó thỉnh thoảng cố ý làm sai để cho Baldini phải trông thấy như quên không lọc, chỉnh cân sai, viết tỉ lệ cồn long diên hương cao một cách phi lý trong công thức... để được chỉ cho thấy sai lầm và sửa hết sức cẩn trọng. Qua đó nó thành công trong việc ru ngủ Baldini với cái ảo tưởng rằng rút cuộc mọi sự suôn sẻ cả. Nó thật không muốn lừa ông già. Nó thật muốn học ở ông. Không phải cách trộn nước hoa, không phải sự cấu tạo hợp lý của mùi thơm, tất nhiên rồi! Trong lãnh vực này trên thế giới không có ai dạy nó được chút gì và những chất có sẵn trong cửa hiệu của Baldini còn lâu mới đủ để thực hiện loại nước hoa tuyệt vời mà nó hình dung. Những gì thuộc về mùi mà nó làm ở tiệm của Baldini chỉ là trò trẻ con so với những mùi nó trử trong người nó mà nó dự tính sẽ thực hiện một ngày nào đó. Nó biết rằng muốn thế phải hội đủ hai điều kiện: một là cái vỏ của đời sống trung lưu, ít nhất của một thợ lành nghề để nó có thể miệt mài với những say mê và theo đuổi thực sự dưới lớp vỏ kia mà không gặp trở ngại, hai là sự hiểu biết về những phương pháp thủ công để tạo ra, để cách ly, để cô đặc và bảo quản hương liệu vì chỉ như thế mới có thể có hương liệu sẵn sàng cho những sử dụng cao cấp hơn. Tuy Grenouille có cái mũi nhạy nhất thế giới cả về phân tích lẫn tưởng tượng thật nhưng nó chưa có khả năng làm chủ mùi thật sự.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Chương 18

Cho nên nó vui vẻ học nghệ thuật nấu xà bông từ mỡ heo, may găng tay từ loại da giặt được, trộn bột thơm từ bột mì, vỏ hạnh nhân xay nhỏ và rễ cây đồng thảo. Nó học lẫn nển thơm từ than củi, hoả tiêu và mùn cưa gỗ đàn hương. Học ép kẹo thơm theo kiểu các nước phương Đông từ mật nhĩ lạp, an tức hương và bột hổ phách. Học nhồi trầm hương từ bột trầm hương, cánh kiến, cây hương bài và quế. Rây và quét Poudre Impériale từ lá hồng nghiền nhỏ, hoa oải hương, vỏ cây thiên thảo. Khuấy phân thoa mặt màu trắng và xanh dịu, đổ khuôn thổi son môi màu đỏ từ mỡ. Chắt lọc bột sơn móng tay loại thật mịn và phấn chà răng thơm mùi bạc hà. Trộn dung dịch làm quần tóc giả, thuốc chữa chai chân, thuốc tẩy tàn nhang cho da, tinh cây cà độc dược để nhỏ mắt cho thêm quyến rũ, thuốc bôi kích dục làm từ ruồi Tây Ban Nha cho quý ông và giám vệ sinh cho quý bà... Dĩ nhiên là chẳng thích thú

gì cho lắm nhưng nó không kêu ca và học có kết quả chế tạo mọi thứ thuốc, bột, đồ vệ sinh và trang điểm thông thường thêm cả cách pha trộn trà và gia vị, rượu mùi lẫn nước sốt dùng ướp cá thịt và những thứ đại loại như thế, nói gọn là tất cả những gì Baldini dạy nó với cái vốn hiểu biết rộng rãi gia truyền.

Nhưng khi Baldini chỉ dẫn nó cách có được tanh-tuya, tinh chất và tinh dầu thì nó hăm hờ lắm. Nó làm không biết một những việc như dùng máy ép hạnh nhân đắng hay giã hạt có mùi xạ hương hay băm củ long diên hương mỡ màng màu xám bằng dao băm hay nạo rễ cây đồng thảo để sắc với loại rượu thượng hạng. Nó học cách dùng phễu tách để tách tinh dầu khỏi cặn khi ép vỏ chanh. Nó học sấy dược thảo và hoa trên vỉ đặt nơi ẩm trong bóng râm, cách giữ lá khô trong bình hay tráp có trét sáp. Nó học nghệ thuật tẩy pomát, các cách sắc, lọc, cô, làm trong và tinh luyện nước sắc.

Dĩ nhiên là xưởng của Baldini không thích hợp cho việc sản xuất khối lượng lớn. Dầu lấy từ hoa hay dược thảo. Ở Paris cũng không thể có nổi số lượng cây cỏ cần thiết. Nhưng thỉnh thoảng khi mua được rễ hương thảo tươi, cây xô thơm, bạc hà, hạt giống hồi ở chợ hoặc gặp khi tới một chuyến hàng lớn củ hoa diên vĩ hay rễ cây nữ lang, hạt phòng phong, hạt đậu khấu hay hoa đình hương khô thì cái máu nhà giả kim trong Baldini chạy rần rần và ông lôi ra một nồi chung cất to tướng, đó là một bình bằng đồng với một bộ phận ngưng hơi đặc biệt đặt bên trên mà ông tự hào gọi là bình chung cất có đầu Maure[1] ông đã dùng cách đây bốn mươi năm ngoài đồng trống trên vùng cao Leberon ở sườn núi phía Nam miền Ligurien[2] để chưng cất cây đồng thảo. Trong lúc Grenouille lo xấp nhỏ những thứ để chưng cất thì Baldini hồi hả đốt nóng cái lò gạch vì việc chưng cất này đòi hỏi phải làm thật nhanh, rồi đổ nước ngập đầy vào cái nồi đồng và đặt lên trên. Ông bỏ các cây cỏ đã được xấp nhỏ vào đấy, đây lại bằng cái đầu Maure rồi gắn hai ống cao su nhỏ cho nước chảy vào và chảy ra. Ông giải thích cái cách làm lạnh bằng nước thần tình này là do ông gắn thêm vào sau này, chứ thời đó, ở ngoài đồng trống, dĩ nhiên người ta chỉ biết quạt cho nguội. Rồi ông quạt lửa lên.

Dần dần nước reo trong nồi. Một lúc sau tinh chất bắt đầu nhỏ giọt rồi thành dòng mảnh như sợi chỉ chảy từ cái vòi thứ ba của đầu Maure vào một cái bình Florentine mà Baldini đã để sẵn. Thoạt tiên cái chất này trông hơi dơ như thể xúp lỏng, đục. Nhưng dần dần chất lỏng tách ra làm hai: dưới là nước của hoa hay cỏ, còn bên trên lênh bênh một lớp dầu dày, nhất là khi cái bình đã đầy được để qua một bên, thay bình mới thì ở cái bình đầy sự tách kia lại càng rõ. Sau khi cẩn thận rót ra cái nước chỉ thơm thoang thoang qua vòi dưới thì sẽ chỉ còn lại dầu nguyên chất tinh dầu, cái nguồn gốc thơm lừng của cỏ hoa.

Grenouille bị cái quá trình ấy quyến rũ. Nếu trong cuộc sống có gì kêu gọi sự đam mê kín đáo như sự đam mê đốt bằng ngọn lửa lạnh trong người nó thì chính là cái quy trình này, rút hồn thơm của vật bằng lửa, nước hơi và một thiết bị tinh xảo. Cái hồn thơm này, cái tinh dầu, cái quý nhất của cái vật ấy là cái duy nhất làm nó quan tâm. Nó chẳng thèm để ý đến những thứ vớ vẩn còn lại: hoa, lá, vỏ,

trái, màu, vẻ đẹp, sức sống và những thứ không cần thiết khác. Đó là vỏ ngoài vô giá trị, đáng vứt đi. Thịnh thoảng khi tinh chất đã trong như nước thì họ lấy nồi cất ra khỏi lò, mở và đổ bã đi. Bã trông nhũn và xám ngắt, như rom sũng nước, như xương con chim nhỏ bị tẩy trắng, như rau bị nấu quá lâu, nhạt nhẽo, xơ ra, sền sệt, không thể nhận ra được nữa, chẳng khác xác chết ghê tởm và hầu như đã bị lấy hết mùi đi rồi. Họ ném qua cửa sổ, xuống sông. Rồi lại xếp lớp cây mới vào nồi, cho nước và đặt lên lò trở lại. Rồi nồi lại bắt đầu reo, cái nguồn sống của cỏ cây lại chảy vào bình Florentine. Hầu như suốt đêm như thế, Baldini lo trông chừng lửa, còn Grenouille ngó chừng các bình, chẳng có gì làm nữa trong lúc chờ thay bình.

Họ ngồi trên ghế đầu quanh bếp lửa như bị cuốn hút bởi cái nôi thô kệch, mỗi người bởi nguyên nhân khác nhau. Baldini thưởng thức sự chói lọi của lửa, cái màu đỏ lung linh của ngọn lửa và đồng, tiếng reo trong nôi cất như thể xưa kia vậy. Thế này thì mê ly quá. Ông lấy trong cửa hàng một chai vang vì cái nóng làm ông khát và uống vang thì cũng giống ngày xưa ấy. Rồi ông bắt đầu kể chuyện ngày xưa, không dứt. Về cuộc chiến tranh dành ngai vàng mà ông dự phần không nhỏ chống lại quân Áo, về những người Canmisard[3] đã cùng ông khuấy rối vùng núi Cévennes, về con gái của một người Huguenot ở vùng Esterel say mùi oải hương đã trao thân cho ông, về việc tí nữa thì ông gây ra một đám cháy rừng, chắc chắn sẽ thiêu rụi vùng Provence, như hai với hai là bốn vì lúc ấy gió bắc rất mạnh, còn về sự chung cất thì ông luôn luôn kể về những đêm trên đồng vắng, dưới ánh trăng, bên chai rượu vang và tiếng ve sầu, về một thứ dầu hoa oải hương ông tạo ra, rất thanh mà đậm đà, người mua phải trả bằng bạc; về thời gian ông học nghề ở Genua, về những năm ông đi nơi này nơi nọ, và về thành phố Grasse, ở đó người làm nước hoa đồng như ở nơi khác làm bánh mì, trong đó có những người giàu đến nỗi họ sống như các bậc công hầu, ở trong những ngôi nhà nguy nga có vườn cây bóng mát, với sân thượng và ăn trong phòng ăn có tường ốp gỗ, dùng toàn đĩa sứ và dao nĩa bằng vàng, vân vân.

Ông già Baldini vừa uống vang vừa kể những chuyện như thế, vang cùng với lửa nóng và sự thích thú về câu chuyện của mình làm mặt ông cũng đỏ như lửa. Grenouille ngồi khuất trong bóng tối chẳng thèm nghe gì cả. Nó chẳng ham gì chuyện cũ, nó chỉ thích cái quy trình mới. Nó nhìn không ngớt vào cái vôi nhỏ trên đầu nôi chung, từ đó một tia nhỏ tinh chất rỉ ra. Trong lúc dán mắt vào đấy, nó tưởng tượng ra chính nó là cái nôi chung cất, cũng sôi reo như thế này, và từ nó cũng rỉ ra tinh chất như thế kia, có điều tốt hơn, mới hơn, lạ lùng hơn vì được chung cất bằng những kỳ hoa dị thảo nó trồng trong người, nở hoa trong đó, ngoài nó ra không ai nghĩ thấy, mùi thơm có một không hai của chúng có thể biến thế giới thành vườn địa đàng thơm lừng, theo nó thì chỉ ở đấy sự hiện hữu dưới góc độ khứu giác – mới tạm gọi là chấp nhận được. Được là một nôi chung cất khổng lồ làm tràn ngập thế giới với những tinh chất tự chế, là giấc mơ tuyệt đích mà nó tâm niệm.

Trong khi Baldini rạo rức vì vang, không ngớt thổi phồng những câu chuyện ngày xưa, trầm trở

chẳng cần giữ ý thì Grenouille chấm dứt sự tưởng tượng kỳ quái của nó. Tạm thời nó xua khỏi đầu óc hình ảnh một cái nồi chưng cất khổng lồ, thay vào đó cân nhắc dùng những kiến thức mới học được vào những mục tiêu gần sao cho có lợi.

Chú thích.

[1] Một sắc dân ở bắc Châu Phi.

[2] Ligurien: một vùng phía bắc nước Ý.

[3] Những người Pháp theo đạo Tin lành ở vùng núi Cévennes đã nổi loạn chống vua Louis XIV vào nửa đầu thế kỷ 17.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 19

Chẳng bao lâu nó trở thành chuyên gia trong lãnh vực chưng cất. Nó nghiệm ra rằng độ nóng của lửa có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng của thành phẩm, trong việc này cái mũi của nó được việc hơn tất cả những quy tắc của Baldini. Mỗi cây cỏ, mỗi loại hoa, mỗi thứ gỗ, mỗi loại trái đòi hỏi một quy trình đặc biệt. Khi thì phải sôi sùng sục, khi thì sôi vừa phải và có loại hoa chỉ cho tinh dầu khi để lửa liu riu.

Sự chuẩn bị cũng quan trọng tương tự. Bạc hà và oải hương có thể để cả bó vào chưng cất. Những loại khác phải chọn kỹ, ngắt, băm nhỏ, nạo, giã, hay thậm chí phải làm thành bột hồ trước khi cho vào nồi. Có loại không chưng cất được làm Grenouille bực tức nhất.

Khi Baldini thấy Grenouille đã thành thạo khí cụ này thì ông để nó tự do với nồi cất và Grenouille đã tận dụng sự tự do này. Ban ngày nó trộn nước hoa và hoàn thành những sản phẩm mùi thơm hay giá vị khác, còn ban đêm nó bận rộn với cái nghệ thuật chưng cất đầy bí ẩn. Ý định của nó là sản xuất những hương liệu hoàn toàn mới để có thể chế ra được vài thứ nước hoa mà nó sẵn có trong đầu. Mới đầu nó cũng thành công nho nhỏ. Nó tạo được dầu của hoa tầm ma và hạt cải xoong, nước của

vỏ cây hương mộc còn tươi và của cành cây thủy tùng. Mùi của tinh chất chẳng giống tí nào với nguyên liệu nhưng cũng hay hay, dùng để chế biến tiếp được. Tất nhiên cũng có những chất mà quy trình hoàn toàn vô dụng. Chẳng hạn Grenouille thử chung cất mùi của thủy tinh, mùi đất sét lạnh của thủy tinh láng mà người bình thường không cảm nhận được. Nó tìm kính cửa sổ và chai thủy tinh rồi thử dưới dạng miếng to, mảnh nhỏ, mảnh vụn, bột, nhưng đều không thành công. Nó chung cất đồng thau, sứ, da thuộc, ngũ cốc và sỏi. Nó chung cất cả đất nữa. Rồi cả máu, gỗ và cá tươi. Cả tóc nó. Cuối cùng nó chung cất cả nước, nước sông Seine, mà cái mùi độc đáo nó thấy cần phải giữ. Nó tin rằng có thể lấy được với cái nồi cất mùi thơm đặc thù từ những chất ấy như đã làm được với bách lý hương, oải hương và phòng phong. Nó không hề biết rằng chung cất chỉ là một quy trình dùng để tách một hợp chất ra phần dễ bay hơi và phần khó bay hơi, và quy trình này chỉ có lợi cho việc chế nước hoa khi tách nổi tinh dầu dễ bay hơi của cây cỏ nào đó với phần không thơm hoặc ít thơm còn lại. Ở những vật chất không có tinh dầu thì phương pháp chung cất hoàn toàn vô dụng. Chúng ta được học vật lý nên thấy hết sức rõ ràng, còn đối với Grenouille để hiểu được điều này là kết quả của một chuỗi dài mệt nhọc những thử nghiệm thất bại. Hàng tháng dài, đêm nào nó cũng ngồi bên nồi cất, thử đủ mọi cách để sản xuất những mùi thơm hoàn toàn mới, chưa từng có trên trái đất dưới dạng đậm đặc. Nhưng ngoài một vài tinh dầu vớ vẩn của cây cỏ ra chẳng được gì thêm. Nó không khai thác nổi từ trong cái giếng tường tượng phong phú thăm thẳm của nó một giọt tinh dầu cụ thể nào. Nó không làm ra được một nguyên tử tinh dầu nào từ những mùi nó nghĩ ra. Khi đã rõ thất bại thì nó không thử tiếp nữa và lăn ra ốm tưởng chết

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 20

Nó sốt nặng. Những ngày đầu còn đỏ mề hôi nhưng sau chỉ nổi toàn những mụn như thể da nó không đủ lỗ chân lông vậy. Thân thể Grenouille đầy những mụn đỏ, nhiều cái vỡ ra, ứa nước để rồi lại phồng lên. Những cái khác thì phát thành chùm nhọt, tấy đỏ, toác ra như miệng núi lửa, chảy một thứ mủ sền sệt, máu lẫn nước vàng. Ít lâu sau Grenouille trông như một kẻ tử vì đạo chịu hình phạt ném đá – nhưng ném từ bên trong – với hàng trăm vết lở loét.

Dĩ nhiên Baldini lo lắng. Sẽ hết sức phiền nếu cái thằng học việc quý giá của ông đúng vào cái lúc ông dự tính mở rộng việc buôn bán ra khỏi phạm vi thủ đô, thậm chí ra ngoài biên giới đất nước. Vì

quả thật không chỉ các tỉnh mà cả cung đình các vương quốc khác cũng đặt thường xuyên hơn những nước hoa loại mới mà Paris khao khát. Để đáp ứng nhu cầu này, Baldini nuôi ý định lập một chi nhánh ở Faubourg Saint-Antoine, một xí nghiệp nhỏ thôi để trộn khối lượng lớn những nước hoa thông dụng và đóng hàng loạt vào những chai nhỏ, xinh xắn, do những cô gái nhỏ nhắn dễ thương đóng thùng để gửi sang Hà Lan, Anh và Đức. Đối với một chủ tiệm cư ngụ tại Paris thì hành động liều lĩnh này không thật hợp pháp nhưng gần đây Baldini có được sự che chở ở những nơi chóp bu, nước hoa tuyệt diệu của ông đã tạo cho ông sự che chở không chỉ của ngài đồng lý văn phòng ngự tiền mà còn ở những nhân vật quan trọng như của quan giám thu quan thuế (zollpaechter) của Paris và của ngài Feydeau de Brou, thành viên hội đồng tài chính hoàng gia, đồng thời là người tài trợ các xí nghiệp làm ăn phát đạt. Thậm chí ngài còn tính tới khả năng ông sẽ được đặc ân của hoàng gia, một thứ giấy thông hành giúp thoát khỏi mọi quy định của nhà nước và phường hội, chấm dứt mọi lo lắng trong hành nghề và là một bảo đảm vĩnh viễn cho sự thịnh vượng vững chắc không ai dám tranh chấp, nghĩa là cái cao nhất mà người ta chỉ dám mơ.

Baldini còn ấp ủ một dự tính khác, dự tính ưa thích nhất, như một đối chọi với xí nghiệp ở Faubourg Saint-Antoine, không sản xuất hàng loạt nhưng ai cũng có thể mua được; ông muốn chế, phải nói là ông ra lệnh chế thì đúng hơn, một số loại nước hoa riêng cho một số khách hàng tuyển chọn có địa vị cao và thật cao, giống như quần áo được đo cắt riêng, chỉ thích hợp với từng cá nhân, chỉ người đó sử dụng và chỉ mang cái tên tăm tiếng của người ấy. Ông hình dung ra nào là nước hoa của Marquis de Cernay, nào là nước hoa của Maréchale de Villars, nào là nước hoa của Duc d'Aguillon, vân vân. Ông mơ đến nước hoa của Madame la Marquise de Pompadour, thậm chí một nước hoa của Sa Majesté le Roi, đựng trong lọ con mài bằng đá mã não đắt tiền với viền vàng trạm trổ, có khắc ấn trên mặt trong của đáy lọ cái tên Giuseppe Baldini, nhà làm nước hoa, tên của ông và tên của Đức Vua ở cùng một món hàng, Baldini đã dám thả hồn cao đến những tưởng tượng tuyệt vời nhường ấy! Vậy mà Grenouille lại ốm! Dù rằng Grimal, xin Chúa đoái thương linh hồn hần, đã thề sống thề chết rằng nó chẳng bao giờ ốm cả, nó chống chọi được tất, kể cả bệnh dịch hạch đen. Thế mà thỉnh thoảng nó đau chờ chết. Nhỡ nó chết thật thì sao? Khủng khiếp quá! Những đề án hay ho về xí nghiệp, về những cô bé dễ thương, về đặc ân và về nước hoa của Đức Vua cũng sẽ chết theo nó.

Cho nên Baldini quyết định phải cứu mạng sống quý báu của tên học việc. Không thể không thử được. Ông ra lệnh dời nó từ cái phản trong xưởng lên một cái giường sạch sẽ trên lầu. Ông cho trải giường với khăn thêu hoa. Tự tay ông giúp khiêng người bệnh lên cầu thang chật hẹp dù rằng những mụn nhọt lở lói làm ông kinh tởm khôn xiết. Ông ra lệnh cho vợ nấu canh gà với rượu vang, Ông cho tìm tay thầy thuốc nổi tiếng nhất khu phố, một tay Procope nào đấy, và phải trả trước những hai mươi quan thì hần mới chịu đến cho.

Thầy thuốc đến, dùng đầu ngón tay hất khăn giường ra, ném một cái nhìn duy nhất lên thân thể

Grenouille trông không khác bị cả trăm viên đạn bắn lỗ chỗ, rồi rời khỏi phòng ngay, không thèm mở cái cặp mà người phụ tá của ông luôn luôn mang theo. Ông ta nói với Balidni rằng trường hợp này quá rõ ràng. Đây là biến chứng giang mai của bệnh đậu mùa lẫn với bệnh sởi làm mũ in stadio ultimo[1]. Không cần điều trị gì nữa vì không thể dùng lưỡi trích để lấy máu đúng quy cách được trên một thân thể đã rữa, chết nhiều hơn sống như thế kia. Dưới góc độ khoa học nghiêm túc thì sự chưa nhận thấy được trong tiến trình căn bệnh cái mùi hôi đặc trưng của bệnh dịch là một hiếm có nhỏ nhỏ, đáng ngạc nhiên, nhưng chắc chắn rằng bệnh nhân sẽ chết trong vòng bốn mươi tám giờ nữa, rõ như tên ông ta là bác sĩ Procope vậy. Ông ta thu thêm hai mươi quan nữa vì đã đến thăm và chẩn bệnh, rồi cáo lui, nếu để cho ông ta sử dụng cái xác với những biểu hiện kia vào mục đích thuyết minh thì sẽ được hoàn lại năm quan.

Balidni quỳnh lên. Ông than vãn, khóc lóc vì tuyệt vọng. Ông cắn ngón tay vì căm giận số phận, Lại một lần nữa những dự án hứa hẹn thành công, thành công vĩ đại của ông bị hỏng ngay khi đã gần tới đích. Trước kia là Pélissier và lũ bạn bè với sự sáng tạo phong phú của chúng. Bây giờ là thằng lỏi này với cái kho nước hoa không bao giờ cạn của nó, cái thằng nhỏ khôn nạn quý hơn cả vàng này, nó lại nhè ngay cái giai đoạn xây dựng cơ sở làm ăn mà bị đậu mùa do giang mai với sởi làm mũ in stadio ultimo! Nhè ngay lúc này! Tại sao không đợi hai năm nữa? Một năm thôi cũng được? Tới lúc đó thì có thể khai thác nó hết sạch như một mỏ bạc hay một con gà đẻ trứng vàng. Một năm nữa nó được quyền chết thanh thân. Nhưng mà không! Nó phải chết bây giờ cơ, lạy Chúa tôi, và trong vòng bốn mươi tám tiếng!

Balidni cân nhắc rất nhanh, có nên hành hương sang Notre-Dame, châm một ngọn nến và cầu xin Đức Mẹ cho Grenouille được khỏi bệnh hay không. Nhưng ông bỏ ý định đó vì cấp bách quá rồi. Ông chạy tìm giấy mực rồi đuổi vợ ra khỏi phòng người bệnh. Ông muốn tự canh chừng. Rồi ông ngồi xuống cái ghế cạnh giường, giấy đặt trên đầu gối, bút mực trong tay, tìm cách moi từ Grenouille lời xưng tội – dĩ nhiên là về nước hoa. Lạy Chúa, nó đừng im lìm mang theo cái kho tàng trong người! Nó hãy để lại vào giây phút cuối cùng một di chúc nơi người đáng tin cậy để hậu thế không bị mất đi những nước hoa tuyệt diệu nhất tự cổ chí kim! Ông, Baldini này, sẽ thực hiện hết sức trung thực những công thức kinh điển của những nước hoa tuyệt vời hơn mọi nước hoa đã từng biết và sẽ làm rạng rỡ mọi nước hoa của nó. Ông xin thề trước các thánh rằng sẽ gắn chặt các vinh hoa bất tử với tên của Grenouille, phải, ông sẽ dâng lên Đức Vua loại nước hoa tuyệt nhất, đựng trong một lọ con bằng đá mã não có viền vàng trạm trổ và khắc hàng chữ kính dâng của “Jean-Baptiste Grenouille, nhà chế nước hoa của Paris”. Ông nói như thế hay đúng hơn không ngót thì thắm vào tai của Grenouille, thề thốt, năn nỉ, mơn trớn.

Nhưng đều vô ích. Từ Grenouille chẳng thoát ra được gì khác ngoài cái nước vàng và mũ với máu. Nó nằm cam nín trên nệm hoa, tiết ra cái chất nước ghê tởm kia chứ không phải là kho báu của nó,

sự hiểu biết của nó, chẳng có lấy được một công thức nước hoa nào. Baldini muốn bóp cổ nó, muốn đánh nó, muốn nện cho bật từ cái thân thể chờ chết kia sự bí mật quý báu nếu như quả có triển vọng thành công... và nếu ý thức về tình thương đồng loại của một con chiên không kịch liệt phản kháng. Thế là ông lại tiếp tục êm ái thổi vào tai người bệnh những lời ngọt lịm, vuốt ve và dùng khăn lạnh thấm từ cái trán đầm mồ hôi và những vết lở nóng như núi lửa, dù phải cố hết sức chịu đựng đến rợn người, rót từng muỗng vang vào miệng nó để làm cho lưỡi nó phát ra tiếng, suốt đêm như thế nhưng công toi. Sáng sớm ra ông bỏ cuộc. Ông kiệt sức buông người xuống ghế trong một góc phòng và, không còn giận dữ nữa mà chỉ còn là cam chịu thẫn lạng, nhìn sững cái thân thể Grenouille nhỏ bé chờ chết trên giường phía góc bên kia mà ông không còn có thể vớt vát gì được cho mình, đành chịu bó tay nhìn nó lia đời như một thuyền trưởng nhìn con tàu của mình chìm mang theo tất cả của cải xuống đáy biển.

Bỗng đôi môi của kẻ chờ chết hé mở, nó nói rõ ràng và chắc chắn chẳng có vẻ gì là của một kẻ sắp lia đời: “Maitre, xin cho biết có cách nào khác để lấy được hương thơm từ một vật thể ngoài cách ép hay chưng cất không?”

Baldini nghĩ rằng tiếng nói nọ là do ông tưởng tượng hay đến từ thế giới bên kia nên trả lời như máy: “Có đấy”.

“Cách gì?” câu hỏi vọng ra từ giường và Baldini mở choàng đôi mắt mệt mỏi. Grenouille nằm không động đậy trên gối. Cái xác đã nói ư?

“Cách gì?” câu hỏi vang lên và lần này Baldini nhận ra đôi môi Grenouille mấp máy. “Hồng thật rồi”, ông thầm nghĩ, “đã tới lúc rồi, hoặc là cuồng vì sốt, hoặc là gãy chết”. Rồi ông đứng dậy, bước tới giường và cúi xuống người bệnh. Nó mở mắt nhìn Baldini cũng với cái nhìn rình rập lạ lùng như ở lần gặp nhau đầu tiên.

“Cách gì?” nó hỏi.

Baldini quyết định sau một lúc do dự, ông không muốn kẻ sắp chết điều mong muốn cuối cùng nên trả lời: “Có ba cách, con ạ. Cách enfleurage à chaud, cách enfleurage à froid và cách enfleurage à l'huile [2]. Chúng trội hơn phương pháp chưng cất về nhiều mặt và người ta dùng để có thể lấy được những mùi hương thanh cao nhất: hương hoa nhài, hoa hồng và hoa cam”.

“Ở đâu?” Grenouille hỏi.

“Ở phía nam”, Baldini đáp. “Nhiều nhất là ở thành phố Grasse”.

“Hay lắm”. Grenouille nói.

Rồi nó nhắm mắt lại. Baldini từ từ đứng dậy, ông quá chán nản, gom lại những tờ giấy không ghi được một dòng nào, thổi tắt nến. Bên ngoài trời đã sáng. Ông hết sức mệt mỏi. Lẽ ra phải mời một linh mục đến, ông thầm nghĩ. Rồi ông đưa tay phải làm dấu thánh giá vội vàng và ra đi.

Còn lâu Grenouille mới chết. Nó chỉ ngủ thật say, mơ thật sâu và hút trở vào những thứ tiết ra trên

thân thể. Những vết phỏng da bắt đầu khô lại, những vết lở ngưng chảy mủ, những vết loét khép lại dần. Trong vòng một tuần nó khỏi hẳn.

Chú thích:

[1] Ở giai đoạn cuối cùng (tiếng La Tinh).

[2] Các phương pháp lấy hương thơm trong ngành nước hoa: cách lấy nóng, cách lấy lạnh và cách lấy bằng dầu.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 21

Chương 21

Nó muốn đi ngay xuống miền nam để học ở đó những kỹ thuật mới như ông già đã nói. Nhưng đâu có thể được. Nó chỉ là một đứa học nghề có nghĩa là chẳng là cái thứ gì cả. Nghiêm khắc mà nói, Baldini giải thích sau khi nổi mừng rỡ ban đầu vì Grenouille sống lại qua đi, nghiêm khắc mà nói thì nó còn kém cả sự chẳng ra cái thứ gì, vì một đứa học việc đúng đắn phải có được gốc gác chính thức hoàng cung, họ hàng cùng giai tầng xã hội và một giao kèo học nghề mà cả ba thứ đó nó đều không có. Tuy vậy Baldini vẫn muốn giúp nó một ngày kia có được chứng chỉ thợ lành nghề chỉ vì đã cân nhắc cái năng khiếu không dễ có của Grenouille, phẩm hạnh tốt của nó trong tương lai và vì lòng tốt không bờ bến của ông, một điều mà nó không bao giờ có thể phủ nhận, dù rằng lòng tốt ấy thường đem hại đến cho ông.

Dĩ nhiên cần khá lâu, ngót ba năm, để hoàn thành lời hứa của sự hào tâm này. Trong thời gian ấy có Grenouille trợ giúp, Baldini đã thực hiện được giấc mộng vói cao của ông. Ông thành lập một xí nghiệp ở Faubourg Saint-Antoine, những nước hoa độc đáo của ông được ưa chuộng trong hoàng cung, và ông nhận được đặc quyền của hoàng gia. Nước hoa hảo hạng của ông bán tận sang Petersburg, tới Palermo, tới cả Copenhagen. Thậm chí một thứ đặc biệt có mùi xạ hương rất được ưa chuộng ở Konstaninopel (Istanbul ngày nay) dù họ thừa nước hoa, như Chúa biết đấy. Trong những cửa hàng sang trọng của London cũng thơm nức nước hoa của Baldini như ở trong hoàng cung Parma, trong cung điện ở Warsaw cũng không khác lâu đài của bá tước Von und zur Lippe-

Detmold. Sau khi tưởng đã cam phận sống nốt tuổi già nghèo túng ở Messina, Baldini dứt khoát trở thành nhà chế nước hoa lớn nhất Châu Âu và là một trong những công dân giàu có nhất Paris vào năm ông bảy mươi tuổi.

Đầu năm 1756, lúc này ông đã tậu thêm ngôi nhà bên cạnh trên Pont au Change, chỉ để làm chỗ ở thôi vì ngôi nhà cũ ngập tới tận nóc, không phải nói ngoa, với hương liệu và đồ gia vị, ông ngỏ ý với Grenouille rằng sẵn lòng trả tự do cho gã, tất nhiên chỉ với ba điều kiện: thứ nhất, trong tương lai gã không chế tất cả nước hoa gã đã chế dưới mái nhà của Baldini, và cũng không đưa công thức cho ai khác; thứ hai là gã phải đi khỏi Paris và sẽ không trở lại khi Baldini còn sống và thứ ba là gã phải tuyệt đối giữ kín hai điều kiện trên. Gã phải thề trước các vị thánh, trước vong linh khốn khổ của mẹ gã và trên danh dự của chính gã.

Grenouille thề ngay dù rằng chẳng hề có danh dự, cũng như chẳng tin vào thánh hay vong linh khốn khổ của mẹ gã. Gã sẵn sàng thề mọi thứ, chấp nhận mọi điều kiện, vì gã muốn có được cái chứng chỉ thợ lành nghề khô hài để có thể sống kín đáo, đi lại không bị trở ngại và tìm được chỗ làm. Những chuyện khác gã chẳng màng tới. Những điều kiện kia nào có nghĩa gì! Không được trở lại Paris ư? Gã cần gì Paris chứ! Gã biết Paris tới tận góc ngách hôi hám cuối cùng, dẫu đi đâu gã cũng đều có Paris trong người từ nhiều năm rồi. Không được chế những nước hoa độc đáo của Baldini, không được trao công thức cho người khác ư? Làm như gã không thể sáng tạo ra hàng nghìn thứ khác tốt bằng và tốt hơn nếu gã muốn! Nhưng gã đâu có muốn? Gã đâu định cạnh tranh với Baldini hay với bất kỳ một nhà chế nước hoa trưởng giả nào. Gã đâu có ý định làm giàu với nghệ thuật của gã ngay cả chỉ để sống cũng thế, khi gã có thể làm cách khác. Gã muốn bộc lộ cái gã tàng trữ trong lòng mà gã cho rằng tuyệt vời hơn tất cả những gì ngoại giới công hiến, gã không muốn gì khác hơn thế cả. Cho nên điều kiện của Baldini đối với gã không phải là điều kiện.

Gã ra đi vào mùa xuân, một sáng sớm tháng năm. Gã nhận được của Baldini một túi đeo lưng nhỏ, một cái áo thứ nhì, hai đôi tất, một khúc dùi to, một cái chăn thô và hai mươi lăm quan. Baldini nói thế là quá nhiều so với những gì ông có bổn phận cung cấp, nhất là Grenouille không trả tí tiền học nào cho sự đào tạo chu đáo mà gã hưởng. Ông chỉ buộc phải cho gã hai quan tiền đi đường, thế thôi. Nhưng mà ông không thể chối bỏ lòng tốt của mình cũng như tình cảm sâu đậm chứa trong trái tim ông trong suốt bao năm dành cho thằng Jean-Baptiste Grenouille giỏi giang. Ông chúc gã nhiều may mắn trong cuộc hành trình và một lần nữa nghiêm khắc cảnh cáo gã đừng quên lời thề. Rồi ông đưa gã tới cổng dành cho người làm, nơi xưa kia ông đã gặp gã, để cho gã đi.

Ông không đưa tay cho gã bắt, cái tình cảm chưa đủ sâu đậm đến thế. Ông chưa bao giờ bắt tay gã. Ông luôn luôn tránh đụng chạm đến gã do một thứ ghê tởm mù quáng như thể có nguy cơ gã làm ông lây bệnh, làm ông ô uế. Ông chỉ nói gọn lỏn adieu[1], Grenouille gật đầu rồi khom người lại, ra đi. Đường phố không một bóng người.

Chú thích:

[1] Vĩnh biệt (tiếng Pháp)

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 22

Baldini nhìn theo gã lê bước qua cầu, sang bên hòn đảo, nhỏ thó, khom người, mang cái túi trên lưng như mang cái bấu, nhìn từ sau chẳng khác một ông già. Tới khúc ngoặt của con hẻm nơi toà án tối cao (Parlement) thì gã biến khỏi tầm mắt và ông nhẹ hẫng cả người.

Ông chưa bao giờ mến gã, chưa hề, và bây giờ thì ông có thể dứt khoát thú nhận được rồi. Suốt thời gian ông cho gã ở và moi móc gã, ông không thoải mái tí nào. Ông cảm thấy như một người chân thật lần đầu tiên làm một việc bị cấm đoán hay chơi gian một ván bài. Vẫn biết khả năng làm việc này bị phát giác nhỏ thôi mà triển vọng thành công thì vô cùng to lớn nhưng lòng bất an và lương tâm cắn rứt cũng lớn không kém. Quả thật suốt mấy năm ấy không ngày nào ông không bị đeo đuổi bởi một cái ý nghĩ không vui rằng rồi ông sẽ phải đền bù bằng cách nào đó cho sự giao du với gã. Ước gì được trôi chảy, ông không ngớt lo âu cầu khẩn, ước gì mình có thể gạt hái được sự thành công của việc mạo hiểm này mà không phải đền bù gì! Ước gì mình thành công! Điều tôi làm không đúng thật đấy nhưng Chúa sẽ nhắm mắt làm ngơ, chắc chắn Người sẽ làm ngơ! Trong đời tôi Người đã từng trừng phạt nặng nề nhiều lần mà chẳng vì lý do gì cả thì nếu lần này Người có thái độ làm hoà thì cũng đúng thôi. Tôi đã làm tội gì nào, nếu như quả đó là tội? Cùng lắm là tôi đã hơi vượt quá điều lệ của phường hội qua việc tôi lợi dụng cái năng khiếu tuyệt vời của một thằng thiếu kinh nghiệm và nhận năng lực của gã làm của tôi. Cùng lắm là tôi đã đi trệch một ít khỏi cái con đường mòn truyền thống đầy tư cách của ngành thủ công. Cùng lắm là hôm nay tôi đã làm cái mà tôi lên án ngày hôm qua. Thế đã là tội ác chưa? Có những kẻ bịp cả đời. Còn tôi chỉ mới gian dối vài ba năm nay thôi. Cũng chỉ tại vì ngẫu nhiên mà cái cơ hội ngàn năm một thuở ấy đến với tôi đấy chứ? Cũng có thể không ngẫu nhiên đâu, có thể chính Chúa đã gọi cái tay phù thủy ấy đến nhà tôi để đền bù cho những ngày tôi bị Pélissier và lũ bạn gã hạ nhục. Có thể Chúa không hoàn toàn ưu ái tôi đâu mà chỉ trừng phạt Pélissier thôi! Có thể lắm chứ? Chúa làm cách nào trừng phạt được Pélissier nếu không

nâng đỡ tôi? Như thế thì sự may mắn của tôi là phương tiện để Chúa thực hiện sự công bằng và tôi không những được phép mà còn phải nhận mà không cần phải xấu hổ hay hối hận tí nào...

Baldini vẫn thường nghĩ như thế trong những năm qua, sáng sáng khi ông xuống cửa tiệm qua cái cầu thang hẹp cũng như chiều chiều khi ông ôm cái két lên lầu đếm những đồng tiền vàng và bạc nặng trĩu và đêm đêm khi ông nằm cạnh cái thân thể gầy đét ngáy vang của vợ, không thể nhắm mắt vì sự may mắn làm ông quá sợ.

Nhưng bây giờ rốt cuộc những ý nghĩ gờ ả qua rồi. Người khách lạ lòng đã đi khỏi và sẽ không bao giờ quay trở lại nữa. Còn sự giàu có ở lại và vững bền mãi mãi. Baldini đặt tay lên ngực, cảm thấy qua làn vải áo quyền sở nơi trái tim. Sáu trăm công thức đã ghi trong ấy, phải nhiều thế hệ nhà chế nước hoa mới hòng thực hiện được. Nếu như hôm nay ông mất hết tất cả thì trong vòng một năm, chỉ với quyển sổ tuyệt vời này thôi ông sẽ lại giàu. Nói thật, ông còn đòi hỏi gì hơn.

Mặt trời buổi sáng phía trên đầu hồi các nhà đối diện chiếu ánh nắng vàng ấm lên mặt ông. Baldini vẫn nhìn về phía nam, hướng con đường dẫn đến toà án tối cao, cảm thấy thật dễ chịu khi không còn nhìn thấy Grenouille nữa và quyết định sẽ hành hương sang Notre-Dame ngày hôm ấy để cúng một đồng tiền vàng với lòng chan chứa biết ơn, sẽ thắp ba ngọn nến, quỳ xuống cảm ơn Chúa đã ban cho ông thừa thừa may mắn và tránh cho ông không bị báo thù.

Nhưng trở trêu sao lại có chuyện xảy đến giữa chừng. Ngay khi ông định đi sang nhà thờ vào lúc xế trưa thì có tin đồn ầm ầm là Anh đã tuyên chiến với Pháp. Thật ra thì chẳng có gì đáng lo lắng cả. Nhưng đúng hôm ấy Baldini định gửi một chuyến hàng nước hoa sang London nên ông hoãn lại việc đi sang Notre-Dame để vào phố lấy thêm tin tức rồi đi tiếp đến xí nghiệp ở Faubourg Saint-Antoine, huỷ ngay việc gửi hàng sang London. Tối đến nằm trên giường ông nảy ra một sáng kiến thiên tài ngay trước khi đi vào giấc ngủ: nhân cuộc chiến tranh xảy ra để tranh giành thuộc địa ở các nước Tân thế giới, ông định sẽ tung ra một loại nước hoa có tên Prestige de Québec (Uy danh Québec), một mùi thơm quả cảm làm từ nhựa cây mà sự thành công của nó chắc chắn thừa bù đắp cho cái vụ bỏ buôn bán với Anh. Maitre Baldini ngả cái đầu già nua đàn độn lên gối, nhẹ cả người với cái ý nghĩ ngọt lịm kia, thấy sức nặng của quyển sổ đè lên ngực dễ chịu hẳn, ông chìm trong giấc ngủ và không bao giờ dậy nữa.

Số là đêm hôm đó xảy ra một tai biến nhỏ mà sau đó ít lâu là lý do để có chiếu chỉ ra lệnh dần dần phá sập mọi nhà trên tất cả các cầu ở Paris: mạn tây của Pont au Change, giữa trụ cầu ba và bốn sụp mà không rõ nguyên nhân. Hai ngôi nhà đổ sụp xuống sông bất ngờ đến nỗi không thể cứu được ai cả. May mắn sao chỉ có hai người chết, Giuseppe Baldini và bà vợ ông, bà Teresa. Những người giúp việc, chẳng biết được phép hay không đều đi ra ngoài cả. Còn Chénier mãi hứng sáng mới chính choáng về nhà, đúng hơn phải nói là muốn về nhà vì ngôi nhà không còn ở đó nữa, liền bị suy nhược thần kinh. Ông đã tận tụy ba mươi năm ròng với hy vọng được Baldini chọn làm người thừa kế trong

di chúc vì ông này không có con cái cũng không thân thích. Bây giờ bỗng nhiên cả gia sản biến mất; tất cả, nhà, cửa hàng, nguyên vật liệu, xưởng, ngay cả Baldini, thậm chí cả tờ di chúc biết đâu lại chẳng để cho ông cái xí nghiệp để làm của riêng!

Chẳng tìm thấy gì cả, xác không, tù tiền không, quyền sở với sáu trăm công thức cũng không. Cái duy nhất còn sót lại của Giuseppe Baldini, nhà chế nước hoa lớn nhất Châu Âu, là một mùi trộn lẫn xạ hương, quế, giấm, oải hương và hàng nghìn thứ khác tràn ngập sông Seine từ Paris tới tận Le Havre suốt mấy tuần liền.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Phần 2 - Chương 23

Vào cái lúc ngôi nhà của Giuseppe Baldini sập thì Grenouille đang trên đường đi đến Orléans. Gã để lại phía sau cái bầu trời mờ đục bao phủ thành phố lớn, cứ mỗi bước xa thêm thì không khí quanh gã trong hơn, tinh khiết hơn, sạch hơn. Cả loãng hơn nữa. Không có cảnh trăm, nghìn thứ mùi dòn dập luân phiên rượt đuổi nhau từng mét một nữa mà chỉ một mùi sẵn có như mùi đường đi cát sỏi, mùi đồng cỏ, mùi đất, mùi cây cối, mùi nước... bắt tận trên đồng quế; chậm chậm nở ra, chậm chậm biến đi, không bao giờ đứt đoạn đột ngột cả.

Grenouille thấy sự mộc mạc này như là giải thoát. Những mùi hương nhẹ nhàng mon tron gã. Lần đầu tiên trong đời gã không phải cảnh giác rằng với mỗi hơi thở lại phát hiện ra một mùi thù địch mới không ngờ hay để mất đi một mùi dễ chịu. Lần đầu tiên gã gần như có thể thở tự do mà không phải vừa ngửi vừa rình rập. Gọi là gần như vì thật ra chẳng có gì tự do đi qua mũi Grenouille cả. Dù không có chút lý do nhỏ nào nhưng gã luôn luôn thận trọng bấm sinh khi để cho những thứ bên ngoài lọt vào bên trong gã. Cả đời, kể cả đôi lúc hiếm hoi mà gã được sống trong những thứ tương tự như sự thoải mái, hài lòng, thậm chí cả may mắn nữa, gã vẫn thích thở ra hơn hít vào như gã đã bắt đầu sự sống không phải bằng một sự hít vào đầy hy vọng mà bằng cái tiếng khóc rùng rợn. Trừ cái hạn chế bấm sinh này ra thì càng xa Paris bao nhiêu Grenouille càng thấy thoải mái bấy nhiêu, gã cảm thấy dễ thở hơn, bước đi nhanh nhẹn hơn và đôi lúc tưởng người lên được, lúc ấy nhìn từ xa thì thấy gã chẳng khác mấy một gã thợ thủ công, nghĩa là như một người hoàn toàn bình thường.

Gã thấy xa cách con người là giải thoát hay nhất. Ở Paris người ta sống chen chúc hơn bất kỳ đâu trên thế giới này. Sáu, bảy trăm nghìn người sống ở Paris. Họ nhan nhản ngoài đường phố và quảng

trường, trong nhà thì đầy ứ từ hầm tới nóc. Không một xó xỉnh nào ở Paris mà con người không trần trời gió vào, không một khoảnh đất nào mà lại không có hơi người.,

Sang ngày thứ ba của chuyến đi, gã bị hút vào trọng trường mùi của Orléans. Grenouille phát hiện trong không khí sự tích tụ của con người thật lâu trước khi có bất cứ một dấu hiệu nào cho thấy đang ở gần thành phố và quyết định tránh xa Orléans, ngược với ý định ban đầu. Gã không muốn cái hơi thở tự do vừa mới có được lại sớm bị cái môi trường ngọt ngào của con người ô nhiễm. Gã đi vòng thật xa thành phố, gặp con sông Loire ở Chateauneuf và vượt sông ở Sully. Tới đây thì cũng vừa ăn hết dòi, gã mua một cây khác rồi bỏ dòng sông đi sâu vào đất liền.

Lúc này gã không chỉ tránh thành phố mà tránh cả làng mạc. Gã như bị say bởi cái không khí không ngừng loãng và vắng con người hơn. Chỉ khi nào phải mua thêm đồ ăn gã mới đến gần một khu dân cư hay một nông trại chơ vơ, mua bánh mì rồi lại biến vào rừng. Sau vài tuần thì ngay cả những lần gặp đôi người qua lại trên những con đường khuất nẻo cũng là quá nhiều đối với gã, gã không chịu nổi mùi toát ra từ những nông phu đang cật vục cò đầu tiên trên đồng cỏ. Gã sợ hãi tránh những đàn cừ, không phải sợ lũ cừ mà để tránh mùi người chăn cừ. Gã băng đại ngang đồng cỏ, sẵn sàng đi vòng hàng dặm nếu ngửi thấy mùi đoàn kỵ binh đang phi về phía gã dù họ còn cách xa gã cả tiếng đồng hồ. vì không hề biết có chiến tranh nên không phải gã sợ bị khám xét hay hỏi giấy tờ và bị bắt lính như những tay thợ thủ công hay bọn du thủ du thực khác mà chỉ vì gã ghét mùi người của các kỵ binh. Vì thế kế hoạch đi thật nhanh tới Grasse tự động tan biến dần, chẳng do một quyết định đặc biệt nào, có thể nói là kế hoạch đã hoà tan trong sự tự do như mọi dự tính và kế hoạch khác.

Grenouille không muốn đi bất kỳ đâu nữa mà chỉ muốn xa con người.

Cuối cùng gã chỉ còn đi vào ban đêm. Ban ngày gã chui vào các lùm cây thấp, ngủ trong các bụi cây rậm rạp ở những nơi khó vào nhất, cuộn tròn như một con vật, cái chăn thô màu đất nâu trùm kín cả người lẫn đầu, mũi kê giữa khuỷu tay, quay xuống đất để không một chút mùi lạ nào quấy rầy giấc mơ của gã. Gã thức dậy khi mặt trời lặn, đánh hơi khắp mọi hướng và chỉ sau khi đã ngửi thấy chắc chắn rằng người nông phu cuối cùng đã rời khỏi đồng ruộng và ngay cả người bộ hành gan góc nhất cũng đã tìm một chỗ trọ trước màn đêm, chỉ sau khi đêm tối với những nguy hiểm tưởng tượng đã quét sạch con người khỏi vùng đất, Grenouille mới chui ra khỏi chỗ ẩn nấp, tiếp tục chuyến đi. Gã không cần ánh sáng để nhìn. Ngay trước đây, khi còn đi trong ban ngày, gã thường bịt mắt hàng giờ liền và chỉ đi theo cái mũi. Cái bức tranh đồng quê sặc sỡ, sự loá mắt, sự thay đổi bất chợt và sự phải nhìn rõ làm mắt gã đau. Gã chỉ thích ánh trăng. Ánh trăng không có màu và chỉ soi nhạt đường nét địa thế. Ánh trăng phủ mảnh đất với màu xám như nhuộm và bóp nghẹt sự sống được một đêm dài. Cái thế giới trong đêm như được đúc bằng chì, không có gì lay động ngoài ngọn gió thỉnh thoảng như cái bóng đổ xuống những cánh rừng màu xám và không có gì sống trong đó ngoài mùi thơm của đất trần trụi, là cái thế giới duy nhất mà gã chấp nhận vì giống với cái thế giới của tâm hồn gã.

Gã đi về hướng nam như thể đây. Gọi đại khái là hướng nam thôi vì gã không đi theo la bàn nam châm mà chỉ theo la bàn của mũi gã, nó bảo gã đi vòng mỗi thành phố, mỗi làng, mỗi khu dân cư. Hàng tuần liền gã không gặp một ai. Và gã có thể tự ru ngủ trong niềm tin vững vàng rằng gã là kẻ duy nhất trong cái thế giới tối tăm, được tắm trong ánh trăng lạnh lẽo nếu cái la bàn nhạy bén của gã không chỉ ra điều ngược lại.

Trong đêm cũng có người. Ở trong những vùng hẻo lánh nhất cũng có người. Họ chỉ rút về chỗ trú ẩn ngủ như chuột. Mặt đất chưa hết sạch hơi họ bởi vì ngay trong giấc ngủ họ vẫn phả ra mùi, xuyên qua cửa sổ để ngỏ hay những kẽ hở trong nhà, bay ra ngoài làm uế tạp cái thiên nhiên tưởng chừng không gì đụng đến được. Grenouille càng quen với cái không khí trong lành bao nhiêu thì gã càng nhạy cảm bấy nhiêu với cái mùi người có lần ào đến bất ngờ, hoàn toàn không chờ đợi, kinh tởm như mùi phân bón, tố giác rằng nơi trú chân của người chăn cừu hay lều của người đốt than hay hang của bọn cướp đầu đó quanh đây. Thế là gã tiếp tục chạy, càng ngày càng phản ứng nhạy hơn với cái mùi người ngày càng ít hẳn đi. Và cái mũi gã càng dẫn gã đến những vùng hẻo lánh hơn, xa con người hơn và đây gã mãnh liệt hơn về cái cực nam châm của sự cô độc, càng gần càng tốt.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Chương 24

Cái cực này, tức là điểm xa cách con người nhất trong toàn vương quốc, nằm ở Massif Central, vùng Auvergne, cách phía nam Clermont năm ngày đường, trên đỉnh một ngọn núi lửa cao hai nghìn mét, có tên là Plomb du Cantal.

Cái núi khoáng thạch màu xám chì có hình chóp nón khổng lồ được bao quanh bởi một cao nguyên mênh mông, trơ trụi, mọc toàn rêu màu xám và những bụi cây rậm rạp lè tè cũng màu xám; đây đó dựng lên những tảng đá nhọn màu nâu trông như những cái răng sâu và vài thân cây cháy thành than. Ngay giữa ban ngày vùng này cũng cần cỗi buồn tẻ đến nỗi người chăn cừu cùng khổ nhất của cái tỉnh vốn nghèo này cũng chẳng thèm xua lũ cừu đến đây. Còn ban đêm, trong ánh trăng sáng nhờ nhờ thì cái cảnh hoang vu như thể bị Chúa bỏ rơi làm cho vùng này có vẻ như thuộc về một thế giới nào khác. Ngay đến tên cướp Lebrun ở Auvergne bị truy nã khắp nơi cũng thà chọn vùng Cévenne để thoát thân rồi bị tóm ở đó và bị tứ mã phanh thây hơn là trốn ở Plomb du Cantal, cho dù chắc chắn ở đó chẳng ai thèm tìm bắt hắn, nhưng cũng chắc chắn là hắn sẽ phải chết đau khổ hơn nữa, đó là

chết mòn mỗi trong cô đơn. Chung quanh núi hàng dặm không một bóng người hay một con thú có máu nóng nào trừ vài con dơi, vài con bọ hung và rắn. Hàng chục năm rồi không ai leo lên đỉnh núi cả.

Grenouille tới chân núi một tối tháng năm năm 1756. Tờ mờ sáng gã đã đứng trên ngọn núi. Gã chưa biết rằng chuyến đi của gã chấm dứt ở đây. Gã vẫn nghĩ rằng đây chỉ là một chỗ dừng chân trên con đường đi đến nơi có không khí trong lành hơn và gã xoay quanh, mũi lướt nhìn phong cảnh hùng vĩ của vùng núi lửa hoang vu, lướt về phía đông nơi có cao nguyên Saint-Flour bao la và những đầm lầy của con sông Riou, và lướt về phía bắc nơi gã phát xuất và đã nhiều ngày đi qua những dãy núi đá vôi, lướt về phía tây nơi ngọn gió nhẹ ban mai mang đến cho gã chỉ một mùi của đá và loại cỏ cứng, sau hết về phía nam nơi những núi con của Plomb trải dài hàng dặm tới tận những hẻm núi tối tăm của sông Truyere. Khắp nơi, phía nào cũng vậy, đều xa con người cả nhưng đồng thời mỗi bước về mỗi phía có nghĩa sẽ lại gần con người hơn, cái la bàn cứ xoay quanh. Nó không còn chỉ phương hướng nữa. Grenouille đã tới đích. Nhưng đồng thời gã đã bị giam giữ.

Khi mặt trời đã lên cao, gã vẫn đứng tại chỗ héch mũi lên. Với một cố gắng tuyệt vọng, gã đánh hơi tìm xem đâu là hướng con người nguy hiểm có thể đến và đâu là hướng ngược lại để gã chạy trốn tiếp. Hướng nào gã cũng nghi là rồi sẽ phát hiện ra một chút hơi hướng của con người còn ẩn đâu đó. Nhưng chẳng có gì cả. Chỉ là bình yên, bình yên của mùi, nếu có thể nói như thế được. Chung quanh chỉ có tiếng xào xạc khe khẽ do mùi thơm thuần nhất của đá không sự sống, của thạch y xám và của cỏ úa, ngoài ra không còn gì khác.

Phải rất lâu Grenouille mới chịu tin những gì gã không nghĩ thấy. Gã không chờ đợi sẽ gặp may. Sự nghi ngại dằng co dai dẳng với nhận thức Thậm chí, khi mặt trời lên, gã dùng đến sự trợ giúp của mắt lục lợi khắp chân trời một dấu hiệu nhỏ nhoi về sự hiện diện của con người, chẳng hạn một mái lều, một làn khói, một bờ rào, một cây cầu, một đàn gia súc. Gã khum tay quanh tai lắng nghe tiếng cật của lưỡi hái, một tiếng chó sủa hay một tiếng trẻ khóc. Gã ở lì trên đỉnh ngọn Plomb du Cantal suốt ngày hôm ấy trong cái nóng như thiêu đốt, chờ đợi hoài công một dấu hiệu nhỏ nhất. Chỉ khi mặt trời lặn sự nghi ngại của gã mới từ từ nhường chỗ cho một cảm giác phoi phới mạnh dần lên: gã đã thoát khỏi cái mùi xú uế đáng ghét! Gã thật sự hoàn toàn một mình! Gã là con người duy nhất trên thế giới!

Tiếng hò reo âm ỉ vỡ òa trong con người gã. Như một kẻ bị đắm tàu sau nhiều tuần trôi giạt lênh đênh say sưa chào mừng hòn đảo đầu tiên có người ở, Grenouille ăn mừng đã đến được ngọn núi cô độc. Gã gào lên vì sung sướng. Gã tung hê túi đeo, chấn, gậy và không ngớt dậm chân thỉnh thoảng, tay giơ cao, xoay người múa và hét toáng tên gã khắp bốn phương, nắm tay lại, đắc thắng dứ dứ vào cái vùng đất nằm tuốt phía dưới và vào vàng mặt trời đang lặn như thể chính gã xua đuổi nó khỏi bầu

trời. Gã hành động như một kẻ điên tới tận khuya.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 25

Gã dành mấy ngày sau đó để sắp xếp trên ngọn núi vì gã thấy rõ sẽ không sớm rời khỏi miền đất lạnh này. Trước hết gã đánh hơi tìm nước và tìm thấy trong một chỗ lõm gần ngọn núi. Nước nhĩ thành một lớp mỏng dọc theo tảng đá vào đáy. Không nhiều nhưng nếu gã kiên nhẫn liếm khoảng một tiếng thì cũng đủ cho nhu cầu trong ngày. Gã tìm thấy cả thức ăn. Đó là những con kỳ nhông nhỏ và rắn khoang mà gã nuốt cả da lẫn xương sau khi đã bứt đầu. Gã ăn thêm thạch y khô, cỏ và những hạt rêu. Theo tiêu chuẩn bình thường thì ăn uống kiểu này hoàn toàn không thể chấp nhận được nhưng lại chẳng làm gã bực mình tí nào. Mấy tuần rồi, mấy tháng rồi gã đâu có sống nhờ vào thực phẩm làm sẵn của con người như bánh mì, dòi, phomat, mà khi thấy đói thì gã ăn tất những gì gã gặp và thấy là ăn được. Gã không phải là kẻ sành ăn. Gã cũng chẳng cần thưởng thức nếu như thưởng thức cốt không phải ở cái mùi thuần túy vô thể. Gã cũng không cần đến tiện nghi và sẵn sàng hài lòng dựng chỗ ở trên đá trần trụi. Nhưng gã tìm thấy chỗ tốt hơn.

Gần chỗ lấy nước gã phát hiện ra một đường hầm thiên tạo, dẫn sau vào trong núi, qua nhiều khúc quanh hẹp, để sau chừng ba mươi mét thì không đi tiếp được nữa vì đầy đá lở. Ở đó, nơi cuối đường hầm, chập đến nỗi hai vai gã chạm vào đá và thấp đến nỗi gã chỉ có thể đứng lom khom, nhưng ngồi được và nếu gã cong người thì có thể nằm được nữa. Thế là đáp ứng hoàn toàn cái nhu cầu về tiện nghi của gã. Vì chỗ này có nhiều thuận lợi không lường được: cuối đường hầm thì ngay cả ban ngày cũng tối như mực, tĩnh mịch như bãi tha ma, còn không khí thì ẩm, lạnh và có vị muối. Grenouille ngửi ngay ra là chưa từng có một sinh vật nào vào đáy cả. Khi chiếm chỗ này gã có cảm giác rụt rè thành kính. Gã cẩn thận trải cái khăn thô lên nền đá như thể phủ cái bàn thờ rồi nằm lên trên. Gã thoải mái vô cùng. Gã nằm trong lòng ngọn núi cô quạnh nhất nước Pháp, năm mươi mét dưới mặt đất, như trong nắm mồ của chính gã vậy. Trong đời gã chưa bao giờ cảm thấy an toàn như thế, kể cả khi nằm trong bụng mẹ. Dầu ngoài kia thế giới có cháy rụi thì ở đây gã cũng chẳng hề biết. Gã khóc thầm. Gã không biết phải cảm ơn ai với bấy nhiêu may mắn.

Về sau gã chỉ đi ra ngoài để liếm nước, để giải quyết thật nhanh cái việc tiêu tiểu, để săn thằn lằn và

rắn. Dễ tóm được chúng vào ban đêm vì chúng rúc dưới các phiến đá hay chui vào hang và gã tìm dẫu chúng bằng mũi.

Mấy tuần đầu gã leo lên đỉnh núi thêm vài ba lượt nữa để đánh hơi phía chân trời. Chẳng bao lâu cái việc này trở thành thói quen chán ngắt hơn là cần thiết vì không lần nào gã ngửi thấy sự đe dọa cả. Cho nên cuối cùng gã bỏ cả các chuyến khảo sát và lo trở về phần mộ cho thật nhanh sau khi đã làm những việc lật vật cần thiết nhất cho sự sống còn. Bởi vì ở đây, trong phần mộ, gã mới thực sự sống. Có nghĩa là gã ngồi hơn hai mươi tiếng trong ngày nơi cuối đường hầm, trên cái chần thô, hoàn toàn trong bóng tối, im lặng và tuyệt đối không cử động, lưng tựa vào đồng đá lở, vai kẹp giữa những tảng đá và không đòi hỏi gì hơn.

Ta biết có những người tìm sự cô quạnh như những kẻ sám hối, những người thất chí, những vị thánh hay những nhà tiên tri. Họ thích rút vào sa mạc, sống bằng cào cào và mật ong. Có người chọn hang động hay am trên những hòn đảo xa xôi, hoặc khác thường hơn, ngồi chồm hổm trong cái cũi treo lơ lửng trong không khí. Họ làm như thế để được gần Thượng Đế hơn. Họ sống khổ hạnh qua cô quạnh, qua đó mà sám hối. Họ làm như thế với niềm tin rằng cuộc sống ấy hợp với ý Thượng Đế. Hay là họ chờ đợi rờn rã nhiều tháng nhiều năm, tin rằng lời rao truyền của Thượng Đế sẽ đến với họ trong cảnh cô độc, để rồi họ sẽ vội vã đem rao giảng trong cõi nhân gian.

Grenouille chẳng có gì giống như thế cả. Gã không nghĩ chút xiú nào đến Thượng Đế. Gã không sám hối cũng chẳng chờ đợi một linh cảm màu nhiệm nào. Gã rút về đây chỉ do một thích thú riêng đó là được gần với chính gã. Gã ngụp lặn trong sự tồn tại không gì làm phân tâm được của gã và thấy tuyệt vời. Gã nằm trong cái phần mộ bằng đá như một xác chết, không thở, tim ngừng đập nhưng lại sống hết sức mãnh liệt và phóng đảng mà chưa một kẻ phóng đảng nào ngoài đời từng sống.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 26

Nơi diễn ra sự phóng đảng là cái vương quốc bên trong người gã chứ không thể ở đâu khác, ngay từ khi mới lọt lòng gã đã chôn vào đấy tất cả những đường nét của tất cả mọi mùi mà gã đã gặp. Để phân chán, trước hết gã gọi hồn những mùi đầu tiên nằm xa lác, xa lơ, cái mùi thù địch ẩm ướt trong phòng ngủ ở nhà Madame Gaillard, cái mùi da khô đét của bà, cái mùi chua như giấm của cha Terrier, mùi mồ hôi ẩm tình mầu tử của chị vú Bussie hót ha hót hải, mùi xác chết ở Cimetiere des

Innocents, mùi chết chóc của mẹ gã. Gã lặn ngụp trong ghê tởm và thù ghét, tóc dựng đứng vì nỗi khiếp sợ đầy khoái cảm.

Thỉnh thoảng, khi mà khai vị với những thứ gớm ghiếc này chưa đủ làm cho tức giận thì gã tạt qua chỗ Grimal, nếm mùi hôi của da sống nhầy nhụa thịt, của nước thuộc da hay gã hình dung đến cái xú khí của sáu trăm nghìn người dân Paris trong cái oi bức ngọt thờ giữa mùa hè.

Tức thì sự thù ghét bị dồn nén trong người gã bật ra với sự khoái cảm mãnh liệt tột cùng, đó là ý nghĩa của sự tập dượt. Như thể một con giông, gã đê bẹp những cái mùi cả gan lảng mạ cái mùi cao quý của gã. Gã quật chúng tới tấp như mưa đá quật đồng lúa, như một cơn bão, gã nghiền nát cái lũ hèn hạ ấy và nhận chìm chúng trong trận đại hồng thủy của nước cất để tẩy uế. Sự thịnh nộ của gã chính đáng bao nhiêu thì sự báo thù của gã ghê gớm bấy nhiêu. Ôi chao, cái khoảnh khắc ấy mới tuyệt diệu làm sao! Grenouille, cái thằng người nhỏ bé, run lên vì nôn nao, thân thể gã quần quai trong sự hứng thú đầy khoái cảm, oằn người lên làm đầu gã đụng tường đá trần hầm để rồi ngồi xuống từ từ, nằm dài ra, thư giãn và hết sức thoả mãn. Thật là thống khoái, cái màn tiêu diệt như vũ bão mọi thứ mùi kinh tởm kia quả là thống khoái... Gã gần như thích màn này nhất trong những tiết mục của đoàn kịch vĩ đại bên trong người gã, vì cái màn ấy đem lại một cảm giác tuyệt vời về sự mệt mỏi chính đáng chỉ có thể có được sau những hành động dũng cảm, thật sự vĩ đại.

Giờ thì gã có quyền nghỉ ngơi một thời gian với lương tâm thanh thản. Gã đuổi người ra, càng được nhiều càng tốt, trong cái hang đá chật chội. Nhưng bên trong người gã, trên cái tấm nệm đã được quét sạch của tâm hồn, gã thoả mái đuổi hết cả người, thiu thiu ngủ và để cho những mùi thơm thanh tao chơi giỡn với những mùi của gã, chẳng hạn một làn gió nhẹ đậm đà như được đồng cỏ mùa xuân mang đến, hay một ngọn gió thán năm dịu dàng thổi qua những lá sồi xanh non đầu tiên, hay một làn gió biển có vị đắng của hạnh nhân muối. Xế trưa khi gã nhắm dậy – gọi là xế trưa vì không có chiều, xế trưa, chiều hay sáng, không có ánh sáng hay bóng tối, cũng không có đồng cỏ mùa xuân hay lá sồi xanh... hoàn toàn không có một vật gì cả ở cái vũ trụ bên trong của Grenouille mà chỉ có mùi thơm của vật thôi (Bởi vậy chỉ là một facon de parler – một cách nói – khi nói về cái vũ trụ ấy như thể là một cảnh vật, dĩ nhiên là tương ứng thôi, đồng thời là cách khả dĩ duy nhất vì ngôn ngữ của chúng ta không diễn tả nổi thế giới của mùi). Vậy là vào xế trưa – gọi thế để ám chỉ thời điểm và trạng thái trong tâm hồn Grenouille – như thông thường ở miền Nam sau giấc ngủ trưa, khi sự tê liệt của buổi trưa từ từ rút khỏi cảnh vật và sự sống lại bắt đầu sau khi thoát khỏi sự chế ngự. Kẻ thù của những mùi thơm tuyệt vời là cái nóng như thiêu đốt đã biến đi, bầy ma quỷ đã bị tiêu diệt. Cảnh vật bên trong phơi trần mềm mại trong cái êm ả khêu gợi của sự tỉnh giấc, nằm chờ đợi ý muốn của chủ nhân.

Như đã nói, Grenouille nhắm dậy trong vương quốc của gã, vung tay chân cho tỉnh ngủ. Gã, thằng Grenouille bên trong to lớn, đứng lên sừng sững như một người khổng lồ, trông hết sức huy hoàng và

vĩ đại, nhìn quanh đầy tự hào và oai vệ, gã thật đáng được chiêm ngưỡng nhưng tiếc thay chẳng có ai trông thấy gã cả.

Phải, đây là vương quốc của gã! Cái vương quốc Grenouille có một không hai! Do gã, Grenouille độc đoán, dựng nên và cai trị, bị tàn phá khi gã muốn, rồi được gã tái lập và mở rộng không cùng, được gã dùng thanh kiếm lửa bảo vệ chống mọi quân xâm lược. Ở đây chỉ có ý muốn của gã ngự trị, ý muốn của Grenouille vĩ đại, tuyệt vời, có một không hai. Bây giờ sau khi những mùi hôi kinh tởm của quá khứ bị quét sạch rồi, gã muốn vương quốc của gã thơm tho. Thế là với những bước chân hùng dũng, gã đi ngang những thửa đất bỏ hoang, gieo mùi thơm đủ loại, chỗ này thừa thãi, chỗ kia tiện tặn, vung từng nắm hạt giống hay bỏ từng hạt vào nơi được chọn trong những đồn điền mênh mông hay những khoảnh đất nhỏ nằm kín đáo. Grenouille Vĩ Đại rảo bước đến tận những vùng hẻo lánh nhất của vương quốc và chẳng bao lâu không còn một góc nào không được người làm vườn hối hả ấy gieo hạt của mùi thơm.

Khi thấy đã được rồi và cả vương quốc đã đầy những hạt giống Grenouille thần thánh rồi thì Grenouille Vĩ Đại cho rơi xuống một trận mưa rượu tinh cất nhẹ nhàng, liên tục, khắp nơi bắt đầu nảy mầm, đâm chồi, nảy lộc làm trái tim rộn rã niềm vui. Rồi đồn điền sum suê lượn sóng và cây ú nhựa trong những khu vườn nằm khuất. Nụ hoa gập như bật ra khỏi đài hoa.

Thế là Grenouille Vĩ Đại ra lệnh ngừng mưa. Và mưa tạnh thật. Rồi gã phái mặt trời dịu dàng, chính là nụ cười của gã, đi khắp nước; tức thì hàng triệu đóa hoa rực rỡ nở rộ, từ đầu này đến đầu kia của vương quốc, thành một tấm thảm duy nhất đủ màu, đan bởi vô số những bình nước hoa quý giá. Và Grenouille Vĩ Đại thấy hay, rất hay. Và gã thổi gió, là hơi thở của gã, đi khắp nước. Và những bông hoa được mơn trớn tỏa hương thơm, vô số những hương thơm ấy trộn thành một mùi không ngọt thay đổi nhưng trong sự không ngọt thay đổi vẫn hoà vào nhau thành một mùi thơm tôn kính toàn vẹn dâng lên cho gã, Grenouille Vĩ Đại, Độc Nhất, Tuyệt Vời, đang ngự trên một đám mây thơm mùi vàng, đang phập phồng mũi hít trở lại hơi chính gã đã thở ra, mùi lễ vật làm gã dễ chịu. Và gã hạ cố ban phúc nhiều lần cho tạo vật của gã để rồi được chúng cảm ơn với những tung hô và những mùi thơm tuyệt vời. Trong khi ấy thì chiều đến, những mùi thơm tiếp tục tỏa ra hoà vào màu xanh của đêm thành những khúc nhạc càng lúc càng tuyệt diệu. Một buổi dạ vũ của đủ mọi thứ hương thơm với một buổi bắn pháo bông khổng lồ bằng mùi thơm sắp đến ngay rồi.

Grenouille Vĩ Đại hơi mệt, ngáp và phán “Xem kìa, ta đã hoàn thành một kiệt tác và ta rất hài lòng. Nhưng như mọi thứ toàn hảo, nó bắt đầu làm ta nhàm chán. Ta muốn ra về, vui thú một chút trong những ngấn của trái tim ta để chấm dứt một ngày nhiều việc”.

Grenouille Vĩ Đại phán rồi từ trên đám mây vàng giang đôi cánh rộng, lướt trên cái đất nước đang ở trong đêm tối của tâm hồn gã, trở về ngôi nhà trong trái tim, trong khi đám thần dân mùi thơm ở phía

dưới vui vẻ nhảy múa, ăn mừng.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 27

Chào oi, thật là thoải mái khi về đến nhà! Quả là mệt vì hai trọng trách: là kẻ báo thù và là người tạo dựng thế giới; sau đó lại để cho chính tạo vật của gã tung hô hàng giờ liền thì còn gì là nghỉ ngơi nữa. Thậm chí mệt bởi trách nhiệm tạo dựng thiên liêng và chủ trì buổi lễ, Grenouille Vĩ Đại thậm chí có được chút vui riêng.

Trái tim của gã là một lâu đài đồ thảm nằm trong một sa mạc đầy sỏi đá, khuất sau những đụn cát, bao quanh bởi một ốc đảo bùn lầy và bảy lần tường đá. Chỉ có bay mới đến đó được. Nó có nghìn căn phòng, nghìn căn hầm và nghìn phòng khách sang trọng, một trong số đó có một ghế dài đồ tía giản dị mà Grenouille đang nằm nghỉ sau một ngày mệt nhọc; lúc này không là Grenouille Vĩ Đại nữa mà chỉ là Grenouille trơn thôi hay đơn giản là anh bạn Jean-Baptiste.

Trong những phòng của lâu đài thì đầy kệ từ nền đến trần, chứa tất cả những mùi mà Grenouille đã sưu tầm trong đời, hàng triệu thứ. Còn những căn hầm chứa những thùng to nước hoa tuyệt nhất trong đời gã. Khi đến tuổi, chúng được hút sang chai, để đầy những hành lang ẩm lạnh dài hàng cây số, sắp theo năm và xuất xứ, nhiều đến nỗi một đời người không đủ để uống hết.

Và cuối cùng khi anh bạn Jean-Baptiste về được đến chez-soi [1] của gã, nằm trên cái ghế dài đơn giản quen thuộc trong phòng khách đồ tía, giầy ống – cứ gọi như thế – đã được tháo ra, vỗ tay gọi những người hầu của gã, những người hầu ảo vì vô ảnh, không sờ mó được, không nghe thấy được và đặc biệt không ngửi thấy được, ra lệnh cho chúng vào phòng tìm trong cái thư viện mùi đồ sộ, quyền này quyền nọ hay xuống hầm lấy thức uống. Lũ hầu ảo hồi hải đi còn bao tử của Grenouille bị thất bại vì sự chờ đợi hành hạ. Gã có cảm giác như một bọ nhậu ngồi ở quầy rượu bỗng sợ rằng người ta không bán cho hắn ly rượu hắn muốn vì một lý do nào đó. Phải làm gì nếu thỉnh linh các căn phòng và hầm trống trơn? Phải làm gì nếu rượu vang trong các thùng hư hết cả? Tại sao để gã chờ? Bọn hầu sao chưa tới? Gã cần những thứ ấy ngay, cần gấp, gã bị nghiện rồi, gã sẽ chết ngay tại chỗ nếu không có được.

Bình tĩnh nào Jean-Baptiste! Bình tĩnh nào, anh bạn! Chúng mang đến mà, chúng mang đến những gì

anh thèm khát. Và lũ hầu bay đến ngay. Chúng mang trên những cái khay vô hình quyển sách mùi, chúng cầm trong bàn tay vô hình đeo găng trắng những chai quý giá, chúng đặt chai xuống hết sức cẩn thận, rồi cúi chào và biến mất.

Còn lại một mình – có thể chứ! – Jean Baptiste vớ lấy những mùi khao khát, khui chai thứ nhất, rót một ly đầy ắp, đưa lên môi uống. Uống một hơi hết cái ly mùi ướp lạnh; ngon làm sao! Jean-Baptiste khoan khoái đến nổi trào nước mắt vì mê mê và rót liền ly thứ hai cũng mùi thơm ấy, mùi thơm năm 1752, hóp được vào mùa xuân, trước lúc rạng đông, trên Pont Royal, mũi hướng về phía tây, một làn gió nhẹ từ hướng ấy trộn lẫn mùi biển, mùi rừng và một ít mùi hắc ín của các tàu hàng đang neo bên bờ. Đó là mùi kết thúc cái đêm đầu tiên gã lang thang ở Paris mà không được Grimal cho phép. Đó là cái mùi tươi mát của ngày đang đến, của buổi rạng đông đầu tiên gã được biết trong tự do. Lúc ấy cái mùi đó đã hứa hẹn với gã sự tự do. Nó báo trước cho gã một cuộc đời khác. Đối với Grenouille thì cái mùi của buổi sớm ấy là mùi của hy vọng. Gã cất giữ nó cẩn thận và mỗi ngày mỗi uống.

Sau khi đã cạn ly thứ hai thì mọi bồn chồn, lo ngại và bất an biến mất hết, gã thấy thanh thản lạ lùng. Gã tựa sát lưng vào những cái gối mềm của ghế dài, mở một quyển sách và bắt đầu đọc trong ký ức. Gã đọc về những mùi của thời ấu, những mùi của trường học, đường xá, và những ngóc ngách trong thành phố, của con người. Một sự rùng mình dễ chịu len lỏi qua người gã vì những mùi gã gọi về đó toàn là những mùi đáng ghét đã bị tiêu diệt rồi. Vừa thích thú lại vừa ghê, Grenouille đọc quyển sách về những mùi ghê tởm và khi sự ghê tởm lẫn át sự thích thú thì gã gấp sách lại, bỏ qua bên và lấy quyển khác.

Song song, gã uống không ngừng những mùi thơm quý. Sau cái chai mùi thơm hy vọng, gã khui cái chai năm 1744 đựng mùi gỗ ảm phía trước ngôi nhà của Madame Gaillard. Sau chai này, gã uống một chai mùi thơm buổi chiều mùa hè, đậm hương và nặng mùi hoa, góp nhặt được bên lề công viên Saint-Germain-des-Prés năm 1753.

Giờ thì gã đầy mùi thơm. Tay chân đê nặng trên gối. Tâm trí gã mờ mịt tuyệt vời. Nhưng gã đâu đã hết nhậu? tuy mắt gã không còn đọc được nữa, quyển sách đã tuột khỏi tay gã từ lâu rồi, nhưng gã không muốn chấm dứt buổi chiều trước khi uống cạn chai chót, chai tuyệt vời nhất: mùi thơm của cô gái ở Rue des Marais...

Gã uống cái mùi ấy đầy thành kính; để được như thế, gã ngồi ngay ngắn trên ghế dài cho dù khó khăn vì căn phòng đồ tía đã lác lư và quay cuồng quanh gã theo mỗi động tác. Gã ngồi như một cậu học trò, hai đầu gối ép sát, hai chân kề nhau, tay trái đặt trên đùi trái; Grenouille uống trong tư thế ấy mùi thơm quý nhất lấy lên từ trong căn hầm của trái tim gã, ly này đến ly khác, và cứ mãi buồn hơn. Gã biết mình quá chén rồi. Gã biết mình không kham nổi bấy nhiêu thứ ngon. Nhưng gã vẫn uống cho đến khi cạn chai, gã xuyên qua cái lối đi tối om từ đường vào sân. Gã tiến lại chỗ quảng sáng. Cô gái đang ngồi cất những trái mơ. Từ xa vọng lại tiếng nổ của pháo bông và pháo đại...

Gã đặt ly xuống, ngồi như hóa đá thêm mấy phút nữa vì buồn bã, và vì quá chén cho đến khi cái dư vị cuối cùng biến khỏi lưỡi. Gã trở mắt nhìn trần trời trước mặt. Óc gã chợt trống trơn như những cái chai. Rồi gã ngã dài trên ghế và ngủ mê man.

Cùng lúc ấy thì gã Grenouille bằng xương bằng thịt cũng ngủ trên chiếc chăn thô. Và giấc ngủ của gã cũng say như gã Grenouille ở trong hôn, vì kỳ công và sự quá chén của gã này cũng làm gã kia kiệt sức, xét cho cùng thì hai gã cũng là của một con người.

Tất nhiên khi thức giấc thì gã không thức trong căn phòng đồ tía của cái lâu đài đồ tía sau bảy lần tường, cũng không trong cái cảnh vật thom phức mùa xuân của tâm hồn gã mà trên nền cứng của ngục đá tối om nơi cuối đường hầm. Gã đói và khát đến muốn ói, ớn lạnh và khốn khổ như một tay nghiện rượu sau một đêm chè chén. Gã bò ra khỏi đường hầm.

Ngoài trời là một lúc nào đó trong ngày, thường là bắt đầu hay chấm dứt của đêm, nhưng ngay cả lúc nửa đêm thì ánh sao cũng làm mắt gã nhức như bị kim đâm. Gã thấy không khí như đầy bụi, cay sè, cháy phổi, cảnh vật cứng nhắc, gã vấp phải đá. Ngay cả những mùi dịu nhất cũng thành gắt và cay đối với cái mũi gã đã xa lạ với thế giới. Grenouille, con bọ chết, đã trở thành con cua rất dễ bị thương khi nó rời khỏi cái vỏ sò ở nhờ, trần trụi rong chơi trong biển.

Gã đến chỗ lấy nước, liếm cái chất ẩm trên vách đá một, hai giờ liền, chẳng khác gì bị tra tấn vì quá lâu mà suốt thời gian ấy cái thế giới có thật như đốt cháy da gã. Gã lột vài mảng rêu trên đá, cố nuốt, ngồi xồm vừa nuốt vừa ị, nhanh, nhanh, mọi chuyện phải thật nhanh. Rồi chẳng khác một con thú nhỏ, thịt mềm bị lũ diều hâu bay lượn trên không săn đuổi, gã chạy thục mạng về lại hang, tới tận cuối đường hầm, chỗ trải cái chăn thô. Ở đây gã mới cảm thấy thật an toàn.

Gã tựa lưng vào đồng đá lở, duỗi chân chờ đợi. Bây giờ gã phải giữ cơ thể được yên, cho thật yên, như một cái thùng di chuyển quá nhiều có thể bị trào ra. Dần dà gã lấy lại được hơi thở. Trái tim loạn xạ đập chậm trở lại, những đợt sóng bên trong vỡ yếu dần. Chợt nổi cô đơn đè lên hôn gã như một tấm gương đen. Gã nhắm nghiền mắt. Những cánh cửa bí mật bên trong người gã mở ra, gã bước vào. Buổi trình diễn của gánh kịch bên trong tâm hồn Grenouille bắt đầu.

Chú thích:

[1] Nhà riêng

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 28

Cứ như thế ngày nối ngày, tuần nối tuần, tháng nối tháng. Bảy năm dài như thế.

Lúc ấy ở ngoài đời có chiến tranh, thế chiến nữa cơ. Đánh nhau ở Schlesien và Sachsen, ở Hanover và ở Bỉ, ở Boehmen và ở Pommern. Lính của Đức Vua bị chết ở Hessen và ở Westfalen, chết trên quần đảo Balearen, chết ở Ấn độ, ở Mississippi và ở Canada nếu như họ chưa bị chết trên đường viễn chinh vì bị thương hàn. Cuộc chiến làm cho một triệu người chết, vua Pháp mất thuộc địa mênh mông và các nước tham chiến chịu biết bao tổn phí đến nỗi cuối cùng họ miễn cưỡng quyết định chấm dứt chiến tranh.

Vào một mùa đông của những năm này tí nữa Grenouille bị chết cồng mà không biết. Gã nằm năm ngày liền trong căn phòng khách đồ tía, khi thức giấc trong hang gã không cựa nổi vì lạnh. Gã định nhắm mắt ngủ tiếp cho chết luôn. Nhưng thời tiết chợt thay đổi làm rã băng và gã thoát chết.

Có lần tuyết dày tới nỗi gã không đủ sức để bới tìm thạch y. Thế là gã phải ăn toàn hơi chết cứng vì đông lạnh.

Có lần một con quạ chết trước cửa hang, gã ăn luôn. Đó là tất cả những sự kiện mà gã ghi nhận được từ thế giới bên ngoài trong suốt bảy năm. Kỳ dư gã chỉ sống trong trái núi của gã, trong cái vương quốc tự tạo của hòn gã. Và gã sẽ ở đó cho đến chết (vì gã chẳng thấy thiếu thốn gì) nếu như không có một tai họa xảy ra, lửa gã khỏi ngọn núi và khạc gã trở lại với thế giới.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 29

Cái tai họa nọ không phải là động đất, cháy rừng, núi lở hay đường hầm sứt. Nó không phải là cái tai họa từ ngoại cảnh mà là từ bên trong nên hết sức chua xót vì nó chặn mất cái lối thoát thân mà Grenouille ưng nhất. Nó xảy ra trong giấc ngủ. Trong giấc mơ thì đúng hơn. Trong giấc mơ, khi gã ngủ trong trái tim tưởng tượng của gã thì càng chính xác hơn nữa.

Lúc ấy gã đang nằm ngủ trên chiếc ghế dài trong phòng khách đồ tía. Quanh gã là những chai đã cạn. Gã đã uống nhiều lắm rồi, sau cùng lại làm những hai chai mùi thơm cô gái tóc đỏ. Có lẽ như thế là quá nhiều vì lần này đầu ngủ say như chết gã vẫn mơ thấy những giấc mơ lằng nhằng quái đản. Cái

mớ lảng nhăng này rõ ràng là những mảnh của một mùi. Mới đầu chúng kéo ngang mũi Grenouille như một sợi chỉ mỏng manh, rồi phình ra như mây vậy. Lúc ấy gã như thể đứng giữa một cánh đồng hoang có sương mù bốc lên. Sương mù mỗi lúc mỗi dâng cao. Chẳng bao lâu Grenouille bị bao phủ hoàn toàn bằng sương mù, đắm sương mù và trong làn sương mù ấy không có một chút không khí nào, để khỏi chết ngạt, gã phải hít sương mù ấy. Mà sương mù là một mùi, như đã nói. Và Grenouille biết đó là mùi gì. Sương mù chính là mùi gã. Mũi của gã, của Grenouille, là sương mù.

Mặc dù Grenouille biết đó là mùi của gã nhưng gã lại không ngửi ra nổi, thế mới kinh hoàng. Dù chết đuối trong cái mùi ấy gã cũng không thể nào ngửi ra nổi.

Khi thấy rõ điều đó, gã gào lên khủng khiếp như thể bị thiêu sống. Tiếng gào phá toang tường căn phòng khách đỏ tía, phá tan cả những lớp tường của toà lâu đài, vọt ra khỏi trái tim, băng qua những đường hào, những đầm lầy, những sa mạc, phóng ào ào như một cơn bão lửa trong cảnh vật ban đêm của tâm hồn gã; tiếng gào vang ra từ miệng gã, xuyên suốt đường hầm ngoằn ngoèo tới tận thế giới bên ngoài, vượt cả cao nguyên Saint-Flour như thể chính ngọn núi kêu gào vậy. Grenouille thức giấc bởi tiếng gào của chính gã. Gã đập lung tung như để xua đi đám sương mù không thể ngửi ra mùi muốn làm gã chết ngộp ấy. Gã sợ gần chết, người run lập cập vì khiếp đảm. Nếu tiếng gào không xé toang màn sương thì gã đã chết đuối trong chính gã rồi, một cái chết khủng khiếp. Nghĩ đến mà toát mồ hôi. Trong lúc ngồi run, thử gom lại những ý nghĩ sợ hãi tản mạn thì gã chắc chắn một điều: gã sẽ phải thay đổi cuộc sống, chỉ vì gã không muốn sống lại một giấc mơ kinh hoàng như thế lần thứ hai. Lần thứ hai chắc chắn gã sẽ không sống sót.

Gã vắt cái chăn thô lên vai rồi bò ra ngoài. Ngoài kia đang buổi sáng, một sáng cuối tháng hai. Có mặt trời. Đất có mùi đá ướt, rêu và nước. Gió thoảng mùi thơm của thu mẫu đơn. Gã ngồi xồm trên đá trước cửa hang, sưởi nắng. Gã hít làn không khí trong lành. Gã vẫn còn rùng mình khi nghĩ đến làn sương mù mà gã đã chạy thoát và khi thấy ẩm ở lưng thì gã lại rùng mình vì sáng khoái. May mà cái thế giới bên ngoài vẫn còn, dẫu chỉ để dùng làm nơi chạy trốn. Không biết phải hình dung sự kinh hoàng như thế nào nếu gã không còn thấy thế giới ở cuối đường hầm? Không ánh sáng, không mùi, không gì cả, chỉ có cái màn sương kinh khủng ấy ở trong, ở ngoài, cùng khắp...

Gã bốt choáng dần. Sự sợ hãi cũng từ từ nới lỏng cái siết và Grenouille cảm thấy an toàn hơn. Tới gần trưa thì gã thản nhiên trở lại. Gã đưa ngón tay trở và giữa lên mũi rồi hít hơi qua kẽ ngón tay. Gã ngửi ra không khí của mùa xuân ẩm và đậm đà của thu mẫu đơn. Còn chẳng ngửi thấy gì từ ngón tay cả. Gã lật tay, ngửi lòng bàn tay. Gã cảm thấy bàn tay ẩm nhưng không ngửi thấy gì hết. Gã xắn cái tay áo rách buồm lên, gí mũi vào khuỷu tay. Gã biết chỗ này ai cũng có mùi riêng cả. Thế mà gã vẫn không ngửi thấy gì, nách không, chân cũng không mà ở bộ phận sinh dục – gã đã phải gắng hết sức cúi người xuống – cũng không nốt. Thật lố bịch! Gã, Grenouille này, có thể đánh hơi bất kỳ ai ở cách hàng dặm lại không thể ngửi thấy mùi gì ở bộ phận sinh dục của mình chỉ cách một gang tay! Tuy

vậy gã không hoảng hốt mà bình tĩnh suy nghĩ rồi tự nhủ như sau: không phải ta không có mùi vì mọi vật đều có mùi. Ta không ngửi ra được ta có mùi chẳng qua vì ta đã ngửi mùi ấy ngày này qua ngày khác từ lúc mới sinh nên mũi của ta đã quá quen đến nỗi không cảm nhận ra cái mùi ấy đấy thôi. Nếu tách được cái mùi của ta, hay chỉ một phần thôi, khỏi cơ thể thì sau một thời gian một thói quen hẳn ta sẽ ngửi ra được cái mùi ấy, nghĩa là ngửi ra chính ta.

Gã để chặn xuống rồi cởi quần áo – những mảnh, những giẻ rách – nghĩa là những gì còn sót lại của quần áo suốt bảy năm gã chưa hề cởi. Chắc chắn chúng phải đẫm mùi của gã chứ. Gã quẳng chúng thành một đống trước cửa hang rồi bỏ đi một quãng xa. Rồi gã lại leo lên đỉnh núi, lần thứ nhất sau bảy năm, gã đứng lại đúng cái chỗ đã đứng lần mới tới, hướng mũi về phía tây, để mặc cho gió rít qua cái thân thể trần truồng. Ý định của gã là để cho bay hết mùi đi rồi hứng đầy gió tây có mùi của biển và những đồng cỏ ẩm ướt để át hẳn mùi gã, như thế sẽ tạo ra sự chênh lệch về mùi giữa gã, Grenouille, với cái đống quần áo, và như thế gã hoàn toàn có khả năng nhận biết rõ rệt. Để cho mùi gã ít vào mũi nhất, gã khom người tới trước, hết sức vươn cổ về phía ngược gió, và duỗi tay ra đằng sau. Trông gã giống như một vận động viên bơi lội sắp nhảy xuống nước.

Gã đứng liền mấy tiếng trong cái tư thế hết sức dị hợm; nắng tuy yếu nhưng cũng đủ làm cho da gã vốn trắng bợt như dòi vì thiếu ánh sáng trở nên đỏ như tôm luộc. Xăm tói gã xuống lại hang. Gã trông thấy đống quần áo ngay từ xa, còn cách mấy mét gã đã bịt chặt mũi và chỉ bỏ ra khi gã gí sát mũi vào đấy. Gã làm cách ngửi thử như đã học được của Baldini, hít nhanh vào rồi thở ra từ từ. Để bắt được mùi, gã khum hai bàn tay lại như cái chuông trên đống quần áo còn cái mũi là núm chuông. Gã làm đủ cách để ngửi cho ra mùi gã từ đống quần áo. Nhưng không có mùi ấy. Dứt khoát không có. Có cả nghìn mùi khác ở đấy: mùi đá, cát, rêu, nhựa cây, máu quạ, thậm chí mùi dòi gã mua gần Sully mấy năm về trước vẫn còn rành rành. Quần áo này mang một thứ nhật ký về mùi của bảy tám năm qua. Chỉ riêng mùi gã, kẻ đã mang chúng suốt không hề dứt quãng những năm ấy, lại không có. Giờ thì gã hơi lo. Mặt trời đã lặn. Gã đứng tồng ngồng trước cửa hầm, nơi gã đã sống bảy năm dài ở cái đầu tối tăm kia. Gió lạnh và gã cóng người nhưng gã không nhận thấy mình cóng bởi trong người gã có một cái lạnh đối chọi, đó là sự sợ hãi. Nó không phải sự sợ hãi gã có trong mơ, cái sợ chết – ngạt – bởi – chính – mình quá đần phải tổng khứ cho bằng được và gã đã thoát. Nỗi sợ mà gã cảm thấy lúc này là không rõ về chính mình. Nó ngược hẳn với nỗi sợ kia. Gã không chạy thoát nỗi nó, mà phải đương đầu. Gã phải biết thật chắc chắn gã có mùi hay không cho dù sự thật kinh hoàng đến đâu đi nữa. Phải biết ngay. Tức khắc.

Gã trở vào trong hầm. Chỉ sau vài mét, bóng tối đã bao trùm gã nhưng gã vẫn đi như trong ánh sáng ban ngày. Gã đi đoạn đường này đã mấy nghìn lần, rõ từng nấc và từng chỗ quanh, ngửi ra từng cây đá lòng thông như mũi hay từng mòm đá nhỏ nhất nhô ra. Tìm đường không khó. Chống chọi lại với những hồi tưởng về giấc mơ khiếp sợ bóng tối mới khó, chúng cứ mãi dâng lên như đợt sóng triều

theo từng bước gã đi. Nhưng gã can đảm lắm. Có nghĩa là gã lấy cái sợ chưa biết để đổi chọi với cái sợ đã biết và gã thành công vì gã biết không có chọn lựa nào khác. Khi đến được cuối đường hầm rồi, nơi mà chỗ đá lở dốc lên, thì hai nỗi sợ biến mất cả. Gã thấy bình thản, đầu óc tỉnh táo còn mũi thì như cái dao mổ đã được mài sắc. Gã ngửi xôm, bịt mắt, ngửi. Nơi đây, trong cái mộ bằng đá xa hẳn thế giới này, gã đã nằm suốt bảy năm. Còn đâu nữa trên thế giới này có mùi gã nếu không phải là ở đây! Gã thở từ từ. Gã kiểm nghiệm thật kỹ. Gã không vội vàng phán đoán. Gã ngửi chòm hồm mười lăm phút. Gã có một trí nhớ không nhầm lẫn nên biết rất rõ bảy năm về trước chỗ này có mùi gì: mùi tinh khiết của đá, lạnh, ẩm và muối vì chưa có sinh vật nào, dù người hay thú, đã từng vào đây... Nhưng mùi lúc này y hệt trước kia.

Gã còn ngửi xôm thêm một lát nữa, rất bình tĩnh, chỉ hơi gục gặc đầu. Đoạn đi ra, mới đầu còn lom khom rồi thẳng người khi đường hầm đủ cao.

Ra tới ngoài gã khoác lại mớ giẻ rách (giẻ gã đã hu từ mấy năm trước), vắt chần thô lên vai rồi ngay đêm ấy rời khỏi Plomb du Cantal đi về miền nam.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 30

Trông gã mới kinh khiếp làm sao! Tóc dài tận khoeo, bộ râu thưa ngang rốn, móng tay như vuốt chim, còn ở những nơi mà mớ giẻ rách không đủ phủ kín tay và chân thì da bong ra từng mảng. Những con người đầu tiên gã gặp là những nông dân trên cánh đồng gần thành phố Pierrefort, họ la hoảng bỏ chạy khi thấy gã. Nhưng trong thành phố thì gã gây chấn động. Hàng trăm người chạy xúm lại để ngó gã. Có người cho rằng gã là một tên tù đi đầy vượt ngục. Kẻ khác lại bảo gã không thật đúng là người mà lai người và gấu, nghĩa là người rừng. Một người trước đã từng đi biển chắc chắn gã giống người của một bộ lạc da đỏ mọi rợ ở Cayenne bên kia đại dương. Họ dẫn gã ra mắt thị trường. Ở đây gã đưa trình chứng chỉ thợ lành nghề làm mọi người kinh ngạc, với một ít tiếng lặt vặt nhưng hiểu được, gã mở miệng lần đầu tiên sau bảy năm kể rằng trên đường đi gã bị bọn cướp bắt giam giữ suốt bảy năm trong một cái hang. Trong thời gian này gã không hề thấy ánh mặt trời hay thấy người, thức ăn đựng trong giỏ được một bàn tay vô hình thòng xuống trong bóng tối, rồi sau rốt được giải thoát nhờ một cái thang mà gã không hiểu ở đâu ra, và gã cũng như chưa từng thấy mặt

bọn bắt cóc lẫn người cứu gã. Gã đã nghĩ ra câu chuyện này vì theo gã dễ tin hơn sự thật; mà đúng thế vì những vụ cướp tương tự không hiếm trong vùng núi ở Auvergne, Languedoc và Cevenne. Dấu sao viên thị trưởng không may mắn ngăn ngại lập biên bản và trình sự vụ lên ngài Marquis de la Taillade-Espinasse, lãnh chúa của thành phố đồng thời là uỷ viên toà án tối cao ở Toulouse. Ngay từ năm bốn mươi tuổi Marquis đã từ già lồi sống cung đình ở Versailles, rút về thái ấp sống cho khoa học. Ngài đã soạn tác phẩm nổi tiếng về nền kinh tế quốc gia năng động đề nghị bỏ hết mọi thuế thổ trạch và sản phẩm nông nghiệp nhưng ngược lại đánh thuế lợi tức theo cách lũy tiến ngược, như thế bọn nghèo bị nặng nhất và họ sẽ buộc phải phát huy hơn nữa những hoạt động kinh tế. Phần khởi vì quyển sách thành công, ngài viết một tiểu luận về sự giáo dục trai gái ở lứa tuổi từ năm đến mười, rồi thực hiện những thí nghiệm về nông nghiệp như thử thụ tinh bò trên nhiều loại cỏ để có được một thứ lai tạo động-thực vật cho sữa, một kiểu hoa- vú-sữa. Sau những thành công sơ khởi, khiến ngài mạnh dạn làm pho mát từ sữa cỏ, được viện Hàn lâm khoa học Lyon đánh giá là “có mùi vị của dê tuy hơi đắng”; nhưng rồi ngài phải bỏ thí nghiệm vì phun hàng trăm lít tinh trùng bò trên khắp đồng cỏ quá ư tốn kém. Dấu sao, qua làm việc với những vấn đề nông sinh học ngài không chỉ thêm quan tâm đến những thứ gọi là tầng đất cây mà là đất nói chung và về quan hệ của đất với môi sinh.

Mới vừa ngưng những công việc thực tiễn về hoa- vú-sữa, ngài đã lao ngay vào biên soạn một cáo luận lớn về mối quan hệ giữa vùng tiếp cận đất và sinh lực với sự hăng hái không giảm sút của một nhà nghiên cứu. Luận điểm của ngài là sự sống chỉ phát triển nổi ở một khoảng cách nhất định với mặt đất vì từ đất liên tục tuôn ra một thứ hơi độc gọi là fluidum letale[1] làm cho sinh lực bị tê liệt và không sớm thì muộn sẽ bị tắt hẳn. Do đó, mọi sinh vật đều gắng sức để rời khỏi mặt đất, tăng trưởng bên trên mặt đất chứ không ngược vào trong; cũng như chúng đều hướng những phần quý nhất lên trời: hạt và nhánh lúa, hoa và cành, người và cái đầu, cho nên khi tuổi già làm cho còng xuống thì chúng bó buộc cong thân về lại đất, bị khí độc làm hư hao không cưỡng lại được, để rồi sau khi chết chúng biến thành chính cái hơi ấy trong quá trình phân hoại.

Khi Marquis de la Taillade-Espinasse nghe nói tìm thấy ở Pierrefort một gã sống chui rúc bảy năm rông rã trong hang, nghĩa là hoàn toàn bị bao quanh bởi môi trường độc hại của đất thì ngài vô cùng thú vị và ra lệnh đưa Grenouille đến ngay phòng thí nghiệm để ngài khám gã thật kỹ. Ngài thấy lý thuyết của mình được chứng thực rành rành hết sức: fluidum letale đã huỷ hoại Grenouille đến độ cái cơ thể mới hai mươi lăm tuổi của gã phơi bày rõ rệt những biểu hiện suy nhược của người già. Ngài Taillade-Espinasse giải thích rằng việc Grenouille được cho ăn thứ thực phẩm làm từ những loại cây cỏ xa mặt đất, có lẽ là bánh mì hay trái cây, là lý do duy nhất khiến gã thoát chết. Gã chỉ có thể hồi sức như xưa nếu dùng cái máy quạt sinh khí do chính ngài phát minh trục hết cái fluidum kia ra khỏi người gã. Ngài có một cái máy như thế để trong kho của lâu đài ở Montpellier, nếu Grenouille bằng

lòng làm đối tượng cho sự thuyết minh khoa học thì không những ngài sẽ giải thoát gã khỏi sự nhiễm độc vô vọng bởi khí đất mà còn cho hắn một số tiền không nhỏ nữa...

Hai giờ sau họ đã ngồi trên xe. Mặc dù đường xá hết sức xấu họ chỉ mất chưa đầy hai ngày để đi sáu mươi bốn dặm tới Montpellier vì tuổi đã cao nhưng Marquis vẫn không tha, đích thân vung roi quật cả ngựa lẫn người đánh xe và không ngần ngại phụ một tay khi trục xe và nhíp bị gãy nhiều lần, ngài quá phấn khởi với sự khám phá của mình, khao khát được trình diện nó thật nhanh trước một cử tọa có học thức. Còn Grenouille không được rời khỏi xe lấy một lần. Gã phải ngồi ở đáy trong mớ giẻ rách, trùm thêm cái chăn dày những đất ẩm và bùn. Trong chuyến đi gã được cho ăn rẽ cây sồng. Bằng cách này ngài Marquis hy vọng sẽ giữ được sự nhiễm độc bởi fluidum của đất trong trạng thái lý tưởng thêm ít lâu nữa.

Tới Montpellier, ngài cho đưa ngay Grenouille đến hầm cung điện của ngài, gửi thư mời đến toàn thể thành viên của đại học Y khoa, của hội những nhà thực vật học, trường canh nông, hội hoá học, hội Tam điểm và những hội của các nhà học giả khác, thành phố này có cả tá hội như thế. Mấy ngày sau, đúng một tuần lễ sau khi già từ sự cô độc trên núi, gã được đưa lên bệ đại giảng đường đại học Montpellier để giới thiệu với hàng trăm quan khách như là một sự kiện khoa học chấn động trong năm.

Trong bài thuyết trình, ngài Taillade-Espinasse mô tả gã là một bằng chứng sống về sự đúng đắn của lý thuyết Fluidum letale của đất. Ngài vừa giật từng miếng giẻ rách vừa giải thích cái hậu quả tai hại do khí độc đã gây ra trên thân thể Grenouille; ta thấy những mụn mủ và thẹo do khí ăn da, trên ngực một vết ung thư đỏ tươi và to tướng, da bị thối nát khắp nơi, thậm chí bộ xương biến dạng rõ rệt biểu hiện rành rành qua cái chân queo và cái bứu mà nguyên nhân chính là do khí. Nội tạng như lá lách, gan, phổi, mật và đường tiêu hoá cũng bị khí làm thương tổn nặng, điều này được minh chứng rõ rệt qua quan sát phân đặng trong cái chậu đặt dưới chân gã để ai muốn xem thì cứ tự nhiên. Tóm lại, có thể nói được rằng sự tê liệt sinh khí do bảy năm nhiễm độc bởi fluidum letal Taillade[2] tới mức mà cái gã bề ngoài đã mang nhiều nét chú ý như thể chuột chũi kia phải được gọi là một sinh vật gần với cái chết hơn sự sống. Tuy vậy, người thuyết trình dám tin rằng qua cách điều trị bằng quạt gió kết hợp với một chế độ ăn uống kiêng cử trong vòng tám ngày có thể làm cho cái gã sắp đi gặp tử thần kia hồi sức đến độ ai cũng sẽ nhận ra những dấu hiệu của sự hoàn toàn bình phục; ngài yêu cầu những người hiện diện sau một tuần đến kiểm chứng kết quả của sự dự đoán và điều này tất nhiên sẽ phải được coi là bằng chứng có giá trị về sự đúng đắn của lý thuyết fluidum letale.

Bài thuyết trình thành công lớn. Đám cử tọa thông thái vỗ tay nhiệt liệt tán thưởng diễn giả rồi xếp hàng đi ngang cái bục Grenouille đang ngồi⁹. Trong cái vẻ tiêu tụy được duy trì và những vết sẹo cũ cùng với khuyết tật dị dạng trông gã quả thật hết sức đáng sợ nên ai cũng nghĩ rằng gã đã thối rữa mất một nửa rồi, không thể cứu được nữa cho dù chính gã thấy mình khoẻ và có sức. Vài ông gõ gõ

trên người gã không khác chuyên gia, đo, xem miệng và mắt gã. Có người nói với gã, hỏi về cuộc sống trong hang động và tình trạng sức khỏe hiện giờ của gã. Nhưng gã tuân theo đúng những gì ngài Marquis đã dặn trước nên chỉ đáp lại những câu hỏi nọ bằng một tiếng khò khè yếu ớt, hai tay làm những động tác bất lực chỉ vào yết hầu để tỏ rằng chỗ ấy cũng đã bị fluidum letale gặm nhấm rồi.

Cuộc buổi trình diễn, ngài Taillade-Espinasse lại trùm kín gã, cho chở về nhà kho của lâu đài. Ở đây, ngài nhốt gã vào cái máy quạt hơi sinh khí trước sự hiện diện của một vài bác sĩ chọn lọc của khoa Y, đây là một cái cũi đóng thật khít bằng những thanh gỗ thông, để tránh khí độc, không khí được hút tuốt từ trên cao qua một ống hơi nhô ra khỏi mái nhà thổi vào cũi rồi thoát ra bằng một nắp da gắn dưới đáy cũi. Lũ gia nhân lo vận hành giàn thiết bị phải giữ cho cái quạt gắn trong ống hút chạy suốt ngày đêm không nghỉ. Rồi trong khi bằng cách ấy luồng không khí dùng để tẩy uế không ngừng bao quanh Grenouille thì cứ mỗi một giờ, qua một ô nhỏ ở vách, gã lại được đưa cho ăn kiêng khem những thứ ở xa mặt đất: canh chim bồ câu, patê chim sơn ca, ra gu vịt trời, mút trái cây, bánh mì từ loại lúa mì mọc cực cao, rượu vang Pyrénées, sữa sơn dương và kem làm bằng trứng của đàn gà nuôi tận trên gác thượng lâu đài.

Sự trị liệu tổng hợp khử độc và phục hồi sinh lực kéo dài liền năm ngày. Rồi ngài Marquis cho tắt quạt, đưa Grenouille vào phòng tắm cho gã ngâm nhiều giờ trong nước mưa ấm và sau hết tắm từ đầu đến chân với xà bông làm từ dầu trái bồ đào mua tận thành phố Potosi ở dãy núi Andes. Gã được cắt móng tay, móng chân, chà răng với vôi Dolomit tán mịn, cạo râu, cắt tóc, chải đầu, uốn tóc và rắc phấn. Thợ may và thợ giày được gọi đến cắt cho Grenouille một cái áo lụa viền ren trắng, ống tay áo viền đăng ten trắng, tất lụa, áo choàng, quần, áo gi lê bằng nhung xanh, giày da đen cài khóa thật bảnh và chiếc bên phải khéo che cái bàn chân què. Ngài Marquis tự tay đánh phấn hoạt thạch trắng lên cái mặt chằng chịt sẹo của Grenouille, bôi môi và gã với sơn đỏ rồi dùng than mềm từ gỗ bồ đề kẻ lông mày của gã cho cong một cách quý phái. Rồi ngài xịt lên gã cái nước hoa chính ngài vẫn dùng, loại nước hoa đồng thảo kh'á tầm thường, đoạn lùi lại vài bước, mãi một lúc sau mới diễn tả nỗi thành lời trầm trồ.

“Monsieur,” ngài nói, “tôi phục tôi hết sức. Thiên tài của tôi làm chính tôi rung động. Chưa bao giờ tôi nghi ngờ sự đúng đắn của cái lý thuyết về khí mà tôi nêu ra, chưa bao giờ, nhưng tôi thật sự rung động khi thấy nó được chứng minh một cách tuyệt vời qua cách trị liệu thực tiễn. Trước kia ông là một con thú, giờ tôi đã biến ông thành người. Khác gì thần thánh đâu. Xin hãy bỏ qua cho sự xúc động của tôi! Mời ông tới soi tấm gương đằng kia! Ông sẽ nhận ra lần đầu tiên trong đời rằng ông là người, tuy không khác thường hay đặc biệt gì nhưng dấu sao cũng vẫn là một người coi được. Monsieur, hãy soi gương đi! Ông sẽ kinh ngạc về phép lạ tôi vừa hoàn thành nơi ông!”

Đó là lần đầu tiên có người gọi Grenouille bằng “Monsieur”.

Gã đi tới cái gương, soi mình trong đó. Gã chưa từng thấy một cái gương bao giờ. Gã thấy trước mắt một ông trong trang phục xanh loại sang, áo trắng, tất lụa, gã vội cúi đầu như vẫn thường làm trước những ngài sang trọng như thế. Người đàn ông sang trọng nọ cũng cúi đầu và khi Grenouille thẳng người lại thì ông ta cũng làm y hệt, rồi cả hai nhìn nhau chăm chú.

Grenouille kinh ngạc nhất về cái dáng hết sức bình thường của mình. Ngài Marquis nói đúng, trông gã không có gì đặc biệt, không đẹp trai nhưng cũng không đến nỗi quá xấu. Người gã hơi nhỏ, cừ chỉ hơi vụng về, gương mặt hơi đờ đẫn, tóm lại, trông gã giống như hàng nghìn người khác. Nếu bây giờ gã đi ra đường hẳn sẽ chẳng ai ngoái cổ nhìn. Giả tí mà gã gặp một người như gã bây giờ thì chính gã cũng chẳng thêm chú ý, trừ khi gã chỉ nghĩ thấy ở người ấy một chút hoa đồng thảo ngoài ra không còn mùi nào hết như ông nọ trong gương và như chính gã.

Thế là mười ngày trước đám nông phu la hoảng bỏ chạy khi thấy gã. Lúc ấy gã chẳng cảm thấy gì khác bây giờ, còn bây giờ khi nhắm mắt lại gã cũng chẳng thấy khác trước tí nào. Gã hít cái hơi toả ra từ cơ thể, nghĩ thấy mùi nước hoa tầm thường, mùi nhung, mùi da giày mới dán, gã nghĩ thấy mùi lụa, phấn bôi mặt, son, thoang thoang mùi xà bông từ Potosi. Và gã chợt hiểu ra rằng không phải canh chim bồ câu và cái trò quỷ thuật với cái quạt gió đã làm gã trở thành một người bình thường mà hoàn toàn chỉ do ba cái áo quần, bộ tóc và đôi chút trang điểm che đậy.

Gã mở mắt, nhấp nháy và thấy ông nọ trong gương nháy mắt với gã, một nụ cười thoáng trên môi đỏ màu son như để ra hiệu rằng ông ta thấy gã không phải không dễ mến. Còn Grenouille cũng nhận thấy ông nọ trong gương, thấy cái hình dáng không mùi, mặc quần áo, trang điểm kia không đến nỗi tệ, theo gã thì cái hình dáng ấy có thể tác động được vào thế giới bên ngoài nếu bộ mặt kia được giả trang hoàn hảo trong khi gã, Grenouille này, không dám tin rằng sẽ làm nổi. Gã gật đầu với cái hình dáng trong gương và nhận thấy cái hình dáng ấy kín đáo hình mũi trong lúc gật đầu đáp lễ...

Chú thích:.

[1] Fluidum: lưu chất như khí hoặc chất lỏng,; letale: độc (tiếng La Tinh).

[2] Các nhà khoa học dùng tên của họ đặt cho phát minh của mình.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 31

Hôm sau, trong lúc ngài Marquis đang dạy gã vài thế đứng, vài điệu bộ và bước nhảy tối thiểu cho buổi ra mắt sắp tới trước đông người thì Grenouille giả lên cơn chóng mặt, nhào xuống ghé dài và ngộp thở như thể không còn tí sức nào.

Ngài Marquis quỳnh lên. Ngài réo gia nhân mang quạt và cái máy thông gió loại gọn nhẹ tới, trong lúc lũ gia nhân hối hả chạy tìm thì ngài quỳ xuống một bên Grenouille, dùng khăn tắm nước hoa đồng thảo của ngài quạt cho gã, kêu gọi, nói trắng ra là van xin gã đứng dậy, đừng có nhè lúc này mà chết, nếu được, xin đợi đến ngày mốt, bằng không thì sẽ cực kỳ phương hại cho sự sống còn của lý thuyết fluidum letale.

Grenouille vặn vẹo, uốn cong người, thở hổn hển, rên rỉ, xoa loạn xạ cái khăn tay, tuột từ ghé dài xuống nền nhà một cách hết sức bí hiểm rồi bò tới cái góc phòng xa nhất. “Bỏ nước hoa này đi!” gã kêu như thể với sức tàn. “Bỏ nước hoa này đi! Nó giết tôi mất!” Sau khi ngài Taillade-Espinasse đã ném cái khăn tay qua cửa sổ và quăng luôn cả cái áo khoác cũng có mùi hoa đồng thảo vào phòng bên, Grenouille làm ra vẻ bốt và với giọng đã bình thường hơn kể rằng gã có cá mùi nhạy cảm do làm nghề chế nước hoa và mũi gã vẫn thường phản ứng mãnh liệt như thế với một số loại nước hoa, đặc biệt trong lúc đang hồi sức này. Không ngờ mùi thơm một thứ hoa dễ thương như hoa đồng thảo lại kích thích gã mạnh đến thế, gã chỉ có thể giải thích qua lượng tinh chất rễ cây đồng thảo quá cao trong nước hoa của ngài Marquis, rễ cây này mọc dưới đất nên có tác dụng độc hại đôi với một người bị găm nhấm bởi fluidum letale như gã. Ngày hôm qua, khi được xịt nước hoa này gã đã chóng mặt, hôm nay khi lại ngửi cái mùi rễ lần nữa thì gã như thể bị tổng trở lại cái hố ngọt ngọt đến kinh hoàng mà gã đã sống ngoải suốt bảy năm trời. Thể chất gã vì thế đã phản ứng chứ gã không biết phải nói sao hơn, vì sau khi nhờ nghệ thuật của ngài Marquis mà gã được sống là người trong bầu không khí không còn khí độc thì gã thà chết ngay chứ không chịu trở thành nạn nhân của cái fluidum đáng thù ghét kia lần nữa. Ngay lúc này chỉ cần nghĩ đến cái mùi rễ ấy thôi là mọi bộ phận trong người gã thất lại. Nhưng gã tin tưởng tràn đầy rằng sẽ khỏi ngay tức khắc nếu ngài Marquis cho phép gã chế một loại nước hoa riêng để trục hết cái mùi đồng thảo. Gã nghĩ đến một thứ hết sức nhẹ, như không khí, mà những thành phần chủ yếu đều xa mặt đất như nước của hoa hạnh, nước của hoa cam, khuyneh diệp, dầu các cây thông và bách. Chỉ một tia nước hoa ấy trên quần áo, vài ba giọt trên cổ, trên má là gã sẽ không bao giờ còn bị cái cơn chóng mặt làm khổ tâm như gã vừa bị áp chế lúc nãy...

Những gì chúng ta thuật lại rành mạch ở đây là để cho dễ hiểu chứ trong thực tế Grenouille vừa ho, vừa hổn hển, vừa bị tắc hơi không ngớt suốt nửa tiếng đồng hồ làm những lời gã phun ra trở thành

khó hiểu, gã phải nhấn mạnh bằng vẻ run lập cập, vung tay và xoay tròn mắt. Điều ấy đã tác động mạnh đến ngài Marquis. Kể mà ngài bảo hộ đã trình bày những lý luận khéo léo phù hợp với lý thuyết về fluidum letale nên thuyết phục ngài hơn cả những biểu hiện đau đớn của gã. Đúng là cái nước hoa đồng thảo rồi! Một thứ gần đất gần trời thậm chí ở dưới mặt đất nữa! Có lẽ chính ngài cũng nhiễm độc vì đã dùng nó nhiều năm rồi. Ngài đâu ngờ rằng vì dùng nó mà ngày ngày ngài tự dẫn thân đến chỗ chết. Bệnh thống phong, gáy cứng đơ, của quý xụi lơ, bệnh trĩ, chứng ù tai, răng sâu... tất cả những bệnh ấy của ngài chắc chắn do cái mùi hôi thối của rễ đồng thảo bị nhiễm khí độc. Cái gã nhỏ bé đàn độn kia, cái đồng khốn khổ trong góc phòng kia đã khiến cho ngài nghĩ ra điều ấy. Ngài quá ư xúc động. Ngài muốn đi lại chỗ gã, nâng gã dậy, ôm gã sát trái tim được soi sáng của ngài. Nhưng ngài sợ vẫn còn phải hít hoa đồng thảo nên lại réo gia nhân, ra lệnh mang hết nước hoa đồng thảo ra khỏi lâu đài, thông khí hết cả lâu đài, khử độc áo quần của ngài bằng máy quạt thông sinh khí và dùng kiệu của ngài đưa ngay Grenouille đến nhà chế nước hoa nổi tiếng nhất thành phố. Grenouille lên con chóng mặt chỉ nhằm có thể.

Montpellier có truyền thống lâu đời về ngành nước hoa, tuy gần đây có kém thua so với Grasse, thành phố đối thủ, nhưng vẫn còn có nhiều nhà chế nước hoa và làm găng tay giỏi. Người tiếng tăm nhất là một ông Runel nào đó vẫn cung cấp dầu thơm, xà bông, nước hoa cho ngài Marquis de la Taillade-Espinasse; do quan tâm đến sự buôn bán với gia đình ngài Marquis nên ông sẵn sàng làm cái việc không bình thường là cho tay thợ làm nước hoa lạ lùng ở Paris, được khiêng đến bằng kiệu, được sử dụng xưởng của ông một tiếng đồng hồ. Tay này không để cho ông giảng giải, không để cho ông chỉ ở đâu có vật gì, gã nói biết, rồi, gã sẽ tìm ra, rồi tự giam mình trong xưởng gần một tiếng, trong khi đó thì ông Runel đi cùng với viên quân gia của ngài Marquis đến quán uống vài ly rượu vang, ông được cho biết vì sao người ta không thể gửi nước hoa đồng thảo của ông được nữa. Xưởng của ông Runel trang bị thua xa cửa hiệu của ông Baldini ở Paris ngày trước. Vài dặm lọ dầu hoa, ít loại nước và gia vị thì một nhà chế nước hoa trung bình không thể thành công được. Nhưng Grenouille nhận ra ngay qua lần đánh hơi đầu tiên rằng những vật liệu sẵn có đủ dùng cho mục đích của gã. Gã không muốn tạo thành một thứ nước hoa thật thơm, gã cũng không có ý định trộn thứ nước lấy tiếng, cái thứ vượt lên hẳn cái bình nước hoa loại trung bình, làm cho con người thuần phục như thời còn làm cho ông Baldini. Ngay thứ nước thơm đơn giản từ hoa cam như đã hứa với ngài Marquis cũng không phải là mục đích thật của gã. Những tinh dầu thông dụng của cam nê-rô-li, khuynh diệp, lá bách chỉ để che giấu mùi thật sự gã muốn chế: mùi con người. Dù trước mắt chỉ là một mùi thay tạm còn dở nhưng gã muốn sở hữu cái mùi con người mà gã không có. Tất nhiên không có một mùi con người cũng như không có một vẻ mặt con người. Không ai biết rõ hơn Grenouille là mỗi người có một mùi riêng vì gã biết cả hàng nghìn mùi người khác nhau và đã biết đánh hơi ngay từ lúc mới sinh để phân biệt người này người nọ. Ấy thế mà xét về mặt nước hoa vẫn

còn một cái chung cơ bản khá tởm lợm cho mùi con người, đơn giản thôi, mồ hôi dầu, mùi chua của pho mát, nó bám chặt mọi người khá đồng đều, bên trên nó bông bênh một mảng mây nho nhỏ tinh hoa của từng con người, khác biệt nhau hết sức nhỏ.

Cái tinh hoa này cực kỳ phức tạp, nó là cái mã số không thể nhầm lẫn của mùi từng con người mà nói chung phần đông con người ta không cảm nhận được. Phần lớn con người không biết rằng họ có cái tinh hoa ấy, hơn nữa họ còn làm tất cả để che giấu nó dưới áo quần hay dưới những mùi nhân tạo theo thời. Nhưng họ chỉ quen thuộc cái mùi cơ bản nọ, cái hơi hướng người sơ đẳng nọ, họ chỉ sống và cảm thấy được an toàn trong đó, ai đấy chỉ cần tiết ra cái mùi ghê tởm nọ sẽ được họ coi ngay là đồng loại.

Cái nước hoa Grenouille chế ra hôm ấy rất lạ lùng, chưa từng có trên thế gian từ trước đến nay. Nó không tỏa mùi như nước hoa mà như một người đang tỏa mùi. Nếu ai đó ngửi nước hoa này trong phòng tối, người ấy sẽ ngỡ là có một người thứ hai trong phòng. Ai đã có sẵn mùi người rồi mà còn dùng nó thì người này sẽ xuất hiện như thể hai người đối với khứu giác của chúng ta, thậm chí như một sinh vật nhị trùng quái dị, một hình dáng mà người ta không thể xác định rõ rệt vì nó bông bênh mờ ảo như một cái hình nằm dưới đáy hồ gợn sóng.

Grenouille chọn trong xưởng của ông Runel những thành tố bất thường nhất để mô phỏng mùi người, gã tự biết là còn lâu mới giống nhưng cũng đủ khéo để đánh lừa người khác.

Sau ngưỡng cửa ra sân sau còn một bãi phân mèo khá mới. Gã lấy nửa muỗng nhỏ cho vào bình trộn, thêm ít giọt giấm và một ít muối đã được giã vụn. Gã tìm thấy dưới gầm bàn một mẩu pho mát to cỡ ngón tay cái, chắc là thức ăn của ông Runel, nó cũ rồi, bắt đầu hư và tỏa mùi cay xè. Xích phía sau có một thùng cá mòi, gã cạo ở nắp thùng một chút gì đấy có mùi cá ôi, trộn với trứng ung, hải ly hương, amoniac, đậu khấu mài thêm ít sừng và da heo thui xém cắt vụn. Gã thêm khá nhiều xạ hương, trộn những thứ ghê rợn này với rượu còn, để cho thối ra rồi lọc sang bình thứ hai. Cái nước hôi khủng khiếp. Nó hôi mùi nước thải, mùi xác rữa, và khi quạt để trộn không khí với mùi bốc lên từ cái chất nọ thì chẳng khác gì anh đứng ở Paris trong một ngày hè nóng nực, ngay góc Rue aux Fers với Rue de la Lingerie, nơi hội tụ những mùi của khu chợ Le Halles, từ Cimetière des Innocents và từ những căn nhà đầy ứ người.

Phía trên cái nền kinh khủng, giống mùi xác chết hơn mùi người này, Grenouille đổ một lớp dầu tươi của bạc hà, oải hương, nhựa thông, chanh, khuynh diệp mà gã vừa làm dịu vừa khéo che đậy bằng mùi hương phẳng phất của dầu những loại hoa quý như phong lữ thảo, hồng, hoa cam và hoa nhài. Sau khi được trộn thêm rượu còn và một ít giấm thì mùi ghê tởm của cái nền tạo nên dung dịch này biến mất. Cái mùi hôi tiềm phục bị các thành tố tươi át mất cả, không còn nhận ra nữa, mùi kinh tởm đã được mùi hoa thơm tô điểm, trở nên hay ho nữa là khác, mùi xác chết cũng không còn thấy nữa, hoàn toàn không, kỳ lạ thay! Ngược lại một mùi thơm sinh động của sự sống như thể toát ra từ nước

hoa ấy.

Grenouille đựng vào hai lọ con, nút lại rồi giấu trong người. Rồi gã lấy nước rửa thật kỹ bình, cối, phễu và muỗng, chùi bằng dầu hạnh đắng để xóa mọi dấu tích của mùi. Gã lấy một bình khác, lọ làng trộn một loại nước hoa khác, một thứ phở bản, cũng gồm những thành tố tươi và hoa nhưng cái nền thì không chứa tí gì của cái thứ nước kinh khủng cũ mà hoàn toàn bình thường gồm một chút xạ hương, long diên hương, một chút xiu cây hương và dầu gỗ thủy tùng. Mùi nó hoàn toàn khác với cái trước, nhạt nhẽo hơn, vô tội vạ hơn, ít độc hơn vì thiếu những thành tố mô phỏng mùi người. Nhưng khi một người bình thường dùng nó, quyến chặt nó với hơi hám của mình thì nó sẽ không khác gì nữa cái nước hoa Grenouille đã làm riêng cho gã.

Sau khi đã đựng nước hoa thứ hai vào lọ con, gã cởi hết quần áo và vẩy nước thứ nhất lên trên đó. Đoạn gã chắm thêm vào dưới nách, giữa những ngón chân, ở bộ phận sinh dục, lên ngực cổ, tai và tóc, rồi mặc lại áo quần và rời khỏi xưởng

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 32

Ra tới đường gã bỗng sợ vì gã biết lần đầu tiên trong đời gã toả mùi người. Gã thấy mình hôi, hôi kinh tởm. Và gã không thể tưởng tượng được rằng người khác không thấy gã hôi, nên không dám đi đến quán rượu gặp ông Runel và viên quản gia của ngài Marquis đang đợi gã ở đấy. Gã thấy nên thử cái tinh hoa mới này ở một nơi không ai biết gã là ai thì đỡ mạo hiểm hơn.

Gã len lỏi qua những ngõ hẻm chật chội và tới tám nhất xuống bờ sông, nơi đây những người thuộc da, nhuộm vải đặt cơ xưởng và làm những công việc hôi hám của họ. Khi gặp ai đó hoặc đi ngang qua ngưỡng cửa ngôi nhà có trẻ con nô giỡn hay những bà già ngồi chơi, gã cố ý đi chậm lại, mang cái mùi thơm quanh người như một đám mây lớn khép kín và nặng trĩu.

Gã đã quen từ thời niên thiếu rằng người ta đi ngang qua gã mà chẳng hề biết đến sự có mặt của gã, không phải vì họ khinh bỉ như có lần gã tưởng mà vì họ không nhận ra sự hiện diện của gã thật.

Không có một không gian nào quanh người gã, từ gã không có sóng vỗ vào bầu không khí như người khác, không có đến cả bóng, để gọi là, hắt vào mặt người khác. Chỉ khi nào gã thỉnh thoảng phải một ai đó trong đám đông hay ở một góc đường thì mới có một khoảnh khắc của sự nhận biết và thường thì người bị đụng đội lại, kinh hoàng nhìn gã trân trân mấy giây như thể nhìn một sinh vật lẽ

ra không được phép hiện hữu, một sinh vật có đó, không thể chối cãi được, nhưng chẳng hiểu sao lại không có đó, rồi chạy xa và lại quên gã ngay...

Nhưng giờ đây, trong những ngõ ngách của Montpellier, Grenouille cảm thấy và nhìn thấy rất rõ rằng gã có tác động vào con người, mỗi lần thấy thế gã đều tràn ngập cảm giác tự hào mãnh liệt. Khi đi ngang qua một người phụ nữ đang cúi xuống giếng, gã nhận thấy bà ta ngẩng đầu lên một khoảnh khắc xem đây là ai rồi quay lại với chậu nước, hẳn vì bà ta yên tâm. Một người đàn ông lưng quay về phía gã, xoay người lại, tò mò nhìn gã một lúc lâu. Những đứa bé gặp gã, tránh sang bên, không phải vì sợ hãi mà vì để có lối cho gã đi, ngay cả khi chúng vừa từ trong nhà chạy ra, va phải gã, chúng cũng không hốt hoảng mà lách qua như là đương nhiên chẳng khác gì chúng đã biết trước có người tới gần vậy.

Qua nhiều lần gặp gỡ như thế, gã biết đánh giá chính xác hơn sức mạnh và các tác dụng của tinh hoa gã mới có, gã trở nên tự tin hơn, táo bạo hơn. Gã rảo bước tới gần đám người, đi sát cạnh họ, vung tay hơi xa một tí, chạm tay một bộ hành như thể ngẫu nhiên. Có lần gã làm bộ sơ ý xô vào một ông mà gã muốn vượt. Gã đứng lại, xin lỗi, người đàn ông dừng lại, nhận lời xin lỗi, lại còn cười nữa chứ và vở vai Grenouille như chẳng có gì xảy ra cả, trong khi hôm qua chính ông này làm như thể bị sét đánh khi Grenouille thỉnh linh xuất hiện.

Gã rời khỏi những con hẻm, bước đến quảng trường trước nhà thờ Saint-Pierre. Chuông nhà thờ đổ. Người ta chen chúc hai bên cửa chính. Một đám cưới vừa kết thúc. Người ta muốn xem mặt cô dâu. Grenouille chạy lại, lẩn vào đám người. Gã lẩn, chen vào trong, gã muốn đến chỗ đông nhất, để được đứng sát sát giữa đám người, để gí thẳng vào mũi họ mùi của gã. Gã dang tay dang chân giữa đám đông chen chúc, kéo phăng cổ áo để mũi của gã có thể toả ra từ cơ thể mà không bị cản trở... gã vui khôn xiết khi nhận ra rằng người ta chẳng chú ý gì cả, hoàn toàn không, rằng tất cả đàn ông đàn bà, trẻ con đang chen lấn quanh gã đều bị lừa dễ dàng đến thế, hít vào cái mùi hôi của gã pha trộn bậy bạ từ phân mèo, pho mát, giấm mà cho rằng giống với mùi của họ, còn gã, Grenouille này, một thẳng lộn giống lại được chấp nhận như một con người.

Gã cảm thấy có một đứa bé sát đầu gối, một bé gái kẹt trong đám người lớn. Gã nâng đứa bé lên, làm bộ săn sóc, bế trên tay để nó nhìn rõ hơn, Người mẹ không những để yên mà còn cảm ơn gã nữa và đứa bé hét toáng lên vì thích thú.

Grenouille đứng khoảng mười lăm phút như thế giữa đám đông, ôm một đứa bé lạ sát lồng ngực, giả vờ chăm sóc. Và khi cô dâu chú rể cùng quan khách đi ngang trong tiếng chuông vang dội và tiếng reo hò của đám đông dưới những đồng tiền được ném như mưa thì trong lòng Grenouille cũng bật lên tiếng reo hò, một thứ reo hò quỷ quyệt, một cảm giác chiến thắng hung bạo làm gã run rẩy, mê mẩn như lên cơn dâm dăng và gã phải khó khăn mới kềm nổi để không trút cơn giận dữ lên đám người, hét vào mặt họ như một kẻ chiến thắng rằng gã không sợ họ chẳng thêm ghét họ nữa mà

khinh họ tận đáy lòng vì họ đã quá sức ngu ngốc, vì họ đã để cho gã lừa bịp, vì họ chỉ là con số không còn gã là tất cả! Và như để chế nhạo, gã ôm sát đứa bé hơn, lấy hơi cùng hét với mọi người “Hoan hô cô dâu! Cô dâu muôn năm! Hoan hô đôi uyên ương!”

Sau khi đôi uyên ương cùng quan khách đã đi xa và đám đông bắt đầu giải tán, gã trao đứa bé lại cho người mẹ rồi đi vào nhà thờ nghỉ để lấy lại sức sau cơn kích động. Ở đây không khí đầy khói trầm, bốc lên như những cột khói lạnh từ hai bình trầm ở hai bên bàn thờ, thành một tấm khăn phủ lên những mùi mảnh dẻ của những người vừa mới ngồi đây như làm cho chúng chết ngộp. Grenouille ngồi thu mình trên cái ghế dài dưới ban đồng ca.

Gã chợt thấy hết sức hả hê. Không phải say như đã cảm thấy trong cái lần truy hoan đơn độc trong lòng núi đá mà lạnh lùng, điềm tĩnh hợp với sự ý thức về quyền lực mình có. Bây giờ thì gã biết mình có khả năng gì. Nhờ có thiên tài, gã đã nhái được mùi con người với vài phương tiện vật và thành công liền đến nỗi ngay một đứa bé cũng bị lừa. Bây giờ thì gã biết mình còn có thể làm được nhiều hơn nữa. Gã biết còn có thể hoàn thiện cái mùi nọ hơn. Gã có thể sẽ chế một loại mùi không chỉ giống mùi người mà còn hơn thế nữa, một thứ mùi của thiên thần, thơm không tả xiết và mãnh liệt để bất cứ ai ngửi cũng sẽ bị mê hoặc và hết lòng yêu gã, Grenouille này, kẻ mang mùi thơm ấy trong người.

Phải, họ sẽ phải yêu gã khi bị mùi thơm ấy thôi miên chứ không phải chỉ chấp nhận gã như cùng đồng loại, yêu tới mức điên cuồng, đến độ dâng hiến, họ phải run lên vì thích thú, gào lên, khóc vì mê mà không hiểu tại sao, chỉ cần họ được ngửi gã là họ sẽ quỳ xuống như được ngửi khói trầm lạnh lẽo dâng lên Chúa! Gã muốn là Chúa toàn năng của mùi thơm, không chỉ như gã đã nhiều lần tưởng tượng mà bây giờ trong cái thế giới thật có những con người thật này. Gã biết có thể làm được. Con người có thể nhắm mắt trước sự vĩ đại, trước sự khủng khiếp, trước cái đẹp và có thể bịt tai trước những tiếng du dương hay âm ỉ. Nhưng người ta không thể trốn mùi thơm. Vì mùi thơm là anh em của hơi thở. Nó theo hơi thở vào người, không cưỡng lại được nếu họ muốn sống. Mùi thơm sẽ đi vào trung tâm của họ, ngay thẳng vào tim để quyết định ở đó một cách dứt khoát về cảm tình hay khinh thường, ghê tởm hay thích thú, yêu hay ghét. Ai mà nắm được mùi sẽ chế ngự được tim của người.

Grenouille ngồi hoàn toàn thư giãn trên ghế nhà thờ Saint-Pierre, mỉm cười. Gã không thấy say sưa khi định kế hoạch chế ngự con người. Mắt gã không ánh lên ngọn lửa cuồng điên, mặt gã cũng không có nét gì rò dại. Gã không mất trí. Gã rất tỉnh táo và thoải mái khi tự hỏi tại sao gã muốn như thế. Gã trả lời vì gã độc ác, hoàn toàn độc ác. Gã mỉm cười và rất hài lòng. Gã trông vô tội như bất cứ một người hạnh phúc nào.

Gã ngồi khá lâu như thế trong sự im lặng thành kính, hít từng hơi dài cái không khí đậm mùi trầm. Ngay cả cái mùi cuộn cuộn từ những bình kia cũng không phải trầm thật nữa. Vừa giả với gỗ bồ đề,

bột quế, hồ tiêu vừa dỏ. Chúa này hôi. Vị Chúa này chỉ là một gã tầm thường hôi rình khôn khố. Vị Chúa này bị lừa dối hay chính Người là một tay bịp bợm, chẳng khác gì Grenouille nhưng dỏ hơn rất nhiều!

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 33

Ngài Marquis de la Taillade-Espinasse thích thứ nước hoa mới quá. Ngài nói rằng tuy là người phát hiện ra fluidum letale nhưng ngài vẫn sững sốt khi thấy một món thứ yếu và phù du như nước hoa lại có ảnh hưởng lớn đến thể đến tình trạng sức khỏe của con người, tùy theo nó được làm ra từ những thứ ở gần hay xa đất. Vài giờ trước đây thôi, Grenouille còn nằm kia, tái mét và gần ngất đi thể mà bây giờ đã tươi tỉnh như bất cứ một người khỏe mạnh nào ở tuổi già, phải, có thể nói là già đã được tăng thêm nhân phẩm vậy, bất chấp những hạn chế của một người ít học và thuộc vào đẳng cấp như già. Dẫn sao ngài, Taillade-Espinasse, sẽ đề cập đến trường hợp này trong chương viết về sự ăn uống kiêng khem để có được sinh khí trong luận văn viết về lý thuyết fluidum letale sắp công bố. Bây giờ ngài muốn được tự bôi nước hoa mới.

Grenouille trao cho ngài hai lọ con đựng thứ nước hoa bình thường và ngài Marquis rầy lên người. Ngài tỏ ra hết sức hài lòng về nó. Ngài thú nhận rằng sau nhiều năm bị cái nước hoa đồng thảo khủng khiếp kia đè nặng như chì, giờ đây ngài hơi cảm thấy như mọc cánh có đầy hoa và ngài nếu ngài không làm thì chứng đau đầu gối quý quái và bệnh ù tai cũng giảm, nói chung ngài thấy sôi nổi, đầy sức sống và trẻ hẳn. Ngài bước tới ôm chầm lấy Grenouille, gọi già là “người anh em lưu chất của tôi”, và nói thêm rằng đó hoàn toàn không phải là sự xung hô giao tế mà thuần túy mang ý nghĩa tinh thần vì in conspectu universalitis fluidi letalis [1], mọi người đều bình đẳng trước nó và chỉ trước nó mà thôi! Ngài cũng dự tính thành lập ngay một hội quốc tế siêu giai tầng nhằm mục đích chế ngự hoàn toàn fluidum letale, thay thế nó bằng fluidum vital[2] tinh khiết trong một thời gian ngắn nhất và ngài tin rằng sẽ thuyết phục được Grenouille làm người nhập hội đầu tiên; ngài nói những điều trên trong lúc buông tay khỏi Grenouille, hết sức thân thiết như lúc ngài buông tay khỏi một người ngang hàng vậy, không một chút ghê tởm nào. Rồi ngài cho chép công thức của nước hoa này trên giấy, cất vào người rồi tặng Grenouille năm mươi đồng Louis vàng.

Đúng một tuần sau buổi thuyết trình, ngài Marquis de la Taillade-Espinasse lại giới thiệu kẻ mà ngài

bảo trợ trong đại giảng đường đại học. Đông quá trời. Cả Montpellier tới đó, không chỉ giới khoa học mà còn cả giới thượng lưu và chính giới này đông nhất, nhiều mệnh phụ muốn thấy tận mắt cái người ở hang kỳ lạ nọ. Mặc dù những đối thủ của ngài Marquis mà chủ yếu là đại diện của “Hội những người bạn của vườn bách thảo đại học” và hội viên của “Hội tài trợ canh nông” đã ủng hộ mọi hội viên, buổi giới thiệu vẫn thành công vang dội. Trước hết ngài Taillade-Espinasse cho truyền tay hình vẽ người ở hang xấu xí và tiêu tụy để cử tọa nhớ lại tình trạng của Grenouille một tuần trước. Rồi ngài cho đưa Grenouille vào, trong áo khoác bằng nhung xanh, sơ mi lụa, đôi phấn và tóc uốn quăn, chỉ riêng với cái cách gã đi thẳng người với từng bước khoan thai, lắc mông rất điệu, leo lên bục không cần ai đỡ, cúi thấp người gập đầu mỉm cười chào chỗ này chỗ nọ làm cho mọi kẻ hoài nghi và dả kích câm miệng. Ngay cả “những người bạn của vườn bách thảo đại học” cũng lặng thinh xấu hổ. Sự thay đổi rõ ràng quá. Cái phép lạ ở đây diễn ra hùng hồn quá. Mới tuần trước ở đó còn co rúm một con thú rách nát giờ đứng đó một con người thật sự văn minh, đom đống. Cả giảng đường có một vẻ thành kính và khi ngài Taillade-Espinasse đứng lên thuyết trình thì càng lặng như tờ. Ngài lại khai triển cái lý thuyết quen thuộc ngáy đến tận cổ fluidum letale của trái đất, giải thích đã dùng những phương tiện cơ học và cách ăn uống kiêng khem nào để trục nó ra khỏi cơ thể gã, thay fluidum vital vào đó và sau hết yêu cầu toàn thể cử tọa, dù là bạn hay đối thủ, trước bằng chứng hùng hồn như thế hãy từ bỏ sự chống đối học thuyết mới để cùng với ngài, Taillade-Espinasse, chống lại cái fluidum độc hại nọ, đón chào cái fluidum vital tốt lành. Tới đây ngài dang rộng hai tay, mắt nhắm lại, hướng lên trời, nhiều vị học giả cũng làm theo như thế còn các bà thì khóc nức lên.

Grenouille đứng trên bục, chẳng thèm nghe. Gã hết sức thoả mãn quan sát tác dụng của một fluidum khác, thật hơn, cái của chính gã. Gã đã bôi rất nhiều nước hoa cho đủ với cái đại giảng đường, vừa bước lên bục, cái tinh hoa của gã đã toả ra mãnh liệt. Gã thấy nó chạm vào những người ngồi hàng đầu, lan tiếp, đến hàng cuối và hành lang; quả thật gã đã thấy bằng mắt nữa cơ. Tim gã rộn lên vì mừng khi thấy người nào bị nó quệt phải cũng đều biến đổi trông thấy. Họ thay đổi nét mặt, thái độ, tình cảm dưới dưới sự mê hoặc của mùi gã mà không biết. Ai trước đó trở mắt hết sức ngạc nhiên nhìn gã, giờ nhìn gã dịu dàng hơn, ai trước đó nhất định ngồi ngả lưng trên ghế, nhăn trán hồ nghi, hai bên mép xệ xuống giờ nghiêng ra trước, thoải mái hơn và mặt giãn ra như mặt trẻ con; ngay trên mặt những người nhát gan nhất, những kẻ kinh hoàng nhất, những vị dễ xúc cảm nhất, những người mà lần trước khiếp hãi nhìn hình dáng gã và lần này còn không ít hoài nghi, cũng hiện lên những dấu hiệu của sự thân mật và cả cảm tình khi mùi gã chạm vào mũi của họ.

Cuối buổi thuyết trình, cả giảng đường hoan hô nhiệt liệt. “Fluidum vital muôn năm! Taillade-Espinasse muôn năm! Hoan hô học thuyết lưu chất! Đả đảo nền y học chính thống!” Đám trí thức của Montpellier, thành phố đại học nổi tiếng nhất miền nam nước Pháp đã gào lên như thế, và ngài Marquis de la Taillade-Espinasse đã sống những giờ phút vinh quang nhất trong đời.

Grenouille từ trên bục leo xuống, đi lẫn trong đám người, gã biết những tung hô kia đúng ra là dành cho gã, cho riêng cho gã, Jean-Baptiste Grenouille, mà thôi dù không ai trong giáng đường biết tí gì.

Chú thích:.

[1] Trước các khí độc phổ quát (tiếng La tinh).

[2] Sức sống.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Chương 34

Gã ở lại Montpellier thêm vài tuần. Gã đã khá nổi tiếng, được mời đến nhiều buổi mạn đàm; ở đây người ta hỏi gã về đời sống trong hang và về việc gã được ngài Marquis chữa khỏi. Gã cứ phải kể đi kể lại câu chuyện bọn cướp bắt gã, về cái giỏ thòng xuống và về cái thang. Mỗi lần như thế gã đều thêm thất cho ly kỳ với nhiều tình tiết mới; thế là gã có dịp tập nói, dù rất hạn chế vì trong đời gã chưa bao giờ giỏi về ngôn ngữ, nhưng quan trọng hơn nữa là gã có dịp tập nói dối thành thạo. Gã nghiệm ra rằng thật ra gã có thể kể bất cứ cái gì gã muốn. Khi họ đã tin thì họ tin tất cả, và họ tin gã qua hơi thở đầu tiên hít vào cái mùi giả tạo của gã. Thế là gã có thêm được một chút vững tin khi giao tiếp với giới thượng lưu mà gã chưa từng có. Sự vững tin này thể hiện cả trên cơ thể nữa. Gã như cao lớn hơn. Cái burou như biến mất. Gã đi đứng gần hoàn toàn thẳng người. Và khi có ai hỏi chuyện thì gã không rúm người lại nữa mà vẫn đứng thẳng người, nhìn thẳng vào người hỏi chuyện. Tất nhiên, gã không thể trở thành một người lịch duyệt, một kẻ được hâm mộ trong các buổi mạn đàm hay một người phong nhã hoàn toàn trong một thời gian ngắn như thế. Nhưng sự ngưỡng nghịu và vụng về ở gã giảm thấy rõ, nhường chỗ cho một cung cách được xem là bản tính khiêm tốn hay cùng lắm là hơi nhút nhát bẩm sinh, gây một ấn tượng dễ mến nơi một số quý ông, quý bà; thời bấy giờ thì hiếu trong giới thượng lưu là những gì tự nhiên và một sự dễ thương chất phác. Một sáng đầu tháng ba, gã thu vén đồ đạc và lén lút bỏ đi ngay khi công thành vừa mở, khoác cái áo nâu loại tồi gã mua được ở chợ quần áo cũ hôm trước, đội một cái mũ sòn che nửa mặt. Không ai nhận ra gã, không ai thấy hay chú ý đến gã vì hôm ấy gã thận trọng không dùng nước hoa. Gần trưa khi ngài Marquis cho điều tra thì bọn lính canh thề sống thề chết rằng họ thấy đủ mọi thứ người ra

khỏi thành phố nhưng không thấy cái gã người ở hang nổi tiếng nọ, vì chắc chắn họ phải nhận ra gã ngay. Rồi ngài Marquis cho loan tin rằng Grenouille được ngài đồng ý cho rời Montpellier đi Paris vì chuyện gia đình. Nhưng trong thâm tâm ngài giận tím ruột vì ngài định chu du khắp vương quốc cùng với Grenouille để thu thêm đồ đệ cho học thuyết lưu chất của ngài.

Sau một thời gian ngài cũng nguôi đi vì danh tiếng của ngài lan rộng mà chẳng cần chu du, gần như ngài chẳng phải làm gì cả. Nhiều bài tràng giang đại hải về fluidum letale Taillade đăng trên Journal des Scavans [1] cả trên Courier de l'Europe nữa. Rồi những người bị nhiễm độc khí từ những nơi xa xôi đổ về để được ngài chữa. Hè 1764 ngài thành lập “Hội fluidum vital” đầu tiên ở Montpellier với 120 thành viên, hội có chi nhánh ở Marseille và Lyon. Rồi ngài quyết định mạo hiểm lập chi nhánh ở Paris, để từ đây chinh phục toàn thế giới văn minh cho học thuyết của ngài. Nhưng trước đó ngài muốn hoàn thành một kỳ công về lưu chất nhằm mục đích tuyên truyền, hỗ trợ cho cuộc chinh phục, kỳ công ấy sẽ làm lu mờ việc chữa khỏi gã người ở hang và mọi thứ thí nghiệm khác. Đầu tháng chạp ngài làm một chuyến thám hiểm trên ngọn Pic du Canigou với một nhóm môn đệ dũng cảm thập tùng. Pic du Canigou nằm trên cùng một kinh tuyến với Paris và được coi là ngọn núi cao nhất của rặng Pyrénées. Ngài Marquis, sắp bước vào tuổi lão, muốn được khiêng lên đỉnh núi cao 2800m, ở trên đó suốt ba tuần trong cái hơi sinh khí trong sạch nhất để rồi thành một chàng trai nhanh nhẹn hai mươi tuổi, xuống núi vào Giáng sinh, ngài tuyên bố như thế.

Bọn môn đệ bỏ cuộc ngay sau Vernet, khu dân cư cuộc cùng ngay dưới chân ngọn núi đáng sợ ấy. Song ngài Marquis chẳng sòn lòng. Ngài vút cả quần áo trong cái lạnh như nước đá rồi lớn tiếng reo hò, lên núi một mình. Rồi người ta chỉ còn thấy cái bóng của ngài, hai tay giơ cao cuồng nhiệt, ca hát và mắt hút trong bão tuyết.

Ngày Giáng sinh, đám môn đệ đợi hoài công sự trở về của ngài Marquis de la Taillade-Espinasse. Ngài vẫn không về, dù là ông lão hay là chàng thanh niên. Đầu hè năm sau, những kẻ gan dạ nhất đi tìm, leo tận đỉnh Pic du Canigou vẫn còn rơi tuyết, nhưng không tìm thấy chút gì còn sót lại của ngài, không quần áo, không một phần thân thể, không một mẫu xương.

Nhưng học thuyết của ngài không vì thế mà bị gián đoạn. Ngược lại. Truyền thuyết nhanh chóng lan đi rằng ngài đã thành hôn với sinh khí bất tử trên đỉnh núi, cả hai hoà vào nhau và từ đó trở nên vô hình nhưng trẻ trung mãi mãi, lượn trên đỉnh rặng Pyrénées, ai leo lên với ngài sẽ được phúc của ngài, suốt một năm sẽ không bị đau yếu hay già đi. Cho đến tận thế kỷ 19, học thuyết lưu chất của ngài Taillade được ủng hộ ở một số học viện y khoa và được dùng để trị bệnh ở nhiều hội bí mật. Ngay cả hiện nay ở hai bên rặng Pyrénées vẫn còn có những hội bí mật của những người theo học thuyết Taillade ở Perpignan và Figueras, họ gặp nhau hàng năm để leo lên Pic du Canigou.

Ở đó họ đốt một ngọn lửa thật to, nói là để làm dấu chỉ điểm [2] và để vinh danh thánh Jean nhưng thật ra là để tỏ lòng tôn kính giáo chủ Taillade-Espinasse của họ với học thuyết lưu chất vĩ đại và để

được trường thọ.

Chú thích:.

[1] Tờ báo của những nhà thông thái. Thời xưa scavan dùng chỉ nhà thông thái, thay cho từ savant bây giờ.

[2] chí điểm: ngày bắt đầu mùa hè hoặc mùa đông.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Phần 3 - Chương 35

Chuyến du hành đầu tiên trên nước Pháp của Grenouille kéo dài bảy năm nhưng lần này chưa đến bảy ngày. Gã không tránh những con đường tấp nập và thành phố nữa, gã không đi vòng nữa. Gã đã có mùi, có tiền, có cả tự tin và gã đang vội.

Ngay buổi chiều đầu tiên sau khi rời khỏi Montpellier, gã đến Le Grau-de-Roi, một cảng nhỏ ở tây nam của Aigues-Mortes, từ đây gã đi bằng tàu buồm chờ hàng đến Marseille. Tới Marseille gã không rời cảng mà tìm ngay một cái tàu chở gã đi tiếp dọc bờ biển phía đông. Hai ngày sau gã đến Toulon, ba ngày nữa gã có mặt ở Cannes. Đoạn đường còn lại gã đi bộ. Gã theo một con đường mòn dẫn lên đồi, vào đất liền về phía bắc.

Hai giờ sau gã đã tới đỉnh đồi, trước mặt gã là một thung lũng trải dài nhiều dặm như một lòng chảo khổng lồ mà thành chảo là những ngọn đồi thoải thoải và những dãy núi lởm chởm, còn đáy chảo là những cánh đồng mới vừa được cày xới, những khu vườn và những lùm cây ô liu. Một khí hậu hoàn toàn riêng, ấm cúng lạ lùng trùm lên đây. Dù gần biển đến nỗi từ đỉnh ngọn đồi này cũng trông thấy được nhưng ở đây không thấy tí gì mùi của biển, không mùi muối, không mùi cát, không trống trải mà tách rời lạng lẽ, như thể biển cách đây những mấy ngày đường. Và mặc dù phía bắc là những rặng núi cao đầy tuyết hắt còn lâu mới tan thì ở đây không có chút gì khắc nghiệt hay cần cổ và cũng không có gió lạnh. Mùa xuân đến sớm hơn ở Montpellier. Một làn hơi ẩm nhẹ nhàng phủ lên những cánh đồng như một cái chuông thủy tinh. Những cây hạnh, cây mơ nở hoa, không khí ẩm thơm mùi thủy tiên.

Thành phố ở đầu kia cái lòng chảo khổng lồ, cách đây khoảng hai dặm, cheo leo trên sườn núi dốc. Nhìn từ xa không có vẻ gì nguy nga hào nhoáng. Không một thánh đường đồ sộ cao vượt khỏi mọi ngôi nhà, chỉ có một tháp chuông cụt ngọn, không một pháo đài sừng sững, không một toà nhà tráng lệ. Tường thành cũng chẳng có vẻ gì kiên cố, đây đó có những ngôi nhà lán khỏi đường ranh, phần lớn lán về đồng bằng làm cho thành phố có một vẻ lồi thối. Vùng này có vẻ như bị chiếm đi chiếm lại nhiều lần nên chẳng buồn chống trả thật sự những kẻ xâm lấn trong tương lai, nung không phải vì yếu mà vì chênh mảng và vì thấy mình cũng mạnh. Cũng có vẻ như thành phố thấy không cần phải phô trương. Nó làm chủ cái chậu khổng lồ thom tho dưới chân nó, thế là đủ rồi.

Cái vùng chẳng đẹp đẽ nhưng đồng thời lại đầy tự tin đó là thành phố Grasse mà ai cũng phải thừa nhận là trung tâm buôn bán và sản xuất nước hoa, hương liệu, xà bông, dầu từ hàng chục năm nay. Giuseppe Baldini thường nhắc tên nó với sự say mê và tán tụng. Thành phố này là Rome của mùi thơm, vùng đất hứa của người làm nước hoa, ai không có nổi chút tên tuổi ở đây thì không xứng đáng được gọi là nhà chế tạo nước hoa.

Grenouille hết sức bình thản nhìn xuống thành Grasse. Gã tìm đến vùng đất hứa của người chế nước hoa nên tìm gã cũng chẳng rạo rục trước cái thành phố trên sườn núi kia. Gã đến vì được biết ở đây có vài kỹ thuật lấy hương thơm hay hơn, đáng học hơn những nơi khác. Gã muốn học cho mục đích của gã. Gã lấy từ túi lọ nước hoa mang mùi gã, chầm sớ sớ rồi đi tiếp. Một tiếng rưỡi sau, gần trưa, gã có mặt ở Grasse.

Gã ăn trong một quán trọ ở Place aux Aires, phía đầu nằm trên cao của thành phố. Trên một con suối xuyên dọc quảng trường, những người thợ thuộc da rửa da rồi phơi ở đấy. Cái mùi xóc óc làm cho một vài thực khách ăn chẳng thấy ngon lành gì nữa. Riêng Grenouille thì không. Gã quá quen thuộc với mùi ấy, nó tạo cho gã một cảm giác an toàn. Đi qua thành phố nào gã cũng tìm khu thuộc da trước tiên. Để rồi xuất phát từ cái khu hôi thối này đi thăm dò những nơi khác trong thành phố, như thế gã không cảm thấy là người lạ nữa.

Gã đi khắp thành phố suốt buổi xế trưa. Bản thiêu không thể tưởng tượng nổi cho dù có rất nhiều nước, có khi bắn chính vì cả tá nguồn nước và giéng cứ phun nước lên, chảy ồ ạt trong những suối và rãnh không hề được chỉnh dòng xuống thành phố, làm những con hẻm bị xói mòn hay phủ kín bùn. Ở một số khu, nhà cửa san sát đến nỗi chỉ chừa hơn một sải tay cho lối đi và bậc thềm khiến người qua lại bị bõm trong bùn phải ép sát nhau mới có lối đi. Ngay ở những quảng trường hay một số ít đường tương đối rộng cũng không có chỗ cho xe thồ tránh nhau.

Tuy vậy, thành phố này vẫn như muốn bung ra bởi sự làm ăn tất bật mặc bụi bặm, dơ dáy và chật hẹp. Trong lúc đi quanh phố, Grenouille đã thấy ít ra có bảy nhà nấu xà bông, cả tá nhà làm nước hoa và găng tay, vô số những nhà chưng cất nhỏ, xưởng nấu pomát, đồ gia vị và khoảng sáu hay bảy nhà bán sỉ nước hoa.

Họ là những nhà buôn lớn có kho hương liệu thật sự. Thường thì nhà họ cũng chẳng có gì đáng để xem đâu. Mặt tiền những ngôi nhà trông ra đường này cũng khiêm tốn thôi. Nhưng đằng sau là cả một kho tàng mà những bậc vương công không có nổi: trong kho chứa và hầm menh mông chất thành đống nào thùng dầu, nào xà bông làm từ hoa oải hương, nào bình đựng tinh chất của hoa, rượu vang, côn, hàng súc da tắm nước hoa, túi, tráp và hòm đầy ắp đồ gia vị. Grenouille ngửi thấy tất cả qua những bức tường, dù dày tới đâu. Và khi ngửi kỹ hơn một chút nữa, ngửi qua cả những cửa tiệm và kho hàng tẻ ngắt trông ra đường, gã phát hiện ra những toà nhà thuộc loại xa hoa nhất nằm sau những ngôi nhà tỉnh lẻ bậc trung này. Những khoảnh vườn nhỏ nhưng rất đẹp với những cây trúc đào và cọ tươi tốt, có suối phun róc rách được bao quanh bởi những cây hoa giấy thật dễ thương. Dinh cơ chính thường quay về hướng nam, trải theo hình chữ U quanh những khoảnh vườn ấy, những phòng ngủ ở tầng trên có nắng chan hoà với tường dán lụa, những phòng khách tráng lệ tường ốp gỗ quý ở tầng trệt và những phòng ăn đôi kéo ra tận ngoài vườn như hàng hiên, ở đó người ta ăn bằng đĩa sứ và dao nĩa bằng vàng, đúng như Baldini nói. Những chủ nhân ông của những ngôi nhà khiêm nhường nọ bốc ra mùi của vàng, của quyền lực và của sự giàu có được canh giữ hết sức cẩn thận, về những mặt này thì mùi của họ mạnh hơn tất cả những gì Grenouille đã ngửi thấy trong chuyến đi của gã qua các tỉnh.

Gã dừng lại khá lâu trước một trong những lâu đài nguy trang này. Ngôi nhà nằm ngay đầu Rue Droite, một đường lớn chạy suốt từ tây sang đông thành phố. Cũng chẳng có vẻ gì khác thường, mặt tiền hơi rộng và nom khá hơn những nhà bên cạnh nhưng hoàn toàn không đồ sộ. Trước cổng có một cai xe với những thùng gỗ được khâu xuống bệ dốc. Một xe khác đứng chờ. Một người đàn ông cầm giấy tờ đi vào văn phòng rồi cùng với một người đàn ông nữa đi ra, đoạn cả hai biến sau cổng ra vào. Grenouille đứng bên đường đối diện, quan sát. Gã đâu quan tâm gì những chuyện ấy. Nhưng gã vẫn đứng đó. Có một cái gì đấy giữ chặt chân gã.

Gã nhắm mắt lại, tập trung vào những mùi bay sang từ toà nhà trước mặt. Mùi của những thùng gỗ, giấm, rượu vang rồi hàng trăm thứ mùi nặng của kho hàng, rồi mùi của sự giàu có như thể mồ hôi vàng thật mịn rỉ qua tường, rồi đến mùi một cái vườn, chắc chắn phải nằm tuốt phía kia của ngôi nhà. Không dễ chụp được những mùi rời mảnh của cái vườn vì chúng chỉ lọt qua đầu hồi của ngôi nhà thành những vạt mỏng ra đường. Grenouille ngửi ra mùi của mộc lan, lan dạ hương, thụy hương và đỗ quyên... nhưng hình như còn gì khác nữa, thơm kinh khủng trong cái vườn này, một cái mùi quá tuyệt diệu mà trong đời gã chưa từng được ngửi bao giờ hay mới chỉ được có một lần thôi... Gã phải đến gần cái mùi ấy mới được.

Gã suy nghĩ có nên đi thẳng qua cổng vào trong cái dinh cơ không. Nhưng những người đang khâu xuống và kiểm tra những thùng gỗ đông thế kia thì thế nào họ cũng thấy gã thôi. Gã liền quyết định quay lộn lại, tìm một cái hẻm hay một lối đi dẫn tới bìa toà nhà. Sau vài mét thành phố tới cổng

thành ở Rue Droite. Gã băng qua cổng thành, quẹo sát về phía trái, men theo tường thành về phía chân núi. Chẳng bao lâu gã ngửi thấy khu vườn, mới đầu còn thoang thoang, lẫn với không khí trên đồng nhưng rồi đậm dần lên. Gã biết đang ở gần vườn lắm. Khu vườn nằm sát với tường thành. Còn gã đang ở ngay một bên. Chỉ cần lui lại mấy bước gã có thể nhìn thấy phía trên tường thành những cành cây cam cao nhất.

Gã lại nhắm mắt. Những mùi của khu vườn lao vào gã, đường nét rõ ràng như những giải sắc của cầu vòng. Cái mùi quý hơn cả ma gã theo đuôi cũng lẫn trong đó. Grenouille nóng ran vì mê mẩn nhưng lạnh vì kinh hoàng. Máu chạy lên đầu, như thể một thằng nhóc làm quấy bị bắt quả tang, rồi trở xuống giữa thân thể, lại chạy lên rồi trở xuống mà gã không làm gì được. Gã bị cái mùi ấy tấn công thình lình quá. Một nháy mắt, một hơi thở đôi với gã bỗng như thể vĩnh viễn, như thể thời gian dài gấp đôi hay biến mất hoàn toàn, vì gã không còn biết bây giờ là bây giờ và đây là đây, hay đúng hơn bây giờ là hồi đó còn đây là nơi đó, Rue des Marais ở Paris, tháng chín 1753, và mùi thơm từ vườn bên bay đến là mùi thơm của cô gái tóc đỏ gã giết hồi đó. Tìm được lại mùi thơm ấy trong thế giới này làm gã sung sướng đến ứa nước mắt, nhưng vì biết rằng không phải như thế nên gã sợ muốn chết.

Gã thấy chóng mặt và hơi lão đảo, phải tựa vào tường rồi từ từ tuột xuống, ngồi xồm. Sau khi lấy lại sức và định thần, gã bắt đầu hít cái mùi tai ác ấy bằng những hơi ngắn đỡ nguy hiểm hơn. Gã nhận ra rằng cái mùi sau bức tường vô cùng giống mùi cô gái tóc đỏ nhưng không hoàn toàn là một. Dĩ nhiên cũng là của một cô gái tóc đỏ, không còn có thể nghi ngờ gì được nữa. Grenouille nhìn thấy cô trong sự tưởng tượng bằng khứu giác của gã như trong một tấm hình trước mặt: cô không ngồi yên mà nhảy tới nhảy lui, người cô nóng lên rồi mát trở lại, có lẽ cô đang chơi một trò chơi khi thì phải vận động nhanh khi phải đứng yên, cô chơi với một người nữa mà mùi người này không có gì đặc biệt. Da cô trắng tuyết vời. Mắt xanh. Có tàn nhang ở mắt, cổ và vú...nghĩa là...Grenouille nín thở một lúc rồi hít vào rất mạnh, cố gắng đẩy lui cái kỷ niệm về mùi của cô gái ở Rue des Marais...nghĩa là cô bé này chưa có vú theo đúng nghĩa của nó! Chưa bắt đầu nhú. Cái núm hết sức mịn, lấm tấm tàn nhang thơm nhẹ ấy có lẽ mới chớm căng lên vài ngày nay, có khi chỉ mới một vài giờ, không, vừa mới đây thôi! Nói gọn lại: cô gái còn là đứa nhỏ. Nhưng mà đẹp làm sao!

Mồ hôi vã ra trên trán Grenouille. Gã biết con nít không có gì thơm đặc biệt, giống như cái nụ hoa khi chưa nở. Nhưng cái hoa này, cái hoa gần như khép kín sau bức tường kia vừa toả ra chút mùi thơm đầu tiên mà trừ gã ra không ai nhận thấy, vậy mà thơm đến chết người thì khi cái hoa kia đến thời kỳ rực rỡ nhất và toả mùi thơm thì hẳn mùi thơm của nó thế giới chưa từng biết. Ngay bây giờ cô bé đã thơm hơn cô gái ngày trước ở Rue des Marais, Grenouille nghĩ thế, không mạnh, không nhiều bằng nhưng dịu hơn, đa dạng đồng thời tự nhiên hơn. Trong một hai năm nữa cái mùi này sẽ chín và sẽ có một sức hấp dẫn mà không ai cưỡng lại được dù là đàn ông hay phụ nữ. Họ sẽ bị ma

lực của cô bé chinh phục, bị tước vũ khí, bó tay thúc thủ mà không hiểu sao. Bởi vì họ ngu, chỉ biết dùng mũi để thử, vì họ tin vào tất cả những gì họ thấy bằng mắt nên họ sẽ nói rằng vì cô bé đẹp, duyên dáng và quyến rũ. Do thiên cận, họ sẽ ca tụng khuôn mặt đều đặn của nàng, vóc dáng thon thả và bộ ngực tuyệt vời. Họ sẽ nói mắt nàng như ngọc bích, răng như ngọc trai, chân tay mịn như ngà và trăm thứ so sánh ngu xuẩn khác. Rồi nước ta sẽ chọn nàng làm nữ hoàng hoa nhài[1], bọn họa sĩ truyền thần vớ vẩn sẽ họa chân dung nàng, mọi người sẽ trở mắt nhìn rồi bảo rằng nàng là người phụ nữ đẹp nhất nước Pháp. Và đêm đêm đám thanh niên sẽ ngồi dưới cửa sổ phòng nàng gào khóc trong tiếng đàn mandolin...mấy lão nhà giàu mập ú sẽ quỳ gối, lết trước mặt ông bố van xin được lấy nàng...còn phụ nữ ở mọi lứa tuổi sẽ thờ dài mỗi khi thấy nàng và trong giấc ngủ mơ có được dung nhan quyến rũ như nàng dẫu chỉ một ngày thôi. Không một ai biết rằng h. không bị quyến rũ bởi cái hình dáng mà họ cho là tuyệt sắc của nàng mà chỉ vì cái mùi thơm tuyệt vời không gì so sánh được! Chỉ có gã, một mình gã, Grenouille này, biết sự thật ấy. Biết ngay từ lúc này.

Ôi! Gã muốn có được mùi này! Không phải bằng cái cách vô ích và uổng phí như với mùi thơm của cô gái ở Rue des Marais. Lần đó gã uống ừng ực cái mùi ấy nên đã làm hỏng nó. Không, gã muốn chiếm hữu, thật sự cái mùi thơm của cô bé sau bức tường, lột như lột da để làm thành mùi thơm của gã. Phải làm thế nào thì gã chưa biết. Nhưng gã có hai năm nữa để học. Về cơ bản chắc không khó hơn lấy mùi từ một loại hoa hiếm.

Gã đứng lên. Gần như thành kính bước đi, chẳng khác rời một nơi thiêng liêng hay một cô gái ngủ say, gã khom người, bước thật nhẹ để không ai trông thấy, không ai nghe thấy, không ai chú ý đến bấu vật gã đã phát hiện. Gã chuồn dọc theo tường thành đến tận đầu kia của thành phố, ở đây gã không nghĩ thấy mùi cô bé nữa, gã trở vào thành phố qua Porte des Fénéants. Gã dừng lại dưới bóng những ngôi nhà. Cái hơi hôi rình của những ngõ ngách làm gã thấy an tâm và giúp gã kèm chế được nỗi đam mê vừa bùng lên. Sau mười lăm phút gã trở lại hoàn toàn bình thường. Gã thì thầm: trước mắt không lại gần khu vườn sát bức tường thành ấy nữa. Không cần thiết. Gã sẽ chỉ bị kích thích thôi. Chẳng cần tới gã bông hoa nọ sẽ khai hoa, khai hoa bằng cách nào thì gã biết cả rồi. Gã không được phép uống say mùi thơm ấy khi chưa phải lúc. Phải bắt tay vào việc trước đã. Gã phải mở rộng sự hiểu biết và hoàn thiện tay nghề, chuẩn bị cho mùa gặt hái. Gã còn những hai năm nữa.

Chú thích:.

[1] Ở Châu Âu, đặc biệt là những vùng chuyên về nông nghiệp, hàng năm thường có những ngày hội về mùa hè, ở đó người ta bầu nữ hoàng hoa, nữ hoàng rượu vang...

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 36

Grenouille tìm thấy trên Rue de la Louve, không xa Porte des Fénéants, một xưởng nhỏ làm nước hoa và xin vào làm.

Được biết là ông chủ, Maitre parfumeur Honoré Arnulfi đã chết vào mùa đông vừa rồi, còn lại một mình bà vợ góa tóc đen, nhanh nhẩu, chừng ba mươi tuổi, tiếp tục việc kinh doanh với sự giúp đỡ của một người thợ phụ.

Sau khi đã than thở chán chê về thời buổi khó khăn và tình trạng kinh tế bấp bênh, Madame Arnulfi cho biết lẽ ra bà không đủ điều kiện thuê thêm một thợ phụ nữa, mặt khác lại rất cần thiết cho những việc sắp tới, nhà bà không thể chứa thêm được một người nữa, tuy vậy bà có cái chòi nhỏ nằm trong vườn ô liu đằng sau tu viện dòng Franciscain, cách đây chưa đến mười lăm phút, có thể để cho một người dễ tính ngủ tạm. Ngoài ra, là một bà chủ thành thật, bà biết rõ trách nhiệm phải lo cho thợ ăn uống đàng hoàng nhưng mặt khác bà không đủ khả năng bảo đảm ngày đủ hai bữa ăn nóng được, nói gọn lại, Madame Arnulfi là một người phụ nữ có của và có đầu óc kinh doanh. Grenouille đã nghĩ thấy cả từ lâu rồi. Bởi vì tiền đối với gã không phải là điều chính yếu nên gã bằng lòng với tiền công hai quan một tuần cùng với những điều kiện ít ỏi khác mà hai bên thoả thuận nhanh chóng. Tay thợ phụ kia được gọi đến, đó là một gã đàn ông khổng lồ tên Druot và Grenouille đoán ngay ra rằng hẳn thường chung chạ gối với bà chủ và bà ta không quyết định một số chuyện nào đấy nếu không thảo luận trước với hắn. Hắn đứng trước mặt Grenouille khiến gã trông lại càng nhỏ đến độ khô hài, hắn dặng chân làm xông ra một đám mây sắc mùi tinh dịch, nhìn gã soi mói, nhìn xoáy vào mắt gã như để tìm ra bằng cách ấy những âm mưu xảo trá hay biết đâu một tình địch, rồi nhếch mép cười khinh thị, gật đầu tỏ ra đồng ý.

Mọi chuyện như thế là xong. Grenouille nhận được một cái bắt tay, một bữa ăn nguội cho buổi chiều, một cái chăn và chìa khóa của cái chòi; gã ra sức sắp xếp lại cái chòi không cửa sổ đậm mùi để chịu của phân cừu để lâu và cổ khô. Hôm sau gã bắt đầu làm việc cho Madame Arnulfi.

Lúc này đang mùa thủy tiên. Madame Arnulfi cho trồng hoa trên những thửa đất nhỏ riêng của bà trong cái lòng chảo phía dưới thành phố hoặc mua lại từng lổ[1] của nông dân mà bà cò kè từng nửa xu một. Hoa đã được đem đến xưởng bằng giỏ từ sáng sớm tinh mơ, đổ thành đống hàng chục nghìn cái hoa thơm mà nhẹ bằng này. Trong khi đó Druot hăm lóng mỡ heo và mỡ bò thành một thứ nước

lông sên sệt trong một cái nồi to tướng, rồi trong lúc Grenouille không ngừng khuấy đều bằng một cái khuấy dài như cái chổi thì hắn không ngừng đổ hoa vào đấy. Hoa nổi chùng một giây trên mặt nồi, trông như những con mắt trợn trừng kinh hoàng chờ chết, rồi tái lại khi bị cây khuấy khoáng xuống dưới và bị mỡ ám bọc lại. Gần như ngay lúc ấy chúng nhũn ra, héo đi và chắc cái chết đến với chúng khá nhanh nên chúng không có lựa chọn nào khác hơn là trút hơi thở dài thơm tho cuối cùng của chúng vào chính cái môi trường làm cho chúng chết đuối, bởi vì Grenouille càng xoáy xuống nhiều hoa bao nhiêu thì mỡ càng thơm bấy nhiêu, gã quan sát điều này với một sự thích thú không sao tả được. Không phải những hoa chết tiếp tục tỏa hương trong mỡ mà chính mỡ đã chiếm đoạt mùi hương của hoa.

Thỉnh thoảng nước mỡ trở nên quá đặc, họ phải đổ gấp vào một cái rây lớn, lấy ra những xác hoa không hồn, thay hoa tươi vào đấy. Rồi lại đổ hoa vào, lại khuấy, lại rây; suốt ngày như thế không nghỉ vì công việc không cho phép chậm trễ, cho đến khi xẩm tối khi tất cả đồng hoa đã vào nồi. Bã hoa không bỏ đi vì không có gì bỏ phí cả. Chúng được tưới nước sôi rồi cho vào máy ép, vắt đến giọt cuối cùng, cũng được một thứ dầu thơm nhẹ nhẹ. Nhưng phần lớn mùi thơm, cái hồn của cả một biển hoa, nằm lại trong nồi, bị bọc kín và bảo quản trong cái khối mỡ trắng xám trông chẳng đẹp mắt tí nào đang từ từ đặc lại.

Hôm sau cái quy trình được gọi là ngâm bấy này lại tiếp tục; lại hâm nồi lên, mỡ chảy ra và lại cho hoa vào. Nhiều ngày liền như thế, từ sáng đến tối. Công việc rất mệt nhọc. Tối đến khi Grenouille lão đảo bước về lều thì tay gã như thể đeo chì, hai bàn tay rộp lên còn lưng thì đau như dằm. Druot khoẻ chắc gấp ba gã nhưng không khuấy hộ lần nào, chỉ lo đổ hoa nhẹ như bông vào nồi, canh chừng lửa và thỉnh thoảng chạy đi làm một ly gì đó giải khát. Nhưng Grenouille không hề phàn nàn, gã khuấy từ sáng đến tối, không chút than phiền và cũng không thấy cực tí nào vì cái quy trình diễn ra trước mắt và mũi không ngừng quyến rũ gã: sự tàn lụi mau chóng của hoa và sự hấp thụ mùi thơm của mỡ.

Sau một thời gian, Madame Arnulfi nói rằng mỡ bão hoà rồi, không thể tiếp tục hấp thụ mùi thơm được nữa. Họ tắt lửa, rây cái nước đặc sệt lần chót rồi rót vào những lọ sành; nước đặc lại rất nhanh thành pomát thơm tuyệt.

Bây giờ tới lúc Madame Arnulfi trở tài; bà tới kiểm nghiệm cái sản phẩm quý giá kia, dán nhãn rồi ghi thật chính xác vào sổ sách thu hoạch theo phẩm chất và số lượng. Sau khi tự tay nút kín những lọ sành, gắn miệng lọ lại và đem cất dưới hầm lạnh, bà mới mặc đồ đen, đeo khăn tang và đi một vòng đến các nhà bán sỉ và các nhà buôn nước hoa trong thành phố. Bà trình bày hoàn cảnh đơn chiếc của mình với các nhà buôn bằng một giọng nao lòng, để rồi được họ đề nghị giá, rồi bà so sánh, rồi thờ dài bằng lòng bán hoặc không. Hương thơm dưới dạng pomát để lạnh giữ được lâu. Nếu bây giờ chưa được giá thì biết đâu mùa đông, mùa xuân tới giá lại chẳng lên. Thay vì bán cho bọn cò kè này

tại sao không cân nhắc có nên cùng với những nhà sản xuất nhỏ khác gửi một chuyến tàu chở pomát đi Genua hay chung nhau một đoàn xe đi dự hội chợ mùa thu ở Beaucaire, vẫn biết là mạo hiểm đấy nhưng nếu trúng thì lời lắm. Madame Arnulfi cân nhắc kỹ càng những khả năng trên, có khi phối hợp chúng với nhau, rồi bán một phần, phần còn lại bà thử thời vận. nếu qua thăm dò mà nhận thấy thị trường tràn ngập pomát và trước mắt không khan hiếm, nghĩa là bà chẳng được lợi lộc gì thì bà sẽ chạy về nhà gấp đến bay cả khăn tang và bảo Druot đem rửa hết chỗ pomát với cồn, biến chúng thành essence absolue.

Thế là pomát lại được khuân từ dưới hầm lên để rửa bằng cách hâm nóng thật cẩn thận trong nồi đậy kín, cho thêm vào rượu tinh cất loại nhất rồi trộn thật kỹ với một đồ khuấy gắn sẵn trong thùng do Grenouille sử dụng. Sau khi mang xuống hầm, dung dịch nọ nguội thật nhanh, mỡ đông lại tách khỏi rượu, rượu được chắt vào chai. Nó gần như là một loại nước hoa nhưng hết sức đậm trong khi bã còn lại của pomát còn trong nồi đã bị mất phần lớn các mùi thơm. Mùi thơm của hoa thế là được chuyển sang một môi trường khác. Chưa hết. Sau khi lọc cẩn thận với khăn the để giữ lại hết mỡ, kể cả những cục nhỏ nhất, Druot chuyển rượu sang một nồi chung nhỏ, chung thật chậm trên lửa liu riu. Sau khi cồn bay hết, trong bình cổ cong chỉ còn lại một chút chất lỏng màu tái mà Grenouille quá quen thuộc nhưng chưa từng được ngửi dưới dạng tuyệt hảo và nguyên chất thế này: dầu của hoa, cái mùi thơm không còn bị gì che đậy, trăm nghìn lần đậm đặc để trở thành ít giọt essence absolue. Mùi của tinh dầu này không còn dễ chịu nữa. Nó nồng, hăng xóc óc. Nhưng chỉ cần một giọt thôi, hoà trong một lít cồn, thì mùi thơm của hoa sẽ sống dậy, mùi thơm của cả một cánh đồng hoa.

Được rất ít. Chỗ chất lỏng trong bình chung cất kia chỉ vừa ba lọ con. Mùi thơm của cả hơn trăm nghìn hoa thu lại không hơn ba lọ con. Nhưng đó là cả một gia tài, ngay cả ở Grasse này. Khi được gửi đi Paris, Lyon hay Grenoble, Genua hoặc Marseille thì còn biết mấy lần hơn! Mắt madame Arnulfi nhòa đi khi nhìn thấy những lọ con ấy, bà vuốt ve chúng bằng mắt và khi cầm lên để nút lại bằng nút thủy tinh mài vừa vặn thì bà nín thở để không một chút gì của cái chất quý báu kia bị thổi mất. Sau khi nút lại, bà lấy sáp lỏng gắn nút cho kín rồi chụp lên bằng một bong bóng cá, cột thật chặt chỗ cổ lọ để không thể một nguyên tử mùi thơm nào còn thoát đi được. Rồi bà đặt chúng trong hộp con lót bông, đem xuống hầm, khóa kỹ.

Chú thích:

[1] một lít khoảng 17g.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 37

Tháng tư họ ngâm bảy kim tước chi và hoa cam, tháng năm ngâm cả một biển hoa hồng đến nổi thành phố như chìm suốt một tháng trong một màn sương vô hình ngọt ngào mùi thơm. Grenouille làm việc như ngựa. Gã cam chịu làm mọi công việc tầm thường mà Druot giao cho với một sự sẵn sàng gần như nô lệ. Nhưng trong những lúc gã ra về khờ khạo khuấy, quét, lau rửa bồn, quét chùi xường và khuôn củi thì không một khâu quan trọng nào, không một chút gì trong sự biến thái của mùi thơm lọt khỏi sự chú ý của gã. Với cái mũi, Grenouille theo dõi và trông chừng sự chuyển mùi từ những cánh hoa sang mỡ, rồi còn cho đến khi đóng vào các lọ còn chính xác hơn cả Druot nữa. Trước khi Druot kịp nhận ra thì gã đã ngủi thấy lúc nào mỡ quá nóng, lúc nào hoa đã bị rút kiệt, lúc nào chất lỏng đã bão hoà mùi thơm, gã ngủi thấy cái gì đang diễn biến bên trong bình trộn cũng như lúc nào ngưng quy trình chung cất là đúng nhất. Thịnh thoảng gã cũng góp ý nhưng dĩ nhiên là không khẳng định mà vẫn giữ cung cách người dưới. Chẳng hạn như nói rằng gã thấy có vẻ như mỡ hơi quá nóng chẳng hoặc gã nghĩ rằng có thể rây được rồi đấy, hoặc gã có cảm tưởng là còn đang bay hơi trong bình chung cất... Druot tuy không thông minh gì lắm nhưng cũng không phải hoàn toàn ngu đần, dần dần nhận ra rằng hoặc tự hấn làm hoặc để làm theo cái điều mà Grenouille “nghĩ rằng” hay “có cảm tưởng” sẽ có kết quả tốt nhất. Bởi vì Grenouille không bao giờ nói ra điều gã “nghĩ rằng” hay “có cảm tưởng rằng” một cách ta đây hay tự phụ, cũng không bao giờ coi thường, dù chỉ mĩa mai, uy thế của Druot cũng như địa vị một thợ cả trội hơn của hấn, nhất là khi có mặt Madame Arnulfi nên Druot thấy không có lý do gì không nghe theo những góp ý của Grenouille, dần dà để mặc cho gã quyết định.

Thế là Grenouille không những chỉ khuấy mà còn thường xuyên hơn đổ hoa vào nồi, đốt nóng và rây; trong khi Druot biến sang quán Quatre Dauphins làm một ly vang hay lên chỗ Madame xem có cần gì không. Hấn biết có thể tin cậy Grenouille được. Còn Grenouille tuy phải làm việc gấp đôi nhưng thích thú vì được làm một mình để học hỏi nghệ thuật mới một cách hoàn hảo và đôi khi được làm dăm ba thí nghiệm nho nhỏ. Gã vui sướng ngắm ngòm khi nghiệm ra rằng pomát của gã tốt hơn hấn pomát làm chung với Druot, Essence absolue của gã cũng tinh hơn một cấp.

Cuối tháng bảy bắt đầu mùa hoa nhài, tháng tám mùa hoa nguyệt hạ hương. Hai hương thơm hai thứ hoa này tuyệt diệu nhưng đồng thời thuộc loại khó tính, không những phải hái chúng trước khi mặt trời mọc mà cách chế biến chúng cũng phải hết sức đặc biệt và gượng nhẹ. Nóng làm giảm mùi thơm của chúng, nhưng thành linh trong mỡ nóng như ngâm bảy sẽ làm giảm mùi thơm của chúng. Hai

thứ hoa quý phái trong các loại hoa này không dễ để cho rút hồn của chúng, chúng thật sự phải được môn trớn. Phải rải chúng lên những tấm kính bôi mỡ lạnh hay ủ chúng trong những gói khăn cột lỏng tấm dầu, đặt trong một phòng lấy hương đặc biệt, để chúng chết từ từ trong giấc ngủ. Ba bốn ngày sau thì chúng héo, chúng đã phả mùi thơm vào trong lớp mỡ hay dầu. Rồi người ta cẩn thận nhặt xác chúng, rải một đợt mới. Mười, hai mươi lần như thế cho đến khi mỡ bão hoà mùi thơm, bấy giờ mỡ trong khăn có thể đem đi ép được rồi, lúc ấy cũng vừa sang tháng chín, thu hoạch ít đi nhiều, so với cách ngâm bấy. Nhưng trong nghệ thuật làm nước hoa, phẩm chất của keo hoa nhài hay của huile antique de tubéreuse[1] qua phương pháp enfleurage lạnh vượt hẳn mọi sản phẩm khác về độ tinh chất và độ trung thực. Đặc biệt đối với hoa nhài thì có vẻ như cái mùi thơm ngọt, gợi tình của hoa đã in hình lên tấm kính bôi mỡ như trên một tấm gương để được phản chiếu lại hoàn toàn như thật, dĩ nhiên cum grano salis[2] Bởi vì tất nhiên cái mũi của Grenouille nhận ra sự khác biệt giữa mùi gốc của hoa khi nguyên vẹn, và mùi ảnh, tức là mùi thơm đã được tách ra này; mỡ dù sạch đến đâu thì mùi mỡ như một tấm khăn mỏng phủ lên cái mùi ảnh, làm cho nó dịu đi, làm cho nó yếu hẳn đi một cách nhẹ nhàng. Có thể nhờ thế mà người bình thường mới chịu nổi chẳng... Dù sao phương pháp enfleurage lạnh là cách hay nhất, hiệu quả nhất để lấy được những mùi thơm mảnh dẻ. Dù cho phương pháp này chưa đủ để làm cho cái mũi Grenouille được hoàn toàn hài lòng thì gã vẫn biết rằng nó thừa đủ để phình gạt cả một thế giới những cái mũi thô lậu.

Chẳng bao lâu gã qua mặt cả sư phụ Druot về ngâm bấy lần enfleurage lạnh, vẫn bằng cái cách hạ mình kín đáo rất thành công gã làm cho tay kia thấy rõ điều ấy. Druot sẵn sàng để cho gã đi đến lò mổ mua loại mỡ thích hợp nhất để đem về rửa, thắng, lọc và định tỷ lệ thích hợp vì đây là một công việc khó và đáng sợ nhất đối với hắn, mỡ không được sạch, ôi hay nặng mùi lợn hay cừu hoặc bò có thể làm vứt đi cái pomát quý báu. Hắn để cho gã định khoảng cách giữa những tấm kính trong phòng lấy hương, thời điểm thay hoa mới, độ bão hoà của pomát, rồi đến cả những quyết định quan trọng mà hắn thường chỉ có thể tính toán một cách gàn đưng dựa theo những quy tắc đã học, giống như Baldini lúc trước, hắn cũng giao cho gã luôn, nhưng Grenouille lại làm theo sự hiểu biết của mũi gã, tất nhiên Druot không thể nào ngờ được điều này.

“Gã có hoa tay”, Druot nói “gã nhạy với mấy chuyện này”. Đôi khi hắn cũng nghĩ “Gã có khiếu hơn mình nhiều, gã là một tay chế nước hoa giỏi hơn mình cả trăm lần”. Nhưng đồng thời lại cho gã là một thằng thậm ngu vì tin rằng Grenouille chẳng biết kiểm soát gì qua cái tài của gã trong khi sắp thành nhà chế nước hoa, trong khi năng lực chỉ vừa phải. Grenouille còn làm cho hắn tin đã nghĩ đúng bằng cách chăm chỉ nhưng ngu ngốc, không có lấy một chút tham vọng nào, làm như không biết chút gì về thiên tài của gã mà chỉ toàn thực hiện những lời chỉ dẫn của một Druot nhiều kinh nghiệm hơn, rằng không có hắn thì gã chẳng làm nên trò trống gì. Nhờ thế mà họ làm việc với nhau được.

Sau mùa thu đến mùa đông, trong xưởng yên tĩnh hẳn. Chất thơm của hoa nằm trong các bình sành hay lọ con giữ kín trong hầm, nếu bà chủ không bảo rửa loại pomát này hay nọ hoặc chung cất một bịch gia vị khô nào đấy thì chẳng có gì nhiều để làm cả. Vẫn còn nhiều ô liu, vài giỏ đầy mỗi tuần. Họ ép lấy dầu nhất, còn bã cho vào máy nghiền lấy dầu thứ cấp. Còn cả rượu vang mà Grenouille lấy một phần để chung cất và làm tinh rượu.

Druot ngày một ít ló mặt hơn. Hẳn phải làm bồn phận gối chăn với bà chủ và khi hẳn chường mặt ra, hôi rình mùi mồ hôi và tinh dịch, thì cũng để chuồn lẹ qua quán Quatre Dauphins. Bà chủ cũng ít xuống xưởng. Bà bận rộn với việc quản lý tài sản và sửa quần áo để dùng sau khi mãn tang. Thường thì cả ngày Grenouille không gặp ai ngoài cô người làm, trưa đến cho gã xúp còn tối bánh mì với ô liu. Gã không hề đi ra ngoài. Những sinh hoạt phường hội, chẳng hạn như các buổi gặp gỡ thường xuyên của thợ với nhau hay các lần điểu hành vui chơi, gã chỉ tham dự vừa đủ để không bị chú ý do vắng hay có mặt. Gã không có bạn hay người quen thân, nhưng hết sức giữ ý để không bị coi là người kệnh kiệu hay không chịu thích nghi. Gã mặc cho bọn thợ coi sự trò chuyện với gã là nhạt nhẽo và vô bổ. Gã là bậc thầy trong việc gây sự buồn tẻ cũng như đóng vai khờ dại vụng về, nhưng không quá trốn để người khác khoái chí cười nhạo hay trở thành đối tượng của những chuyện tiếu lâm trong phường hội. Gã đạt được mục đích là trở nên hoàn toàn không đáng chú ý. Người ta để gã yên. Gã chẳng mong gì khác hơn cả.

Chú thích:

[1] Dầu hoa nguyệt hạ hương kinh điển.

[2] Đùng hiếu theo nghĩa hẹp (tiếng La tinh).

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 38

Gã ở miết trong xưởng. Gã bảo Druot rằng gã muốn tìm một công thức mới cho nước hoa Eau de Cologne. Thật ra gã thí nghiệm những loại nước hoa khác. Nước hoa gã trộn ở Montpellier sắp hết đến nơi dù gã xài rất ít. Gã trộn một thứ mới. Nhưng lần này gã không thoả mãn với một mùi người

tạm bợ bằng những vật liệu góp nhặt vội vã mà gã có tham vọng làm một, có thể nhiều, thứ nước hoa riêng cho gã.

Trước hết gã trộn thứ bình thường, hôi như chuột cho ngày thường, vẫn còn mùi người chua như phó mát nhưng chỉ toả ra ngoài như xuyên qua một lớp dày những len với da khô khốc của người già. Với mùi này gã sẽ dễ hoà trong đám đông. Nó đủ mạnh để chứng tỏ về phương diện khứu giác sự có mặt của một người nhưng đồng thời kín đáo để không bị chú ý. Grenouille đứng ra không hiện hữu vì gã không có mùi, nhưng với cái mùi hết sức khiêm nhường này gã lại có mặt, một sự nhập nhằng rất hợp ý gã, dù là ở trong nhà bà Arnulfi hay đôi khi gã đi ra phố.

Dĩ nhiên trong một số công chuyện cái mùi này gây trở ngại. Chẳng hạn như khi gã đến nhà buôn, theo lệnh Druot hay do tự ý, mua một chút cây hương hay dăm hột xạ hương thì vì cái mùi quá sức kín đáo nên có thể người ta không nhận ra sự có mặt của gã, do đó không tiếp hoặc có nhận ra nhưng lại bán lộn món hàng hay giữa chừng lại quên mất gã. Cho những dịp như thế, gã trộn một thứ nước hoa mạnh hơn, hơi có mùi mồ hôi, thêm chút ít nồng gắt, tạo một vẻ lỗ mãng làm người khác có cảm tưởng gã vội lắm, cần mua hàng gấp. Gã nhái y hệt aura seminalis[1] của Druot bằng cách cho hút mùi của bột mì rang nóng đánh với trứng vịt tươi vào một tấm khăn len bôi mỡ, với mùi này gã cũng gây được sự chú ý nếu cần.

Một loại nước hoa khác trong cái kho của gã có tác dụng gây sự thương hại, thành công ở các bà sồn sồn trở lên. Nó có mùi sữa loãng, mùi gỗ mềm và sạch. Với nước hoa này thì dù không cạo râu, mặt lấm li và mang áo măng tô thì Grenouille vẫn giống như một thằng nhỏ xanh xao khốn khổ trong cái áo rách te tua cần phải được cứu giúp. Khi ngửi mùi này, các bà bán hàng ở chợ dúm cho gã hạt dẻ và lê khô vì thấy thằng nhỏ đói khổ quá. Còn bà vợ ông hàng thịt, một mụ nạ dòng khe khắt đừng có hòng mà xin xỏ, lại cho gã tha hồ chọn lấy không trong mớ thịt dư và xương ôi vì cái mùi ngây thơ của gã làm mềm trái tim bà mẹ trong người mụ. Những thứ bỏ đi này gã chiết tinh với rượu lấy thành phần chính cho một thứ mùi gã dùng đến khi nhất định không muốn bị ai quấy rầy. Nó tạo quanh gã một lớp không khí có mùi hôi kinh tởm, hơi hôi thối như hơi thở từ những cái miệng chẳng bao giờ được săn sóc khi ngủ dậy. Nó hiệu nghiệm đến nỗi ngay một tay không khó tính như Druot cũng tự động quay đi, lảng ra xa mà không thật rõ cái gì đã xua hẳn đi như thế. Vài ba cái giọt đáng kinh tởm này trên ngưỡng cửa lều cũng đủ xua người lẫn vật tránh xa.

Tuỳ hoàn cảnh đòi hỏi mà gã thay những mùi khác nhau này như thay áo để khỏi lộ liễu trong thế giới con người và bản chất gã không bị phát giác, núp dưới những mùi này, Grenouille theo đuổi hết mình nỗi đam mê thật sự của gã: cuộc săn đuổi cực kỳ khéo léo mùi thơm. Vì có một mục đích lớn trước mũi, và vì còn những hơn một năm nữa nên gã bắt tay vào việc mài sắc vũ khí của gã, tức là rèn luyện kỹ thuật, từng bước làm cho những phương pháp của gã thêm hoàn hảo, không chỉ với một nỗi hăm hở cháy bỏng mà còn có kế hoạch một cách hệ thống. Gã tiếp tục những việc dở dang hồi

còn làm cho Baldini, tìm cách lấy mùi của những vật vô sinh như đá, kim loại, thủy tinh, gỗ, muối, nước, không khí...

Những gì thất bại thảm hại trước kia với phương pháp chưng cất thô thiển, nay thành công nhờ sự hấp thụ mạnh của mỡ. Gã thích mùi mốc lạnh của một quả trám cửa bằng đồng thau, thế là gã bọc nó trong mỡ bò mấy ngày. Quả nhiên, khi gã lột lớp mỡ, kiểm nghiệm thì thấy rõ có mùi nắm cửa, dù rất ít. Ngay cả sau khi đã rửa trong cồn thì cái mùi ấy vẫn còn ở đó, rất mỏng như ở tận đâu đó thật xa, bị che phủ bởi hơi rượu mà trên cái thế giới này chỉ có cái mũi nhạy của Grenouille mới nhận ra, nhưng đó có nghĩa là dùng được, ít nhất trên nguyên tắc. Nếu gã bọc chục nghìn nắm trám trong mỡ rồi để yên một nghìn ngày thì gã có thể lấy được một giọt nhỏ xíu essence absolue của nắm trám cửa đồng thau ngay sát mũi.

Gã cũng lấy được mùi vôi xốp của một cục đá lượm trên cánh đồng ô-liu ngay trước lều. Bằng cách ngâm bầy, gã lấy được một cục pomát nhỏ xíu mùi đá, cái mùi cực mạnh làm gã vui không thể tả. Gã trộn mùi này với đủ thứ mùi của những vật quanh lều và dần dà tạo ra được mùi của cánh đồng ô-liu phía sau tu viện Franciscain dưới dạng thu nhỏ, gã đem theo trong người cái mùi đã được nút kín trong lọ này để khi nào thích gã có thể dựng lại mùi của cả một cánh rừng ô-liu.

Đó là những mùi kiệt tác gã đã hoàn thành như những trò chơi nho nhỏ mà ngoài gã ra chẳng ai thấy hay ho hay chú ý đến. Riêng gã vô cùng hứng thú với sự hoàn hảo vô nghĩa này, trước kia gã không có và sau này gã cũng không có được những sung sướng thơ ngây như lúc này, say sưa trong trò chơi tạo nên mùi của phong cảnh, của tĩnh vật và của từng vật thể. Rồi gã chuyển sang các đối tượng sống.

Gã tìm bắt ruồi trong mùa đông, rồi bọ, chuột, mèo con; bó chúng trong mỡ ấm. Đêm đêm gã mò vào các chuồng trại để trùm khăn dính mỡ lên bò, dê, heo hay quán chúng trong cái băng vải tẩm dầu trong vài giờ. Hay gã lên vào bãi chăn cừu, lén xén lông một con cừu non đem về rửa trong rượu tinh cất. Lúc đầu kết quả chẳng khả quan gì. Vì không như quả trám cửa hay cục đá, lũ vật đâu để cho gã lấy mùi của chúng dễ dàng. Bầy heo cạ căng vào cột để làm tuột băng vải. Đám cừu be be khi gã cầm dao lén vào chuồng ban đêm. Lũ bò cứng đầu lắc bầu vú để hất khăn đi. Một số côn trùng gã bắt được lại xịt ra mùi hôi trong lúc gã lấy mùi, còn lũ chuột vãi phân vào chỗ pomát rất dễ bắt mùi, chắc là vì quá sợ. Không giống như hoa, những con vật gã muốn ngâm bầy không chịu cho mùi một cách dễ dàng mà chống cự một cách kịch liệt trước cái chết, giãy giụa nhất định không chịu để khuấy trong nồi, do đó toát quá nhiều mồ hôi làm hỏng nồi mỡ nóng vì quá chua. Như thế thì không thể làm ăn gì được. Chúng không được sợ hay giãy giụa mà phải yên ngay tức thì. Phải giết chúng.

Trước hết gã thử với một con chó con. Với một miếng thịt, gã dụ con chó rời khỏi mẹ nó từ lò mổ về tới xưởng, rồi trong khi nó vẫy đuôi mừng rỡ về miếng thịt gã cầm trong tay trái thì tay phải gã nện nhanh gọn lên gáy nó bằng một thanh củi. Cái chết đến quá nhanh nên ngay cả khi Grenouille đặt nó

lên vì, giữa những tấm kính bôi mỡ trong phòng lấy mùi để lấy mùi thơm không lẫn mồ hôi của nó, vẻ vui sướng vẫn còn hiện nơi mồm và mắt của con vật. Dĩ nhiên phải cẩn thận. Xác chết cũng mau hư như hoa bị hái. Cho nên Grenouille canh xác con vật suốt mười hai tiếng cho đến khi có mùi xác chết toát ra, tuy mùi vẫn dễ chịu nhưng không thật đúng nữa. Tức thì gã chấm dứt enfleurage, vớt cái xác đi, rồi mang chút xíu mỡ mang mùi thơm lấy được ấy vào trong nồi, dùng cồn rửa thật kỹ. Rồi gã chưng cất chỗ còn ấy chỉ còn bằng đầu ngón tay, đựng trong một ống thủy tinh nhỏ xíu. Nó rõ ràng có mùi lông chó ằm, nhờn và hơi nồng, giống một cách hết sức ngạc nhiên. Cho nên khi Grenouille cho con chó mẹ ở lò mổ ngủ thì nó sủa vang mừng rỡ, ve vẩy đuôi, mũi nó như không muốn rời cái ống thủy tinh nhỏ. Grenouille nút thật kín, cất trong người và giữ một thời gian dài như để kỷ niệm cái ngày vinh quang này, cái ngày mà gã thành công trong việc lấy được hồn thơm của một sinh vật. Rồi gã thử với người, từng bước một, hết sức thận trọng. Đầu tiên gã chỉ dám lén theo ở một khoảng cách bảo đảm, với một cái lưới mặt thưa, vì đối với gã cái chính không phải là mẻ lưới mà là để thử nguyên tắc phương pháp sẵn của gã.

Ngụy trang với loại nước hoa bình thường, không gây sự chú ý, tối tối gã trà trộn trong số khách của quán Quatre Dauphins để gắn những mẫu vải nhỏ xíu tẩm dầu và mỡ dưới ghế, bàn và trong những hộc tường kín đáo. Vài ngày sau gã gỡ về, kiểm nghiệm. Quả nhiên chúng có chút hơi hương người trộn đủ với thứ mùi nhà bếp, mùi khói thuốc, mùi rượu vang. Nhưng cái hơi hương người này chỉ lờ mờ vậy thôi, giống hơi thở nói chung hơn là một mùi riêng biệt. Grenouille cũng lấy được một khối lớn mùi người như thế, nhưng thuần chất hơn và mùi mồ hôi cũng siêu phàm hơn, bằng cách gắn những mẫu vải nhỏ dưới ghế nhà thờ vào ngày 24 tháng mười hai, rồi gỡ về vào ngày 26 tháng mười hai, sau khi đã có ít nhất bảy lượt người ngồi lên chúng xem lễ, một tập hợp mùi khủng khiếp biểu hiện trên những mẫu vải ấy, từ mùi hôi mông, máu tháng, mùi khoeo chân nhớp mồ hôi và bàn tay nắm chặt trộn với mùi hơi thở của ngàn cái miệng đồng ca và làm rằm Ave Maria cùng với cái hơi làm ngộp thở của trầm và mật nhỉ lạp; một sự hội tụ u ám, mờ ảo, buồn nôn, khủng khiếp, nhưng rõ rệt là mùi người.

Một tay thợ bao bì mới chết vì bị lao phổi trong nhà thương thí, cái khăn trải giường hắn đã nằm hai tháng lễ ra phải mang đi đốt nhưng Grenouille thuổng được, thế là gã đã kiếm được mùi riêng của một người. Tấm khăn dẫm những chất nhờn, cấu ghét của tay thợ khiến nó hút mùi hần chẳng khác gì lớp mỡ vẫn dùng trong enfleurage nên có thể đem rửa với rượu ngay được. Kết quả thật đáng sợ: ngay dưới mũi Grenouille tay thợ làm bao bì sống dậy từ cõi chết, bông bênh trong rượu, tuy bị cái phương pháp tái tạo kỳ quái và đủ thứ chương khí do bệnh của hắn làm cho méo mó nhưng vẫn nhận được qua bức tranh mùi-riêng-của-hắn, một tay cỡ ba mươi tuổi, tóc vàng, mũi tẹt, ngũ đoan, bàn chân bẹt hôi mùi phomat, của quý phồng to, hay cau có, hôi mồm, nghĩa là chẳng đẹp đẽ gì, mùi của hắn không đáng để giữ lâu như mùi con chó con. Tuy vậy Grenouille vẫn để cái hồn mùi ấy bông

bệnh trong lều, ngủi liên tục để sung sướng và thoả mãn vì cảm giác có được quyền lực trên cái tinh hoa của người khác. Hôm sau gã đồ đi.

Mùa đông này gã còn thử một lần nữa. Gã trả cho một thợ ăn may cầm một quan để thợ mang trên thân thể những tấm giẻ tấm dầu, mỡ trộn nhiều kiểu khác nhau trong một ngày. Gã thấy rằng mỡ của thận cừ non trộn với mỡ heo và mỡ bò đã lọc nhiều lần trong tỷ lệ 2:5:3, thêm một chút dầu mới ép sẽ hút mùi người nhiều nhất.

Grenouille thấy thử bấy nhiêu đó đủ rồi. Gã từ bỏ ý định bắt sống người để chế biến mùi. Vì vừa nguy hiểm vừa không đem lại hiểu biết gì mới. Gã biết bây giờ gã đã rành cái kỹ thuật lấy mùi người rồi, không cần phải chứng minh tiếp.

Thật ra gã đâu quý báu gì mùi người. Gã có thể mô phỏng khá giống bằng những chất khác. Gã thèm muốn mùi một số người hiếm hoi nhất định: những người kêu gọi tình yêu. Họ là nạn nhân của gã.

Chú thích:.

[1] Mùi tinh dịch (tiếng La tinh)

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 39

Ra giêng bà quả phụ Arnulfi tái giá với tay thợ cả Dominique Druot và hẳn vợ thành Maitre Gantier et Parfumeur. Có tiệc tùng linh đình đãi những ông thầy trong phường hội, đám thợ phụ được chiêu đãi kém hơn một chút, bà chủ sắm một cái nệm mới để chính thức chung sống với Druot và đem những áo quần màu tươi ra mặc. Ngoài ra mọi chuyện vẫn như cũ. Bà vẫn giữ cái tên Arnulfi quen biết, gia tài vẫn là của riêng bà, bà vẫn giữ tài chánh của tiệm và chìa khoá hầm, ngày ngày Druot phục vụ bà chủ theo đúng bản phận rồi sau đó uống vang giải khát, còn Grenouille tuy đã thành thợ cả duy nhất, vẫn phải gánh phần lớn công việc cùng với đồng lương ít ỏi, ăn uống vẫn đạm bạc và chỗ ở vẫn tồi tàn.

Năm mới bắt đầu với một biển vàng hoa đậu, hoa dạ lan hương, hoa đồng thảo và hoa thủy tiên thơm mê mẩn. Vào một sáng chủ nhật của tháng ba, tức là khoảng một năm sau ngày tới Grasse, Grenouille đi đến khu vườn sát tường thành ở đầu kia thành phố xem sự thể ra sao. Gã đã chuẩn bị sẵn tinh thần đón mùi thơm năm trước vì gã biết khá rõ cái gì đang chờ đợi...thế mà khi gã đánh hơi

thấy cái mùi ấy ở Porte Neuve, tức là còn nửa đường nữa mới đến chỗ tường nọ, tim gã đã đập mạnh hơn và máu nhộn nhạo trong huyết quản vì sung sướng, cái cây đẹp không gì sánh nổi vẫn còn ở nguyên đó, qua được một mùa đông mà không suy yếu, căng nhựa, cao lên, lớn ra, trở nhiều cành hoa rực rỡ! Thơm nồng nàn hơn gã chờ đợi, nhưng không giảm sự thanh tao. Nếu năm trước còn là tản mạn, rời rạc thì nay đã kết thành một dòng thơm của nghìn màu chói lọi, không màu nào có thể tuột ra. Grenouille mừng rỡ thấy rằng nguồn của dòng thơm này sẽ ngày càng mạnh hơn. Một năm nữa, chỉ một năm nữa thôi, chỉ mười hai tháng nữa thôi, cái nguồn ấy sẽ đầy ứ và gã có thể tới lấy, hứng cái mùi thơm tuôn ra mãnh liệt ấy.

Gã chạy dọc theo tường thành tới chỗ giáp vườn. Dù cô bé không ở ngoài vườn mà ở trong nhà, cửa sổ khép kín thì mùi thơm của cô vẫn bay ra như một làn gió nhẹ. Grenouille đứng lặng. Gã không say hay choáng váng như lần đầu được ngửi. Mà gã có cảm giác sung sướng của một người tình, đứng xa lắng nghe, nhìn ngắm người yêu và biết chắc rằng sang năm sẽ đến đón cô về. Thế đấy, con bọ chét cô độc, con người ghê tởm, con quái vật Grenouille chưa từng biết yêu lại chưa từng biết rung động, lại đứng nơi tường thành ở Grasse này vào một ngày tháng ba ấy để yêu và vờ ùng sung sướng trước mối tình của gã.

Dĩ nhiên không phải gã yêu một con người, như cô bé trong nhà sau bức tường nọ. Gã yêu mùi thơm ấy. Chỉ mùi thơm ấy chứ không gì khác bởi vì trong tương lai nó sẽ là của gã. Gã thề năm sau sẽ đón nó về. Sau lời thề, lời hứa hôn kỳ quặc này, hứa chung thủy với chính gã và với mùi thơm của gã trong tương lai, gã rời khỏi nơi đó mà lòng đầy tin tưởng, gã qua Porte du Cours về lại phố.

Đêm ấy nằm trong lều, gã lại lòi cái mùi thơm ấy ra từ trong trí nhớ, gã không thể cưỡng được sự cám dỗ, gã lặn ngụp trong nó, vuốt ve và để được vuốt ve, thật sát, sát như trong mơ, như thể cái mùi ấy đã là của gã, của riêng gã rồi vậy, rồi gã yêu nó, và qua nó yêu chính gã, say đắm tuyệt vời một lúc lâu. Gã muốn đem cái cảm giác tự say mê mình ấy theo vào giấc ngủ. Nhưng vào chính cái lúc gã nhắm mắt lại và chỉ cần một hơi thở nữa thôi để đi vào giấc ngủ thì cái cảm giác kia rời bỏ gã, thành linh biến mất, trong lều chỉ có mùi chuồng dê lạnh và gắt thay vì mùi của gã.

Gã hốt hoảng chồm dậy, gã trầm nghĩ “sẽ sao đây, nếu cái mùi thơm mà tôi sẽ chiếm hữu... sẽ sao đây nếu nó hết đi? Mùi thơm trong trí nhớ còn mãi mãi nhưng mùi thơm ngoài đời sẽ phai đi. Sẽ thoáng qua. Và khi nó hết thì cái nguồn mà tôi vẫn hứng nó cũng sẽ không còn nữa. Rồi tôi sẽ trần trụi như xưa và lại phải dùng đến những thứ thay tạm. Không, tệ hơn xưa chứ! Vì tôi đã được biết và đã chiếm hữu được cái mùi thơm tuyệt vời ấy và tôi sẽ không thể quên nó được vì không bao giờ tôi quên được một mùi nào cả. Và thế là cả đời tôi sẽ phải sống nhờ vào sự hồi tưởng đến nó, giống như tôi vừa mới sống một giây lát nhờ vào sự tiên-hồi-tưởng tới nó, tới cái mà tôi sẽ chiếm hữu... Vậy thì tôi cần gì đến nó mới được chứ?”

Suy nghĩ này làm Grenouille vô cùng bồn chồn. Gã hết sức kinh hãi vì một khi chiếm hữu được cái

gã chưa có thì nó sẽ lại mất đi không cưỡng lại được. Gã sẽ giữ được nó trong bao lâu? Vài ngày? Vài tuần? Có thể được một tháng chẳng nếu như gã dùng nó hết sức dè xèn. Rồi sao nữa? Ngay lúc này đây gã đã thấy trước những giọt mùi cuối cùng được vẩy ra, cái lọ con lại còn được tráng với rượu tinh cất để không còn chút nào của cái mùi gã yêu sót lại, ngay lúc này đây gã đã thấy, đã nghĩ thấy cái mùi gã yêu ấy sẽ tan biến đi mãi mãi, không lấy lại được nữa. Sẽ giống như một cái chết kéo dài, một cái chết gây ra bởi sự tự bốc hơi từ từ cực kỳ đau đớn ra cái thế giới ghê tởm bên ngoài, ngược với sự chết ngạt.

Gã ớn lạnh. Gã thèm được bỏ quách những toan tính, bỏ đi ngay trong đêm. Gã muốn đi ngang qua những núi non còn phủ tuyết, đi suốt hàng trăm dặm đến vùng Auvergne để chui vào cái hang xưa, ngủ cho đến khi chết. Nhưng gã không làm thế. Vẫn ngồi yên, dù khao khát rất mãnh liệt. Gã không làm theo điều khao khát vì gã đã từng thèm được bỏ đi, rúc vào một hang nào đó. Gã đã biết rồi.

Điều gã chưa biết là làm chủ được cái mùi thơm tuyệt vời như của cô bé sau bức tường thành. Ngay cả khi biết rằng gã sẽ phải trả giá đắt khủng khiếp vì mất mùi ấy sau khi chiếm hữu được nó, gã vẫn tha thiết được chiếm hữu và mất hơn là từ bỏ cả hai. Gã đã quen từ bỏ cả đời rồi. Nhưng chưa từng có rồi lại mất.

Sự nghi ngại biến dần kéo theo sự ớn lạnh. Gã thấy rõ máu nóng làm gã sống lại cùng với cái ý muốn làm những gì đã toan tính. Cái ý muốn này mãnh liệt hơn trước vì nó không phải chỉ hoàn toàn do thèm muốn mà còn do một quyết định có cân nhắc. Khi phải chọn giữa sự chết khô hay để rơi xuống đất thì con bọ chết Grenouille đã chọn khả năng thứ hai dù biết rõ lần rơi này sẽ là lần rơi chót. Gã lại nằm xuống, thoải mái giữa đồng rom, chăn và tự thấy rất anh hùng.

Nhưng Grenouille sẽ không phải là Grenouille nữa nếu gã tự thấy thoả mãn lâu dài với một cảm giác anh hùng mù quáng. Cái ý chí tồn tại và chiến thắng của gã quá bèn bỉ, bản chất gã quá xảo quyệt, đầu óc gã quá khôn ngoan. Đúng, gã đã quyết chí chiếm mùi thơm của cô bé sau bức tường thành. Nếu chiếm được mùi thơm ấy mà không chết hay giữ được thật lâu rồi mới mất thì tốt hơn. Phải tìm cách giữ cho lâu. Phải khử sự bay hơi của nó mà vẫn giữ được đặc tính, đây là cả một vấn đề trong ngành nước hoa.

Có những mùi thơm giữ được cả chục năm. Một cái tủ được cả với xạ hương, một miếng da tẩm với dầu quế, một củ long diên hương, một cái tráp bằng gỗ bách hương giữ mùi hầu như mãi mãi. Những loại khác như dầu chanh, cam chanh, tinh chất thủy tiên hay huệ và mùi thơm của nhiều loại hoa sẽ bay mất trong vài giờ nếu để chúng dưới dạng tinh chất ngoài không khí mà không được hãm. Nhà chế nước hoa đối phó với những hoàn cảnh tai hại này bằng cách hãm những mùi dễ bay hơi như thể xích chúng lại, kiềm chế cái thói bay nhảy; nghệ thuật ở đây là xích đủ lỏng để cho cái mùi bị hãm chừng như vẫn có tự do nhưng lại đủ chặt để nó không bay mất. Grenouille đã có lần gặp trường hợp khó khăn này và đã thành công một cách tuyệt hảo khi hãm cái mùi thơm phù du của hoa huệ với

một chút xíu cây hương, vani, labdanum, dầu bách, nhờ thế mới có được mùi thơm này. Tại sao không thể làm tương tự với mùi thơm của cô gái nhỉ? Tại sao gã lại phải dùng dưới dạng nguyên chất để phí phạm đi cái hương thơm quý nhất và mỏng mảnh nhất kia? Thô lỗ quá! Chẳng khéo chút nào! Có ai để nguyên kim cương không mài chẳng? Có ai đeo vàng nguyên tảng quanh cổ không? Chẳng lẽ gã cũng chỉ là một thứ cướp bóc mùi thơm tầm thường như Druot hay như những tay chỉ biết ngâm báy, chưng cất, ép hoa khác? Hay gã đúng là nhà chế tạo nước hoa vĩ đại nhất thế giới? Gã kinh hoàng tự đánh vào đầu vì đã không sớm nghĩ ra; tất nhiên cái mùi thơm có một không hai này không thể nào dùng dưới dạng thô được. Phải coi nó như một viên ngọc quý nhất. Phải tạc một vương miện ở nơi cao quý nhất rồi kết với những mùi thơm khác mà vẫn vượt hẳn lên; mùi thơm của gã toả ra rục rờ. Gã sẽ chế tạo một thứ nước hoa theo đúng những quy tắc nghệ thuật và mùi thơm của cô gái sau bức tường sẽ là cái hồn của nó.

Không thể dùng xạ hương, cây hương, dầu hoa hồng, dầu hoa cam để làm những chất phụ trợ, làm đầu, mình, chân, tay, làm chất hãm được rồi. Chắc chắn thế. Một thứ nước hoa như thế, nước hoa người, cần phải có những thành phần khác...

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 40

Tháng năm năm ấy người ta tìm thấy xác trần truồng của một cô gái mười lăm tuổi trên cánh đồng hoa hồng nằm giữa Grasse và Opio, một làng nhỏ ở phía đông. Cô bị một cú đập mạnh vào đầu. Người nông dân phát giác ra cái chết khủng khiếp nọ hoảng loạn đến nỗi tí nữa thì bị tình nghi, bởi vì đã run giọng khai với viên thiếu úy cảnh sát rằng ông ta chưa từng thấy một cái gì đẹp như thế, đúng ra ông ta muốn nói rằng chưa từng thấy một cái gì khủng khiếp như thế.

Đúng là cô gái rất đẹp. Cô thuộc loại phụ nữ chậm chạp, như thể được sinh ra từ mật ong sẫm màu, mịn màng, ngọt lịm và vô cùng hấp dẫn, chỉ cần một điệu bộ lừ đừ, một cái hất tóc, một cái quắc mắt chậm chạp như thể quất một ngọn roi cũng đủ chế ngự cả một căn phòng, trong khi cô bình thản đứng nơi trung tâm của trận bão, có vẻ không thèm biết đến cái sức hút không cưỡng lại được của cô đối với sự khát khao và linh hồn của cả đàn ông lẫn phụ nữ. Cô còn trẻ, rất trẻ, vẻ quyến rũ chưa bị giảm sút bởi sự đầy đà. Hai đùi cô mịn và lẳn, bộ ngực như trứng gà bóc còn khuôn mặt hơi bè được ôm bởi mái tóc đen dày vẫn còn những nét thanh tao và những chỗ bí mật. Nhưng mái tóc cô không

còn nữa. Kẻ sát nhân đã cắt và lấy mất cùng với quần áo.

Người ta tình nghi người Ziguener [1] Chẳng có gì mà người Ziguener không dám. Ai cũng biết họ dệt thảm từ quần áo cũ, nhồi tóc người vào gối và làm búp bê từ da và răng người treo cổ. Chỉ bọn Ziguener mới gây ra những tội ác ghê tởm như thế. Thế nhưng vào lúc ấy không có người Ziguener nào ở đây cả, chung quanh đây cũng không vì họ kéo qua đây lần chót vào tháng mười hai.

Không có người Ziguener thì người ta nghi bọn Italia làm thuê. Nhưng cũng chẳng có người Italia nào ở đây cả vì lúc ấy đối với họ còn quá sớm, tháng sáu họ mới đến vào mùa hoa nhài, vậy cũng không phải là họ. Sau đó đến lượt mấy người làm tóc giả bị tình nghi, người ta lục soát tìm tóc cô gái. Vô ích. Rồi đám người Do Thái, rồi đám tu sĩ bị coi là dâm đăng trong tu viện dòng Bénédicte dù họ đã ngoài bảy mươi xa, rồi đến những tu sĩ dòng Cister, rồi những người của hội Tam điểm, rồi những người điên trong nhà thương thí, rồi bọn làm than, rồi bọn ăn xin và sau hết là những nhà quý tộc đòi truy, đặc biệt là hầu tước de Cabris, vì ngài đã lấy vợ tới ba lần, nghe nói ngài tổ chức những buổi xem lễ trác táng dưới hầm dinh thự của ngài, tại đó ngài uống máu trinh nữ để được cường dương. Tất nhiên chẳng có bằng chứng cụ thể nào, không ai trông thấy án mạng, không tìm ra áo quần và tóc nạn nhân. Sau ít tuần viên thiếu úy cảnh sát ngưng cuộc điều tra.

Giữa tháng sáu những người Italia đến hái thuê, nhiều người mang theo cả gia đình. Nông dân ở đây thuê họ nhưng do án mạng, cấm vợ và con gái tiếp xúc. Cẩn thận vẫn hơn. Vì mặc dù trên thực tế họ không chịu trách nhiệm về vụ giết người nhưng trên nguyên tắc thì có thể lắm chứ, cho nên tốt nhất vẫn nên cẩn thận.

Mùa hoa nhài bắt đầu chưa lấy gì làm lâu đã xảy ra tiếp hai vụ giết người. Nạn nhân là hai cô gái đẹp, cũng thuộc loại lừ đừ, tóc đen, người ta lại cũng tìm thấy họ bị đánh sau gáy, nằm chết trần truồng trên cánh đồng hoa, tóc bị cắt mất. Lại vẫn không có dấu tích nào của thủ phạm. Tin dữ lan nhanh như một đám cháy rừng, những hành động thù địch với đám dân làm thuê có nguy cơ nổ ra thì được biết nạn nhân là hai cô gái Italia, con gái một người làm công nhật đến từ Genua.

Sự sợ hãi trùm lên khắp vùng. Người ta không biết phải hướng sự căm giận đầy bất lực vào ai. Vẫn còn có kẻ nghi cho bọn người điên hay ngài hầu tước đáng nghi nhưng không ai thật tin, vì bọn điên bị canh chừng cả ngày lẫn đêm, còn ngài hầu tước đã đi Paris từ lâu rồi. Thế là họ gần lại nhau. Các nông dân cho những người Italia làm thuê được vào ở trong các nhà kho, trước nay họ vẫn phải cắm trại ngoài đồng trống. Dân thị thành tổ chức những buổi tuần tra đêm trong mỗi khu vực. Viên thiếu úy cảnh sát cho tăng số lính gác công thành. Nhưng mọi biện pháp đều vô hiệu quả. Chỉ vài ngày sau vụ giết hai người, người ta lại tìm thấy xác một cô gái cũng bị giống như những vụ trước. Lần này là một cô thợ giặt trong toà giám mục, quê ở đảo Sardinien, bị đánh chết ở gần hồ nước ở Fontaine de la Foux, nghĩa là ngay trước cổng thành. Trước sức ép của đám thị dân bị kinh hãi, các vị tổng lý cho thành phố cho tiến hành thêm một số biện pháp: kiểm soát gát gao ở cổng thành, tăng cường tuần tra

đêm, cảm phụ nữ ra khỏi nhà sau khi trời tối, tuy vậy trong mùa hè này, không tuần nào trôi qua mà không tìm thấy xác một thiếu nữ. Và toàn là ở tuổi chớm dậy thì, rất đẹp, tóc màu sẫm, rất quyến rũ. Chẳng bao lâu sau kẻ sát nhân cũng không chê những loại thiếu nữ chiếm đa số trong cư dân vùng đấy: mềm mại, da trắng và hơi đầy đà. Gần đây nhất, ngay những cô gái tóc nâu hay vàng sẫm cũng trở thành nạn nhân, miễn là không quá gầy. Nơi nào cũng có nạn nhân của hắn, không chỉ chung quanh Grasse mà ngay cả trung tâm thành phố, thậm chí cả ở trong nhà. Con gái của một người thợ mộc bị giết trong một phòng riêng trên tầng thứ năm mà không ai nghe thấy một tiếng động nào, những con chó bình thường vẫn đánh hơi và sủa vang khi có người lạ lại chẳng ho he gì. Có vẻ như không thể sờ được tới tên sát nhân vì hắn vô hình, chẳng khác nào ma quỷ.

Người ta tức giận, chửi bới đám quan chức. Một chút xíu tin đồn đủ làm người ta bu lại. Một người bán rong suýt bị thảm sát chỉ vì nghe nói rằng trong bột tình yêu và các thứ khác lắm cảm của hắn có tóc con gái tán nhỏ. Nhà của ngài De Cabris và nhà thương thí suýt bị đốt. Một tối kia, nhà buôn khăn Alexandre Misnard bắn chết tên đầy tớ khi hắn về nhà vì ngờ hắn là tên sát nhân. Ai có đủ khả năng thì gửi con gái đang lớn của mình đến học hàng ở xa hoặc học nội trú ở Nice, Aix hay Marseille. Dưới sức ép của hội đồng thành phố, viên thiếu úy cảnh sát bị cách chức. Người thay ông ta là một hội đồng bác sĩ khám nghiệm xác những thiếu nữ bị cắt tóc kia xem họ còn trinh trắng không. Kết quả là hết thầy bọn họ đều còn trinh nguyên cả.

Lạ lùng làm sao, điều này thay vì giảm lại làm tăng sự khủng khiếp vì trong thâm tâm ai cũng nghĩ rằng các cô gái đã bị hãm hiếp. Và ít ra như thế người ta cũng còn biết được một động cơ của kẻ sát nhân. Bây giờ người ta chẳng còn hiểu ra làm sao cả, hoàn toàn bối rối. Ai tin vào Chúa thì tìm sự bình an trong cầu nguyện, mong rằng ít nhất nhà mình thoát khỏi bàn tay của ác quỷ.

Hội đồng thành phố gồm ba mươi vị, cả thị dân giàu, được trọng vọng nhất, lẫn những nhà quý tộc của Grasse, phần lớn họ là những bậc trí giả chống giáo hội, đến nay họ vẫn để cho giám mục được yên tuy rất muốn biến những tu viện, chủng viện thành những kho hàng, nhà máy; trong lúc cùng quần này, những vị đầy uy quyền và cao ngạo của hội đồng thành phố không ngần ngại hạ mình thảo một thư thỉnh nguyện nói rằng vì quyền lực trần thế đành bó tay, xin Đức ngài giám mục nguyện rửa và rút phép thông công tên ác quỷ đã giết hại các cô gái kia, theo gương bậc tiền nhiệm tôn quý của ngài đã làm đối với trận dịch châu chấu đe dọa đất nước năm 1708. Quả nhiên đến cuối tháng chín, tên sát nhân ở Grasse – đến lúc đó đã giết không dưới 24 cô gái tuyệt đẹp thuộc mọi thành phần xã hội – bị nguyện rửa và rút phép thông công qua yết thị cũng như trên bục giảng khắp các nhà thờ khắp thành phố và do chính đức giám mục tại bục giảng của nhà thờ Notre Dame du Puy.

Kết quả thấy rõ, chỉ hôm trước hôm sau đã không còn ai bị giết nữa. Không một xác chết nào trong tháng 10 và tháng 11. Đầu tháng 12 có tin từ Grenoble cho hay ở đó mới xuất hiện một kẻ giết người, hắn bóp cổ các cô gái rồi xé áo quần của họ thành từng nhiều mảnh và lột tóc cả búi. Mặc dù kiểu

giết người thô bạo này chẳng khớp chút nào với kiểu giết gọn ghẽ ở Grasse, ai nấy đều tin rằng cùng một thủ phạm. Người dân thành Grasse làm dấu thánh ba lần vì thấy nhẹ cả người; tên ác quỷ không còn hoành hành ở đây nữa mà đã sang tận Grenoble, cách những bảy ngày đường. Họ tổ chức một buổi rước đuốc để tạ ơn đức giám mục và một lễ tạ ơn Chúa trọng thể vào ngày 24 tháng 12. Sang ngày 1 tháng Giêng 1766, các biện pháp an ninh được nói lỏng, lệnh cấm phụ nữ ra khỏi nhà vào ban đêm được huỷ bỏ. Sinh hoạt cộng đồng và đời sống riêng tư bình thường trở lại mau lẹ không ngờ. Sự sợ hãi như bị quét sạch, không còn ai nhắc đến nỗi khủng khiếp mới mấy tháng trước còn bao trùm thành phố và vùng lân cận. Ngay cả trong những gia đình nạn nhân cũng thế. Như thể sự nguyên rủa của đức giám mục không chỉ xua đuổi kẻ sát nhân mà còn cả những ký ức về nó nữa. Người dân lấy thế làm hài lòng.

Chỉ những ai có con gái đang gần cái tuổi độc đáo kia vẫn không thể thả lỏng, vẫn phải canh chừng. Họ lo âu khi đêm xuống và sáng ra khi thấy con họ vui khoẻ thì mừng rỡ cho dù không muốn nhìn nhận cái duyên có đã gây ra tình cảm như thế của mình.

Chú thích:.

[1] Một sắc dân du mục ở Châu Âu, còn gọi là người Bohemien.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 41

Nhưng ở Grasse có một người không tin vào sự bình yên. Ông ta tên là Antoine Richis, đệ nhị tổng lý thành phố, dinh cơ bề thế của ông tọa lạc ngay đầu Rue Droite.

Ông Richis góa vợ, có một con gái tên là Laure. Tuy chưa đến 40 và còn đầy sức sống, ông định đợi thêm ít lâu nữa mới nghĩ đến chuyện tục huyền. Trước hết lo dựng vợ gả chồng cho cô con gái đã.

Và không phải là bất cứ ai đâu nhé, phải là môn đăng hộ đối cơ. Ông đã thoả thuận chuyện cưới xin với Baron de Bouyon rồi, ông này có một cậu con trai và một lãnh địa ở gần vùng Vence, có tiếng tăm nhưng khôn quần về mặt tài chính. Sau khi Laure yên chỗ rồi thì ông dự định sẽ dọ ý nơi những gia đình vọng tộc hạng cao như Drée, Maubert hoặc Fontmichel, không phải vì ông tự cao hay bằng mọi giá phải có được một người quý tộc để chung chăn gối, nhưng vì ông muốn xây dựng một dòng

họ và đặt nền móng cho những thế lực chính trị xã hội cao nhất cho những kẻ nổi dõ. Vì thế ông cần có thêm ít nhất hai đứa con trai nữa, một đứa sẽ nối nghiệp ông tiếp tục kinh doanh, còn đứa kia học luật để rồi hoạn lộ sẽ dẫn đến toà án tối cao ở Aix và tiến thành quý tộc. Nhưng ở vào địa vị của ông thì tham vọng nọ chỉ có hy vọng thành công nếu cá nhân ông và gia đình gắn bó mật thiết với giới quý tộc trong vùng.

Antoine Richis dám có cao vọng như thế vì ông giàu sụ. Sản nghiệp của ông vượt xa mọi người khác. Ông không những có điền trang trong vùng Grasse để trồng cam, ô liu, lúa mì và cây gai, mà còn ở gần Vence và cả trên hướng đi Antibes nữa, những chỗ này ông cho lính canh. Ông còn là chủ của nhiều ngôi nhà ở Aix và vùng quê, có cổ phần trong những tàu buôn với Ấn độ, có một văn phòng thường trực ở Genua và là nhà buôn si lớn nhất nước Pháp về hương liệu, gia vị, dầu và da thuộc.

Nhưng thứ quý nhất mà Richis có được là cô con gái. Cô là con một, mới vừa 16, tóc nâu đỏ, mắt xanh. Gương mặt cô dễ thương đến nỗi ai trông thấy cũng sững sờ, không thể quay đi, dù là đàn ông hay đàn bà và ở mọi lứa tuổi, họ không ngớt hôn khuôn mặt cô bằng mắt như thể mút kem bằng lưỡi vậy, và lúc ấy vẻ mặt họ đầy nét say mê, đờ đẫn, đặc biệt như khi mê mải mút kem. Chính Richis khi nhìn con gái cũng sững sờ mất một lúc lâu, mười lăm phút, cũng có thể là nửa tiếng, quên tất cả thế giới và chuyện kinh doanh, điều này chưa hề xảy ra ngay cả khi ông ngủ, ông như tan ra trong sự chiêm ngưỡng con gái để rồi ngay sau đó không thể nói được mình đã làm gì. Ông phiền muộn nhận ra rằng, mới đây buổi tối, khi ông đưa cô vào giường đi ngủ hay đôi khi sáng ra ông vào đánh thức cô dậy, thấy cô còn nằm như có bàn tay Chúa đặt, hông và ngực hằn dưới làn áo ngủ mỏng, rồi từ cái vùng ngực, nách, khuỷu tay và cánh tay mịn màng áp vào má toả lên hơi thở đều và nóng... thì ruột gan ông như quặn lại, họng ông như thắt lại, ông nuốt nước miếng, lạy Chúa! Ông nguyện rửa mình sao lại là bố của cô chứ không phải là một người lạ, người nào cũng được, và cô nằm thế kia trước mặt gã như đang nằm trước mặt ông thì gã sẽ chẳng đắn đo gì mà không nằm xuống cạnh cô, trên cô, trong cô với tất cả thềm muốn. Ông toát mồ hôi, run lấy bầy trong lúc bóp chết cái dục vọng kinh hoàng kia, rồi cúi xuống đánh thức cô dậy bằng nụ hôn trong sạch của một người cha.

Vào lúc xảy ra những vụ giết người năm ngoái, ông chưa bị cám dỗ nguy hiểm đến như vậy. Cái ma lực của con gái ông lúc ấy chỉ là của đứa trẻ con, ít nhất là có vẻ như thế đối với ông. Nên ông chưa từng sợ thật sự rằng Laure có thể thành nạn nhân của kẻ giết người, vì ai cũng biết hẳn không hại đàn bà và trẻ con mà chỉ toàn chọn trinh nữ. Tất nhiên ông đã cho canh gác dinh cơ kỹ hơn, thêm song sắt cho các cửa sổ lầu trên và bảo người hầu gái của Laure ngủ chung phòng với cô. Ông không gởi cô đi học xa như những người cùng địa vị, họ không những gởi con gái mà cả gia đình đi nữa. Ông thấy hành động như thế là đáng khinh, không xứng với một uỷ viên hội đồng thành phố kiêm đệ nhị tổng lý, vốn phải là một tấm gương về sự bình thân, can đảm và bất khuất cho đám thị dân. Hơn nữa

ông là một người không để cho ai ảnh hưởng đến quyết định của mình, một dúm kẻ sợ hãi hốt hoảng cũng vậy mà một tên giết người khốn kiếp lại càng không. Cho nên trong suốt thời gian kinh hoàng ấy, ông là một trong ít người không nhiễm phải cái cơn sốt sợ hãi mà luôn giữ được tỉnh táo. Nhưng bây giờ lại khác, lạ lùng thật. Trong lúc ngoài kia người ta mừng như thể tên sát nhân đã bị treo cổ, chấm dứt những ngày tội ác của hắn và sắp quên hết chuỗi ngày khủng khiếp thì sự sợ hãi lại len vào trong tim Antoine Richis như một thứ thuốc độc ghê gớm. Trong một thời gian dài ông không dám thú nhận rằng đó là lý do khiến ông trì hoãn chuyến đi lẽ ra đã phải tiến hành từ lâu, rằng ông không thoải mái khi phải rời khỏi nhà và rút ngắn những buổi thăm viếng họp hành để về nhà cho mau. Ông viện cớ vì bất tiện và vì làm việc quá sức để tự bào chữa nhưng cũng tự thú nhận rằng cũng có hơi lo lắng về cô con gái đã tới tuổi cập kê, âu đó cũng là lo lắng thông thường của mỗi người cha... Chẳng phải sắc đẹp của cô đã được đồn đại ra ngoài sao? Chẳng phải người ta ghen cổ nhìn khi ông đưa cô đi nhà thờ xem lễ mỗi chủ nhật đó sao? Chẳng phải một số các vị trong hội đồng thành phố đã dạm trước cho con trai hoặc cho chính mình đó sao?

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 42

Nhưng rồi một ngày tháng Ba ông Richis ngồi trong phòng khách nhìn cô con gái đi ra vườn. Tóc cô xoã ra trên nền áo màu xanh da trời, ánh lên trong nắng. Ông chưa bao giờ thấy cô đẹp đến thế. Cô biến mất sau bờ bụi, rồi cô lại xuất hiện, chỉ lâu hơn ông chờ đợi có hai nhịp tim thôi thế mà ông đã sợ muốn chết, vì trong khoảnh khắc hai nhịp tim ấy, ông nghĩ rằng ông đã mất cô vĩnh viễn rồi. Đêm hôm ấy ông choàng dậy giữa giấc mơ kinh hoàng, không nhớ đã mơ gì nhưng có liên quan đến Laure, nhào vào phòng con gái, tin rằng cô đã bị làm nhục, bị giết, bị cắt tóc, nằm chết trên giường... nhưng thấy cô chẳng làm sao cả. Quay về phòng riêng, mồ hôi như tắm, ông run rẩy vì kích động, không, không phải vì kích động mà vì sợ, bây giờ ông mới chịu thú nhận rằng đã bị nỗi sợ túm chặt, sự thú nhận làm cho ông bình tĩnh và tỉnh táo hơn. Ngay từ đầu ông đã không tin rằng lệnh rút phép thông công của đức giám mục sẽ có tác dụng, không tin cả cái chuyện tên sát nhân lảng vảng ở Grenoble, không tin luôn rằng hắn đã rời khỏi thành phố. Không, hắn vẫn còn ở đây, giữa những cư dân thành phố Grasse này, và sẽ có lúc hắn ra tay lại. Hồi tháng tám và tháng chín Richis có thấy mấy cô gái bị giết, Thấy mà kinh

hoàng nhưng đồng thời lại ngây ngất như ông đã thú nhận, vì toàn là những nhan sắc hiếm có, mỗi người một vẻ. Ông không ngờ rằng ở Grasse lại có nhiều người đẹp không ai biết đến như thế. Tên sát nhân đã mở mắt cho ông. Quả thật hẳn có một khiếu thẩm mỹ độc đáo. Hành động cũng có hệ thống nữa. Không phải chỉ vì vụ nào hẳn cũng thực hiện gọn như nhau mà cách chọn nạn nhân bộc lộ một ý đồ được hoạch định chu đáo gần như là trong kinh doanh. Đúng là Richis thật sự không biết tên giết người muốn gì nơi các nạn nhân vì hẳn đã không cướp của họ những thứ quý nhất, đó là nhan sắc và sự quyến rũ của tuổi trẻ... hay là có nhi? Nghe có vẻ phi lý nhưng theo ông thì tên sát nhân không phải là một con quỷ giết chóc mà là một kẻ sưu tầm tỉ mỉ. Đừng xét từng nạn nhân riêng rẽ một, Richis thậm nghĩ, mà hãy hình dung họ là những thành phần, những viên đá của một nguyên lý cao hơn và hãy tưởng tượng những nét đặc trưng của họ quyện lại với nhau bằng một cách lý tưởng nào đó thành một thể thống nhất, thì bức tranh được khảm từ những viên đá đẹp kia sẽ là bức tranh về sự tuyệt mỹ và ma lực của nó toả ra sẽ không còn là ma lực của con người nữa mà là của thần thánh. (Như chúng ta thấy Richis có lối suy luận của một bậc học giả, không e dè trước những kết luận dù là báng bổ, tuy ông suy luận về mặt thị giác chứ không phải là khứu giác, nhưng cũng đến được gần sát sự thật).

Cứ giả thử rằng tên sát nhân là kẻ sưu tầm sắc đẹp, Richis tiếp tục suy luận, và hẳn đang thực hiện một bức tranh về sắc đẹp tuyệt mỹ, cho dù bức tranh ấy chỉ có trong sự tưởng tượng nơi cái đầu óc bệnh hoạn của hẳn, giả thử thêm rằng hẳn là một kẻ có khiếu thẩm mỹ cực cao và một phương pháp hoàn hảo, hẳn cuộc thế thật đấy, thì không thể nghĩ rằng hẳn có thể bỏ qua viên đá quý giá nhất trên cõi đời cho bức tranh của hẳn: sắc đẹp của Laure. Không có sắc đẹp của con bé thì mọi chuyện giết người từ trước đến nay của hẳn chẳng có ý nghĩa gì. Sắc đẹp của con bé sẽ là viên đá quý trên đỉnh toà nhà của hẳn.

Khi rút ra kết luận này thì Richis ngồi trên giường trong bộ đồ ngủ và ông ngạc nhiên sao mình bình tĩnh vậy. Ông không rung mình cũng chẳng run. Cái nỗi sợ vô hình quấy rầy ông từ mấy tuần nay chợt biến mất nhường chỗ cho sự ý thức về một nguy cơ cụ thể: tên sát nhân đã nhắm Laure ngay từ đầu. Những vụ giết người kia chẳng qua chỉ là phụ trợ cho vụ tuyệt đỉnh cuối cùng. Đến giờ cũng không rõ những vụ giết người kia nhằm một mục đích nào nếu quả thật có mục đích. Nhưng Richis đã thấu rõ cái cơ bản, đó là phương pháp có hệ thống và động cơ lý tưởng của tên sát nhân. Càng nghĩ kỹ ông càng tâm đắc về hai điều trên và càng phục hẳn, nói cho đúng thì chẳng khác gì ông tự phục mình vì chẳng gì thì chính ông, ông Richis này, đã truy ra được đối thủ bằng một suy luận rạch ròi.

Nếu Richis này là tên sát nhân ấy và cũng có những đam mê y hệt như hẳn thì hẳn ông cũng sẽ không làm khác những gì hẳn đã làm và cũng sẽ làm tất cả để giết Laure, cô gái đẹp có một không hai, để hoàn tất cái công trình của hẳn đưa nó đạt đến đỉnh cao.

Ông hết sức hài lòng với ý nghĩ sau cùng này. Làm nổi cái chuyện qua suy luận mà đặt mình vào được hoàn cảnh kẻ sẽ giết con gái con ông nghĩa là ông trội hơn hẳn rất xa. Vì dứt khoát là tên giết người dù thông minh đến đâu cũng không thể đặt mình vào hoàn cảnh của Richis được, chỉ vì chắc chắn không thể nào lường được Richis đã đặt mình vào hoàn cảnh của hắn từ lâu rồi. Xét cho cùng thì cũng chẳng khác gì trong sự kinh doanh, mutatis, mutantis (với những thay đổi thiết yếu-trong so sánh), dĩ nhiên. Thấy trước ý đồ của kẻ cạnh tranh thì mình chiếm thượng phong thôi, đừng hòng mà chơi trội với ông, nhất là khi Richis này đã quá lời đời và sẵn tính đấu tranh trong máu. Là nhà buôn hương liệu lớn nhất nước Pháp, cái tài sản của ông, chức vị đệ nhị tổng lý của ông có phải vì ai thương mà cho đâu, ông đã phải đấu đá, gan góc và mưu lược, lường trước nguy cơ, khôn khéo đoán trước dự tính của đối phương và đánh văng họ đấy chứ. Những mục tiêu sắp tới của ông, thế lực và địa vị quý tộc cho lũ con cháu, ông sẽ đạt được cả thôi. Rồi ông cũng sẽ làm thất bại những toan tính của tên sát nhân trong việc cạnh tranh với ông để giành Laure chứ không thể nào khác được, ngay cả nếu Laure cũng chỉ là viên đá trên đỉnh toà nhà toan tính của ông đi chẳng nữa. Dĩ nhiên ông yêu con bé nhưng ông cũng cần nó nữa.

Cái gì ông cần để thực hiện những tham vọng tột bậc thì không để cho ai giật mất, ông sẽ giữ rịt bằng cả răng lẫn vuốt.

Giờ thì ông thấy thoải mái hơn. Sau khi đã đặt được những suy tính trong đêm về cuộc đọ sức với tên quỷ nợ xuống bình diện đấu đá trong kinh doanh thì ông thấy thêm can đảm, thậm chí kiêu ngạo. Sự sợ hãi biến sạch, cái cảm giác do dự và lo âu bực bội vốn hành hạ ông như hành hạ một người già run rẩy vì lão nhược cũng biến mất luôn, cái màn sương của những linh cảm u ám mà ông phải lần mò trong đó mấy tuần nay cũng tan biến. Ở trên cái địa bàn quen thuộc này thì ông chấp nhận mọi thách thức.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 43

Ông thấy nhẹ cả người, nhảy khỏi giường, gằn như phấn khởi, ông kéo chuông và ra lệnh cho gã đầy tớ còn đang chuệch choạng vì ngái ngủ thu xếp quần áo và lương thực vì ông sẽ định đi đến Grenoble với cô con gái ngay sau hừng sáng. Rồi ông mặc áo quần và xua đám người làm ra khỏi giường.

Sinh hoạt hối hả choàng dậy ngay giữa đêm trong ngôi nhà ở phố Rue Droite. Lửa bùng lên trong bếp, lũ hầu gái rói rít qua lại trong hành lang, đám tó trai vội vàng lên xuống cầu thang, tiếng chìa khóa của người giữ kho chạm vào nhau trong cái nhà kho xây hình vòm, sân bập bùng ánh đuốc, bọn giữ ngựa loay hoay quanh lũ ngựa, đám khác kéo bầy la ra khỏi chuồng, thảng yên cương, chạy lấy đồ chất lên chặng khác cảnh đám quân ô hợp của Áo và Sardines trên đường cướp phá vào năm 1746, còn gia chủ thu vén để chạy trong cơn hoảng loạn. Đâu phải thế! Gia chủ ngôi đường bệ trước bàn giấy vẫn phòng như thể một thống chế của nước Pháp, uống cà phê sữa, ra chỉ thị cho lũ người hầu không ngớt hối hả vào ra. Trong lúc đó ông viết thư cho ông thị trưởng kiêm đệ nhất tổng lý, cho công chứng viên, cho luật sư của ông, cho chủ ngân hàng ở Marseille, cho Baron de Bouyon và những bạn hàng.

Khoảng sáu giờ thì ông kết thúc những thư từ giao dịch và những sắp xếp cần thiết cho kế hoạch của ông. Ông nhét hai khẩu súng ngắn vào người, cột chắc dây da đựng tiền, khoá bàn giấy lại. Đoạn đi đánh thức cô con gái.

Đúng tám giờ, đoàn người ngựa lên đường. Richis cỡi ngựa đi trước dẫn đường, trông thật đom đàng trong áo khoác màu rượu vang đỏ, viền vàng, quần đen, mũ đen gài lông đúng kiểu. Rồi đến cô con gái ăn mặc giản dị hơn nhưng đẹp lồ lộ, khiến người trên đường phố và sau các cửa sổ chỉ chăm chú nhìn cô với những tiếng “a” “ô” trầm trầm, đám đàn ông ngả mũ như thể chào ngài đệ nhị tổng lý nhưng thật ra họ ngả mũ trước cô, bà hoàng của họ. Rồi đến người tó gái không được ai chú ý tới, tiếp theo là gã tó trai của ông Richis dẫn theo hai con ngựa thồ vì đường ở Grenoble có tiếng là xấu, không thể dùng xe được, cuối đoàn người là hai tên giữ ngựa trông coi một tá la chất đủ mọi thứ vật dụng. Tới Porte du Cours, đám lính gác bồng súng nghiêm chào và chỉ hạ súng xuống sau khi con la cuối cùng đã đi qua. Lũ trẻ con còn chạy theo vẩy đám người ngựa chậm chạp xa dần trên con đường dốc vòng vèo lên núi.

Chuyến đi của Antoine Richis và con gái đã tạo nên một ấn tượng sâu đậm kỳ lạ. Họ thấy như vừa chứng kiến một đám rước tế thần kiểu cổ xưa. Người ta kháo nhau rằng Richis đi Grenoble, nơi mà con quỷ sát nhân vừa đến không lâu. Họ chẳng biết phải nghĩ như thế nào nữa. Hành động của ông Richis là một sự bất cẩn không thể tha thứ hay là một can đảm đáng khâm phục? Là một sự thách thức hay xoa dịu thần thánh? Họ linh cảm hết sức mơ hồ là họ vừa được nhìn thấy cô gái tóc đỏ lần cuối cùng. Họ linh cảm rằng Laure Richis sắp bị kết liễu rồi.

Linh cảm này sẽ được chứng thực, dù chúng dựa trên những tiền đề hoàn toàn không đúng. Bởi vì Richis đâu có đi Grenoble. Chuyến khởi hành rền rang chỉ là mẹo lừa thôi. Đi về hướng tây bắc được một dặm rưỡi, tới gần làng Saint-Vallier thì ông ra lệnh dừng lại. Rồi ông trao cho gã người hầu giấy uỷ quyền và giấy giới thiệu, bảo gã dẫn mấy tay coi ngựa và đoàn la đi Grenoble.

Còn ông dẫn Laure và người tó gái nhắm hướng Cabris, họ nghỉ trưa ở đây rồi vượt rặng núi

Tanneron đi về hướng Nam. Đường rất hiểm trở, nhưng có thể đi vòng xa thành Grasse và vùng lòng chảo theo một cánh cung về phía tây sẽ tới được bờ biển khi đêm xuống mà không ai hay biết... Kế hoạch của Richis là hôm sau sẽ cho người đưa ông và Laure sang nhóm đảo Lérins mà trên hòn đảo nhỏ nhất có tu viện Saint-Honorat rất kiên cố. Tu viện này được một nhóm tu sĩ coi sóc, tuy họ già cả rồi nhưng vẫn hoàn toàn còn có khả năng đề tự vệ. Richis với họ là chỗ quen biết vì từ nhiều năm nay ông mua và tiêu thụ tất cả những gì tu viện có được về rượu bồ khuynh diệp, hạt tùng và dầu bách. Ông định sẽ để cô gái ở tạm trong chính tu viện Saint-Honorat đó, một nơi an toàn nhất vùng Provence, không kể nhà tù Château d'If và một nhà tù lớn hơn trên đảo Saint-Marguerite. Còn ông sẽ quay lại đất liền ngay sau đó, lần này đi vòng Grasse về phía đông theo ngã Antibes và Cagnes để chiều tối tới được Vence. Ông đã yêu cầu công chứng viên có mặt tại đó để chứng thực những thỏa thuận sắp tới với Baron de Bouyon về cuộc hôn nhân của hai trẻ Laure và Alphonse. Ông sẽ để nghị ngài Bouyon trang trải số nợ nần lên đến 4000 livre của ngài, của hồi môn cũng gần chừng đó số tiền, thêm một số đất đai và một nhà máy ép dầu Maganosc, một niên lợi 3000 livre cho đôi vợ chồng son, nhất định ngài Nam tước sẽ không từ chối. Điều kiện duy nhất của ông Richis là hôn lễ sẽ phải cử hành trong vòng mười ngày và phải thành thân ngay hôm ấy rồi sau đó hai vợ chồng sẽ về ở tại Vence.

Richis biết rằng việc tiến hành hôn nhân gấp gáp như thế này sẽ đẩy cái giá làm thông gia giữa nhà ông và nhà Nam tước de Bouyon lên cao một cách không cân xứng. Chờ lâu thêm nữa thì ông sẽ được giá rẻ hơn nhiều. Bởi vì sắc đẹp của Laure cứ mức danh thêm, sản nghiệp của Richis cũng tăng nữa, còn sự túng quẫn của Bouyon cũng tăng thêm nốt thì lúc ấy ông nam tước sẽ phải lay lục để được phép nâng cao địa vị con gái của một nhà buôn gốc bình dân qua việc chịu lấy con trai mình. Đành vậy! Trong chuyện gả bán này ngài Baron không phải là đối thủ, cái tên sát nhân vô danh kia cơ. Phải cho hắn một vố. Một phụ nữ có chồng, không còn là trinh nữ nữa và biết đâu lại có bầu thì hết còn thích hợp với cái phòng trưng tranh độc đáo của hắn. Như thế viên đá cuối cùng bị tì vết, Laure sẽ chẳng còn giá trị gì cho kẻ giết người và công trình của hắn sẽ tan vỡ. Và hắn phải thấm thía sự thất bại ấy! Richis dự định sẽ cho rước dâu ở Grasse, thật linh đình, trước sự chứng kiến của mọi người. Cho dù ông không hề biết mặt đối thủ của mình, và sẽ chẳng bao giờ biết cả, thì ông vẫn lấy làm thú vị khi biết rằng hắn sẽ chứng kiến sự kiện trên, và phải chính mắt hắn nhìn thấy người khác cướp đi cái mà hắn thèm muốn nhất.

Kế hoạch thật là xảo diệu. Một lần nữa chúng ta lại khâm phục cái trí óc nhạy bén của Richis đã đến gần sát sự thật. Nếu con trai của Baron de Bouyon thành thân với Laure Richis thì đó đúng là một đòn chí tử giáng vào tên giết người của thành Grasse. Nhưng kế hoạch vẫn chưa được tiến hành. Con gái ông vẫn chưa được yên chỗ. Ông vẫn chưa đưa được con gái sang cái tu viện kiên cố Saint-Honorat kia. Ba người vẫn còn đang rong ruổi qua rặng núi Tanneron hoang vu. Thỉnh thoảng họ

phải xuống ngựa vì đường quá xấu. Họ tiến rất chậm. Họ hy vọng đến tối sẽ gặp bờ biển ở gần Napoule, một thị trấn nhỏ phía tây của Cannes.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 44

Lúc Laure Richis cùng với cha cô rời khỏi Grasse thì Grenouille đang ở trong xưởng của bà Arnulfi, tuốt đầu kia của thành phố và đang ngâm bảy hoa trường thọ. Chỉ có mình gã và gã đang phấn khởi. Thời gian gã ở lại Grasse sắp chấm dứt. Ngày vinh quang sắp đến rồi. Trong căn lều ngoài kia có một tráp gỗ lót bông với hai mươi bốn lọ bé xíu đựng mười giọt tinh hoa của hai mươi bốn nàng trinh nữ, những tinh chất cực quý mà Grenouille lấy được trong năm vừa qua bằng những cách lấy được hơi thơm từ cơ thể họ với mỡ dê nguội, sắc áo quần với tóc của họ rồi rửa với cồn và chưng cất. Tinh chất thứ hai mươi lăm tức là cái quý nhất và quan trọng nhất gã định đi lấy hôm nay. Cho lần này, gã đã chuẩn bị sẵn một hũ sành đựng mỡ được làm sạch đi sạch lại nhiều lần, một khăn len loại tốt nhất, một bầu rượu tinh cất thượng hạng. Địa hình đã được nghiên cứu tỉ mỉ. Đêm nay lại không trăng. Gã biết rằng đột nhập vào cái dinh cơ được canh gác rất kỹ ở Rue Droite là vô ích. Cho nên gã định là ngay lúc trời vừa chạng vạng, công còn chưa đóng, sẽ lên vào núp ở một xó nào đó, vì gã không có mùi như một thứ nguy trang che chở gã không bị người và vật phát giác. Khuya đến, khi mọi người đã ngủ cả, gã sẽ theo cái mũi như một thứ la bàn hướng dẫn trong đêm, leo lên phòng có báu vật. Gã sẽ lấy hương thơm bằng khăn tắm mỡ ngay tại chỗ. Chỉ lấy theo tóc và áo quần như trước nay vì những thứ này rửa thẳng trong cồn được, làm trong xưởng thông thả hơn. Cần thêm một tối nữa mới xong khâu cuối cùng của pomát và chưng cất thành đậm đặc. Nếu mọi sự trôi chảy thì ngày một gã sẽ là chủ những tinh chất quý nhất cho loại nước hoa tuyệt nhất thế giới, và gã sẽ rời khỏi Grasse như một người thơm nhất thế gian, gã chẳng có lý do gì để nghi ngại rằng mọi sự sẽ không trôi chảy.

Gần trưa thì gã gần xong cái đồng hoa trường thọ. Gã tắt bếp, đẩy nồi mỡ lại, ra trước xưởng cho bớt nóng nực. Gió thổi đến từ hướng tây.

Qua hơi thở đầu tiên gã đã nhận ra ngay có điều gì không ổn. Bầu không khí như có xáo trộn. Qua tấm màn thơm của thành phố được dệt bởi nghìn vạn thứ mùi như những sợi vải thiếu mất cái sợi bằng vàng. Những tuần gần đây sợi thơm này đậm đến nỗi cho ở tuốt đầu này thành phố Grenouille

dù ở trong lều cũng vẫn nhận ra. Bây giờ nó đi rồi, mất tiêu, đánh hơi cách mấy cũng không thấy tông tích. Grenouille gần như tê liệt vì hoảng sợ.

Nàng chết rồi, gã thâm nghĩ. Nhưng rồi còn khủng khiếp hơn nữa: đã có kẻ ra tay trước ta! Kẻ khác đã ngắt mất bông hoa của ta, lấy đi mùi thơm rồi! Gã không kêu lên nổi vì quá sức rung động, nhưng bỗng nhiên nước mắt tràn ra kẽ mắt, rơi xuống hai bên mũi.

Rồi Druot về nhà từ quán Quatre Dauphins sau bữa ăn trưa, ngẫu nhiên kể rằng sáng sớm nay ngài đệ nhị tổng lý cùng cô con gái đi Grenoble với 12 con la. Grenouille nuốt lệ, chạy biến đi, xuyên qua thành phố tới Porte du Cours. Gã dừng lại ở quảng trường, trước cổng thành, đánh hơi. Trong cái làn gió tây không bợn mùi thành phố, gã tìm lại được sợi chỉ bằng vàng của gã thật, tuy mảnh và thoang thoảng thôi, nhưng không nhầm được. Nhưng mùi hương yêu quý này không đến từ hướng Tây bắc, hướng đi Grenoble, mà từ hướng đi Cabris mới đúng, nếu không nói là theo hướng tây nam.

Grenouille hỏi lính canh hướng đi của viên đệ nhị tổng lý. Người lính chỉ về hướng bắc. Không phải là hướng đi Cabris hay sao? Hay là hướng nam đi Auribeau và Lanopoule? Người lính canh khẳng định là không, chính mắt anh ta trông thấy mà.

Grenouille chạy ngược về lều, nhét khăn len, hũ pomát, que, kéo và một khúc gỗ nhỏ ô liu nhẵn nhụi vào túi hành lý rồi gã lên đường tức thì, không theo hướng Grenoble, mà theo hướng mũi gã chỉ, về phía Nam.

Con đường dẫn thẳng đến Napoule này chạy dọc theo những ngọn đồi của rặng núi Tanneron và cắt ngang những thung lũng của sông Frayère và Siange. Đường tốt nên Grenouille đi được rất nhanh. Khi Auribeau xuất hiện bên triền núi tay phải thì hắn đã nghĩ thấy sắp bắt kịp những kẻ chạy trốn. Chỉ một lát sau hắn đã ở ngang độ cao với họ. Gã nghĩ ra từng người một, kể cả mùi mồ hôi ngựa nữa. Cùng lắm cách nửa dặm về phía tây, đâu đó trong khu rừng của rặng Tanneron. Họ đi về hướng nam, ra biển, đúng như gã đoán vậy.

Quãng năm giờ chiều Grenouille tới Napoule. Gã vào một lữ quán, ăn và thuê một chỗ trọ rẻ tiền. Gã kể mình là một thợ thuộc da ở Nice, và đang trên đường đi Marseille. Chủ quán bảo gã có thể ngủ qua đêm trong chuồng ngựa. Gã chọn một góc và nằm nghỉ. Gã nghĩ thấy ba người đang cưỡi ngựa tới gần. Chỉ còn chờ nữa thôi.

Hai giờ sau họ tới nơi. Trời đã sắp tối hẳn. Để giữ bí mật, họ đã thay đổi y phục, hai người phụ nữ mặc đồ màu sẫm, che khăn, còn Richis mặc áo choàng đen. Ông xưng là nhà quý tộc đến từ Castillance, định sáng mai qua nhóm đảo Lerins, chủ quán lo hộ một cái xuồng, phải sẵn sàng ngay khi mặt trời mọc. Ngoài ông và những người cùng nhóm còn có người nào khác nữa không? Chủ quán thưa không, chỉ có một tay thợ thuộc da ngủ trong chuồng ngựa mà thôi.

Richis bảo con gái và người tớ gái lên phòng họ trước. Còn ông phải ra chuồng ngựa lấy vài thứ từ túi yên ngựa, ông nói thế. Mới đầu ông không tìm ra người thợ thuộc da nên kêu tay giữ ngựa đưa

một chiếc đèn bão. Giờ thì ông trông thấy gã nằm trên đồng rạ phủ một cái chăn cũ trong một góc, gói đầu trên túi hành lý ngủ say. Gã trông hoàn toàn tầm thường khiến thoát tiên Richis có cảm tưởng như không hề có gã mà chỉ là một trong những dị hình gây ra bởi cái bóng của ngọn đèn bão đung đưa qua lại. Dầu sao ông nhận thấy ngay rằng cái sinh vật vô hại đáng thương kia chẳng có gì nguy hiểm để phải lo sợ cả, ông rón rén đi ra để khỏi quấy rầy giấc ngủ của gã rồi trở vào quán. Ông ăn tối với con gái ngay trong phòng của ông. Ông không giải thích cho cô về lý do và mục đích của chuyến đi kỳ lạ này dù cô có yêu cầu, ngay cả lúc này cũng thế. Ông nói rằng ngày mai sẽ tiết lộ và cô hãy tin rằng tất cả những gì ông sắp đặt và thực hiện đều vì cô và vì hạnh phúc của cô trong tương lai.

Sau bữa ăn, hai cha con chơi mấy ván bài l'hombre mà ông hoàn toàn thua chỉ vì ông nhìn gương mặt của cô, khoan khoái vì nhan sắc của cô thay vì nhìn vào quân bài. Quãng chín giờ ông đưa cô sang phòng đối diện với phòng ông, hôn cô, chúc ngủ ngon rồi khóa cửa từ bên ngoài. Rồi ông cũng đi nằm.

Ông chợt thấy rất mệt vì một ngày và một tối căng thẳng nhưng cũng rất hài lòng với chính mình và sự diễn tiến. Ông ngủ ngay, không một chút lo âu, không một chút linh cảm ảm đạm vẫn giày vò ông cho tới tận tối hôm qua mỗi khi tắt đèn khiến ông thức trắng, ông ngủ không mộng mị, không rên rĩ, không co giật hay trăn trở bồn chồn. Lâu rồi ông mới có được một giấc ngủ ngon, thanh thản và hồi sức.

Cùng lúc ấy Grenouille chồm dậy trong chuồng ngựa. Gã cũng hài lòng với chính mình và với diễn tiến, thấy rất tinh táo dù chẳng ngủ một giây nào. Khi Richis vào chuồng ngựa để tìm gã, gã chỉ giả vờ ngủ để tạo rõ thêm nữa ấn tượng rằng gã vô hại. dù thật ra gã không có mùi đã đủ gây ấn tượng ấy rồi. Khác hẳn với Richis cảm nhận về gã, gã đã cảm nhận Richis hết sức chính xác qua khứu giác và sự kiện Richis như được trút bỏ gánh nặng không qua mắt gã.

Qua lần gặp gỡ ngắn ngủi ấy người này tin vào sự vô tâm của người kia, một người đúng còn một người nhầm. Grenouille thấy như thế là tốt vì vô tâm giả của gã và sự vô tâm thật của Richis sẽ thuận lợi cho công việc của gã, chắc chắn Richis cũng sẽ nghĩ thế thôi nếu như xảy ra ngược lại.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 45

Grenouille bắt tay vào việc với một sự ung dung chuyên nghiệp. Gã mở túi hành lý lấy ra cái khăn len, pomát và một cái que, rồi trải khăn lên cái chần gã vừa mới nằm đây, bắt đầu phết mỡ lên đấy. Đây là một công trình đòi hỏi nhiều thì giờ vì chỗ này phết lên một lớp mỡ dày, chỗ kia lại mỏng hơn tùy theo chỗ đó ôm bộ phận nào của cơ thể. Miệng, nách, ngực, bộ phận sinh dục, bàn chân cho nhiều mùi hơn ống chân, lưng, khuỷu tay chẳng hạn, lòng bàn tay cho nhiều mùi hơn mu bàn tay, lông mày nhiều hơn lông mi, vân vân. Và vì thế cần có nhiều mỡ cho tương xứng. Như thế có thể nói là Grenouille đắp lên tấm chần mô hình của cái thân thể dưới dạng mùi thơm. Nói cho đúng thì việc làm này gã thích thú nhất vì nó chẳng khác gì nghệ thuật, đòi hỏi cùng lúc sự biết suy nghĩ, óc tưởng tượng, và đôi tay khéo léo, ngoài ra còn được thưởng thức trước một cách hay ho cái thành quả cuối cùng đang chờ đón.

Sau khi đã bôi hết mỡ trong hũ sành, gã còn chấm thêm đây đó ,lấy bớt mỡ chỗ này thêm vào chỗ kia, sửa lại, kiểm tra một lần nữa cái mô hình cảnh vật bằng mỡ, kiểm bằng mũi chứ không phải bằng mắt đâu nhé, vì gã làm việc này trong đêm tối om, đó có thể là một lý do nữa làm cho Grenouille vui vẻ và bình thản. Trong cái đêm không trăng này sẽ chẳng có gì khiến gã phải chia trí cả. Thế giới này chẳng có gì ngoài một chút ít mùi và tiếng sóng biển vỗ bờ. Đây là môi trường của gã. Đoạn gã gấp khăn lại như gấp thảm để những chỗ bôi mỡ chồng lên nhau. Gã thấy đau đớn vì biết rõ khi gấp như thế dù cẩn thận đến đâu một phần của cái đường nét vừa hình thành cũng sẽ bị bẹt và lệch đi, nhưng không có cách nào khác để mang theo tấm khăn. Sau khi đã gấp đủ gọn để có thể vắt lên tay mà không vướng víu, gã nhét que, kéo và khúc gỗ ô liu vào túi rồi lên ra ngoài.

Bầu trời đầy mây. Đèn trong nhà đã tắt cả. Ánh lập loè duy nhất trong cái đêm tối như mực này nhấp nháy ở phía đông, nơi ngọn hải đăng của pháo đài trên đảo Saint-Marguerite cách đây hơn một dặm như một đầu kim sáng nhỏ xíu trên tấm khăn đen ngòm. Từ phía vịnh thổi lại một cơn gió nhẹ mang mùi cá. Lũ chó ngủ yên.

Grenouille đi tới cái cửa tò vò cuối cùng của nhà xay, ở đó có kê một cái thang. Gã nâng cái thang, giữ cho ngay bằng cách dùng một tay phải kẹp ba bậc thang, phần còn lại ép sát vào vai phải, đi như thế ngang sân tới dưới cửa sổ phòng nàng. Cửa sổ mở hé. Trong khi leo lên thang cũng dễ dàng như leo tam cấp, gã mừng vì hoàn cảnh cho gã lấy mùi thơm của cô gái ở Napoule này. Ở Grasse với cửa sổ có song sắt rồi dinh cơ được canh gác nghiêm cẩn thì mọi chuyện sẽ khó khăn hơn rất nhiều. Ở đây, cô nàng thậm chí ngủ riêng một phòng. Gã không phải mất công giải quyết người tớ gái.

Gã đẩy cánh cửa sổ ra, chui vào phòng, để tấm chần xuống đất. Rồi gã về hướng cái giường. Mùi thơm của tóc nàng vượt lên tất cả vì nàng nằm sấp, úp mặt trên gối, tay khoanh quanh đầu, phía sau đầu lộ ra rất tiện cho một cú đánh bằng gậy.

Tiếng nện nghe khô khốc và lạo xạo. Gã ghét cái thứ tiếng ấy. Gã ghét chỉ bởi vì đó là một tiếng động trong cái công việc đáng ra phải lặng lẽ như tờ của gã. Gã phải nghiêng răng lại mới chịu đựng

nổi cái thứ tiếng kinh tởm ấy, rồi sau khi xong xuôi gã còn đứng ngay đơ và tức tối mất một lúc, bàn tay cầm khúc gỗ co thắt lại như thể gã sợ cái tiếng động nọ có thể trở về đầu đó như một tiếng vọng. Không phải tiếng động mà là sự im ắng quay trở lại trong căn phòng, thậm chí còn im ắng hơn vì bây giờ không còn hơi thở nặng nề của cô gái nữa. Rồi tư thế căng thẳng của Grenouille chợt biến mất (cũng có thể gọi đó là một tư thế thành kính hoặc giả một phút mặc niệm cứng đờ). Thân thể gã mềm dẻo trở lại.

Gã cắt khúc gỗ đi và bây giờ chỉ còn tất bật với công việc. Trước hết gã giờ tắm khăn ra, trải sơ mặt dưới lên bàn và ghé, cẩn thận không để dính vào mặt có mỡ. Đoạn gã kéo chăn. Mùi thơm tuyệt diệu của nàng bốc lên, nồng ấm và cuộn cuộn nhưng không làm cho gã xúc động. Gã biết rồi, còn thưởng thức, thưởng thức đến say mềm thì để sau, khi gã thật sự làm chủ nó. Bây giờ phải lấy cho được thật nhiều, để mất thật ít, bây giờ phải tập trung và thật lẹ.

Gã dùng kéo mau lẹ rọc áo ngủ của nàng, cởi ra, vớ cái khăn tắm mỡ chụp lên cái thân thể trần truồng. Rồi gã bế nàng lên, nhét cái khăn lòng thông xuống phía dưới, lăn nàng như thợ bánh mì lăn bánh, túm đầu khăn, phủ kín nàng từ đầu đến chân. Chỉ có mái tóc còn thò ra khỏi cái xác ướp. Gã cắt tóc nàng sát da đầu, gói trong áo ngủ của nàng rồi buộc thành một gói. Sau hết gã ép chỗ dư của miếng khăn lên cái sọ đã trụi tóc, vuốt cho phẳng phiu, nhẹ nhàng dùng ngón tay ấn sát. Gã kiểm lại cái bó, không một kẽ hở, không một lỗ nhỏ, không một nếp gấp cộm lên toang hoác để mùi thơm của cô gái bay mất được. Nàng đã được gói rất kỹ. Không còn gì để làm nữa, ngoài việc đợi, đợi suốt sáu tiếng cho đến khi trời tờ mờ sáng.

Gã kéo cái cái ghế tựa có để quần áo của nàng sát lại gần giường, ngồi xuống đó. Trong bộ đồ đen rộng còn phảng phất một làn hương thơm của nàng, còn lẫn với mùi hôi trong bánh ăn dọc đường nhét vào túi. Gã để chân lên thành giường gần chỗ chân nàng, lấy bộ đồ nàng đắp lên người rồi ăn chiếc bánh hôi. Gã mệt. Gã muốn ngủ nhưng ai lại đi nằm ngủ trong lúc đang làm việc, cho dù làm việc lúc này chỉ là chờ đợi. Gã hồi tưởng lại những đêm ngồi chung cát trong xưởng của ông Baldini: cái nồi chung đen bồ hóng, ánh lửa chập chùng, tiếng tinh chất từ ống làm lạnh nhỏ giọt nhè nhẹ trong bình Florentine. Thịnh thoảng phải xem lại lửa, phải thêm nước vào cho nồi cất, đổi bình Florentine, thay bã trong nồi. Tuy nhiên gã luôn luôn nghĩ rằng người ta không thức canh để làm những thứ việc năm thì mười họa này ma sự thức canh có ý nghĩa riêng của nó. Theo Grenouille thì ngay trong căn phòng này đây sự thức canh cũng quan trọng dù có là cái quy trình enfleurage tự nó diễn ra, đúng thế, ngay cả kiểm tra không đúng lúc, lật lên hay tác động vào cái bó thơm kia sẽ chỉ tác dụng không tốt. Ngủ sẽ phương hại đến cái thần của thành quả.

Ngoài ra gã thấy thức chờ, canh không khó khăn gì dù gã mệt. Gã thích lần chờ đợi này. Ở hai mươi bốn cô trước gã cũng thích chờ chứ, vì đó không phải là một sự chờ đợi vớ vẩn cho qua thì giờ hay có ý mong đợi mà là một sự chờ đợi đi kèm với công việc, có ý nghĩa, trong một chừng mực là cần

thiết. Trong khi chờ đợi cũng xảy ra đôi việc chứ: cái chính yếu đang diễn ra. Dù chính gã chẳng làm gì cả thì nó cũng vẫn diễn ra thông qua gã. Gã đã làm hết sức mình. Có bao nhiêu thủ thuật gã đã đem ra cả. Không phạm một sơ xuất nào. Tác phẩm của gã quả có một không hai. Thành công này sẽ đem lại cho nó vòng vương miện... Chi còn phải chờ thêm vài ba tiếng nữa thôi. Lần chờ đợi này làm cho gã vô cùng thoải mái. Trong đời, kể cả lúc ở trên núi trước kia, gã chưa từng thấy thoải mái, bình thản, kiên định, trọn vẹn và hài lòng như những giờ nghỉ trong khi làm việc như thế này, thức canh bên nạn nhân của mình trong đêm khuya. Đó là những khoảnh khắc hiếm hoi mà trong cái đầu óc đen tối của gã có được vài ý nghĩ vui vẻ.

Lạ lùng làm sao, những ý nghĩ này lại không hướng đến tương lai. Gã không nghĩ tới cái mùi thơm sẽ gặt hái được trong vài tiếng nữa, không nghĩ tới cái nước thơm từ tinh hoa của hai mươi lăm cô gái, không nghĩ đến những dự tính, may mắn và thành công trong tương lai. Không, gã tưởng nhớ về quá khứ. Gã nhớ lại những chặng đời của gã từ ngôi nhà của Madame Gaillard với đồng gỗ âm và ấm trước cửa nhà cho đến chuyến đi hôm nay đến cái làng có mùi cá ở Napoule nhỏ bé này. Gã nhớ lại người thợ thuộc da Grimal, nhớ lại Giuseppe Baldini và Marquis de la Taillade-Espinasse. Gã nhớ lại thành phố Paris với cái hơi thở nồng nặc của hàng nghìn thứ mùi, gã nhớ đến cô bé tóc đỏ ở Rue des Marais, đến vùng quê mở rộng, đến những làn gió nhẹ và những cánh rừng. Gã cũng nhớ đến ngọn núi ở vùng Auvergne, đến cái hang của gã, đến cái không khí không bợn hơi người, gã không hề né tránh những kỷ niệm này. Gã nhớ đến cả những giấc mơ. Gã nhớ đến tất cả với chan chứa hài lòng. Đúng vậy, vì khi nhớ lại như thế thì gã thấy hình như gã là một người có may mắn đặc biệt và tuy số phận đã khiến gã phải chịu nhiều phen khốn khổ nhưng cuối cùng vẫn dẫn gã đúng đường, nếu không thì làm sao gã có thể tìm tới tận đây, trong căn phòng tối om này, đến được với cái đích của mong muốn? Nghĩ cho kỹ thì gã đúng là một đứa được thần tài phù hộ!

Gã xúc động, khiêm tốn và biết ơn “Cám ơn mi”, gã nói khẽ “Cám ơn mi, Jean Bapiste Grenouille, vì mi đã thật là mi!” Gã cảm động quá chừng.

Rồi gã nhắm mắt lại, không phải để ngủ mà để say đắm với sự yên bình của cái đêm thiêng liêng. Yên bình trong trái tim gã. Và cả chung quanh nữa, như gã thấy. Gã ngửi thấy giấc ngủ êm đềm của người tớ gái trong phòng bên, giấc ngủ đầy vẻ hài lòng của Antoine Richis bên kia hành lang, gã ngửi thấy giấc ngủ hiền hoà của chủ quán và bọn người làm, của lũ chó, những con vật trong chuồng ngựa, của cả cái làng này và của biển. Gió lặng rồi. Mọi sự đều yên ắng. Không có gì làm xáo trộn sự yên bình.

Gã co chân sang bên, chạm nhẹ chân Laure. Đúng ra không phải chân gã chạm chân nàng mà chạm phải cái khăn mỏng tằm một lớp mỡ bọc chân nàng, thấm dẫm mùi thơm tuyệt diệu của nàng.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 46

Khi chim chóc bắt đầu kêu, nghĩa là còn khá lâu mới hừng sáng, gã đứng lên, làm nốt công việc. Gã giờ tắm chăn ra, lột khỏi người chết như lột một miếng băng dán. Lớp mỡ tróc dễ dàng khỏi da. Chỉ ở những chỗ góc cạnh mới vương lại một ít và gã lấy que hớt nốt. Gã lấy áo lót của Laure lau những vết mỡ còn sót rồi chà từ đầu đến chân, kỹ đến nỗi cả chút dầu dính trong lỗ chân lông cũng dính theo, nghĩa là không sót một mảnh vụn mùi thơm nào của nàng. Đối với gã thì chỉ lúc ấy nàng mới thật sự chết, như đồng hoa khi thối ra, héo rũ, nhợt nhạt, èo uột.

Gã ném cái áo lót vào cái khăn đấm hơi nàng, chỉ trong cái khăn này nàng vẫn thành phố tục sống, gã để thêm bộ áo ngủ bọc tóc nàng vào đấy rồi cuộn chặt thành một gói nhỏ, kẹp trong cánh tay. Gã chẳng thèm đập cái xác lại. Và mặc dù đêm đen đã chuyển sang tờ mờ sáng màu xám xanh và mọi vật trong phòng đã bắt đầu rõ nét, gã cũng không ném lấy được một cái nhìn xuống giường để nhìn nàng bằng mắt một lần duy nhất trong đời. Gã đâu chú ý gì đến hình dáng của nàng. Đối với gã thì nàng đâu còn nữa trong cơ thể mà chỉ còn trong cái mùi thơm không thân xác thôi. Cái mùi thơm ấy gã mang theo, kẹp chặt trong tay.

Gã nhẹ nhàng nhảy lên thành cửa sổ, trèo xuống thang. Ngoài trời gió lại nổi lên, bầu trời sáng rõ ra, chiếu sáng lạnh lẽo màu xanh đậm lên cảnh vật.

Nửa tiếng sau những tờ giấy nhóm lửa trong nhà bếp. Khi ra ngoài nhà lấy củi, cô thấy cái thang tựa ở đó nhưng vì còn ngái ngủ nên chẳng nghĩ ngợi gì. Sau sáu giờ thì mặt trời ló dạng, vươn lên từ biển giữa hai hòn đảo Lérins, đỏ chói, khổng lồ. Bầu trời không một gợn mây. Một ngày xuân phơi phới bắt đầu.

Richis thức dậy vào lúc bảy giờ trong căn phòng ở hướng tây của ông. Đây là lần đầu từ nhiều tháng nay ông mới thật sự ngủ ngon. Trái với thói quen, ông nằm nán thêm mười lăm phút, vươn người, thở phào sáng khoái, lắng nghe tiếng xôn xao dễ chịu vọng lên từ nhà bếp. Khi ông đứng dậy mở toang cửa sổ, thấy bên ngoài trời đẹp, hít không khí ban mai thơm ngát, nghe sóng biển vỗ bờ thì ông hào hứng tràn trề, chum môi thổi một khúc hát vui tươi.

Ông huýt sáo lúc mặc áo quần và vẫn tiếp tục huýt sáo khi rời khỏi phòng nhanh nhẹn bước qua hành lang đến phòng con gái. Ông gõ cửa. Ông gõ nữa, rất khẽ để cô khỏi kinh động. Không có tiếng trả lời. Ông cười. Ông biết cô còn ngủ.

Ông rón rén tra chìa khóa vào ổ, nhẹ nhàng quay then cài, thật nhẹ để cô không thức giấc, gần như

khao khát được thấy cô còn ngủ, để được đánh thức cô dậy bằng nụ hôn, một lần nữa, lần cuối cùng trước khi ông phải trao cô cho một người đàn ông khác.

Cửa bật mở, ông bước vào phòng, ánh sáng mặt trời vụt thẳng vào mặt. Mọi vật sáng choang như thể căn phòng lấp lánh những bạc làm ông phải nhắm mắt một lúc vì chói quá.

Khi mở mắt ra, ông thấy Laure nằm chết trên giường, trần truồng, trắng toát, tóc bị cắt sạch. Giống như con ác mộng ông mơ ở Grasse đêm hôm kia mà ông đã quên, giờ đây giấc mơ ấy như được một tia chớp soi rọi lại trong trí nhớ. Mọi sự bỗng dung y hệt như giấc mơ nọ, có điều sáng chói hơn nhiều.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 47

Tin Laure Richis bị giết truyền rất nhanh khắp vùng Grasse gây kinh hoàng chẳng kém, có khi còn hơn tin “Đức Vua băng hà!” hay “Chiến tranh!” hoặc “Bọn cướp biển đổ bộ lên bờ!”. Bỗng dung sự sợ hãi mà người ta cố tình quên hết sạch vụt trở về, tai hại như trong mùa thu năm ngoái với mọi biểu hiện kèm theo: hốt hoảng, giận dữ, phẫn nộ, nghi ngờ bừa bãi và tuyệt vọng. Tối đến người ta ở nhà, giấu kín con gái, gài thật chắc mọi cửa giả, nghi kỵ lẫn nhau, không ngủ nữa. Ai cũng nghĩ sẽ lại như trước kia, mỗi tuần một vụ giết người. Chẳng khác gì thời gian quay ngược lại nửa năm.

Sự sợ hãi lần này làm thiên hạ đờ người ra., hơn cả nửa năm trước vì sự quay lại đột ngột của nỗi nguy hiểm tưởng đã qua từ lâu khiến người ta cảm thấy bất lực. Khi mà ngay cả lệnh rút phép thông công của đức giám mục cũng chẳng có tác dụng gì, khi mà ngay cả Antoine Richis, Richis vĩ đại, công dân giàu có nhất thành phố, đệ nhị tổng lý, một nhân vật uy quyền, thân trọng và có đủ mọi phương tiện cũng đã không thể che chở nổi con mình, khi mà bàn tay của tên sát nhân không chùn lại trước sắc đẹp thánh thiện của Laure – quả thật cô như một thánh nữ đôi với những người đã biết cô, đặc biệt bây giờ sau khi cô chết – thì còn hi vọng nào để thoát được kẻ giết người? Hẳn tàn bạo hơn cả dịch hạch, vì người ta còn có thể trốn chạy bệnh dịch chứ không thể chạy trốn kẻ giết người, như trường hợp Richis đã cho thấy. Chắc hẳn có những năng lực siêu nhiên. Chắc chắn hẳn đã liên minh với ma quỷ nếu không phải chính hẳn là ma quỷ. Thế là nhiều người, trước hết là những người dễ tin, không biết làm gì hay hơn là đi nhà thờ cầu nguyện. Ngành nghề nào cầu thánh bảo hộ nghề nấy, thợ nguội cầu thánh Aloysius, thợ dệt cầu thánh Krispinius, người làm vườn cầu thánh Antonius, người làm nước hoa cầu thánh Josephus. Và họ dẫn theo cả vợ lẫn con gái, cùng cầu nguyện, ăn ngủ trong

nhà thờ, không ra khỏi nhà thờ nữa ngay cả ban ngày, họ tin rằng tìm thấy khả năng an toàn duy nhất, nếu như còn có an toàn, dưới sự che chở của cái cộng đồng tuyệt vọng và dưới mắt của Đức Bà.

Bởi vì giáo hội đã một lần thất bại, những kẻ ranh mãnh hơn họp thành những nhóm bí mật, bỏ ra nhiều tiền thuê một mụ phù thủy có giấy phép hành nghề ở Gourdon, rồi chui vào một trong nhiều hang đá vôi dưới lòng đất ở Grasse, tổ chức những buổi lễ cầu quỷ satan mong được quỷ đóai thương. Còn những người khác, đa số thuộc loại trường giả và quý tộc có học thức, lại bỏ tiền vào những phương pháp khoa học tân tiến nhất như “tử trường hoá” nhà cửa của họ, thoi miên con gái họ, tụ tập trong phòng khách thành những nhóm trầm tư mặc tưởng tĩnh lặng, thử dùng sự truyền tu tưởng tập thể để trục hồn của tên sát nhân qua thần giao cách cảm. Các phường hội tổ chức một buổi rước sấm hỏi từ Grasse đi Napoule rồi trở về. Tu sĩ của năm tu viện trong thành phố tổ chức một lễ cầu an thường trực, hát liên tục, thành một lời than vãn không dứt, nay nghe thấy ở góc này, lát nghe thấy ở nơi khác trong thành phố, suốt ngày đêm. Chẳng có ai làm việc cả.

Người dân thành Grasse gần như là sốt ruột mong chờ vụ giết người kế tiếp trong sự thụ động náo nhiệt như thế đấy. Nó sắp xảy ra, không ai hoài nghi nữa cả. Người nào cũng âm thầm chờ cái tin khủng khiếp ấy với niềm hi vọng độc nhất rằng không phải cho mình mà cho người khác.

Tuy nhiên lần này các quan chức trong thành phố, vùng và tỉnh không để nhiệm phải tâm trạng kích động của đám dân đen như trước nữa. Lần đầu tiên kể từ khi tên sát nhân xuất hiện, một sự phối hợp có kế hoạch và hiệu quả hình thành giữa các cơ quan hành chính của Grasse, Draguignan và Toulon, giữa các biện lý, cảnh sát, quan giám quận, toà án tối cao của vùng và hải quân.

Sự hợp tác giữa các vị có quyền thế một phần là vì họ sợ dân chúng nổi loạn, mặt khác chỉ vì sau khi Laure Richis bị giết, người ta mới có được những đầu mối khiến có thể truy nã được hung thủ một cách có kế hoạch. Có người đã trông thấy tên sát nhân. Hắn là cái tay thợ thuộc da đáng nghi nọ, trong đêm xảy ra án mạng, hắn có mặt trong chuồng ngựa của lữ quán làng Napoule và sáng hôm sau biến mất không tông tích. Theo những lời khai trùng hợp của chủ quán, của gã giữ chuồng ngựa và của Richis thì hắn nhỏ người, không có gì đặc biệt, áo khoác nâu và túi hành lý bằng len thô. Mặc dù trí nhớ của ba nhân chứng về những đặc điểm khác mơ hồ một cách kỳ lạ, chẳng hạn họ không thể tả được nét mặt, màu tóc hay cách ăn nói của hắn, nhưng chủ quán nói được rằng ông để ý thấy bộ dạng và dáng đi của kẻ lạ mặt có vẻ vụng về, cà nhắc như bị thương ở chân hay một bàn chân què quặt, nếu như ông không nhầm.

Có được những dấu hiệu này, ngay gần trưa hôm sau xảy ra án mạng, hai đội kỵ binh của Maréchaussée (hiển binh) đã theo hướng Marseille truy lùng hung thủ, một đội dọc bờ biển còn một đội kia theo con đường trong đất liền. Người ta cho những người tình nguyện lục soát khắp vùng chung quanh Napoule. Toà án Grasse gọi hai phái viên đến Nice để điều tra về tay thợ thuộc da này.

Ở các cảng Fréjus, Cannes và Antibes người ta kiểm soát mọi chuyến tàu rời bến, ở biên giới với Savoy mọi con đường bị chặn hết, ai qua đều phải trình giấy tờ. Một yết thị truy nã tả hung thủ cho những ai biết đọc dán tại các cổng thành Grasse, Vence, Gourdon và tại cổng nhà thờ của tất cả các làng. Yết thị này được rao to một ngày ba lần. Tuy nhiên dữ kiện cái chân tình nghi bị què lại càng củng cố thêm cái quan điểm chính hung thủ là quý sứ và vì thế gây hoảng hốt trong dân chúng hơn là được họ cung cấp thêm những thông tin có ích.

Chỉ sau khi chánh án toà án Grasse, được ông Richis uỷ nhiệm, báo cáo một phần thưởng không dưới hai trăm livre cho tin tức nào giúp bắt được hung thủ thì vài thợ thuộc da ở Grasse, Opio và Gourdon mới bị bắt qua tố giác, trong số đó có một tay chẳng may cà nhắc thật. Người ta đã định đem hắn ra tra tấn dù bằng chứng vắng mặt của hắn được nhiều nhân chứng xác nhận, thì – lúc ấy là ngày thứ mười sau khi án mạng xảy ra – một những trong đội lính gác thành phố trình diện ở biện lý và khai với các quan toà như sau: ông ta tên là Gabriel Tagliasco, trưởng một đội gác thành phố, trưa hôm xảy ra án mạng, ông làm nhiệm vụ như bình thường ở Porte du Cours thì một gã khá giống như tả trong yết thị truy nã, như ông ta được biết bây giờ, đã đến bắt chuyện, không ngớt hỏi soi mói ngài đệ nhị tổng lý và đoàn người ngựa sáng hôm ấy đã rời thành phố theo con đường nào. Lúc đó và cả sau này ông không hề thắc mắc về dữ kiện trên, còn về gã nọ thì tự ông ta chắc chắn không tài nào nhớ ra nổi vì gã hoàn toàn chẳng có gì đặc biệt, đáng để chú ý cả nếu như hôm qua ông không tình cờ gặp lại gã ngay tại thành Grasse này, trước xưởng của Maitre Druot và Madame Arnulfi ở Rue de la Louve, khi gã quay vào xưởng thì ông ta nhận thấy gã bị cà nhắc.

Một giờ sau Grenouille bị bắt. Chủ lữ quán ở Napoule và tay giữ chuồng ngựa đang có mặt ở Grasse để nhận diện những kẻ bị tình nghi nhận ngay ra gã là tay thợ thuộc da đã trọ đêm trong quán, chính là gã chứ không ai khác cả, gã hẳn là tên sát nhân đang bị truy bắt.

Người ta lục soát xưởng và căn lều trong vườn ô liu sau tu viện dòng Francisain. Cái áo ngủ bị rọc, áo lót và mái tóc đỏ của Laure Richis nằm trong một góc, chỉ che giấu sơ. Khi đào nền, lần lần tìm thấy quần áo và tóc của hai mươi bốn cô gái kia. Người ta cũng tìm thấy cái túi hành lý bằng len cùng thanh gỗ gõ dùng để nện các nạn nhân. Bằng chứng không chối cãi được. Người ta rung chuông nhà thờ. Viên chánh án cho dán yết thị và rao truyền rằng sau gần một năm truy tìm, tên sát nhân bí ổi đã bị bắt giam.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 48

Thoạt tiên người dân không tin vào bố cáo. Họ cho rằng đó là kẻ để cơ quan công quyền che đậy sự bất lực của mình và trấn an không khí sục sôi nguy hiểm trong dân chúng. Họ còn nhớ rất rõ cái lần bố cáo rằng tên sát nhân đã đi Grenoble rồi. Lần này sự sợ hãi khắc quá sâu trong đầu óc họ.

Hôm sau, những tang vật được trưng bày công khai tại quảng trường trước toà thị chính, thật là rùng rợn khi nhìn thấy hai mươi lăm bộ áo quần với hai mươi lăm mái tóc mọc thành hàng trên cột trước mặt nhà thờ như những bù nhìn đuôi chim, chỉ lúc ấy dư luận dân chúng mới thay đổi.

Từng đoàn hàng trăm người đi ngang cuộc trưng bày khủng khiếp. Thân nhân của những cô gái nhận ra áo quần của họ, khóc chết ngất. Những người khác muốn được nhìn thấy hung thủ, phần do hiếu kỳ, phần để được thuyết phục hoàn toàn. Người ta lớn tiếng đòi thấy gã, cái quảng trường nhỏ đầy ních người náo động đầy đe dọa khiến viên chánh án quyết định cho đem Grenouille từ phòng giam lên một cửa sổ lầu trên của toà thị chính để trình diện gã trước dân chúng.

Khi Grenouille tới sát cửa sổ thì những tiếng la hét im bật. Bỗng dưng hoàn toàn im ắng như vào một buổi trưa hè nóng nực và mọi người ở ngoài đồng hay chui vào một xó mát trong nhà. Không nghe một tiếng bước chân, một tiếng háng giọng, một hơi thở. Đám người trở mắt, há miệng nhìn, mấy phút liền. Không ai có thể ngờ được cái gã nhỏ thó, lom khom, luống cuống nơi cái cửa sổ kia, cái đồ tầm thường kia, cái đồng hèn mọn kia, cái con số không kia lại là hung thủ của hơn hai mươi vụ giết những. Gã chẳng có vẻ gì giống một tên sát nhân cả. Tuy không có ai có thể nói được con quỷ sát nhân lẽ ra phải như thế nào nhưng mọi người đều nhất trí rằng không thể như thế kia! Kẻ giết người không giống như thiên hạ tưởng, do đó lẽ ra ai cũng sẽ nghĩ rằng sự trình diện gã ít có sức thuyết phục, vậy mà, nghịch lý làm sao, nội cái chuyện con người này xuất hiện bằng xương bằng thịt trước cửa sổ và dữ kiện chỉ có gã chứ không còn ai khác được trình diện là kẻ giết người cũng đủ thuyết phục rồi. Họ đều nghĩ không đúng! Nhưng ngay lúc ấy họ biết rằng hẳn phải đúng.

Nói cho đúng thì chỉ sau khi lính gác lôi cái con người nhỏ thó kia khỏi cửa sổ, nghĩa là chỉ sau khi gã không còn đó, không còn trông thấy nữa mà chỉ còn như ký ức trong một tích tắc, hay có thể nói chỉ còn như một khái niệm – cái khái niệm về một tên sát nhân ghê tởm trong đầu óc thiên hạ, chỉ lúc ấy sự sùng sốt mới biến đi, nhường chỗ cho một phản ứng thích đáng: miệng họ ngậm lại, cả nghìn con mắt hồi sinh. Rồi một tiếng kêu đồng loạt, phần nộ đòi báo thù duy nhất vang như sấm “Giao gã ngay!” Họ rục rịch chực xông vào toà thị chính, muốn được tự tay bóp cổ gã, xé xác gã, băm vằm gã. Lính gác phải hết sức mới chặn được cổng, đẩy lui đám đông. Grenouille được đưa ngay xuống phòng giam. Viên chánh án tiến lại cửa sổ, hứa sẽ xử nhanh chóng và nghiêm khắc để làm gương. Nhưng cũng phải mất mấy giờ sau đám đông mới giải tán, mấy ngày sau thành phố mới tạm yên.

Quả nhiên vụ xử Grenouille tiến hành hết sức nhậm lẹ, không những vì tang vật rành rành mà còn vì bị can thú nhận không né tránh tội trạng những vụ giết người quy cho gã trong những lần hỏi cung. Chỉ khi hỏi về lý do thì gã không trả lời được thoả đáng. Gã cứ lập đi lập lại rằng gã cần những cô gái ấy nên phải đập chết họ. Khi hỏi gã cần họ để làm gì và thế nào là cần thì gã im lặng. Cho nên người ta cho tra tấn gã, treo gã ngược đầu luôn mấy tiếng, đổ vào miệng bảy pinte nước, kẹp chân mà chẳng ăn thua gì. Gã như thể vô cảm giác trước những nhục hình, chẳng kêu lấy một tiếng và mỗi khi bị hỏi đều không trả lời gì khác hơn “Tôi cần họ”. Quan toà cho rằng gã bị tâm thần. Họ ngừng tra tấn và quyết định xử cho xong, không thăm vấn nữa.

Điều duy nhất gây nên trì hoãn là sự tranh chấp về mặt pháp lý với biện lý của Draguignan có thẩm quyền cho cả La Napoule và với toà án tối cao vùng Aix, hai nơi này đều muốn giành xử vụ án. Nhưng quan toà thành Grasse đâu có chịu. Chính họ đã bắt hung thủ, đa số vụ án mạng xảy ra trong phạm vi thẩm quyền của họ, nếu giao tên sát nhân cho một toà án khác thì họ sẽ phải chịu hứng con thịnh nộ của dân chúng. Máu của hắn phải chảy ở Grasse này.

Ngày 15 tháng Tư năm 1766 bản án được phán quyết và tuyên đọc cho bị cáo nghe trong phòng giam như sau: “Trong vòng bốn mươi tám tiếng, tay thợ làm nước hoa Jean-Baptiste Grenouille sẽ bị điệu ra quảng trường trước công thành, tại đây bị trói vào một thập tự bằng gỗ, ngựa mặt lên trời, sẽ bị đánh ngay khi còn sống mười hai lần bằng gậy sắt cho nát những khớp xương tay, chân, hông, vai, sau đó phơi trên thập tự cho đến chết”. Viên đao phủ bị nghiêm cấm không được ban ân huệ cuối cùng như bình thường là dùng dây thắt cổ phạm nhân sau khi các xương vừa nói đã bị đánh nát, dù cho gã phải chịu đau khổ nhiều ngày trước khi chết. Xác sẽ đem vùi nơi chôn xác thú vật vào ban đêm và không được ghi dấu.

Grenouille bình thần tiếp nhận bản án. Viên thừa phát lại hỏi gã điều mong muốn cuối cùng, “Không cần gì cả”, Grenouille đáp, gã có đủ những thứ cần thiết rồi.

Một linh mục bước vào phòng giam để cho gã xưng tội nhưng trở ra mười lăm phút uổng công. Kẻ bị kết án ngó ông lom lom, ngó ra không hiểu khi nói đến Chúa, như thể gã mới vừa nghe đến lần đầu, rồi duỗi dài người trên bục, chìm ngay vào giấc ngủ say. Nói nữa cũng vô ích.

Trong hai ngày tiếp đó người ta lũ lượt đến để được thấy thật gần tên sát nhân nổi tiếng. Người gác ngục cho họ ghé mắt qua cái khe trên cửa phòng giam với giá sáu xu một lần nhìn. Một thợ chạm đồng muốn chạm phác chân dung gã phải trả hai quan. Nhưng mà đối tượng làm họ thất vọng. Kẻ tử tù nằm ngủ miết trên bục, chân tay bị xích. Gã quay mặt vào tường, không phản ứng dù gõ cửa hay kêu. Người vào xem bị nghiêm cấm không được vào phòng giam, nên người gác ngục không dám làm cản dù nhiều đề nghị rất hấp dẫn. Người ta sợ rằng gã có thể bị thân nhân của một trong những nạn nhân giết chưa phải lúc. Cũng vì thế mà không được dúi đồ ăn cho gã. Dám có thuốc độc lắm chứ. Suốt thời gian bị giam, Grenouille được cho ăn thức ăn của đám người làm trong toà giám mục,

sau khi viên quản ngục đã ném trước. Tuy nhiên hai ngày gần đây gã không ăn gì cả. Gã chỉ nằm ngủ. Thỉnh thoảng nghe tiếng xích nghiến, khi người gác ngục chạy vội nhìn qua khe thì thấy gã uống một hớp nước từ chai rồi lại ngủ tiếp. Có vẻ như gã chán đời quá rồi, không muốn sống tỉnh táo những giờ cuối cùng nữa.

Trong khi đó quảng trường trước cổng thành được chuẩn bị cho vụ hành quyết. Thợ mộc dựng một giàn hành quyết, vuông vức mỗi chiều ba mét, cao hai mét, có bao lơn và cầu thang vững chắc, người ta chưa từng thấy một giàn hành quyết nào đồ sộ như thế ở Grasse. Rồi khán đài gỗ cho quan khách và một vòng rào cản để giữ đám dân đen ở một khoảng cách nhất định. Cửa sổ các nhà hai bên Porte du Cours và trong trại lính canh đã cho thuê với giá cắt cổ từ lâu. Ngay cả ở cái nhà thương nằm hơi chệch, tay phụ tá viên đao phủ cũng đã thuê lại phòng của bệnh nhân rồi cho những kẻ hiếu kỳ thuê tiếp, kiếm lời không ít. Người bán nước chanh pha sẵn hàng thùng nước cam thảo để dự trữ, người thợ chạm đồng cho in hàng trăm bản phác họa tên sát nhân mà ông ta đã phác trong nhà giam và gấp gáp thêm thắt qua tường tượng. Hàng tá những bán hàng rong đổ vào thành phố, thợ bánh mì nướng bánh lưu niệm.

Mấy năm nay không có phạm nhân nào phải đánh gãy xương nên viên đao phủ Monsieur Papon, cho rèn một cây sắt nặng, vuông vức rồi vác vào lò mổ quật tới tấp trên xác thú vật. Ông chỉ được phép quật đúng mười hai lần vào mười hai khớp xương, phải nát mà không làm hại đến những bộ phận quý báu của cơ thể, chẳng hạn ngực hay đầu, đúng là một phận sự khó khăn, đòi hỏi một sự cực kỳ thông thạo.

Dân chúng chuẩn bị cho sự kiện này chẳng khác đón một ngày hội lớn. Nghi, không làm việc là chuyện đương nhiên rồi. Đàn bà ủi lễ phục cho thẳng thớm, đàn ông rũ áo khoác cho sạch bụi và cho đánh giày óng thật bóng loáng. Ai có chức tước trong quân đội hay cơ quan công quyền, là trưởng phường hội, luật sư, công chứng viên, huynh trưởng giáo đoàn hay là gì quan trọng khác, thì đóng bộ đồng phục hay y phục chính thức với đủ mề đay, băng vải, dây chuyền và mang tóc giả rắc phấn trắng. Những người mộ đạo định sau khi xong xuôi sẽ họp lại cùng rước lễ, những kẻ khản cầu satan định sẽ làm lễ linh đình tạ ơn Ma vương, còn những nhà quý tộc có học thức sẽ đi họp về từ tính tại dinh cơ của các gia đình ở Cabris, Villeneuves và Fontmichels. Trong các nhà bếp, người ta nướng bánh, chiên thịt, lấy rượu vang từ dưới hầm, mua sẵn hoa ở chợ. Trong nhà thờ ban đồng ca đang tập dượt với người đánh đại phong cầm.

Tĩnh mạch phủ lên dinh cơ của ông Richis ở Rue Droite. Ông đã cảm chuẩn bị cho cái Ngày giải thoát – dân chúng gọi cái ngày hành quyết tên sát nhân như thế. Ông kinh tởm tất cả. Sự lo âu bùng lại bất chợt của thiên hạ làm ông gớm ghiếc, sự vui mừng náo nhiệt của họ làm ông kinh tởm. Ngay chính họ, cả lũ, làm ông kinh tởm. Ông không dự buổi trình diện hung thủ và những nạn nhân của gã ở quảng trường trước nhà thờ, không dự phiên tòa, cũng không ở trong cái dòng người hiếu kỳ đáng

ghét lũ lượt trước phòng giam tên tội phạm. Để nhận dạng tóc vào áo quần con gái, ông đã yêu cầu phía toà án đến nhà riêng, ông điềm tĩnh khai ngấn gọn rồi yêu cầu họ để lại những thứ trên để ông lưu niệm và được họ đồng ý. Ông mang vào phòng của Laure, để cái áo ngủ bị rọc và áo lót trên giường, trải búi tóc đỏ trên mặt gối rồi nhìn cả ngày lẫn đêm, không rời khỏi phòng, như thể ông muốn chuộclại qua sự thức canh vô nghĩa này điều sơ suất ở La Napoule đêm hôm đó. Lòng ông chất đầy gớm ghiếc, gớm ghiếc thế giới, gớm ghiếc chính ông đã không thể khóc nổi.

Ông cũng gớm ghiếc cả tên sát nhân. Ông không muốn nhìn gã như người nữa mà chỉ như một nạn nhân bị tàn sát. Ông chỉ muốn nhìn gã ở buổi hành quyết, khi gã đã nằm trên thập tự giá và mười hai lần gậy sắt giáng nát xương gã, lúc ấy ông mới muốn nhìn thấy gã, nhìn thật gần, ông đã cho giữ chỗ ở một hàng đầu. Rồi sau khi dân chúng đã giải tán sau vài ba giờ, lúc ấy ông muốn bước xuống chỗ gã trên giàn hành quyết đẫm máu, ngồi xuống cạnh gã, thức canh suốt đêm, suốt ngày nếu cần thiết, ông sẽ nhìn vào mắt kẻ đã giết con gái ông, nhò vào mắt gã tất cả sự kinh tởm chất chứa trong người ông, hất hết sự gớm ghiếc như a xít nóng bỏng vào gã trong cơn quần quại hấp hối, cho đến khi con vật này chết một cách khốn khổ...

Rồi sau đó? Sau đó ông sẽ làm gì? Ông không biết. Có thể lại sống bình thường, có thể tục huyền, có thể sinh một đứa con trai, có thể không làm gì cả, có thể chết. Ông thấy sao cũng được. Suy nghĩ về câu hỏi này theo ông cũng vô nghĩa như suy nghĩ ông sẽ làm gì sau khi chết, chẳng làm gì, tất nhiên rồi. Chẳng làm gì cả, đây là cái mà ông có thể biết lúc này.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 49

Cuộc hành quyết được ấn định vào lúc năm giờ chiều. Những người hiếu kỳ đầu tiên đã tới ngay từ sáng để giữ chỗ. Họ mang theo ghế ngồi và ghế kê chân, nệm con, đồ ăn, rượu vang, và lũ con cái. Gần trưa dân quê từ mọi hướng nườm nượp kéo đến thì quảng trường đầy nghẹt, những kẻ đến sau phải tìm chỗ ở những thửa vườn và ruộng bậc thang thoải thoải phía bên kia và trên đường đi Grenoble. Hàng quán bán rất chạy, người ta ăn uống, ồn ào và náo nhiệt như ở hội chợ. Chẳng mấy chốc đã tới chục nghìn người, đông hơn cả hội chọn nữ hoàng hoa nhài, hơn cả đám rước lớn nhất, chưa từng thấy ở Grasse. Họ đứng tận trên sườn núi cheo leo. Họ bám trên cây, ngồi chồm hồm trên tường và nóc nhà, mười, mười hai người chen chúc nhau ở khung cửa sổ. Chỉ ở giữa quảng trường

chừa một khoảng trống cho khán đài và giàn hành quyết được chắn bởi những rào cản, như thể cái tảng bột được hình thành bởi đám người bị khoét mắt chỗ đó vậy, còn giàn hành quyết bỗng dưng trông nhỏ xíu giống như đồ chơi hay như sân khấu dùng cho múa rối. Một lối đi từ pháp trường qua Porte du Cours tới tận Rue Droite cũng được chừa ra.

Ba giờ hơn, Monsieur Papon và người phụ tá xuất hiện. Tiếng vỗ tay ồ lên. Họ khiêng cái thập tự giá đóng bằng gỗ xà nhà lên giàn hành quyết, đặt trên bốn cái giá gỗ vững chắc để có được độ cao thích hợp lúc ra tay. Rồi một tay thợ mộc đóng đinh cho thật chắc. Mỗi một động tác của viên phụ tá đao phủ và người thợ mộc đều được vỗ tay tán thưởng. Đến khi Papon cầm gậy sắt lại gần, đi quanh giá gỗ, đo từng bước, đánh dứ phía này rồi phía nọ thì tiếng reo hò vang dậy.

Bốn giờ thì khán đài đông dần. Những ông nhà giàu đầy cung cách với gia nhân, những mệnh phụ xinh đẹp mang mũ rộng vành và áo quần óng ánh, nghĩa là có rất nhiều người quý phái để mà ngưỡng mộ. Tất cả giới quý tộc thành phố và vùng quê đều có mặt. Quý ông trong hội đồng thành phố đi thành đoàn, dẫn đầu bởi hai ngài tổng lý. Ông Richis mặc tang phục đen, mũ đen, tất đen. Theo sau Hội đồng là các viên chức toà án do ngài chánh án dẫn đầu. Sau cùng là đức giám mục được khiêng bằng kiệu mặc áo choàng tím rực rỡ, đội mũ màu xanh lá cây. Ai còn đội mũ thì lúc này ngã mũ chào. Không khí trở nên trang nghiêm.

Rồi gần mười phút liền chẳng có gì nhúc nhích. Quý ông quý bà đã yên vị, dân chúng cũng ngồi yên, không ai ăn uống nữa, mọi người chờ. Papon và tay phụ tá đứng như bị đóng đinh trên giàn hành quyết. Mặt trời to vàng lơ lửng trên ngọn núi Esterel. Một làn gió ấm từ vùng lòng chảo Grasse mang đến mùi thơm hoa cam. Trời rất nóng và im ắng lạ thường.

Rồi khi người ta ngỡ rằng sự căng thẳng không thể kéo dài thêm được nữa vì sẽ nổ bùng ngàn tiếng la ó, náo động hay điên loạn hoặc những hiện tượng gì khác của một đám đông thì trong im ắng có tiếng ngựa phi và tiếng bánh xe kéo kẹt.

Một xe hai ngựa bít bùng đổ từ Rue Droite xuống, đó là xe của viên thiếu úy cảnh sát. Nó băng qua công thành và lúc này mọi người đều thấy nó trong cái lối đi hẹp dẫn ra pháp trường. Viên thiếu úy cảnh sát đòi phải làm như thế vì nếu không ông ta không tin rằng có thể bảo đảm an toàn cho phạm nhân. Tất nhiên hoàn toàn không bình thường tí nào. Nhà tù chỉ cách pháp trường không đầy năm phút và khi kẻ bị kết án vì lý do nào đó không đi bộ nổi một đoạn đường ngắn này thì cho lên xe hờ mui, lừa kéo cũng được. Nhưng người ta chưa từng thấy một kẻ được chở đi hành quyết trong xe hờ mui, có xà ích, có người hầu mặc chế phục và có hộ vệ cưỡi ngựa theo hai bên như thế này bao giờ. Tuy vậy không thấy đám đông xôn xao hay bực bội, mà ngược lại. Người ta hài lòng thấy có gì mới lạ, họ cho rằng dùng xe ngựa chở tù là một sáng kiến hay, giống như người ta vẫn thích thú khi được xem một vở kịch tuy đã biết rồi nhưng trình diễn bằng cách mới lạ, bất ngờ. Nhiều người còn cho rằng sự xuất hiện như thế là đúng tâm vóc. Một tội phạm ghê tởm lạ thường nhường ấy xứng đáng

được đối xử ngoại lệ. Người ta không thể nào lôi gã trong xiềng xích tới pháp trường để gia hình như với một tên cướp đường tầm thường được. Thế thì chẳng còn gì là giật gân nữa cả. Đưa gã từ nệm xe đến thập tự giá, thế mới là sự tàn bạo đầy sáng tạo không gì bằng.

Chiếc xe ngựa dừng lại giữa giàn hành quyết và khán đài. Bọn gia nhân nhảy xuống, mở cửa xe, hạ bục đỡ chân xuống. Viên thiếu úy cảnh sát bước xuống trước, rồi đến một viên sĩ quan thuộc đội canh gác, Grenouille xuống sau chót. Gã khoác áo xanh da trời, sơ mi trắng, tất lụa trắng và giày đen có khoá. Gã không bị trói. Không ai giữ tay gã cả. Gã bước xuống xe như một người hoàn toàn tự do. Rồi một phép lạ xảy ra. Hay một cái gì giống như phép lạ vì không thể nào hiểu được, chưa từng thấy, không thể tin nổi khiến sau đó mọi nhân chứng sẽ đều gọi đó là phép lạ nếu như họ còn có dịp nhắc đến điều này. Nhưng dịp này không bao giờ đến bởi vì sau đó hết thấy bọn họ đều mắc cở vì đã có mặt.

Chỉ tại vì cả chục nghìn người trên quảng trường và trên những triền núi chung quanh bỗng chốc chan chứa niềm tin không lay chuyển rằng cái người nhỏ thó trong áo khoác xanh mới vừa từ xe ngựa bước xuống kia không thể nào là kẻ sát nhân được. Không phải họ hoài nghi rằng ở gã có chỗ nào trá ngụy! Đúng kia vẫn là con người mà họ đã thấy ở cửa sổ toà thị chính, trên quảng trường nhà thờ mấy ngày trước, và nếu gã lọt vào tay họ thì họ sẽ nhai sống vì điên tiết rồi. Vẫn người đó đã bị kết án đúng luật hai ngày trước do những chứng cứ quá hiển nhiên và do tự thú nhận. Vẫn những đó mà một phút trước đây họ còn nôn nóng chờ tay đao phủ gia hình. Đúng là gã, không còn nghi ngờ gì nữa.

Ấy thế mà không phải gã, không thể là gã, gã không thể nào là tên sát nhân được. Cái người đàn ông đứng trên quảng trường kia là hiện thân của sự vô tội. Giây phút này ai cũng biết thế cả, từ đức giám mục đến gã bán nước chanh, từ bà hầu tước cho chí chị thợ giặt, từ ngài chánh án đến thằng nhóc cầu bơ cầu bắt.

Cả Papon cũng biết thế. Và hai bàn tay cầm gậy sắt run rẩy. Hai cánh tay mạnh mẽ bỗng yếu xiu, đầu gối nhũn ra, sợ hãi như một đứa trẻ con. Chắc là ông ta không nhắc nổi cây gậy rồi, chẳng đời nào ông ta đủ sức nhắc gậy đánh cái con người vô tội nhỏ thó này. Ôi, ông ta sợ cái giây phút người ta dẫn gã lên giàn, ông – Papon dũng mãnh vĩ đại – run như cây sậy, yếu đến nỗi phải chống cả cây gậy giết người để khỏi quy xuống!

Chục nghìn đàn ông, đàn bà, trẻ con, người già tụ tập ở đó cũng đều thế cả, họ nhũn người như một cô bé không cưỡng nổi vẻ quyền rũ của người tình. Lòng họ dạt dào mến thương, triu mến, mê đắm rò dại như trẻ nít. Lạy Chúa, họ yêu cả tên sát nhân nhỏ thó ấy nữa cơ, đúng như thế, mà họ không thể, không muốn cưỡng lại. Cũng như người ta không thể cưỡng được khóc, cưỡng được những dòng lệ bị nén từ lâu, nay trào lên từ đáy lòng, làm tan rã một cách kỳ diệu mọi sự dồn nén, hóa lỏng và tràn ngập tất cả. Trong lòng, linh hồn và trí tuệ của họ tan biến hết, họ chỉ còn là chất lỏng, một chất

lòng không hình thể, và không cảm thấy gì khác hơn là trái tim, họ bình bông trong đó như một khối vật vờ, rồi từng người một đặt trái tim ấy vào bàn tay của người đàn ông nhỏ thó khoác áo màu xanh, vô điều kiện: họ yêu gã rồi.

Grenouille đã đứng luôn mấy phút ở cửa xe ngựa, không nhúc nhích. Tên gia nhân cạnh gã quỳ gối, cúi người xuống mãi cho đến khi hoàn toàn phủ phục như ở các nước phương Đông người ta vẫn làm thế trước vua hay trước Allah. Vậy mà hắn vẫn còn run rẩy, lắc lư, muốn cúi người xuống nữa, nằm dài trên đất, chui sâu xuống đất. Gã muốn chui mãi đến tận đầu kia của trái đất để tỏ sự khúm núm Viên thiếu úy cảnh sát và viên sĩ quan đội gác là những kẻ dửng dưng, có phận sự điều tội nhân lên giàn hành quyết giao cho viên đao phủ mà không thể làm nổi một hành động ă ý nào. Họ khóc lóc, ngả mũ rồi lại đội mũ, quăng xuống đất, túm lấy nhau, rồi bỏ nhau ra, khoa tay múa chân như rô dại, bàn tay vận vẹo, co quắp người, mặt nhăn nhó như bị động kinh.

Những bậc danh giá ngồi phía xa cũng để lộ sự xúc động không kín đáo gì hơn. Mỗi người đắm mình theo sự giục giã của trái tim. Có những mệnh phụ nắm chặt tay trong lòng, thở dài vì khoái cảm, những bà khác ngất đi lúc nào chẳng biết vì khao khát chàng trai họ thấy tuần tú kia. Có những ông cứ không ngớt đứng lên rồi lại ngồi xuống, thở như bò rống, tay nắm chặt đuôi kiếm như muốn rút ra, rồi mới rút ra lại tra vào liền khiến kiếm cứ rung lách cách trong bao, những vị khác cầm nín, ngược mắt nhìn trời, hai bàn tay cứng đờ vì cầu nguyện, còn Đức Ông giám mục như thể bị nôn nao, chúi người ra phía trước, trán va phải đầu gối, cái mũ xanh lá cây to bằng bàn tay rơi ra khỏi đầu, lăn lông lốc, nhưng ngài đâu có nôn nao, lần đầu tiên trong đời ngài được đắm mình trong sự say mê đạo giáo vì một phép lạ xảy ra trước mắt mọi người: chính Đức Chúa Trời đã ngăn chặn bàn tay của viên đao phủ kia khi Người tiết lộ cho hắn biết cái kẻ bị coi là giết người trước bàn dân thiên hạ kia là một thiên thần. Ôi một sự kiện như thế vẫn xảy ra trong thế kỷ thứ 18 này. Người thật vĩ đại biết bao! Còn cái kẻ đã tuyên cáo rút phép thông công mà chẳng hề tin, chỉ cốt để trấn an dân chúng, kẻ ấy mới hèn hạ làm sao! Ôi kiêu ngạo! Ôi thiếu lòng tin! Để rồi giờ đây Người làm phép lạ! Ôi quả là ân sủng khi thân làm giám mục mà được Người trừng trị bẽ bàng mà tuyệt diệu, nhục nhã mà ngọt ngào như thế.

Trong khi đó đám dân chúng đang sau rào chắn càng buông thả trắng trợn hơn nữa theo cái tình cảm mê say kỳ quái do sự xuất hiện của Grenouille gây ra. Ai mới thoát nhìn gã đều cảm thấy tội nghiệp và xúc động thì giờ đây không che giấu sự thèm muốn, ai mới đầu thán phục và thèm muốn thì giờ đây trở nên ngây ngất. Mọi người đều cho rằng cái gã đàn ông trong cái áo khoác xanh kia là kẻ đẹp đẽ nhất, quyến rũ nhất, hoàn toàn nhất mà người ta có thể hình dung được: gã như thể là hiện thân của Chúa Cứu Thế đối với các nữ tu sĩ, là Chúa tể rực rỡ của Bóng tối đối với các đồ đệ satan, là Đấng Tối Cao đối với những bậc trí giả, là Hoàng tử trong chuyện thần thoại đối với những cô gái, là cái hình ảnh lý tưởng của chính họ đối với đám đàn ông. Ai nấy đều thấy gã như biết được và nắm

được chỗ nhậy cảm nhất của mình, gã điếm trúng cái trung tâm tình dục của họ. như thể gã có cả vạn bàn tay vô hình đặt lên bộ phận “quý” của vạn người quanh gã, ve vuốt nó đúng cái cách mà mỗi người, dù đàn ông hay đàn bà, thèm khát nhất trong sự tưởng tượng bí mật của mình.

Hậu quả là cuộc hành quyết dành cho tên tội phạm ghê tởm nhất thời bấy giờ biến thành cơn cuồng lạc lớn nhất mà thế giới từng được chứng kiến từ thế kỷ thứ hai trước Công nguyên đến nay. Đúng là địa ngục.

Grenouille đứng đó, cười. Hay đúng hơn, những người nhìn gã thấy có vẻ gã đang có một nụ cười vô tội nhất, đáng yêu nhất, duyên dáng nhất đồng thời quyến rũ nhất thế gian. Nhưng thật ra đó không phải là nụ cười mà là một cái nhếch mép ngạo báng đáng ghét trên môi gã, phản ánh sự toàn thắng và tất cả sự khinh miệt của gã. Gã, Jean-Baptiste Grenouille, sinh ra không có mùi ở một nơi hôi hám nhất thế gian, giữa rác rưởi, phân súc vật và những thứ thối rữa, lớn lên không tình thương, sống thiếu hơi ấm của một tâm hồn người, chỉ dựa vào sức mạnh của phản kháng và kinh tởm, nhỏ con, gù, cà nhắc, xấu xí, bị xa lánh, một tên khả ố cả trong lẫn ngoài, gã đã đạt được chuyện làm cho cả thế gian yêu thích mình. Sao lại chỉ là thích? Phải là Yêu! Kính! Sùng bái! Gã đã hoàn thành một kỳ công chẳng khác thần Prometheus [1]. Nhờ khéo léo không cùng, gã đã bèn gan lấy được những tia lửa thần vẫn được để dãi đặt vào nôi mọi người nhưng riêng nôi gã lại không. Hơn nữa chứ. Vì đúng ra gã đã tự làm bật ra những tia lửa kia trong chính người của gã. Gã còn vĩ đại hơn cả Prometheus nữa. Gã đã tạo được một tinh hoa rạng rỡ và có tác dụng hơn mọi người trước gã. Và gã chẳng phải hàm ơn ai khác, cha không, mẹ cũng không, lại càng không một vị Chúa nhân đức nào, ngoài chính gã ra. Quả thật gã chính là chúa của gã, một vị chúa tuyệt diệu hơn vị chúa hôi mùi trầm hương trong nhà thờ nọ. Một giám mục bằng xương bằng thịt quỳ trước gã, khóc thút thít vì sung sướng. Những người giàu có, những kẻ quyền uy, những ngài và những mệnh phụ kênh kiệu chết lịm trong sự khâm phục, trong khi dân chúng khắp chung quanh, trong đó có cha, mẹ, anh chị em những nạn nhân của gã, nhân danh gã mừng cuộc cuồng lạc để vinh danh gã. Một cái vẫy tay của gã sẽ làm mọi người chối bỏ Chúa của họ, và tôn sùng gã, Grenouille Vĩ Đại.

Đúng, gã là Grenouille Vĩ Đại! Bây giờ thì thật rành rành. Năm xưa gã vĩ đại như thế nào trong cái giấc mơ gã tự yêu mình thì bây giờ cũng thế, nhưng mà trong thực tế. Gã đang sống những giây phút vinh quang nhất trong đời. Nhưng sự vinh quang lại làm gã kinh khủng.

Gã kinh khủng vì gã không thường thức được nó lấy một giây. Trong lúc gã bước từ xe xuống cái quảng trường chói nắng, phủ trên người lớp nước hoa mà gã đã thèm khát cả đời và phải mất hai năm làm việc ròng rã mới có được, cái nước hoa làm cho người ta yêu thích... trong cái lúc gã nhìn và ngửi thấy cái nước hoa ấy toả nhanh như gió, chế ngự mọi người quanh gã, không cưỡng lại được, thì cũng chính lúc ấy tất cả sự kinh tởm con người lại cuộn lên trong gã, làm ô uế mọi vinh quang khiến gã chẳng những không thấy gì vui mà cũng chẳng mấy may toại ý. Trong cái khoảnh khắc của

sự thành công thì nỗi khát khao được con người yêu thích trở nên không thể chịu đựng nổi vì gã không yêu họ, gã ghét họ. Gã chợt hiểu rằng gã không bao giờ tìm thấy thỏa mãn trong tình yêu, mà chỉ có thể trong thù ghét, ghét người và bị người ghét.

Nhưng sự thù ghét gã dành cho con người không được con người đáp lại. Lúc này gã càng ghét họ thì họ lại càng tôn sùng gã bởi vì họ không cảm nhận được gì từ gã ngoài cái tinh hoa vay mượn, cái mặt nạ mùi của gã, cái nước hoa ăn cướp của gã. Mà cái nước hoa tuyệt diệu này đáng hâm mộ thật. Gã chỉ muốn tiêu diệt cái bọn người ngu xuẩn, hôi hám, trở thành đám ô này ra khỏi mặt đất, y như trước kia đã tiêu diệt những mùi lạ ở cái vương quốc trong tâm hồn u tối của gã. Gã mong họ nhận ra rằng gã ghét họ biết mấy, bởi vì đó là cái tình cảm thật duy nhất của gã, để họ ghét gã và cũng muốn tiêu diệt gã như đã định lúc đầu. Gã muốn được bộc lộ một lần trong đời. Gã muốn được một lần bộc lộ cõi lòng như mọi người khác, họ bộc lộ tình yêu và sự tôn kính ngu xuẩn còn gã bộc lộ sự thù ghét. Một lần, chỉ một lần duy nhất thôi, gã muốn rằng sự hiện hữu thật sự của gã được ghi nhận sự thù ghét, cái tình cảm thật duy nhất của gã, được đáp lại.

Nhưng chẳng được gì. Không thể được gì. Hôm nay lại càng không. Vì gã đã nguy trang dưới lớp nước hoa tuyệt diệu nhất thế gian. Dưới nó gã không có bộ mặt nào cả ngoài sự không mùi hoàn toàn. Gã cảm thấy nôn nao vì chợt thấy sương mù bốc lên trở lại.

Giống như thời kỳ còn ở hang, khi ngủ trong trái tim của sự tưởng tượng, sương mù bỗng bốc lên trong giấc mơ, cái sương mù khủng khiếp của chính mùi gã mà gã không thể ngửi ra vì chính gã không có mùi. Như thời ấy, gã kinh hoàng tột cùng, tin rằng sẽ chết ngộp. Nhưng giờ đây là sự thật trần trụi, không chỉ là mơ, là ngủ như xưa. Và gã cũng không một thân một mình như thời ở hang mà đứng trên quảng trường, trước mặt cả vạn người. Cũng khác xưa, ở đây không một tiếng kêu nào giúp được gã choàng tỉnh, giải thoát gã, không một sự trốn chạy nào giúp được gã trở về với cái thế giới bao dung, ấm áp, tốt đẹp. Bởi vì chính nơi đây, ngay lúc này là thế giới, và chính nơi đây, ngay lúc này, giấc mơ của gã thành sự thật. Chính gã đã muốn như thế.

Làn sương mù khủng khiếp, ngọt ngào tiếp tục bốc lên từ cái đầm lầy của tâm hồn gã, trong khi đám dân quanh gã rên rỉ, co quắp vì khoái lạc của cuộc truy hoan. Một người đàn ông chạy gấp tới gã. Ông ta nhảy vọt lên từ hàng đầu của khán đài danh dự, đột ngột đến nỗi rơi cả cái mũ đen đang đội, phóng qua chỗ hành hình, áo choàng đen phấp phới trông như một con quạ hay thiên thần báo oán. Đó là Richis.

Ông sẽ giết ta thôi, Grenouille thầm nghĩ. Ông là người duy nhất không để bị lừa bởi cái mặt nạ của ta. Ông không thể nào để bị lừa được. Mùi thơm của con gái ông bám chặt vào ta, rõ ràng lật tẩy ta chẳng khác gì máu. Nhất định ông nhận ra và sẽ giết ta. Nhất định thế.

Rồi gã dang tay ra để đón thiên thần đang lao tới. Gã đã tin rằng cảm thấy dao găm hay kiếm thọc vào ngực, nhói lên tuyệt vời, xuyên thủng lớp áo giáp của mùi thơm và làn sương mù ngọt ngào, đầm

vào giữa trái tim lạnh lẽo của gã. Có thể chứ, rồi tim gã cũng đã có được cái gì khác chứ không phải chỉ có chính gã mà thôi! Gã thấy như sắp được giải thoát.

Nhưng bỗng dung Richis ngã đầu vào ngực gã, không không phải là một thiên thần báo oán mà là một ông Richis quá đỗi xúc động, nức nở đến tội nghiệp, ôm chầm lấy gã, bầu hết sức chặt như thể không tìm ra chỗ bám nào khác giữa trùng dương của hạnh phúc tốt cùng. Không có cú đâm giải thoát, không có cú thọc vào tim, không có được lấy một lời nguyên rủa hay chỉ một tiếng gào oán ghét. Thay vào đó ông Richis áp má dẫm lệ vào má gã, đôi môi run rẩy thút thít với gã “Tha lỗi cho ta, con trai của ta, con yêu quý, tha lỗi cho ta!”.

Thế là mắt gã hoa lên, trời đất tối sầm lại. Sương mù bị giam hãm đọng lại thành chất lỏng, réo âm âm như sữa nấu sôi sủi bọt. Nó tràn đầy người gã, căng lên với một sức ép không thể nào chịu nổi vào vách chắn bên trong người gã mà không thoát ra được. Gã muốn chạy trốn, chạy trốn, nhưng chạy đi đâu được hở trời... Gã muốn được rách toác ra, vỡ tan ra để khỏi bị chêt ngộp. Rồi gã ngục xuồng, bất tỉnh.

Chú thích:.

[1] Thần thoại Hy Lạp: vì yêu thương loài người, Prometheus lấy cắp lửa đem cho, trái lệnh của thần Chúa tể Zeus, nên bị Zeus trừng phạt xích vào núi đá, ngày ngày bị chim ưng ría gan. Sau được thần Hercules giải thoát.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Chương 50

Khi hồi tỉnh lại thì gã thấy mình đang nằm trên giường của Laure Richis. Những kỷ vật về cô gái, áo quần, tóc, đã được dọn đi. Trên cái bàn đêm leo lét một ngọn nến. Qua cửa sổ khép hờ gã nghe vọng từ xa lại tiếng reo hò của cả thành phố đang ăn mừng. Antoine Richis ngồi trên chiếc đầu kê gần giường để trông chừng gã. Ông đặt bàn tay Grenouille trong lòng bàn tay mình, ve vuốt.

Trước khi mở mắt ra, Grenouille còn muốn kiểm nghiệm bầu không gian bao quanh mình đã. Trong nội tâm của gã thì lặng như tờ. Không có gì sôi sục và dồn ép nữa. Bóng đêm lạnh lẽo cố hữu lại chế ngự tâm hồn gã, cái bóng đêm rất cần thiết để ý thức của gã trở nên giá lạnh và trong suốt, hoàn toàn

tập trung vào thế giới bên ngoài: chính ở đó gã ngủ thấy nước hoa của mình giờ đã có gì biến đổi. Những mùi đậm nhất giờ có phôi phai bớt đi nên hơi hương của Laure lại tung những tia sáng lấp lánh trong màn đêm. Gã thấy yên tâm. Gã biết không có ai uy hiếp được mình trong vòng mấy tiếng đồng hồ nữa và mở mắt ra.

Ánh mắt của Richis dừng lại trên người gã. Trong đấy là tâm lòng nhân hậu không bờ bến, sự triu mến, nỗi xúc cảm, sự thâm trầm ngu xuẩn, rỗng tuếch của một người tha thiết yêu thương.

Ông cười, siết chặt bàn tay của Grenouille hơn rồi nói “Mọi chuyện sẽ ổn cả thôi. Công tố viên đã huỷ bản án của con rồi. Mọi nhân chứng đều đã rút lại lời khai. Con được tự do. Con có thể làm những gì mà con muốn. Nhưng ta muốn con ở lại với ta. Ta đã mất đứa con gái nên muốn có được con làm con trai. Con giống con gái ta, con cũng đẹp như nó: tóc đen, miệng con, bàn tay con... Ta nắm bàn tay con suốt này giờ, thấy giống như bàn tay nó vậy. Và khi ta nhìn vào mắt con, như thể con gái ta đã nhìn thấy ta vậy. Con là anh nó và ta muốn con là con trai của ta, niềm tin, niềm tự hào và là người thừa kế của ta. Cha mẹ con còn sống cả chứ?”

Grenouille lắc đầu và Richis đỏ bừng mặt vì sung sướng “Con bằng lòng làm con trai của ta nhé?”

Ông lấp bắp, nhồm dầy, ngồi ghé xuống cạnh giường, siết nốt bàn tay kia của Grenouille “Nhé? Nhé? Con nhận ta làm cha nhé? Đừng nói gì cả. Đừng nói. Con còn quá yếu. Đừng nói. Gật đầu là đủ rồi”.

Grenouille gật đầu. Hạnh phúc làm mồ hôi vã ra từ mọi lỗ chân lông trên làn da đỏ ửng của Richis, ông cúi xuống hôn lên trên môi gã.

“Ngủ đi con yêu quý của ta,” ông vừa nói vừa đứng lên “Ta sẽ canh giấc cho đến khi con ngủ”. Sau khi đã yên lặng nhìn ngắm gã một lúc lâu trong niềm vui rạng rỡ, ông nói tiếp “Con đã làm cho ta vô cùng sung sướng”.

Grenouille khẽ nhếch mép như đã nhìn thấy người ta cười. Rồi gã nhắm mắt lại. Gã đợi một lúc mới để cho hơi thở đều và sâu như ở những người ngủ thật. Gã cảm thấy ánh mắt thương yêu của Richis trên khuôn mặt gã. Có lần gã cảm thấy Richis lại cúi xuống, định hôn nhưng lại thôi vì sợ làm gã thức giấc. Rồi Richis thối tất nển đoạn nhón gót đi ra khỏi phòng.

Grenouille vẫn nằm cho đến khi không còn nghe tiếng động trong nhà và ngoài phố. Khi gã đứng dậy thì trời đã tờ mờ sáng. Gã mặc quần áo, nhẹ nhàng chuồn ra ngoài hành lang, rón rén xuống cầu thang, đi ngang qua phòng khách, ra ngoài hàng hiên.

Vào những ngày đẹp trời từ đây người ta có thể nhìn qua tường thành, qua cả lòng chảo vùng Grasse tới tận biển. Lúc này một màn sương mù, một làn hơi thì đúng hơn, đang phủ lên đồng ruộng, và mùi thơm của cỏ của kim tước chi, của hoa hồng thoảng lại từ phía đó như được gột rửa, tinh khiết, mộc mạc, làm cho nhẹ nhõm. Grenouille băng ngang vườn, vượt qua tường.

Tới quảng trường, gã còn phải đột phá hơi người một lần nữa trước khi ra được tới vùng quê thênh

thang. Cả sườn đồi lẫn quảng trường chẳng khác nào một doanh trại tiêu điều Hàng nghìn thân thể say mềm nằm ngổn ngang, kiệt sức sau cái đêm ăn mừng trác táng. Đây đó khói vẫn còn cuộn lên từ những đồng lửa họ đã dùng để nướng thịt, ngồi nhậu và nhảy múa chung quanh. Đó đây vẫn còn tiếng ngọng lịu và tiếng cười khùng khục lẫn trong nghìn tiếng ngáy. Hẳn là vẫn còn có người thức và uống cho đến khi mẩu ý thức cuối cùng biến khỏi óc. Nhưng không ai nhìn thấy Grenouille cả khi gã thận trọng nhưng nhanh nhẹn bước qua những thân thể nằm rải rác như thể đi trên đám lầy. Ai có thấy gã cũng không thể nhận ra được nữa. Gã đã mất sạch mùi rồi. Phép lạ đã chấm dứt.

Đến cuối quảng trường gã không theo đường rẽ đi Grenoble hay Cabris mà băng qua đồng ruộng đi về phía tây, không ngoái nhìn lại một lần cuối. Khi mặt trời đã lên cao, to tròn, vàng ửng và nóng gắt, thì gã đã biến mất từ lâu rồi.

Người dân thành Grasse thức giấc với một dư vị ghê gớm. Ngay những người không hề nhậu nhẹt cũng thấy đầu nặng như chì, bao tử nôn nao, lòng dạ xốn xang. Trên quảng trường, ngay giữa ban ngày ban mặt, những nông dân trung hậu đi tìm kiếm áo quần họ đã quăng đi trong cuộc cuồng lạc quá trớn, những phụ nữ đoan trang tìm kiếm chồng con, những người quen biết nhau, những hàng xóm, những vợ chồng, chột đời diện nhau cực kỳ lúng túng bởi sự loã lồ trước mắt mọi người.

Đối với nhiều người thì sự kiện này ghê sợ quá, hoàn toàn không giải thích nổi, không phù hợp với những quan niệm đạo đức đích thực của họ nên họ vội xoá khỏi trí nhớ ngay lúc sự kiện diễn ra, xoá bỏ thật sự, nên hậu quả là về sau họ không thể nhớ gì về nó cả. Những người khác, không làm chủ được giác quan của mình một cách thần diệu như thế, nên tìm cách không nhìn, không nghe, không nghĩ, nhưng thật không dễ vì sự nhục nhã quá rõ ràng và liên quan đến quá nhiều người. Tới gần trưa thì quảng trường vắng hoe.

Người dân thành phố ở lì trong nhà và chỉ ra đường lúc giấc chiều, nếu phải mua sắm những thứ thật cần thiết. Có gặp nhau cũng chỉ chào sơ, có trò chuyện cũng chỉ vô thưởng vô phạt. Không một lời về sự kiện hôm qua và tối vừa rồi. Hôm qua họ mặc sức phóng túng bao nhiêu thì bây giờ họ cảm thấy xấu hổ bấy nhiêu. Ai cũng thế vì ai cũng có lỗi. Chưa bao giờ người dân thành Grasse sống hoà hợp như bây giờ. Như thể họ sống trong bông gòn vậy.

Tất nhiên vì chức trách của mình, một số người phải đụng chạm trực tiếp hơn với chuyện vừa xảy ra. Tính liên tục của đời sống công cộng cũng như tính bất khả vi phạm luật pháp và trật tự đòi hỏi phải nhanh chóng có ngay biện pháp. Hội đồng thành phố họp ngay lúc xế trưa. Các vị uỷ viên, trong đó có ngài đệ nhị tổng lý, lặng lẽ ôm nhau, chẳng khác chi thông qua cử chỉ này nhất trí đặt lại nền móng cho cơ quan của họ. Rồi họ nhất trí quyết nghị cho gỡ bỏ ngay “khán đài và giàn hành quyết ra khỏi quảng trường và lập lại tình trạng ngăn nắp trên những cánh đồng bị xéo nát chung quanh” mà không hề đả động gì đến những cuộc đã xảy ra, ngay cả cái tên Grenouille. Một trăm sáu mươi livre được chấp thuận cho những việc vừa nói.

Toà án cũng họp cùng lúc trong toà thị chính. Không thảo luận gì hết, công tố viện đồng ý coi “vụ G” như đã kết thúc, khóa hồ sơ, lưu trữ không danh mục và mở một vụ án mới mà bị cáo là kẻ đến nay hãy còn vô danh, đã giết 25 cô gái trong vùng Grasse. Viên thiếu úy được lệnh tiến hành tức khắc cuộc điều tra.

Ngày ngày hôm sau đã bắt được kẻ sát nhân. Căn cứ vào những khía cạnh tình nghi rõ rệt người ta bắt giữ Dominique Druot, Maitre Parfumeur ở Rue de la Louve, bởi vì dấu sao người ta quả đã tìm thấy trong lều của gã áo quần và tóc của các nạn nhân. Các quan toà không bị lừa dù thoát tiên hẳn chối. Sau mười bốn giờ tra khảo, gã thú nhận tất cả và còn xin được hành hình càng sớm càng tốt, lời thỉnh cầu của gã được đáp ứng ngay ngày hôm sau. Người ta treo cổ gã ngay lúc trời tờ mờ sáng, không rền rang, không giàn hành quyết và khán đài, chỉ có tay đao phủ, một vài vị trong công tố viện, một bác sĩ và một linh mục. Sau khi đã chết, xác được xét nghiệm ghi vào biên bản rồi đem chôn ngay. Vụ án như thế là kết thúc.

Dù sao thành phố này đã quên rồi, quên sạch, khiến khách qua đường có dịp đến đây những ngày sau, ngẫu nhiên muốn hỏi về kẻ đã giết thanh nữ nổi tiếng vùng Grasse, không tìm ra được một người biết điều gì để cung cấp tin cho họ. Chỉ có mấy người điên trong nhà thương, bị bệnh tâm thần ai cũng biết, còn làm nhảm chút gì về một buổi ăn mừng lớn ở Place du Cours, và vì thế mà họ phải nhường phòng.

Rồi cuộc sống nhanh chóng bình thường hoàn toàn trở lại. Người ta làm việc cần mẫn, ngủ ngon, lo việc kinh doanh và cư xử đàng hoàng. Nước vẫn trào lên như thурở nào từ biết bao nguồn và giếng, làm các ngõ hẻm ngập bùn. Thành phố, vẫn tồi tàn và kiêu hãnh, tiếp tục chênh vênh dọc những sườn núi trên cái lòng chảo màu mỡ. Trời đã ấm rồi. Sắp tháng năm. Sắp đến mùa hái hoa hồng.

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Phần 4 - Chương 51

Grenouille chỉ đi khi đêm xuống. Giống như bắt đầu chuyến đi, gã tránh các thành phố, đường xá, ngủ khi ngày vừa bắt đầu, thức dậy khi chiều tối và tiếp tục đi. Trên đường đi tìm thấy gì gã ăn nấy, cỏ, nấm, hoa, chim chóc chết, giun đất. Gã đi xuyên qua vùng Provence, vượt sông Rhône từ phía Nam Orange bằng một cái thuyền lầy cạp, theo dòng Ardèche đi sâu vào vùng núi Cévennes, rồi ngược dòng Allier về hướng Bắc.

Gã đến gần ngọn Plomb du Cantal ở vùng Auvergne. Nó nằm bên phía tây, khổng lồ, xám bạc dưới ánh trăng, gã ngửi làn gió lạnh đến từ hướng núi. Nhưng gã không có nhu cầu phải đến đó. Gã không khao khát cuộc sống trong hang nữa. Gã đã có kinh nghiệm rồi và thấy sống không được. Kinh nghiệm sống với con người cũng thế thôi. Ở đâu cũng ngộp thở cả. Gã không còn thiết sống nữa. Gã muốn về Paris và chết ở đó. Gã muốn như thế.

Thỉnh thoảng gã lại cho tay vào túi, nắm cái lọ con bằng thủy tinh đựng nước hoa của gã. Cái lọ gần như còn đầy ắp. Cho cái lần ra mắt ở Grasse, gã dùng có mỗi một giọt. Chờ còn lại này đủ cho cả thế giới say mê. Ở Paris, nếu muốn, gã có thể làm cho hàng trăm, chứ không phải hàng chục nghìn người tung hô, hay thả bộ đến Versailles để cho nhà vua hôn chân gã, hay viết một lá thư tắm nước hoa gửi cho Giáo hoàng, cho biết gã là Đấng Cứu thế mới, hay tự làm lễ xức dầu thánh trong Notre Dame để trở thành Hoàng đế Tối cao trước mặt các quốc vương và hoàng đế, thậm chí thành Chúa trên trần thế, nếu Chúa tự xức dầu...

Gã có thể làm tất cả những điều này nếu gã muốn. Gã có đủ quyền lực mà. Gã nắm nó trong tay. Quyền lực này mạnh hơn cả quyền lực của tiền tài, của khủng bố hay của sự chết, đó là cái quyền lực vô địch tác động lên tình yêu của con người. Chỉ có một thứ mà quyền lực này không làm được: nó không thể làm cho gã tự nghĩ ra mình. Thế thì dù cho gã có xuất hiện như là Chúa trước toàn thế giới, mà gã lại không thể tự nghĩ ra gã và vì thế chẳng ma nào biết được gã là ai thì gã cóc cần Chúa, cóc cần thế giới, cóc cần ngay cả gã, cóc cần cái nước hoa của gã nữa.

Bàn tay nắm lọ nước hoa rthom ắt nhẹ và khi đưa lên mũi hít như thể đánh hơi gã thấy buồn, quên không đi tiếp mà dừng lại ngửi. Không ai biết cái nước hoa này thật sự tốt thế nào, gã thầm nghĩ. Không ai biết nó được chế công phu đến mức nào. người ta chỉ bị tác dụng của nó chế ngự, đứng vậy, nhưng không biết nổi rằng đó là nước hoa để tác động vào họ làm cho họ mê đắm. Kẻ duy nhất từng được biết về đẹp thật sự của nó là ta, bởi vì chính ta đã tạo ra nó. Đồng thời ta cũng là kẻ duy nhất không bị nó làm cho mê đắm. Duy nhất với ta nó vô nghĩa hoàn toàn.

Một lần khác, khi đã tới Bourgogne, gã nghĩ thầm: khi ta đứng ở bờ tường dưới vườn một chút, và hương thơm của cô bé tóc đỏ đang đùa chơi ở trong ấy bay đến với ta... hay đúng hơn chỉ là sự hứa hẹn của mùi thơm thôi, vì lúc ấy cô đâu đã có cái mùi thơm sau này... có thể cái mà ta đã cảm thấy ngày ấy tương tự với những gì đám đông trên quảng trường cảm thấy khi mùi thơm của ta tràn ngập họ chẳng? Nhưng rồi gã gạt ngay cái ý nghĩ ấy: không, khác chứ. Bởi vì ta biết ta chỉ thèm muốn cái mùi thơm chứ không phải cô bé. Lũ người kia lại tin rằng họ thèm muốn ta, họ thật sự thèm muốn gì thì đó vẫn là điều bí ẩn đối với họ.

Rồi gã không suy nghĩ nữa vì suy nghĩ không phải là sở trường của gã, và lại gã đã tới Orléans.

Từ Sully gã vượt sông Loire. Một ngày sau, mùi của Paris đã ở ngay trước mũi. Sáu giờ sáng ngày 25 tháng Sáu năm 1767 gã bước vào thành phố qua ngã Rue Saint-Jacques.

Hôm đó trời nóng, nóng nhất từ đầu năm đến nay. Hàng nghìn thứ mùi và uế khí như rịn ra từ hàng nghìn cái nhọt đầy mũ vỡ toác. Không một chút gió. Còn lâu mới trưa mà rau củ trên các quầy trong chợ đã héo rũ ra cả. Thịt cá ôi với ươn hết. Không khí ô nhiễm ú trong các ngõ hẻm. Ngay cả dòng sông cũng như ngừng chảy, đứng ì ra đó, hôi rình. Giống y như cái ngày Grenouille sinh ra.

Gã đi qua Pont Neuf sang bờ bên phải rồi tiếp đến khu Les Halles tới Cimentiere des Innocents. Gã ngồi xuống dưới mái vòm của khu nhà để hài cốt dọc theo Rue aux Fers. Trước mắt gã là khu nghĩa địa bị đào bới trông như một bãi chiến trường bị dội bom, bị cắt ngang dọc bởi những nắm mồ, ngổn ngang những sọ và xương, không một ngọn cây, một bụi cỏ, không có đến một cọng cỏ, đây chỉ là nơi để vùi xác người.

Không một dấu hiệu của người sống. Mùi xác chết nặng nề đến nỗi phu đào huyệt phải bỏ đi. Họ chỉ trở lại sau khi mặt trời lặn, đào bới dưới ánh đuốc cho đến mãi tận khuya huyệt mới cho những người chết hôm sau.

Chỉ sau nửa đêm, khi những phu đào huyệt đã đi khỏi, nơi này mới lại sinh động với đủ loại cặn bã xã hội: ăn cắp, giết người, dân đâm chém, đĩ điếm, đào ngũ, thanh thiếu niên liều mạng. Một đồng lửa nhỏ được nhóm lên để nấu nước và để bớt mùi hôi.

Khi Grenouille tiến ra từ mái vòm, xen vào giữa bọn người thì thoát tiên họ cũng chẳng hay biết gì. Gã lại gần ngọn lửa mà không bị cản trở chẳng khác nào gã là một người trong bọn họ vậy. Sự kiện này càng khiến họ nghĩ rằng gã phải là hồn ma hay thiên thần hoặc một thứ siêu tự nhiên nào đấy, như chứng tỏ sau này. Bởi vì bình thường họ hết sức nhậy khi có người lạ lại gần.

Người đàn ông nhỏ thó trong áo khoác xanh thình lình đứng đó, như từ dưới đất chui lên, mở cái lọ con gã cầm ở tay. Bọn họ nhớ lại điều này trước nhất: gã đứng đó, mở nút một lọ con. Đoạn gã không ngừng vẩy cái chất trong lọ lên người để rồi bỗng dung được phủ bởi một sắc đẹp giống như một ngọn lửa rực sáng.

Thoạt tiên họ lùi lại kính cẩn và sững sốt. Nhưng họ đã cảm thấy ngay lúc đó rằng họ lùi thật ra chỉ để lấy đà phóng tới và sự kính cẩn biến thành thèm khát, nỗi sững sốt biến thành hâm mộ. Họ cảm thấy bị cái con người như thể thiên thần kia cuốn hút. Từ gã phát ra một cơn lốc mãnh liệt, một cơn nước ào ạt khiến không cai có thể cưỡng lại nổi, hướng chỉ có ai muốn cưỡng lại đâu, bởi cơn nước ấy đè bẹp mọi ý chí của họ, cuốn họ theo: lại với gã.

Họ đứng quanh gã thành một vòng tròn với chừng hai ba chục người và khép lại gần. Chỉ một lát sau vòng tròn quá hẹp, không đủ chỗ cho tất cả: họ chen lấn, xô đẩy, ai cũng muốn được gần trung tâm nhất.

Bỗng dung hết cả ngại ngùng và cũng hết còn vòng tròn. Họ đâm bỏ vào thiên thần, đè lên gã, vật gã xuống. Ai cũng muốn sờ được vào gã, có được một chút gì của gã, một cái lông cánh, một cái cánh, một tia lửa của gã, cái ngọn lửa tuyệt vời này. Họ giật phăng quần áo của gã, tóc, da gã, vật lông gã,

bập rãng và móng vuốt vào da thịt gã, cắn xé gã như một bầy linh cẩu.

Nhưng cơ thể con người dai lắm, đầu dễ xé ngay được, ngay đến ngựa cũng phải khó nhọc mới phanh được thân người. Thế là ánh dao găm loé lên, đâm xuống, rạch ra, rồi đến rìu với dao đồ tể chém xả xuống các khớp xương, chặt xương vỡ răng rắc. Chỉ một loáng là thiên thần đã thành ba mươi mảnh, mỗi con thú trong bầy chộp vội một miếng, thềm thường rút ra một chỗ, nhai ngấu nghiến đầy khoái lạc. Nửa tiếng sau Jean- Baptiste Grenouille biến khỏi mặt đất, không còn lại gì, dù chỉ là một mảnh nhỏ.

Sau khi ăn xong bữa, lũ ăn thịt người tụ lại bên đống lửa, không ai nói một lời. Họ hơi lúng túng, không dám nhìn nhau. Mỗi kẻ trong bọn họ, dù nam hay nữ, đều đã từng một lần giết người hay phạm một tội ác đê tiện. Nhưng mà ăn thịt người? Một sự khủng khiếp đến như thế thì không đời nào có đủ can đảm, họ thậm nghĩ. Họ ngạc nhiên sao họ lại có thể ăn dễ dàng như vậy và cho dù bản khoán, họ không cảm thấy lương tâm cắn rứt tí nào. Ngược lại! Tuy bao tử có hơi anh ách nhưng lòng họ láng láng. Trong cái tâm hồn u ám của họ chợt lao xao một niềm hoan hỉ. Rồi gương mặt của họ hơi bừng sáng vì hạnh phúc như gương mặt thiếu nữ. Có thể vì thế mà họ ngượng ngùng, không dám ngược mặt lên, nhìn vào mắt nhau.

Rồi khi họ dám nhìn nhau, mới đầu còn lén lút sau chẳng e dè gì nữa, thì họ không nhịn được cười. Họ vô cùng tự hào. Lần đầu tiên họ đã hành động vì tình yêu.

HẾT

Patrick Süskind

Mùi Hương

Dịch giả: Lê Chu Cầu

Giới thiệu tác giả



Patrick Süskind sinh ngày 26 tháng 3 năm 1949 ở Ambach "Bavière" gần Munich

Ông đã từng học ở Munich (Đức) và Aix en Provence (Pháp) , ngành về văn chương và lịch sử thời Trung cổ và thời cận đại, ngoài ra ông còn tập sự và viết truyện phim cho đài vô tuyến truyền hình.

Le Parfum " Das Farfum " là cuốn tiểu thuyết đầu tay của ông được xuất bản năm 1984 đã đưa tên tuổi ông nổi khắp Âu Châu.

Ông chuyên về phim , kịch hay làm đạo diễn cho những nghệ sĩ.

Nổi tiếng nhất là vở kịch " La Contrebasse " đã trình diễn tại Munich lần đầu tiên năm 1981, và được quảng cáo và nổi tiếng năm 1984.

Vỡ kịch này đã được trình diễn nhiều lần được sản xuất ở Đức, và được trình diễn tại Paris với nghệ sĩ Jacques Villeter trong một vai của những vỡ kịch của ông.

Le Fafum " Das Farfum "là một cuốn tiểu thuyết đầu tiên của ông, được xuất bản năm 1985 dưới cái tựa " Das Farfum " *Die Geschichte eines Mörders* , được dịch ra tiếng Pháp bởi dịch giả F.B. Lortholary en 1986 sau đó được sửa lại bởi Fayard và sau đó được dựng lên thành phim với tựa bằng tiếng Pháp năm 2006 *La parfum, histoire d un meutrier*.

(*Mùi hương*)

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Đánh máy: Tumbleweed

Nguồn: Nhà xuất bản lao độngTrung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây

Tumbleweed

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 3 tháng 1 năm 2007